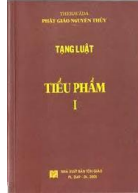


# *Tạng Luật Vinaya Pitaka Tiểu Phẩm Cullavagga*



*Tỳ kheo Indachanda  
Nguyệt Thiên dịch*

*----oOo----*

*Nguồn*

*<http://thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 27-08-2009*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

## Mục Lục

### PHẦN GIỚI THIỆU

#### TẬP MỘT

#### I. CHƯƠNG HÀNH SỰ (KAMMAKKHANDHAKAM)

01. HÀNH SỰ KHIỂN TRÁCH (TAJJANĪYAKAMMAṀ)

02. HÀNH SỰ CHỈ DẠY (NIYASSAKAMMAṀ)

03. HÀNH SỰ XUA ĐUỐI (PABBĀJANĪYAKAMMAṀ)

04. HÀNH SỰ HÒA GIẢI (PAṬISĀRANĪYAKAMMAṀ)

05. HÀNH SỰ ÁN TREO TRONG VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI (ĀPATTIYĀ ADASSANE UKKHEPANĪYAKAMMAṀ)

06. HÀNH SỰ ÁN TREO TRONG VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LỖI (ĀPATTIYĀ APPAṬIKAMME UKKHEPANĪYAKAMMAṀ)

07. HÀNH SỰ ÁN TREO TRONG VIỆC KHÔNG TỪ BỎ TÀ KIẾN ÁC (PĀPIKĀYA DIṬṬHIYĀ APPAṬINISSAGGE UKKHEPANĪYAKAMMAṀ)

#### II. CHƯƠNG PARIVĀSA (PARIVĀSIKAKKHANDHAKAM)

01. PHẬN SỰ CỦA VỊ  
HÀNH *PARIVĀSA* (*PARIVĀSIKAVATTAM*):
02. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG (THỰC HÀNH) TRỞ LẠI  
TỪ ĐẦU (*MŪLĀYA PAṬIKASSANĀRAHAVATTAM*)
03. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG  
HÀNH *MĀNATTA* (*MĀNATTĀRAHAVATTAM*):
04. PHẬN SỰ CỦA VỊ THỰC  
HÀNH *MĀNATTA* (*MĀNATTACĀRIKAVATTAM*)
05. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI  
TỘI (*ABBHĀNĀRAHAVATTAM*)

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI (*SAMUCCAYAKKHANDHAKAM*)

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI (tt)(*SAMUCCAYAKKHANDHAKAM*)

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP (*SAMATHAKKHANDHAKAM*)

01. HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN (*SAMMUKHĀVINAYO*):
02. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG SỰ GHI NHỚ (*SATIVINAYO*)
03. HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUÔNG  
(*AMŪLHAVINAYO*)
04. VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHẬN  
(*PAṬIÑÑĀTAKARAṆAM*)
05. THUẬN THEO SỐ ĐỒNG (*YEBHUYYSIKĀ*)
07. CÁCH DÙNG CỎ CHE LẤP (*TIṆAVATTHĀRAKAM*)
08. SỰ TRANH TỤNG
09. CHỈ ĐỊNH CÁCH DÀN XẾP MỘT SỰ TRANH TỤNG

TẬP HAI

V. CHƯƠNG CÁC TIÊU SỰ  
(*KHUDDAKAVATTHUKKHANDHAKAM*)

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA (*SENĀSANAKKHANDHAKAM*)

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG  
(*SAṄGHABHEDAKKHANDHAKAM*)

VIII. CHƯƠNG PHẬN SỰ (*VATTAKKHANDHAKAM*)

01. PHẬN SỰ CỦA TỶ KHUÛ VÃNG LAI (*ĀGANTUKA*)
02. PHẬN SỰ CỦA TỶ KHUÛ THƯỜNG TRÚ (*ĀVĀSIKA*)
03. PHẬN SỰ CỦA VỊ XUẤT HÀNH (*GAMIKA*)
04. PHẬN SỰ TÙY HỖ
05. PHẬN SỰ Ở CHỖ THỌ THỰC
06. PHẬN SỰ CỦA VỊ ĐI KHẮT THỰC
07. PHẬN SỰ CỦA VỊ NGỰ Ở RỪNG
08. PHẬN SỰ Ở NƠI CƯ NGỰ
09. PHẬN SỰ Ở NHÀ TẮM
10. PHẬN SỰ Ở NHÀ VỆ SINH

- 12. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ (SADDHIVIHĀRIKA)
- 13. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI THẦY DẠY HỌC
- 14. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI HỌC TRÒ (ANTEVĀSIKA)
- IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PĀTIMOKKHA
- XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ  
(SATTASATIKAKKHANDHAKAṀ)

---o0o---

## PHẦN GIỚI THIỆU

Cullavagga (Tiểu Phẩm) là phần thứ nhì của bộ Khandhaka (Hợp Phần) thuộc Vinayapitaka (Tạng Luật). Cũng tương tự như Mahāvagga (Đại Phẩm), Cullavagga (Tiểu Phẩm) gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương, cụ thể gồm có 12 chương:

1. Chương đầu là chương Hành Sự đề cập đến bảy loại hành sự nhằm mục đích nhắc nhở và cảnh tỉnh vị tỳ khuru có những hành vi không đúng với Pháp không đúng với Luật hầu tạo điều kiện cho vị ấy có cơ hội phục thiện và sửa đổi. Bảy hành sự ấy là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và 3 loại hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không từ bỏ tà kiến ác.
2. Chương 2 giảng giải về cách thức phục hồi cho vị tỳ khuru phạm tội saṅghādisesa (tăng tàng) từ lúc khởi đầu cho đến khi kết thúc trải qua các giai đoạn parivāsa, mānatta, mūlāya paṭikassanaṃ nếu vi phạm lại tội ấy hoặc tội tương tự trong thời gian thực thi hành phạt, và cuối cùng là phần giải tội abbhāna để phục hồi phẩm vị trước đây cho vị tỳ khuru phạm tội.
3. Chương 3 giảng giải về các trường hợp đặc biệt của vị tỳ khuru trong khi đang thực thi các hành phạt để thoát khỏi tội saṅghādisesa lại tiếp tục vi phạm tội ấy nữa hoặc các tội tương tự cùng nhóm.
4. Chương 4 giảng giải về bảy cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không diện cường, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp đối với bốn loại tranh tụng là sự tranh tụng là liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

5. Chương 5 là chương các Tiểu Sự đề cập đến nhiều vấn đề có liên quan đến sự sinh hoạt hàng ngày của vị tỳ khuru về nhiều khía cạnh khác nhau như cách phục sức, thuyết Pháp, các vật dụng, v.v...

6. Chương 6 là chương Sàng Tọa thuật lại việc dâng cúng 60 trú xá đầu tiên của một nhà đại phú ở thành Rājagaha cho đến sự cúng dường một tu viện hoàn chỉnh của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) và các vấn đề liên quan như việc xây dựng, cách thức sử dụng, và các sự phân công trong việc quản lý tu viện.

7. Chương thứ 7 là chương Chia Rẽ Hội Chúng bắt đầu với câu chuyện dài giới thiệu sự sinh hoạt trong một gia đình tiêu biểu của dòng họ Sākya (Thích Ca) tiếp đến sự xuất gia của sáu thanh niên thuộc dòng họ này trong đó có Devadatta về sau là người khởi xướng và tiên hành việc chia rẽ hội chúng. Chương này được kết thúc với những câu hỏi của trưởng lão Upāli để xác định những điểm khác biệt giữa sự bất đồng trong hội chúng là việc thường xảy ra trong tập thể và sự chia rẽ hội chúng là việc có tính chất nghiêm trọng. Nghiệp quả xấu dành cho kẻ chia rẽ hội chúng và phước báu của vị làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ cũng được đề cập đến ở chương này.

8. Chương thứ 8 giảng giải về 14 phận sự trong đời sống xuất gia. Cuộc sống của vị tỳ khuru được mô tả đầy đủ trong chương này bắt đầu với phận sự của vị tỳ khuru vắng lai, thường trú, hoặc chuẩn bị ra đi, luôn cả phận sự của vị tỳ khuru đối với chỗ trú ngụ ở trong rừng hoặc ở trong tu viện. Các phận sự thường nhật như đi khất thực, phận sự ở nhà ăn, tùy hỷ phước báu của thí chủ, việc sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh đều được mô tả chi tiết. Ngoài ra còn quy định các phận sự tương tác giữa thầy tế độ và thầy dạy học đối với các đệ tử hoặc học trò có liên hệ nữa. Cuộc sống chung có được tốt đẹp hay không chính là do sự nhận thức và thực hành các phận sự này của hàng xuất gia điển hình là các vị tỳ khuru.

9. Chương thứ 9 là chương Đình Chỉ Giới Bồn Pātimokkha, trình bày nguyên do việc đức Thế Tôn đã thuyết giảng về tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả để so sánh với tính chất đặc biệt của Pháp và Luật mà Ngài đã tuyên thuyết, đồng thời có liên quan đến việc giao phó trách nhiệm đọc tụng giới bồn Pātimokkha cho các tỳ khuru kể từ thời điểm ấy trở đi. Phương thức đình chỉ giới bồn Pātimokkha nhằm để bảo vệ sự trong sạch của hội chúng bằng cách loại ra những tỳ khuru phạm tội nhưng vẫn che giấu hoặc tỏ ra không hay biết. Đặc biệt chương này còn đề cập đến nhiều chi tiết

tế nhị trong việc khiển trách tội của vị tỳ khuru nguyên cáo và thái độ thích hợp của vị tỳ khuru bị cáo hầu giữ được hòa khí của hai bên.

10. Chương thứ 10 đề cập việc xuất gia của tỳ khuru ni với đầy đủ chi tiết bắt đầu với việc cầu xin xuất gia của bà Mahāpajāpati Gotamī sau đó đã được tu lên bậc trên do sự chấp thuận tám Trọng Pháp, kể đến là năm trăm công nương dòng Sākya được xuất gia với hội chúng tỳ khuru, tiếp nữa là tiến trình tu lên bậc trên với cả hai hội chúng: với hội chúng tỳ khuru ni trước rồi với hội chúng tỳ khuru sau. Trong trường hợp đặc biệt, hành sự tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khuru có thể được tiến hành với sự hiện diện của vị tỳ khuru ni là người đại diện. Ngoài ra, một số vấn đề nảy sinh có tính cách cá biệt của phái nữ cũng được kết tập ở chương này. Nghiên cứu kỹ lưỡng về chương này có thể nắm được nét chung về sự sinh hoạt của tỳ khuru ni vào thời bấy giờ.

11. Chương thứ 11 nói về cuộc kết tập Tam Tạng lần thứ nhất ở Ấn Độ. Ngoài những sử liệu liên quan đến công việc kết tập lời dạy của đức Phật gồm có phần duyên khởi, việc chuẩn bị và tiến hành, chương này còn đề cập đến lời tuyên bố của đại đức Purāṇa về việc vị ấy chỉ ghi nhận những lời dạy do chính bản thân đã được nghe trực tiếp từ kim khẩu của đức Thế Tôn, về việc các vị trưởng lão quyết định không thêm vào và không bỏ bớt bất cứ điều học nào, sự tuân thủ của đại đức Ānanda đối với các bậc trưởng lão, và cách thức áp dụng hình phạt Brahma (Phạm đàn).

12. Chương thứ 12 nói về lần kết tập Tam Tạng lần thứ nhì ở Ấn Độ với phần duyên khởi ở Vesālī vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật Vô Dư Niết Bàn. Các chi tiết về tiến trình vận động của cả hai phe trong cuộc tranh tụng này giúp cho độc giả biết được vài nét khái quát trong đời sống sinh hoạt tinh thần vào thời bấy giờ. Đây là sự kiện chia phe nhóm thứ hai sau lần ở Kosambī được ghi chép lại, tiếc rằng sử liệu này dừng ở thời điểm kết thúc của lần kết tập này mà không tiết lộ thêm chi tiết nào về sự phân chia tông phái về sau này.

\*

Chúng tôi khởi đầu việc nghiên cứu phần Pāli văn của Tam Tạng với tập Cullavagga (Tiểu Phẩm) do nhu cầu tìm tòi tư liệu dẫn chứng về sự hình thành tu viện thời đức Phật. Chúng tôi chợt nảy ra ý kiến ghi lại bằng tiếng Việt ngữ hầu giúp cho độc giả người Việt có cơ hội biết thêm về những lời dạy cao quý của đức Phật trong những trang sách còn được khép lại. Việc

này đã đem lại cho chúng tôi niềm hoan hỷ khi nghĩ rằng việc học tập của bản thân có thể đem lại phần nào lợi ích cho người khác. Phần lời Việt được hoàn tất trong thời gian khoảng gần hai tháng. Thời gian đó quá ngắn đối với số lượng công việc quá lớn lao trong lúc vừa phải đọc sách tham khảo, tra cứu từ điển, và thực hiện việc ghi lại bằng máy vi tính. Lời văn tiếng Việt được chúng tôi sử dụng rất gần với cấu trúc của câu văn Pāli nhằm làm nổi bật cấu trúc văn phạm của loại ngôn ngữ này theo phong cách cổ điển đã được đa số các nhà học giả phương Tây áp dụng. Điều này sẽ thuận tiện cho việc hiệu đính về sau và có thể hữu ích cho các độc giả đang nghiên cứu lời dạy của Đức Phật dựa vào văn bản gốc.

Do những vấn đề đã trình bày ở trên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Tuy đã nỗ lực kiểm tra lại nhiều lần nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, xin quý độc giả đánh dấu cho những điểm cần sửa chữa và tùy duyên chuyển đến chúng tôi qua địa chỉ email: [dinda@u.washington.edu](mailto:dinda@u.washington.edu) để chúng tôi dễ dàng trong việc hiệu đính hầu đem lại lợi ích thiết thực chung cho tất cả. Xin thành tâm cảm tạ.

Bản dịch của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pāli La tinh từ Compact Disk BUDSIR IV của trường đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ số đánh dấu ở đầu mỗi vấn đề; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vị tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo.

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng Toạ Tiến Sĩ Bửu Chánh về CD Tam Tạng BUDSIR IV, Ven. Bodhinando (Canada), Đại Đức Hộ Phạm, Đại Đức Giác Hạnh, và Đại Đức Tâm An về CD Tam Tạng Chat<sup>o</sup>t<sup>o</sup>ha Saṅgāyana và các bản dịch Anh ngữ cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này.

Công đức này xin dâng đến Hòa Thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật Pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh Pháp.

Colombo, ngày 15 tháng 09 năm 2003

Bhikkhu Indacanda  
(Trương đình Dũng)

(Hiệu đính lần thứ nhất hoàn tất ngày 30/07/2004)

---o0o---

## **TẬP MỘT**

**Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!**

### ***I. CHƯƠNG HÀNH SỰ (KAMMAKKHANDHAKAM)***

#### **01. HÀNH SỰ KHIỂN TRÁCH (TAJJANĪYAKAMMAM)**

[1] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti (Xá Vệ), Jetavana (Kỳ Viên, tu viện của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Chính vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka<sup>1</sup>, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy:

- Nay các đại đức, các ngài đừng để vị ấy đánh bại. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà.

Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa.

Các tỳ khưu ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: “*Này các đại đức, các ngài đừng để vị ấy*

*đánh bại. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà;*" chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[2] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: "*Này các đại đức, các ngài đừng để vị ấy đánh bại. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà;*" chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm. Nay các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy bản thân vốn là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: "*Này các đại đức, các ngài đừng để vị ấy đánh bại. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà;*" chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự



không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

[3] Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka bằng nhiều phương thức. Ngài đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự thân thiện, sự không gom góp, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ khưu rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Và nay các tỳ khưu, nên thực thi như vậy: Trước hết, các tỳ khưu Paṇḍuka và Lohitaka cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị ấy đánh bại. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà;’ chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị ấy đánh bại. Các ngài*

*hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà;’ chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Hội chúng thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị ấy đánh bại. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà;’ chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Hội chúng thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị ấy đánh bại. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà;’ chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Hội chúng thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[4] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi thiếu sự hiện diện<sup>2</sup>, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận (appaṭiññāya kaṭaṃ). Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[5] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được<sup>3</sup>, được thực thi với tội đã được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[6] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[7] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[8] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[9] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba

điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[10] Nay các tỳ khưu, hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[11] Nay các tỳ khưu, hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[12] Nay các tỳ khưu, hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[13] Nay các tỳ khưu, hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[14] Nay các tỳ khưu, hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[15] Nay các tỳ khưu, hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba

điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự không đúng Pháp.**

[16] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (paṭiññāya katam). Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[17] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[18] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[19] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[20] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[21] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[22] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[23] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[24] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[25] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[26] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[27] Nay các tỳ khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp.**

[28] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[29] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy<sup>4</sup>. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[30] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai đức Pháp, vị chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[31] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); hạng năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ khưu này.

[32] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc

tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ khuru này.

[33] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai đức Pháp, hạng chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ khuru này.

### **Dứt sáu trường hợp nếu muốn.**

[34] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực thi hành sự khiển trách nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha* (Bố Tát), không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā* (Tự Tứ), không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khuru với các tỳ khuru.

### **Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự khiển trách.**

[35] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Khi được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, các Vị ấy làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khuru và nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự khiển trách chúng tôi làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ chúng tôi nên thực hành như thế nào?

Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, như vậy hội chúng hãy thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka.

[36] Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho



phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện này.

[37] Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện này.

[38] Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện: Vị đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru trong sạch, vị sai bảo, cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở (vị tỳ khuru trong sạch), vị cấu kết các tỳ khuru với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện này.

### **Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.**

[39] Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện này.

[40] Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện này.

[41] Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha*, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru trong sạch, vị không sai bảo, không cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quở trách, không nhắc nhở (vị tỳ khuru trong sạch), vị không cấu kết các tỳ khuru với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện này.

## **Dứt mười tám trường hợp nên thu hồi.**

[42] Và này các tỳ khưu, nên thu hồi như vậy: Này các tỳ khưu, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, chúng tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ chúng tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.”*

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(như trên)... Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự*

*khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự khiển trách đối với các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

**Dứt hành sự khiển trách là phần thứ nhất.**

---o0o---

## **02. HÀNH SỰ CHỈ DẠY (NIYASSAKAMMAṀ)**

[43] Vào lúc bấy giờ, đại đức Seyyasaka là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội), là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia; hơn nữa, các tỳ khưu bị mệt mỗi khi cho hành phạt *parivāsa*<sup>5</sup>, cho trở lại (hành phạt) từ đầu, cho hành phạt *mānatta*<sup>6</sup>, rồi cho giải tội nữa<sup>7</sup>. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Seyyasaka là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội), là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia lại khiến các tỳ khưu bị mệt mỗi khi cho hành phạt *parivāsa*, cho trở lại (hành phạt) từ đầu, cho hành phạt *mānatta*, rồi cho giải tội nữa?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[44] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói tỳ khưu Seyyasaka là kẻ ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội), là kẻ năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia khiến các tỳ khưu bị mệt mỗi khi cho hành phạt *parivāsa*, cho trở lại (hành phạt) từ đầu, cho hành phạt *mānatta*, rồi cho giải tội nữa, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép,

không nên làm. Nay các tỳ khưu, vì sao kẻ rò đại ấy là kẻ ngu si, khờ khạo, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội), là kẻ năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia lại khiến các tỳ khưu bị mệt mỗi khi cho hành phạt *parivāsa*, cho trở lại (hành phạt) từ đầu, cho hành phạt *mānatta*, rồi cho giải tội nữa? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khưu Seyyasaka rằng: “*Người cần phải thực hành sự nương nhờ.*” Và nay các tỳ khưu, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ khưu Seyyasaka cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội), là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia khiến các tỳ khưu bị mệt mỗi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, cho trở lại (hành phạt) từ đầu, cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khưu Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải thực hành sự nương nhờ.’ Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội), là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia khiến các tỳ khưu bị mệt mỗi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, cho trở lại (hành phạt) từ đầu, cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa. Hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khưu Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải thực hành sự nương nhờ.’ Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự chỉ dạy đối với đại đức Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải thực hành sự nương nhờ’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(như trên)... xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia khiến các tỳ khưu bị mệt mỏi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, cho trở lại (hành phạt) từ đầu, cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa. Hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khưu Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải thực hành sự nương nhờ.’ Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự chỉ dạy đối với đại đức Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải thực hành sự nương nhờ’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự chỉ dạy đối với đại đức Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải thực hành sự nương nhờ’ đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[45] Đây các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận. Đây các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[46] Đây các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được sám hối. Đây các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[47] Đây các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Đây các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[48] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[49] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[50] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[51] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[52] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[53] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[54] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[55] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[56] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự không đúng Pháp.**

[57] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[58] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[59] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[60] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[61] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[62] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[63] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[64] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[65] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.



[66] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[67] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[68] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp.**

[69] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[70] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sái quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[71] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai đức Pháp, là vị chê bai đức Tăng. Nay các tỳ

khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khuru hội đủ ba đặc tính này.

[72] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); hạng năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru này.

[73] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru này.

[74] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai đức Pháp, hạng chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru này.

### **Dứt sáu trường hợp nếu muốn.**

[75] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực thi hành sự chỉ dạy nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khuru với các tỳ khuru.

### **Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự chỉ dạy.**

[76] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khưu Seyyasaka rằng: “*Người cần phải thực hành sự nương nhờ.*” Khi được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, vị ấy trong khi thân cận, trong khi quan hệ, trong khi gần gũi bạn tốt, trong khi nhờ họ đọc tụng, trong khi đặt câu hỏi, đã trở thành vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ các đầu đề, là vị có trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khưu và nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tôi làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khưu Seyyasaka.

[77] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, giảng dạy tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[78] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[79] Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị sai bảo, cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.**

[80] Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện này.

[81] Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện này.

[82] Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha*, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru trong sạch, vị không sai bảo, không cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quở trách, không nhắc nhở (vị tỳ khuru trong sạch), vị không cấu kết các tỳ khuru với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện này.

### **Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.**

[83] Và nay các tỳ khuru, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Seyyasaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy.”*

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

**Dứt hành sự chỉ dạy là phần thứ nhì.**

---o0o---

### **03. HÀNH SỰ XUA ĐUÔI (PABBĀJANĪYAKAMMAḤ)**

[84] Vào lúc bảy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka<sup>8</sup> thường trú tại vùng Kiṭāgiri là những tỳ khuru tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thăm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng

hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đổ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "*Này cô em, hãy nhảy ở đây này,*" họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách.

[85] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khưu nọ đã trải qua mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvattthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kīṭāgiri. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khưu ấy đã mặc y, cầm y bát, và đi vào vùng Kīṭāgiri để khát thực. Vị ấy có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngấm, khi cử động co duỗi. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đã nói như vầy:

- Người này là ai mà trông giống như kẻ ngu trong nhóm người ngu, giống như kẻ khờ trong nhóm người khờ, giống như kẻ ngớ ngẩn trong nhóm người ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bố thí đồ

ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đến thăm viếng, không có hờn hĩnh, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu chuyện; chính vì thế, đồ ăn khát thực nên được cúng dường đến các ngài.

Có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đang đi khát thực ở vùng Kīṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vị tỳ khưu ấy, sau khi đến đã đánh lễ vị tỳ khưu ấy và nói điều này:

- Thưa ngài, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?
- Này đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được.
- Thưa ngài, xin thỉnh. Chúng ta sẽ đi về nhà.

Rồi nam cư sĩ ấy đã dẫn vị tỳ khưu ấy về nhà, dâng thức ăn, và nói điều này:

- Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?
- Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn.
- Thưa ngài, như thế thì xin ngài đề đầu đánh lễ ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vậy: *“Bạch ngài, sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những tỳ khưu tội, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo*

dây chuyền, xúc nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: ‘Này cô em, hãy nhảy ở đây này,’ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch ngài, những người trước đây ngưỡng mộ, có niềm tin, bây giờ không còn ngưỡng mộ, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ khưu tốt ra đi, còn các tỳ khưu tồi cư ngụ. Bạch ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỳ khưu đến vùng Kiṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kiṭāgiri có thể tồn tại.”

- Này đạo hữu, được rồi.

Vị tỳ khưu ấy sau khi lắng nghe nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvatti. Tuần tự, vị ấy đã đến thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

[86] Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các tỳ khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này:

- Này tỳ khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Người đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này tỳ khưu, người từ đâu đến vậy?

- Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch ngài, con đi đường xa không mệt lắm. Bạch ngài, con đây đã trải qua



mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kiṭāgiri. Bạch ngài, khi ấy vào buổi sáng con đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kiṭāgiri để khát thực. Bạch ngài, có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy con đang đi khát thực ở vùng Kiṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần con, sau khi đến đã đành lễ con và nói điều này: *“Thưa ngài, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?”* *“Này đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được.”* *“Thưa ngài, xin thỉnh. Chúng ta sẽ đi về nhà.”* Bạch ngài, sau đó nam cư sĩ ấy đã dẫn con về nhà, dâng thức ăn, rồi đã nói điều này: *“Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?”* *“Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn.”* *“Thưa ngài, như thế thì xin ngài đề đầu đành lễ ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vậy: ‘Bạch ngài, sự sinh sống ở vùng Kiṭāgiri đã bị hủy hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kiṭāgiri là những tỳ khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ... (như trên)... Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch ngài, những người trước đây ngưỡng mộ, có niềm tin, bây giờ không còn ngưỡng mộ, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ khưu tốt ra đi, còn các tỳ khưu tồi cư ngụ. Bạch ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỳ khưu đến vùng Kiṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kiṭāgiri có thể tồn tại.”* Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến.

[87] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kiṭāgiri là những tỳ khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ... (như trên) ... . Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Những người trước đây ngưỡng mộ, có niềm tin, bây giờ không còn ngưỡng mộ, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ khưu tốt ra đi, còn các tỳ khưu tồi cư ngụ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rò dại ấy, ... (như trên) ... Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rò dại ấy lại hành xử

sai nguyên tắc có hình thức như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giò, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đổ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: “*Này cô em, hãy nhảy ở đây này,*” họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Những người trước đây ngưỡng mộ, có niềm tin, bây giờ không còn ngưỡng mộ, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ khưu tốt ra đi, còn các tỳ khưu tồi cư ngụ. Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,

...(như trên)... và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo Sāriputta và Moggallāna rằng:

- Nay Sāriputta và Moggallāna, hai người hãy đi đến vùng Kiṭāgiri rồi hãy thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, các vị này là những đệ tử của hai người.

- Bạch ngài, các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm thế nào chúng con thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khưu ấy được?

- Nay Sāriputta và Moggallāna, chính vì điều ấy hai người hãy đi cùng với nhiều vị tỳ khưu.

- Bạch ngài, xin vâng. Sāriputta và Moggallāna đã trả lời đức Thế Tôn.

[88] - Và này các tỳ khưu, nên thực thi như vậy: Trước hết, các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri.’ Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các*

tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri.’ Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri.’ Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri.’ Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri’ đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[89] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[90] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[91] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[92] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi ...(như trên)... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)... Được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)... Được thực thi với sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... Được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... Được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... Được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

**Dứt mười hai trường hợp về hành sự không đúng Pháp.**

[93] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận. ...(như trên)...

[94] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[95] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)...

[96] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(như trên)...

[97] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi ...(như trên)... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)...

[98] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(như trên)...

[99] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi ...(như trên)... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)...

[100] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi ...(như trên)... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp

nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)...

[101] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi ...(như trên)... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)...

[102] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi ...(như trên)... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)...

[103] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi ...(như trên)... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi ...(như trên)...

[104] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp.**

[105] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[106] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sái quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[107] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai đức Pháp, vị chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[108] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị có sự đùa giỡn bằng thân, vị có sự đùa giỡn bằng khẩu, vị có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[109] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị có sở hành sai trái bằng thân, vị có sở hành sai trái bằng khẩu, vị có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[110] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị gây sự tổn hại bằng thân (*kāyikena upaghātikena samannāgato hoti*), vị gây sự tổn hại bằng khẩu, vị gây sự tổn hại bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[111] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[112] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); hạng năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu này.



[113] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu này.

[114] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai đức Pháp, hạng chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu này.

[115] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng có sự đùa giỡn bằng thân, hạng có sự đùa giỡn bằng khẩu, hạng có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu này.

[116] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng có sở hành sai trái bằng thân, hạng có sở hành sai trái bằng khẩu, hạng có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu này.

[117] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng gây sự tổn hại bằng thân, hạng gây sự tổn hại bằng khẩu, hạng gây sự tổn hại bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu này.

[118] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khưu này.

### **Dứt mười bốn trường hợp nếu muốn.**

[119] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực thi hành sự xua đuổi nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên

ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với vị tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

### **Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự xua đuổi.**

[120] Sau đó, hội chúng tỳ khưu dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna đã đi đến vùng Kiṭāgiri và đã thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: : “*Các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri.*” Khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các vị ấy không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ khưu hài lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu, họ bị sa đọa do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ còn bỏ đi, họ còn hoàn tục nữa. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi lại không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ khưu hài lòng, họ lại mắng chửi, họ lại nói xấu, họ bị sa đọa do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ lại còn bỏ đi, họ lại còn hoàn tục nữa?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[121] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ kheo lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ khưu hài lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu, họ bị sa đọa do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì

ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ còn bỏ đi, họ còn hoàn tục nữa, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rò đại ấy, ...(như trên)... Nay các tỳ khưu, vì sao những kẻ rò đại ấy khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, lại không làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bốn phạm để sửa đổi, không làm cho các tỳ khưu hài lòng, họ lại máng chửi, họ lại nói xấu, họ bị sa đọa do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ lại còn bỏ đi, họ lại còn hoàn tục nữa? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự xua đuổi.

[122] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, giảng dạy tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[123] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[124] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị sai bảo, cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

## **Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.**

[125] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[126] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[127] Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha*, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị không sai bảo, không cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quở trách, không nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị không cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

## **Dứt mười tám trường hợp nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.**

[128] Và nay các tỳ khưu, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu đã được thực thi hành sự xua đuổi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các vị tỳ khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi.”*

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu là thời điểm thích hợp*

cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt hành sự xua đuổi là phần thứ ba.**

---o0o---

#### **04. HÀNH SỰ HÒA GIẢI (PAṬISĀRAṆĪYAKAMMAṬṬ)**

[129] Vào lúc bảy giờ, đại đức Sudhamma là vị thường trú, là vị trông nom công trình mới, là vị thường xuyên thọ lãnh vật thực của gia chủ Citta ở làng Macchikāsaṇḍa. Mỗi khi gia chủ Citta có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, gia chủ không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của đại đức Sudhamma. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khưu trưởng lão như đại đức Sāriputta, đại đức Mahāmogallāna, đại đức Mahākaccāna, đại đức Mahākoṭṭhika, đại đức Mahākappina, đại đức Mahācunda, đại đức Anuruddha, đại đức Revata, đại đức Upāli, đại đức Ānanda, và đại đức Rāhula đang đi du hành trong xứ Kāsi và đã đến ngụ tại Macchikāsaṇḍa.

[130] Gia chủ Citta đã nghe rằng: “*Nghe nói các vị tỳ khưu trưởng lão đã đi đến Macchikāsaṇḍa.*” Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp các vị tỳ khưu trưởng lão, sau khi đến đã đánh lễ các vị tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Sāriputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Citta đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, gia chủ Citta đã nói với các vị tỳ khưu trưởng lão điều này:

- Bạch các ngài, xin các trưởng lão hãy nhận lời con về bữa ăn dành cho các vị khách vào ngày mai.

Các vị tỳ khưu trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

[131] Sau đó, khi hiểu được sự nhận lời của các vị tỳ khưu trưởng lão, gia chủ Citta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ các vị tỳ khưu trưởng lão, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đã đi đến gặp đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sudhamma rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma điều này:

- Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị trưởng lão.

Khi ấy, đại đức Sudhamma (nghĩ rằng): “*Trước đây, gia chủ Citta này mỗi khi có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, gia chủ không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của ta. Giờ đây, ông ta không hỏi ý ta mà đã thỉnh mời các vị tỳ khưu trưởng lão; giờ đây, gia chủ Citta này đã hư hỏng, hờ hững, ngó bộ không còn gắn bó với ta nữa*” nên đã nói với gia chủ Citta điều này:

- Nay gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời.

Đến lần thứ nhì, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma điều này:

- Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị trưởng lão.

- Nay gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời.

Đến lần thứ ba, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma điều này:

- Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị trưởng lão.

- Nay gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời.

Khi ấy, gia chủ Citta (nghĩ rằng): “*Điều gì sẽ ảnh hưởng đến ta khi ngài Sudhamma nhận lời hay không nhận lời?*” nên đã đành lễ đại đức Sudhamma, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[132] Sau khi đêm ấy trôi qua, gia chủ Citta đã cho người chuẩn bị thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm cho các vị tỳ khưu trưởng lão. Rồi đại đức Sudhamma (nghĩ rằng): “*Có lẽ ta nên xem qua sự chuẩn bị cho các vị tỳ khưu trưởng lão của gia chủ Citta như thế nào?*” nên vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của gia chủ Citta, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đành lễ đại đức Sudhamma rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên điều này:

- Nay gia chủ, thức ăn loại cứng loại mềm này đã được người chuẩn bị thật là đầy đủ. Còn một thứ ở đây chưa có, đó là bánh mè.

- Thưa ngài, trong khi rất nhiều điều được tìm thấy trong lời dạy cao quý của đức Phật, vậy mà ngài đại đức Sudhamma chỉ nói đến một điều, đó là “*Bánh mè.*” Thưa ngài, trong thời quá khứ, các thương buôn người phương nam đã đi đến xứ sở phía đông để buôn bán. Từ xứ ấy, họ đã đem đi một con gà mái. Thưa ngài, sau đó con gà mái ấy đã được cho ở chung với con quạ. Nó đã sanh ra con gà con. Thưa ngài, khi con gà con ấy muốn kêu tiếng kêu của con quạ thì nó kêu: “*quạ quạ tục tục;*” khi nào nó muốn kêu tiếng kêu của con gà mái thì nó kêu: “*tục tục quạ quạ.*” Thưa ngài, cũng tương tự như thế, trong khi rất nhiều điều được tìm thấy trong lời dạy quý báu của đức Phật, vậy mà ngài đại đức Sudhamma chỉ nói đến một điều, đó là “*Bánh mè.*”

- Nay gia chủ, người mắng nhiếc ta. Nay gia chủ, người nói xấu ta. Nay gia chủ, đây là trú xứ của người, ta sẽ bỏ đi khỏi trú xứ này.

- Thưa ngài, con không có mắng nhiếc, con không có nói xấu ngài đại đức Sudhamma. Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma hãy cư ngụ ở làng Macchikāsaṇḍa, trong khu rừng xoài khả ái. Con sẽ ra sức cho ngài đại đức Sudhamma về vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men khi bị bệnh.

Đến lần thứ nhì, đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này:

- Này gia chủ, người mắng nhiếc ta. Này gia chủ, người nói xấu ta. Này gia chủ, đây là chỗ ở của người, ta sẽ bỏ đi khỏi trú xứ này.

- Thưa ngài, con không có mắng nhiếc, con không có nói xấu ngài đại đức Sudhamma. Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma hãy cư ngụ ở làng Macchikāsaṇḍa, trong khu rừng xoài khả ái. Con sẽ ra sức cho ngài đại đức Sudhamma về vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men khi bị bệnh.

Đến lần thứ ba, đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này:

- Này gia chủ, người mắng nhiếc ta. Này gia chủ, người nói xấu ta. Này gia chủ, đây là chỗ ở của người, ta sẽ bỏ đi khỏi trú xứ này.

- Thưa ngài, ngài đại đức Sudhamma sẽ đi đâu?

- Này gia chủ, ta sẽ đi đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn.

- Thưa ngài, như vậy điều gì ngài đã nói và điều gì con đã nói, tất cả các điều ấy xin ngài hãy trình lên đức Thế Tôn. Thưa ngài, việc ngài đại đức Sudhamma sẽ trở lại Macchikāsaṇḍa một lần nữa là điều không có gì lạ thường cả.

[133] Sau đó, đại đức Sudhamma đã dọn dẹp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát đi đến Sāvatti. Tuần tự, đại đức Sudhamma đã đi đến Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sudhamma đã trình lên đức Thế Tôn tất cả điều gì bản thân đã nói và điều gì gia chủ Citta đã nói.

[134] Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại, thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rò dại, vì sao người lại chỉ trích một cách thậm tệ, lại khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin đã được an trú, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng? Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma rằng: “*Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.*” Và này các tỳ khưu, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ



khuru Sudhamma cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Sudhamma này chỉ trích một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin đã được an trú, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.’ Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Sudhamma này chỉ trích một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin đã được an trú, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng. Hội chúng thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.’ Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Sudhamma này chỉ trích một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin đã được an trú, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng. Hội chúng thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.’ Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi’ đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[135] Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hội đủ

ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[136] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[137] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[138] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[139] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[140] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[141] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu,

hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[142] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[143] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, ...(như trên)...

[144] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[145] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[146] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự không đúng Pháp thuộc hành sự hòa giải.**

[147] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[148] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[149] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải ...(như trên)...

[150] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải ...(như trên)...

[151] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[152] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[153] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[154] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[155] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[156] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[157] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[158] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp thuộc hành sự hòa giải.**

[159] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ khưu hội đủ năm đặc tính: Vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ ở, vị mắng nhiếc nói xấu các người tại gia, vị chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ khưu hội đủ năm đặc tính này.

[160] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ khưu hội đủ năm đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật trước (mặt) các người tại gia, vị chê bai đức Pháp trước (mặt) các người tại gia, vị chê bai đức Tăng trước (mặt) các người tại gia, vị chỉ trích các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, vị không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ khưu hội đủ năm đặc tính này.

[161] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ khưu: Hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ ở, hạng mắng

nhiecc nói xấu các người tại gia, hạng chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ khuru này.

[162] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật trước (mặt) các người tại gia, hạng chê bai đức Pháp trước (mặt) các người tại gia, hạng chê bai đức Tăng trước (mặt) các người tại gia, hạng chỉ trích các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, hạng không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ khuru này.

### **Dứt bốn trường hợp nếu muốn.**

[163] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực thi hành sự hòa giải nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ hành lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khuru với các tỳ khuru.

### **Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự hòa giải.**

[164] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: "*Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.*" Khi được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, vị ấy đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy đã quay trở lại Sāvattthi lần nữa. Các tỳ khuru đã nói như vầy:

- Nay đại đức Sudhamma, đại đức đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi chưa?
- Nay các đại đức, trong trường hợp này tôi đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.

Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy cho sứ giả cùng đi với tỳ khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Và nay các tỳ khưu, nên ban cho như vậy: Trước tiên, vị tỳ khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tỳ khưu tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng cho vị tỳ khưu tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đại đức nào đồng ý việc cho vị tỳ khưu tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Vị tỳ khưu tên (như vậy) là sứ giả cùng đi với tỳ khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi đã được hội chúng cho phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[165] Nay các tỳ khưu, tỳ khưu Sudhamma ấy và vị tỳ khưu sứ giả cùng đi nên đi đến Macchikāsaṇḍa và nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.

Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khưu sứ giả cùng đi nên nói rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ khưu này. Vị ấy đang làm cho người hoan hỷ.

Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khưu sứ giả cùng đi nên nói rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ khưu này. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.

Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khưu sứ giả cùng đi nên nói rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ khưu này vì lời nói của hội chúng.

Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khưu sứ giả cùng đi không nên dẫn tỳ khưu Sudhamma đi khỏi tầm nhìn, không nên dẫn đi khỏi tầm nghe của gia chủ Citta, nên bảo đắp thượng y một bên vai, bảo ngồi chồm hổm, bảo chấp tay lên, và bảo sám hối tội ấy.

[166] Sau đó, đại đức Sudhamma và sứ giả cùng đi đã đi đến Macchikāsaṇḍa và yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khưu và nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự khiển trách tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma.

[167] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, giảng dạy tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[168] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[169] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị sai bảo, cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự hòa giải.**



[170] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[171] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[172] Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha*, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị không sai bảo, không cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quở trách, không nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị không cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự hòa giải.**

[173] Và nay các tỳ khưu, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ khưu, tỳ khưu Sudhamma ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải.”*

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ khưu Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội*

chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ khưu Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ khưu Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ khưu Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự hòa giải đối với tỳ khưu Sudhamma đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt hành sự hòa giải là phần thứ tư.**

---o0o---

## **05. HÀNH SỰ ÁN TREO TRONG VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI (ĀPATTIYĀ ADASSANE UKKHEPANĪYAKAMMAṀ)**

[174] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī tu viện Ghosita. Vào lúc bảy giờ, đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[175] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói tỳ khưu Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Thật không đúng đắn, ...(như trên)... Nay các tỳ khưu, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng (asambhogam saṅghena). Và nay các tỳ khưu, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ khưu Channa cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Và này các tỳ khưu, hãy thông báo cho tất cả các trú xứ rằng:

*“Tỳ khưu Channa đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.”*

[176] Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận. Này các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[177] Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được sám hối. ...(như trên)...

[178] Này các tỳ khưu, ...(như trên) ... Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. ...(như trên)...

[179] Này các tỳ khưu, ...(như trên) ... Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[180] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... Được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[181] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[182] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[183] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[184] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[185] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[186] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[187] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự không đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.**

[188] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không nhìn

nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[189] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được sám hối. ...(như trên)...

[190] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. ...(như trên)...

[191] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[192] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[193] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[194] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[195] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[196] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[197] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[198] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[199] Nay các tỳ khưu, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp**

#### **thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.**

[200] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[201] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[202] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai đức Pháp, vị chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[203] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); hạng năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người

tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khưu này.

[204] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khưu này.

[205] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai đức Pháp, hạng chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khưu này.

### **Dứt sáu trường hợp nếu muốn**

#### **thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.**

[206] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, không nên thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các tỳ khưu, nên học tập trong việc học tập của tỳ khưu, không nên ngụ trong chỗ



ở chung một mái che, không nên ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che, không nên ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở chung một mái che cùng với vị tỳ khưu trong sạch, nên đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khưu trong sạch, không nên sĩ nhục vị tỳ khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài, đối với vị tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

### **Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.**

[207] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Tại đó, các tỳ khưu đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không tôn trọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Vị ấy trong khi không được các tỳ khưu tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không tôn trọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Vị ấy trong khi không được các tỳ khưu tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không tôn trọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Vị ấy trong khi không được các tỳ khưu tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã quay trở về lại Kosambī. Vị ấy làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khưu và nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tôi làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa.

[208] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, giảng dạy tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[209] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[210] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khưu trong sạch. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[211] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khưu trong sạch. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[212] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[213] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các tỳ khưu, không học tập trong việc học tập của tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[214] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ngụ trong chỗ ở chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che, ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khưu trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khưu trong sạch, sĩ nhục vị tỳ khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[215] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị sai bảo, cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.**

[216] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[217] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị không chỉ trích hành sự, không chỉ trích

các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[218] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khưu trong sạch. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[219] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khưu trong sạch. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[220] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[221] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại đạo, vị phục vụ các tỳ khưu, học tập trong việc học tập của tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[222] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không ngụ trong chỗ ở chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che, không ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khưu trong sạch, vị đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khưu

trong sạch, không sĩ nhục vị tỳ khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[223] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha*, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị không sai bảo, không cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quở trách, không nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị không cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

### **Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.**

[224] Và nay các tỳ khưu, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ khưu, tỳ khưu Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.”*

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tỳ khưu Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa. Đây là lời đề nghị.”*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tỳ khưu Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc*

*không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tỳ khưu Channa này làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

**Dứt hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là phân thứ năm.**

---o0o---

## **06. HÀNH SỰ ÁN TREO TRONG VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LỖI (ĀPATTIYĀ APPAṬIKAMME UKKHEPANĪYAKAMMAṀ)**

[225] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī tu viện Ghosita. Vào lúc bảy giờ, đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói tỳ khưu Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Thật không đúng đắn, ...(như trên)... không nên làm. Nay các tỳ khuru, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ...(như trên)... ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

[226] Và nay các tỳ khuru, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ khuru Channa cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Và này các tỳ khưu, hãy thông báo cho tất cả các trú xứ rằng:

*“Tỳ khưu Channa đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.”*

[227] Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận. Này các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[228] Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được sám hối. ...(như trên)...

[229] Này các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. ...(như trên)...

[230] Này các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Này các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[231] Này các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Này các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[232] Này các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Này các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...



[233] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[234] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[235] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[236] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[237] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[238] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự không đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.**

[239] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[240] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được

thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được sám hối. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[241] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[242] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[243] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[244] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[245] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[246] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[247] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[248] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[249] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[250] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

### **Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.**

[251] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[252] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[253] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai đức Pháp, vị chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành

sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[254] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); hạng năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khưu này.

[255] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sái quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khưu này.

[256] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai đức Pháp, hạng chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khưu này.

### **Đứt sáu trường hợp nếu muốn thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.**

[257] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, không nên thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn

chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không nên chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các tỳ khưu, nên học tập trong việc học tập của tỳ khưu, không nên ngụ trong chỗ ở chung một mái che, không nên ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che, không nên ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở chung một mái che cùng với vị tỳ khưu trong sạch, nên từ chỗ ngồi đứng dậy khi thấy vị tỳ khưu trong sạch, không nên sĩ nhục vị tỳ khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài, đối với vị tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

### **Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.**

[258] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Tại đó, các tỳ khưu đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không tôn trọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Vị ấy trong khi không được các tỳ khưu tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không tôn trọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Vị ấy trong khi không được các tỳ khưu tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không tôn trọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Vị ấy trong khi không được các tỳ khưu tôn trọng, cung kính, sùng bái,

cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã quay trở về lại Kosambī. Vị ấy làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khưu và nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tôi làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa.

[259] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, giảng dạy tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[260] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực thi hành sự. ...(như trên)...

[261] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khưu trong sạch. ...(như trên)...

[262] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khưu trong sạch. ...(như trên)...

[263] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu. ...(như trên)...

[264] Này các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các tỳ khưu, không học tập trong việc học tập của tỳ khưu. ...(như trên)...

[265] Này các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ngụ trong chỗ ở chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che, ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khưu trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khưu trong sạch, sĩ nhục vị tỳ khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[266] Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị sai bảo, cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.**

[267] Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định. Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[268] Này các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực thi hành sự. ...(như trên)...

[269] Này các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị không thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động

thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khưu trong sạch. ...(như trên)...

[270] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị không thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khưu trong sạch. ...(như trên)...

[271] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị không bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu. ...(như trên)...

[272] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại đạo, vị phục vụ các tỳ khưu, học tập trong việc học tập của tỳ khưu. ...(như trên)...

[273] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị không ngụ trong chỗ ở chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che, không ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khưu trong sạch, đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khưu trong sạch, không sĩ nhục vị tỳ khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[274] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha*, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị không sai bảo, không cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quở trách, không nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị không cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt bốn mươi ba trường hợp nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.**

[275] Và nay các tỳ khưu, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ khưu, tỳ khưu Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai,



đảnh lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.”*

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tỳ khưu Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa. Đây là lời đề nghị.”*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tỳ khưu Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tỳ khưu Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

**Dứt hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là phần thứ sáu.**

---o0o---

## **07. HÀNH SỰ ÁN TREO TRONG VIỆC KHÔNG TỪ BỎ TÀ KIẾN ÁC (PĀPIKĀYA DIṬṬHIYĀ APPAṬINISSAGGE UKKHEPANĪYAKAMMAṀ)**

[276] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ khưu tên Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: *“Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.”*

Nhiều vị tỳ khưu đã nghe rằng:

- Nghe nói tỳ khưu tên Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: *“Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.”*

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng, sau khi đến đã nói với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng điều này:

- Nay đại đức Ariṭṭha, nghe nói đại đức đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: *“Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành,”* có đúng không vậy?

- Nay các đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.

- Nay đại đức Aritṭha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Nay đại đức Aritṭha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hổ than cháy rục ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là giấc mơ ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là dầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Khi được các vị tỳ khưu ấy nói như thế, tỳ khưu Aritṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng do có sự ngoan cố, chấp giữ, và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế:

- Nay các đại đức, theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.

Bởi vì các vị tỳ khưu ấy không thể giúp cho tỳ khưu Aritṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy, sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[277] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi tỳ khưu Aritṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng:

- Nay Aritṭha, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở ngươi như vậy: *“Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả*

*năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành,” có đúng không vậy?*

- Bạch ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.

- Nay kẻ rò dại, vì sao người lại hiểu Pháp được ta thuyết giảng là như thế? Nay kẻ rò dại, không phải ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành hay sao? Dục tình đã được ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được ta giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được ta giảng giải như là miếng thịt ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là cây đuốc cỏ ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là hổ than cháy rục ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là giấc mơ ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là vật vay mượn ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là trái trên cây ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là lò sát sanh ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là mũi lao nhọn ...(như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Nay kẻ rò dại, hơn nữa người không những vu khống ta do sự hiểu biết sai lạc của bản thân mà người còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy vô số điều bất thiện nữa. Nay kẻ rò dại, chính điều ấy sẽ đem lại cho người sự thất bại và khổ đau lâu dài. Nay kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ...(như trên)... ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Aritṭha (tức là việc không cùng thọ hưởng với hội chúng).

[278] Và nay các tỳ khưu, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ khưu Aritṭha cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở;

sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chương ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chương ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Ariṭṭha này trước đây là người huấn luyện chim ưng đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chương ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Và này các tỳ khưu, hãy thông báo cho tất cả các trú xứ rằng:

*“Tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.”*

[279] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[280] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được sám hối. ...(như trên)...

[281] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. ...(như trên)...

[282] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[283] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[284] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[285] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[286] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[287] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[288] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[289] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[290] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

**Dứt mười hai trường hợp về hành sự không đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.**

[291] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[292] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm,

được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được sám hối. ...(như trên)...

[293] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. ...(như trên)...

[294] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[295] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[296] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[297] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[298] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[299] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. ...(như trên)...

[300] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[301] Nay các tỳ khưu, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...



[302] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: Được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hội đủ ba điều kiện này hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

**Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.**

[303] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[304] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sái quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[305] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai đức Pháp, vị chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính này.

[306] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhằm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si,

thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); hạng năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khưu này.

[307] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khưu này.

[308] Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai đức Pháp, hạng chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khưu, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khưu này.

### **Dứt sáu trường hợp nếu muốn thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.**

[309] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với vị tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cầu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

### **Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.**

[310] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, vị ấy đã hoàn tục.

Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[311] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- ...(như trên)... Nay các tỳ khưu, vì sao kẻ rò dại ấy khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[312] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, giảng dạy tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[313] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[314] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, vị sai bảo, cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.**

[315] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[316] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[317] Nay các tỳ khưu, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha*, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu trong sạch, không sai bảo, không cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quở trách, không nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), vị không cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. Nay các tỳ khưu, hành sự án

treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện này.

**Dứt mười tám trường hợp nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.**

[318] Và này các tỳ khưu, nên thu hồi như vậy: Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đành lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

*“Bạch các ngài, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.”*

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, vị tỳ khưu này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, tỳ khưu này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, tỳ khưu này tên (như vậy) làm bốn*

*phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

**Dứt hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là phần thứ bảy.**

**Dứt Chương Hành Sự là chương thứ nhất.**

**Trong chương này có bảy sự kiện.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[319]

*Các tỳ khuru thuộc nhóm  
tên là Panduka  
và Lohitaka,  
bản thân tạo xung đột,  
lại đi đến các vị  
có sở hành như thế,  
và gây ra xung đột  
chưa sanh, họ tạo nên,  
đã sanh, làm lớn chuyện.  
Thiện tỳ khuru, thiếu đức,  
phản nài bậc Pháp Chủ,  
vị duy trì Chánh Pháp,  
đức Phật bậc tự tại,  
bậc Tối Thượng cho phép  
làm hành sự khiển trách  
ngài là bậc Chiến Thắng  
ở thành Sāvatti.  
Việc ấy được thực thi  
thiếu đi sự hiện diện,  
khi chưa được tra hỏi,  
với sự không thừa nhận.  
Việc ấy được thực thi*

*khi không có phạm tội,  
tội không sám hối được,  
tội đã được sám hối.  
Việc ấy được thực thi  
khi chưa được quở trách,  
khi chưa được nhắc nhở,  
khi chưa xác định tội.  
Việc ấy được thực thi  
thiếu đi sự hiện diện,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Việc ấy được thực thi  
khi chưa được tra hỏi,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Việc ấy được thực thi  
với sự không thừa nhận,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Việc ấy được thực thi  
khi không có phạm tội,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Việc ấy được thực thi  
tội không sám hối được,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Và cũng như thế ấy  
với tội đã sám hối,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Và cũng như thế ấy  
khi chưa được quở trách,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Và cũng như thế ấy  
khi chưa được nhắc nhở,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Và cũng như thế ấy*

khi chưa xác định tội,  
không theo đúng phương thức,  
và chính bởi phe nhóm.  
Với trường hợp không đúng,  
đúng cách được nghiệm ra.  
Khi hội chúng thích hợp  
nên thực thi hành sự  
khiển trách đến vị ấy,  
vị thường gây xung đột,  
ngu si, sống chung đụng.  
Hội chúng nên thực thi  
về hành sự khiển trách  
vị thiếu tăng thượng giới,  
vị thiếu tăng thượng hạnh,  
và kiến thức sai quấy.  
Hội chúng nên thực thi  
về hành sự khiển trách  
tỳ khuru chê bai Phật,  
đức Pháp, và đức Tăng.  
Hội chúng nên thực thi  
về hành sự khiển trách  
hạng thường gây xung đột,  
ngu si, sống chung đụng.  
Cũng y như thế ấy  
hạng thiếu tăng thượng giới,  
vị thiếu tăng thượng hạnh,  
và kiến thức sai quấy,  
hạng chê bai đức Phật,  
đức Pháp, và đức Tăng.  
Bị hành sự khiển trách,  
các phạm sự đúng đắn  
phải làm là như vậy:  
Vị thực thi hành sự  
không cho tu bậc trên,  
không ban phép nương nhờ,  
không sa di phục vụ,  
không giáo giới các ni  
cho dù được chỉ định,  
không phạm lại tội ấy,  
tội tương tự như vậy,



hoặc nghiêm trọng hơn thế,  
không chỉ trích hành sự,  
và các vị kết tội,  
không được phép đình chỉ  
lễ Uposatha,  
lễ Pavāraṇā  
của tỳ khuru trong sạch,  
sai bảo, việc cáo tội,  
việc thỉnh ý, quở trách,  
nhắc nhở, tạo bè phái,  
các việc như thế ấy  
là không được thực hành.  
Không thu hồi hành sự  
với năm điều kiện này:  
Vị cho tu bậc trên,  
ban cho phép nương nhờ,  
để sa di phục vụ,  
giáo giới tỳ khuru ni  
cho dù được chỉ định,  
vị phạm lại tội ấy,  
tội tương tự như vậy,  
hoặc nghiêm trọng hơn thế,  
vị chỉ trích hành sự,  
luôn các vị thực thi  
không nên được thu hồi.  
Lễ Uposatha,  
lễ Pavāraṇā,  
sai bảo, việc cáo tội,  
việc thỉnh ý, quở trách,  
nhắc nhở, tạo bè phái,  
vị phạm tám điều này,  
không nên thu hồi lại  
hành sự khiến trách được.  
Với trường hợp không đúng,  
đúng cách được nghiệm ra.  
Seyyasa ngu si,  
là vị phạm nhiều tội,  
lại còn sống chung đưng,  
vị Chánh Đẳng Chánh Giác  
là bậc đại hiền triết

đã cho phép thực thi  
về hành sự chỉ dạy.  
Các tỳ khuru thuộc nhóm  
hai vị Assaji  
Punabbasukā  
ở Kitāgiri  
không thu thúc, còn làm  
việc sai trái các loại.  
Bậc Chánh Đăng Chánh Giác,  
ban hành sự xua đuổi,  
ngài là đấng Chiến Thắng  
ở thành Sāvatti.  
Vị Sudhamma ở  
Macchikāsanda  
thường trú của Citta.  
Sudhamma mắng nhiếc  
đến gia chủ Citta.  
Vì câu chuyện sanh ra,  
đấng Thiện Thệ cho phép  
làm hành sự hòa giải.  
Bậc Chiến Thắng tối thượng  
đã cho phép án treo  
trong việc không thấy tội  
với tỳ khuru Channa  
ở thành Kosambī  
do không nhìn nhận tội.  
Channa không sửa đổi  
với chính tội lỗi ấy,  
vị lãnh đạo cho phép  
về hành sự án treo  
trong việc không sửa chữa.  
Ariṭṭha đã khởi  
tà kiến ác, thiếu trí,  
bậc Chiến Thắng cho phép  
về hành sự án treo  
do không bỏ ác kiến.  
Giống hành sự chỉ dạy,  
xua đuổi, và hòa giải,  
không nhìn nhận, sửa chữa,  
không từ bỏ tà kiến.

*Việc đùa giỡn sai trái,  
sở hành làm tổn hại,  
và nuôi mạng súc quấy,  
các điều phụ tội này  
thuộc hành sự xua đuổi.  
Mất lợi lộc, chê bai  
tức là hai nhóm năm,  
có tên “hai nhóm năm,”  
các điều phụ tội này  
thuộc hành sự hòa giải.  
Việc khiển trách, nương nhờ,  
thuộc hai hành sự ấy  
được qui định tương tự.  
Trong xua đuổi, hòa giải,  
là có điều phụ tội.  
Ba hành sự án treo,  
được phân tích tương tự.  
Theo đúng ở phương thức  
của hành sự khiển trách,  
các hành sự còn lại  
như vậy được nghiệm ra.*

-ooOoo-

## **II. CHƯƠNG PARIVĀSA (PARIVĀSIKAKKHANDHAKAṀ)**

### **01. PHẬN SỰ CỦA VỊ HÀNH PARIVĀSA (PARIVĀSIKAVATTAṀ):**

[320] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu hành *parivāsa* tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu hành *parivāsa* lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?

Sau đó, các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[321] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu hành *parivāsa* tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy,

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu hành *parivāsa* lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, các tỳ khưu hành *parivāsa* không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch; vị nào tiếp nhận thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Này các tỳ khưu, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, việc chấp tay, hành động thích hợp, việc sửa soạn chỗ ngồi, việc sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, việc tiếp rước y bát, việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khưu hành *parivāsa* với nhau được tính theo thâm niên.

Này các tỳ khưu, ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên cho các tỳ khưu hành *parivāsa*<sup>9</sup>. Nay các tỳ khưu, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khưu hành *parivāsa*, các tỳ khưu hành *parivāsa* nên thực hành theo như thế.

[322] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* nên thực hành phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hành phạt *parivāsa* với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

[323] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khưu trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): “*Chớ để họ biết về mình.*”

[324] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* là vị vắng lai nên trình báo (về hành phạt đang thọ đến các tỳ khưu ở trú xứ đó), nên trình báo đến vị vắng lai (khác), nên trình báo trong lễ *Uposatha*, nên trình báo trong lễ *Pavāraṇā*. Nếu bị bệnh, người đại diện nên trình báo giùm.

[325] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu,

trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[326] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú<sup>10</sup>, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru

hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[327] Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*” Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*” Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*” Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*” Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*” Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*” Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

[328] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* cùng với vị tỳ khưu trong sạch không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ khưu trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[329] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* cùng với vị tỳ khưu hành *parivāsa* thâm niên hơn ...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta*...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu thực hành *mānatta*...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh



hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[330] Nay các tỳ khưu, nếu vị thứ tư là vị hành *parivāsa* thì (nhóm ấy) không thể ban cho hành phạt *parivāsa*, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể ban cho hành phạt *mānatta*, nếu là vị thứ hai mươi thì (nhóm ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

### **Đứt chín mươi bốn phận sự của vị hành *parivāsa*.**

[331] Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, vị tỳ khưu hành *parivāsa* có bao nhiêu sự đứt đêm?

- Nay Upāli, vị tỳ khưu hành *parivāsa* có ba sự đứt đêm: sự cư ngụ chung (với các hạng tỳ khưu đã nêu trong phần phận sự ở trên), sự cư ngụ tách rời (chỉ có một mình), sự không trình báo (cho các tỳ khưu vắng lai, v.v...) <sup>11</sup>. Nay Upāli, đây là ba sự đứt đêm của vị tỳ khưu hành *parivāsa*.

[332] Vào lúc bấy giờ, hội chúng tỳ khưu đông đảo đã tụ hội tại Sāvatti. Các tỳ khưu hành *parivāsa* không thể hoàn thành hành phạt *parivāsa*. Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép ngưng hành phạt *parivāsa*. Và nay các tỳ khưu, nên ngưng như vậy: Vị tỳ khưu hành *parivāsa* nên đi đến một vị tỳ khưu, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “*Tôi ngưng hành phạt parivāsa.*” Hành phạt *parivāsa* đã được ngưng lại. “*Tôi ngưng (thực hành) phận sự.*” Hành phạt *parivāsa* đã được ngưng lại.

[333] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ở Sāvatti đã ra đi nơi này nơi nọ. Các tỳ khưu hành *parivāsa* có thể hoàn thành hành phạt *parivāsa*. Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép thọ trì lại hành phạt *parivāsa*. Và nay các tỳ khưu, nên thọ trì lại như vậy: Vị tỳ khưu hành *parivāsa* nên đi đến một vị tỳ khưu, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “*Tôi thọ trì lại hành phạt parivāsa.*” Hành phạt *parivāsa* đã được thọ trì lại. “*Tôi thọ trì lại phận sự.*” Hành phạt *parivāsa* đã được thọ trì lại.

## **Dứt phạm sự của vị hành *parivāsa*.**

---o0o---

### **02. PHẠM SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG (THỰC HÀNH) TRỞ LẠI TỪ ĐẦU (MŪLĀYA PAṬIKASSANĀRAHAVATTAṀ)**

[334] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[335] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ

cọ lạng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch; vị nào tiếp nhận thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Này các tỳ khưu, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ... (như trên)..., việc kỳ cọ lạng trong khi tắm giữa các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu với nhau được tính theo thâm niên. Này các tỳ khưu, ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên cho các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu.

Này các tỳ khưu, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, các tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu nên thực hành theo như thế.

[336] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

[337] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khưu trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): “*Chớ để họ biết về mình.*”

[338] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy

hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[339] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi

không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[340] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng *“Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”*

Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng *“Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”*

Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng *“Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”*

[341] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu cùng với vị tỳ khưu trong sạch không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ khưu trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[342] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu cùng với vị tỳ khưu hành *parivāsa* ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu nhưng thâm niên hơn ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[343] Nay các tỳ khưu, nếu vị thứ tư là vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu thì (nhóm ấy) không thể ban cho hành phạt *parivāsa*, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể ban cho hành phạt *mānatta*, nếu là vị thứ hai mươi thì (nhóm ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

**Dứt phận sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu.**

---o0o---

### **03. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÀNH *MĀNATTA* (*MĀNATTĀRAHAVATTAM*):**

[344] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu ít ham muốn, ... (như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ... (như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch; vị nào tiếp nhận thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

Này các tỳ khưu, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ...(như trên)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* với nhau được tính theo thâm niên. Nay các tỳ khưu, ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên cho các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta*.

Này các tỳ khưu, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta*, các tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* nên thực hành theo như thế.

[345] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, xứng đáng hành *mānatta* với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ

lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cầu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

[346] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khưu trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): “*Chớ để họ biết về mình.*”

[347] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* là vị vắng lai nên trình báo (về hành phạt đang thọ đến các tỳ khưu ở trú xứ đó), nên trình báo đến vị vắng lai (khác), nên trình báo trong lễ *Uposatha*, nên trình báo trong lễ *Pavāraṇā*. Nếu bị bệnh, người đại diện nên trình báo giùm.

[348] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi



đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[349] Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[350] Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ

khuru ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

[351] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* cùng với vị tỳ khuru trong sạch không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khuru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khuru trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khuru trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ khuru trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[352] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* cùng với vị tỳ khuru hành *parivāsa* ...(như trên)... cùng với vị tỳ khuru xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ...(như trên)... cùng với vị tỳ khuru xứng đáng hành *mānatta* nhưng thâm niên hơn ...(như trên)... cùng với vị tỳ khuru thực hành *mānatta* ...(như trên)... cùng với vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[353] Nay các tỳ khuru, nếu vị thứ tư là vị xứng đáng hành *mānatta* thì (nhóm ấy) không thể ban cho hành phạt *parivāsa*, không thể cho trở lại (hành phạt) từ đầu, không thể ban cho hành phạt *mānatta*, nếu là vị thứ hai mươi thì (nhóm ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

**Dứt phạm sự của vị xứng đáng hành *mānatta*.**

#### 04. PHẬN SỰ CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTĀ* (*MĀNATTACĀRIKAVATTAM*)

[354] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ khưu thực hành *mānatta* tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phân nản, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu thực hành *mānatta* lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[355] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu thực hành *mānatta* tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu thực hành *mānatta* lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, các tỳ khưu thực hành *mānatta* không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch; vị nào tiếp nhận thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Này các tỳ khưu, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ...(như trên)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khưu thực hành *mānatta* với nhau được tính theo thâm niên. Nay các tỳ khưu, ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự

phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên cho các tỳ khưu thực hành *mānatta*.

Này các tỳ khưu, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khưu thực hành *mānatta*, các tỳ khưu thực hành *mānatta* nên thực hành theo như thế.

[356] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khưu ni, không nên giảng dạy tỳ khưu ni dầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hành phạt *mānatta* với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, đối với tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, (và) không nên cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu.

[357] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khưu trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): “*Chớ để họ biết về mình.*”

[358] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* là vị vắng lai nên trình báo (về hành phạt đang thọ đến các tỳ khưu ở trú xứ đó), nên trình báo đến vị vắng lai (khác), nên trình báo trong lễ *Uposatha*, nên trình báo trong lễ *Pavāraṇā*, nên trình báo mỗi ngày. Nếu bị bệnh, người đại diện nên trình báo giùm.

[359] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi)

với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[360] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[361] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

[362] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* cùng với vị tỳ khưu trong sạch không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ khưu trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[363] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* cùng với vị tỳ khưu hành *parivāsa* ...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu thực hành *mānatta* nhưng thâm niên hơn ...(như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú

ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[364] Nay các tỳ khưu, nếu vị thứ tư là vị thực hành *mānatta* thì (nhóm ấy) không thể ban cho hành phạt *parivāsa*, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể ban cho hành phạt *mānatta*, nếu là vị thứ hai mươi thì (nhóm ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

[365] Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* có bao nhiêu sự dứt đêm?

- Nay Upāli, vị tỳ khưu thực hành *mānatta* có bốn sự dứt đêm: sự cư ngụ chung (với các hạng tỳ khưu đã nêu trong phần phạm sự ở trên), sự cư ngụ riêng rẽ (chỉ có một mình), sự không trình báo (cho các tỳ khưu vắng lai, v.v...), sự thực hành ở nhóm thiếu (nhân sự). Nay Upāli, đây là bốn sự dứt đêm của vị tỳ khưu thực hành *mānatta*.

[366] Vào lúc bảy giờ, hội chúng tỳ khưu đông đảo đã tụ hội tại Sāvatti. Các tỳ khưu thực hành *mānatta* không thể hoàn thành hành phạt *mānatta*. Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép ngưng hành phạt *mānatta*. Và nay các tỳ khưu, nên ngưng như vậy: Vị tỳ khưu thực hành *mānatta* nên đi đến một vị tỳ khưu, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “Tôi ngưng hành phạt *mānatta*.” Hành phạt *mānatta* đã được ngưng lại. “Tôi ngưng (thực hành) phạm sự.” Hành phạt *mānatta* đã được ngưng lại.

[367] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu ở Sāvatti đã ra đi nơi này nơi nọ. Các tỳ khưu thực hành *mānatta* có thể hoàn thành hành phạt *mānatta*. Các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép thọ trì lại hành phật *mānatta*. Và nay các tỳ khưu, nên thọ trì lại như vậy: Vị tỳ khưu thực hành *mānatta* nên đi đến một vị tỳ khưu, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “*Tôi thọ trì lại hành phật mānatta.*” Hành phật *mānatta* đã được thọ trì lại. “*Tôi thọ trì lại phạm sự.*” Hành phật *mānatta* đã được thọ trì lại.

**Dứt phạm sự của vị thực hành *mānatta*.**

---o0o---

## **05. PHẠM SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI (ABBHĀNĀRAHAVATTAM)**

[368] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[369] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch? Nay các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong



khi tắm của các tỳ khưu trong sạch; vị nào tiếp nhận thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Này các tỳ khưu, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ...(như trên)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội với nhau được tính theo thâm niên. Này các tỳ khưu, ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên cho các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội. Này các tỳ khưu, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội, các tỳ khưu xứng đáng sự giải tội nên thực hành theo như thế.

[370] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, ...(như trên)... (và) không nên cấu kết các tỳ khưu với các tỳ khưu. (Phạt sự của vị xứng đáng hành *mānatta*, của vị thực hành *mānatta*, của vị xứng đáng sự giải tội được giải thích giống như phạt sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu).

[371] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khưu trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): “*Chớ để họ biết về mình.*”

[372] Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(như trên)... (Phần dưới đây nên được giải thích tương tự).

Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội ở chỗ trú ngụ có tỳ khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi

không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nếu các tỳ khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng “*Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.*”

[373] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị tỳ khưu trong sạch không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ khưu trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[374] Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị tỳ khưu hành *parivāsa* ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta* ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ... (như trên)... cùng với vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội nhưng thâm niên hơn không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[375] Nay các tỳ khưu, nếu vị thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội thì thì (nhóm ấy) không thể ban cho hành phạt *parivāsa*, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể ban cho hành phạt *mānatta*, nếu là vị thứ hai mươi thì (nhóm ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

**Dứt phạm sự của vị xứng đáng sự giải tội.**

**Dứt Chương *Parivāsa* là chương thứ hai.  
Trong chương này có năm sự kiện.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[376]

*Các vị (bị phạm tội)  
hành parivāsa  
tiếp nhận sự đánh lễ,  
sự đứng dậy, chấp tay,  
sự hành động thích hợp,  
sắp xếp chỗ ngồi, nằm,  
nước rửa chân, ghé kê,  
tắm chà chân, rước bát,  
kỳ cọ lưng khi tắm  
của tỳ khưu trong sạch,  
các vị tốt phiền não,  
vị tiếp nhận tác ác.  
Có năm điều khác nữa  
được tính theo thâm niên:  
lễ Uposatha,  
lễ Pavāraṇā,  
y tắm, vật cúng dường,  
bữa ăn (là thứ năm).  
Phạm sự cần nghiêm chỉnh,  
khi vị ấy (cùng đi)  
với tỳ khưu trong sạch.  
Là điều bị hạn chế:*

không (sa-môn) đi trước  
hay thị giả đi sau,  
cư ngụ ở trong rừng,  
việc đem lại thức ăn,  
trình báo đến vị khách,  
lễ Uposatha,  
lễ Pavāraṇā,  
và nhờ vị sứ giả.  
Vị ấy có thể đi  
nơi nào có tỳ khưu,  
không ngụ chung mái che,  
đứng dậy, và mời thỉnh,  
và cũng y như thế  
chỗ ngồi phải thấp hơn,  
luôn cả lối kinh hành.  
Đối với vị thâm niên,  
kinh hành trên mặt đất,  
không đi lối kinh hành.  
Không là việc thực hành,  
những lúc bị đứt đêm,  
và vì sự toàn hảo,  
việc ngưng, thọ trì lại.  
Phận sự vị (phạm tội)  
hành parivāsa,  
vị hành lại từ đầu,  
vị xứng mānatta,  
vị hành mānatta,

*vị xứng đáng giải tội,  
được phân tích tương tự  
theo như phương pháp ấy.  
Còn có ba điều nữa  
cho vị (bị phạm tội)  
hành parivāsa,  
bốn điều cho các vị  
thực hành mānatta,  
không thực hành đúng đắn,  
và các sự đứt đêm.  
Phải trình báo hàng ngày  
cho vị mānatta.  
Hai hành phạt còn lại  
cũng thực hành tương tự  
như ba hành phạt kia.*

----oOo----

### ***III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI (SAMUCCAYAKKHANDHAKAṀ)***

[377] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi.

[378] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hồm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”*

*Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu lần thứ nhì.*

*Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu lần thứ ba.”*

[379] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.”*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hành phạt māsatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”*

*đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[380] Với hành phạt mānatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hành phạt mānatta, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi.

[381] Và này các tỳ khuru, nên giải tội như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chòm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi*

đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hành phạt mănatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hành phạt mănatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ nhì.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hành phạt mănatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ ba.”

[382] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mănatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mănatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mănatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mănatta sáu đêm



*của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[383] Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi.

[384] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[385] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[386] Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã kê lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn thành hành phạt *parivāsa*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi.

[387] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[388] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[389] Với hành phạt mānatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn

thành, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hành phạt *mānatta*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi.

[390] Và này các tỳ khuru, nên giải tội như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hành phạt mānatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.*

*...(như trên)... giờ cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ nhì.*

*Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hành phạt mānatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ ba.”*

[391] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru*

*Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[392] Vào lúc bảy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu hai ngày. ... (như trên)... đã được che giấu ba ngày. ... (như trên)... đã được che giấu bốn ngày. ... (như trên)... đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu hai ngày. ... (như trên)... đã được che giấu ba ngày. ... (như trên)... đã được che giấu bốn ngày. ... (như trên)... đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi.

[393] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[394] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh*

*có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[395] Trong khi thực hành *parivāsa*, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành *parivāsa*, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.



- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

[396] Và nay các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[397] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm*

ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, đã được hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[398] Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt *mānatta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

[399] Và nay các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu*

*đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[400] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai*

đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, đã được hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[401] Với hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kê lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt *mānatta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây có hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi.

[402] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[403] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che*

giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...*

*Hành phạt m $\bar{a}$ natta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Ud $\bar{a}$ yī. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[404] Trong khi thực hành *m $\bar{a}$ natta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt *m $\bar{a}$ natta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây có hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành nên đã cầu xin hội chúng hành phạt *m $\bar{a}$ natta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho đến tôi đây hành phạt *m $\bar{a}$ natta* sáu đêm của ba tội. Trong khi thực hành *m $\bar{a}$ natta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho tỳ khuru Ud $\bar{a}$ yī, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hành phạt *m $\bar{a}$ natta* sáu đêm.

[405] Và nay các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Ud $\bar{a}$ yī ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên



vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành nên đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[406] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che*

giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành nên đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành nên đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban

cho hành phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru *Udāyi*. Trong khi thực hành *mānatta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của tỳ khuru *Udāyi*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...

Tỳ khuru *Udāyi*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, đã được hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[407] Và này các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru *Udāyi* ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ... (như trên) ... Tôi đây có hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành nên đã cầu xin hội chúng hành phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hành phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Trong khi thực hành *mānatta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được trở lại (từ đầu) của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.”

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[408] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ... (như trên)... Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành nên đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ... (như trên)... Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành nên đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn*

*giữa chừng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[409] Với hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(như trên)... Với hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hành phạt *mānattasáu* đêm.

[410] Và này các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ...(như trên)...

[411] Và này các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *mānatta* như vậy: ...(như trên)...

*(Hội chúng) ban cho ...(như trên)...*

*Hành phạt sáu đêm mānatta của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[412] Với hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(như trên)... Tôi đây có hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi.

[413] Và nay các tỳ khuru, nên giải tội như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của*

*một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Bạch các ngài, tôi đây có hành phạt mánatta đã được hoàn tất, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[414] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mánatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mánatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành mánatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý,*

*không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hành phạt mánatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy có hành phạt mánatta đã được hoàn tất, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ... (như trên)... Vị ấy có hành phạt mánatta đã được hoàn tất, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[415] Vào lúc bảy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.



- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi.

[416] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[417] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[418] Trong khi thực hành *parivāsa*, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Trong khi thực hành *parivāsa*, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho cho tỳ khuru Udāyi, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp (*samodhānaparivāsa*) với tội trước đây.

[419] Và này các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[420] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu ở vào giai đoạn nửa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đại đức nào đồng ý việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày của tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, đã được hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che*

*giấu năm ngày. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[421] Và này các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[422] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa*

*chùng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[423] Với hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt *mānatta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, vị ấy đã phạm một tội là

tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(như trên)... Với hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt *mānatta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây.

[424] Và này các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ...(như trên)...

[425] Và này các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: ...(như trên)...

*(Hội chúng) ban cho ...(như trên)...*

*Hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."*

[426] Với hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(như trên)... Tôi đây có hành phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi.

[427] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ... (như trên)... Bạch các ngài, tôi đây có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[428] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ... (như trên)... Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ... (như trên)... Vị ấy có hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[429] Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(như trên)... Trong khi thực hành *mānatta*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây, (sau đó) hãy ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm.

[430] Và nay các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ...(như trên)...

[431] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: ...(như trên)...

[432] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm như vậy: ...(như trên)...

*(Hội chúng) ban cho ...(như trên)...*

*Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, có che giấu năm ngày, đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."*

[433] Với hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(như trên)... Với hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.



- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây, (sau đó) hãy ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm.

[434] Và nay các tỳ khuru, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ...(như trên)...

[435] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: ...(như trên)...

[436] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *mānatta* sáu đêm như vậy...(như trên)...

*(Hội chúng) ban cho ...(như trên)...*

*Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[437] Với hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng...(như trên)... Tôi đây có hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi.

[438] Và nay các tỳ khuru, nên giải tội như vậy: Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã*

ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xức đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che

giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt m $\bar{a}$ natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt m $\bar{a}$ natta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt pariv $\bar{a}$ sa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt pariv $\bar{a}$ sa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt pariv $\bar{a}$ sa đã được hoàn thành, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt m $\bar{a}$ natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Bạch các ngài, tôi đây có hành phạt m $\bar{a}$ natta đã được hoàn tất, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.”

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[439] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Ud $\bar{a}$ yi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt pariv $\bar{a}$ sa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt pariv $\bar{a}$ sa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Ud $\bar{a}$ yi. Trong khi thực hành pariv $\bar{a}$ sa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ khuru Ud $\bar{a}$ yi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt pariv $\bar{a}$ sa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng

đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt mānatta đã được hoàn

tất và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Với hành phạt parivāsa đã được hoàn thành, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Vị ấy có hành phạt mānatta đã được hoàn tất, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(như trên)... Vị ấy có hành phạt mānatta đã được hoàn tất, giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Tội xuất tinh được đầy đủ.**

---o0o---

### **III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI (tt)(SAMUCCAYAKKHANDHAKAM)**

[440] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, một tội đã được che

giấu hai ngày, một tội đã được che giấu ba ngày, một tội đã được che giấu bốn ngày, một tội đã được che giấu năm ngày, một tội đã được che giấu sáu ngày, một tội đã được che giấu bảy ngày, một tội đã được che giấu tám ngày, một tội đã được che giấu chín ngày, một tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)... một tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, như vậy tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày thì hội chúng hãy ban cho vị tỳ khuru ấy hành phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị (*agghena samodhānaparivāsa*) của tội ấy.

[441] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)... một tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội ấy.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[442] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như*

trên)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[443] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, hai tội đã được che giấu hai ngày, ba tội đã được che giấu ba ngày, bốn tội đã được che giấu bốn ngày, năm tội đã được che giấu năm ngày, sáu tội đã được che giấu sáu ngày, bảy tội đã được che giấu bảy ngày, tám tội đã được che giấu tám ngày, chín tội đã được che giấu chín ngày, mười tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)... mười tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, như vậy những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất thì hội chúng hãy ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của các tội ấy đến vị tỳ khuru ấy.

[444] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)... mười tội đã được che giấu mười ngày. Bạch

*các ngài, những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội ấy.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[445] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ... (như trên) ... mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ... (như trên) ... mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[446] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng*



*hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp hỏ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành parivāsa: “Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hỏ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?”*

Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?” Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Pháp hỏ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây trong khi thực hành parivāsa: “Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hỏ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?” Vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ khuru ấy.

[447] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hòm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở tôi đây trong khi thực hành parivāsa: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’ Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[448] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành parivāsa: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai*

*tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hủ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp hủ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành parivāsa: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hủ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...*

*Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Này các tỳ khuru, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ khuru ấy nên thực hành *parivāsa* hai tháng.

[449] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy khởi ý như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?*” Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành *parivāsa*: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?*” Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ khuru ấy nên thực hành *parivāsa* hai tháng.

[450] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội vị ấy nhận biết, một tội vị ấy không nhận biết. Tội mà vị ấy nhận biết, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành *parivāsa*, vị ấy nhận biết được tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội ta đã nhận biết, một tội ta đã không nhận biết. Tội mà ta đã nhận biết, ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Trong khi thực hành parivāsa, ta đây nhận biết được luôn cả tội kia, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?*” Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã

được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ khuru ấy nên thực hành *parivāsa* hai tháng.

[451] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội vị ấy nhớ, một tội vị ấy không nhớ. Tội mà vị ấy nhớ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành *parivāsa*, vị ấy nhớ được luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội ta đã nhớ, một tội ta đã không nhớ. Tội mà ta đã nhớ, ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Trong khi thực hành parivāsa, ta đây nhớ được luôn cả tội kia, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?*” Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ khuru ấy nên thực hành *parivāsa* hai tháng.

[452] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội không có nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không có nghi ngờ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành *parivāsa*, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội không có nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không có nghi ngờ, ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Trong khi thực hành parivāsa, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?*” Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của

luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ khuru ấy nên thực hành *parivāsa* hai tháng.

[453] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có chủ tâm (*jānapaticchannā*), một tội đã được che giấu không có chủ tâm (*ajānapaticchannā*). Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang thực hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- Này các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa*?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có chủ tâm, một tội đã được che giấu không có chủ tâm. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa* vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Này các đại đức, tội nào đã được che giấu có chủ tâm, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các đại đức, còn tội nào đã được che giấu không có chủ tâm, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các đại đức, đối với tội này vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta*.

[454] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang thực hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa*?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa* vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tội nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tội nào đã được che giấu không có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, đối với tội này vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta*.

[455] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu không có nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang thực hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa*?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu không có nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa* vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tội nào đã được che giấu không có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tội nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, đối với tội này vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta*.

[456] Nay các tỳ khuru, có vị tỳ khuru nọ đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?*” Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành *parivāsa*: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?*”

Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:



- Nay các đại đức, tôi đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?*” Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở tôi đây trong khi thực hành *parivāsa*: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?*” Vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ khuru ấy.

[457] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hỏm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

“*Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Pháp hỏ then đã xuất hiện ở tôi đây trong khi thực hành parivāsa: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che*

*giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hỏ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[458] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp hỏ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành parivāsa: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hỏ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp*

*hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành parivāsa: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên xác định từ trước và nên thực hành *parivāsa* hai tháng.

[459] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy nghĩ như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?*” Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy trong khi thực hành *parivāsa*: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được*

*che giấu hai tháng đến ta đây. Pháp hộ thẹn đã xuất hiện ở ta đây trong khi thực hành parivāsa, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?”* Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên xác định từ trước và nên thực hành parivāsa hai tháng.

[460] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng vị ấy nhận biết, tháng kia vị ấy không nhận biết. Tháng mà vị ấy nhận biết, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsatháng ấy, là tháng vị ấy nhận biết, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy nhận biết luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng ta đã nhận biết, tháng kia ta đã không nhận biết. Tháng mà ta đã nhận biết, ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng ta nhận biết, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Trong khi thực hành parivāsa, ta đây nhận biết luôn cả tháng kia, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?”* Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên xác định từ trước và nên thực hành parivāsa hai tháng.

[461] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng vị ấy nhớ, tháng kia vị ấy không nhớ. Tháng mà vị ấy nhớ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsatháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng vị ấy nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy nhớ được tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng ta đã nhớ, tháng kia ta đã không nhớ. Tháng mà ta đã nhớ,*

*ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng ta đã nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Trong khi thực hành parivāsa, ta đây nhớ được luôn cả tháng kia, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?”* Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên xác định từ trước và nên thực hành parivāsa hai tháng.

[462] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng không có nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng không có nghi ngờ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng không có nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “*Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng không có nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng không có nghi ngờ, ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng không có nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Trong khi thực hành parivāsa, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia, hay là ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?”* Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên xác định từ trước và nên thực hành parivāsa hai tháng.

[463] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có chủ tâm, một tháng đã được che giấu không có chủ tâm. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng

đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang thực hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa*?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có chủ tâm, một tháng đã được che giấu không có chủ tâm. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa* vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tháng nào đã được che giấu có chủ tâm, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không có chủ tâm, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, đối với tháng này vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta*.

[464] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang thực hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa*?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa* vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tháng nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, đối với tháng này vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta*.

[465] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu không có nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang thực hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa*?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu không có nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này thực hành *parivāsa* vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tháng nào đã được che giấu không có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt *parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, đối với tháng này vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta*.

[466] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu). Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu); vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vì việc ấy hội chúng hãy ban cho hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch (*suddhantaparivāsa*)<sup>12</sup> của các tội ấy đến vị tỳ khuru ấy.

[467] Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

“*Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội saṅghādisesa. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu). Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy.*”

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[468] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:



*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội saṅghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu). Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội saṅghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu). Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...*

*Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[469] Và này các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho như vậy; hành phạt *parivāsa* nên được ban cho như vậy.

Này các tỳ khuru, thế nào là hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho?

Vị không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu) thì hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), không có

ngghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đēm (đã dẫu) thì hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội một phần không biết, không biết số lượng của các đēm, nhớ một phần số lượng của các tội một phần không nhớ, không nhớ số lượng của các đēm, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội một phần không có nghi ngờ, có nghi ngờ về số lượng của các đēm thì hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đēm một phần không biết, không nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đēm một phần không nhớ, có nghi ngờ về số lượng của các tội, (có nghi ngờ về một phần số lượng của các đēm một phần không có nghi ngờ thì hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đēm một phần không biết, nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đēm một phần không nhớ, không có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đēm một phần không có nghi ngờ thì hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội một phần không biết, biết một phần số lượng của các đēm một phần không biết, nhớ một phần số lượng của các tội một phần không nhớ, nhớ một phần số lượng của các đēm một phần không nhớ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội một phần không có nghi ngờ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đēm một phần không có nghi ngờ thì hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

Này các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch nên được ban cho như thế.

[470] Và này các tỳ khuru, thế nào là hành phạt *parivāsa* nên được ban cho?

Vị biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đēm (đã dẫu), nhớ số lượng của các tội, nhớ số lượng của các đēm (đã dẫu), không có nghi ngờ về số lượng của các tội, không có nghi ngờ về số lượng của các đēm (đã dẫu) thì hành phạt *parivāsa* nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đēm (đã dẫu), không nhớ số lượng của các tội, nhớ số lượng của các đēm (đã dẫu), có nghi

ngờ về số lượng của các tội, không có nghi ngờ về số lượng của các đê (đã dẫu) thì hành phạt *parivāsa* nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội một phần không biết, biết số lượng của các đê (đã dẫu), nhớ một phần số lượng của các tội một phần không nhớ, nhớ số lượng của các đê (đã dẫu), có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội một phần không có nghi ngờ, không có nghi ngờ về số lượng của các đê (đã dẫu) thì hành phạt *parivāsa* nên được ban cho.

Này các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* nên được ban cho như thế.

### **Dứt hành phạt *parivāsa*.**

[471] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ trong lúc thực hành *parivāsa* đã hoàn tục. Vị ấy đã trở lại và cầu xin sự tu lên bậc trên. Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[472] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* lại hoàn tục. Này các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[473] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* lại xuống sa di. Này các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị sa di. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[474] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* lại bị điên. Này các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị bị điên. Nhưng nếu vị ấy hết bị điên, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[475] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* bị loạn trí. Nay các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị bị loạn trí. Nhưng nếu vị ấy hết bị loạn trí, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[476] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* bị thọ khổ hành hạ (*vedanatto*). Nay các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị bị thọ khổ hành hạ. Nhưng nếu vị ấy hết bị thọ khổ hành hạ, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[477] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* lại bị án treo về việc không nhìn nhận tội. Nay các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[478] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* lại bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nay các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[479] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* lại bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào

đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Nên thực hành *parivāsa* phần còn lại.

[480] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, hành phạt *parivāsa* không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[481] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại xuống sa di. ...(như trên)... bị điên. ...(như trên)... bị loạn trí. ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ. ...(như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, sự (thực hành) trở lại từ đầu không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[482] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta* lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, hành phạt *mānatta* không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến vị ấy.

[483] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta* lại xuống sa di. ...(như trên)... bị điên. ...(như trên)... bị loạn trí. ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ. ...(như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, hành phạt *mānatta* không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được)

ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến vị ấy.

[484] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang thực hành hành phạt *mānatta* lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, việc thực hành hành phạt *mānatta* không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn. Nên thực hành phần còn lại.

[485] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang thực hành hành phạt *mānatta* lại xuống sa di. ...(như trên)... bị điên. ...(như trên)... bị loạn trí. ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ. ...(như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, việc thực hành hành phạt *mānatta* không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Phần hành phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn. Nên thực hành phần còn lại.

[486] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, sự giải tội không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn. Vị tỳ khuru ấy nên được giải tội.

[487] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội lại xuống sa di. ...(như trên)... bị điên. ...(như trên)... bị loạn trí. ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ. ...(như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, sự giải tội không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt *parivāsa* trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt *parivāsa* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành (là đã được) hoàn thành một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn. Hành phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn. Vị tỳ khuru ấy nên được giải tội.

### **Bốn mươi trường hợp được đầy đủ.**

[488] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định (*parimāṇāyo*), không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[489] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[490] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[491] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định (*aparimāṇāyo*), không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[492] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được

cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[493] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[494] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[495] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[496] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[497] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta* ...(như trên)...

[498] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang thực hành hành phạt *mānatta* ...(như trên)...

[499] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[500] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định,



có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[501] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[502] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[503] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[504] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[505] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[506] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[507] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên

được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

### **Ba mươi sáu trường hợp được đầy đủ.**

[508] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, hành phạt *mānatta* nên được ban cho vị tỳ khuru ấy.

[509] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[510] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[511] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[512] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào vị ấy đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy cũng không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[513] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào vị ấy đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành

phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[514] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào vị ấy đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[515] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào vị ấy đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[516] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[517] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm. Nay

các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[518] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[519] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[520] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[521] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị

ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[522] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[523] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[524] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[525] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[526] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[527] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

[528] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru sau khi phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống sa di. ...(như trên)... bị điên. ...(như trên)... bị loạn trí. ...(như trên)... (Phần dưới đây nên được giải thích tương tự). ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ. ...(như trên)... Các tội

của vị ấy có che giấu và không có che giấu. ...(như trên)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. ...(như trên)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. ...(như trên)... Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi đã trở lại hết bị thọ khổ hành hạ, các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. ...(như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. ... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. ... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trong thời gian trước đây và thời gian sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hành phạt *mānatta*.

### **Dứt một trăm trường hợp *mānatta*.**

[529] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[530] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[531] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[532] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[533] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[534] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[535] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.



[536] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không được che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[537] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[538] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[539] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy

đã không nhận biết và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[540] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhận biết và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[541] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[542] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[543] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[544] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[545] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[546] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã

hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[547] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[548] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[549] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc thực hành *parivāsa* đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống sa di. ...(như trên)... bị điên. ...(như trên)... bị loạn trí. ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ. ...(như trên)... Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu (Phần dưới đây nên được giải thích tương tự). ...(như trên)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. ...(như trên)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. ...(như trên)... Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm

các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi đã trở lại hết bị thọ khổ hành hạ, các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. ...(như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. ...(như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. ...(như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[550] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hành phạt *mānatta* ...(như trên)...

[551] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là vị đang thực hành hành phạt *mānatta* ...(như trên)...

[552] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. ...(như trên)... (Vị xứng đáng hành phạt *mānatta*, vị thực hành hành phạt *mānatta*, vị xứng đáng giải tội nên được giải thích như đã giải thích ở phần của vị thực hành *parivāsa*).

[553] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống sa di. ...(như trên)... bị điên. ...(như trên)... bị loạn trí. ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ. ...(như trên)... Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. ...(như trên)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội vị ấy không nhận biết. ...(như trên)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. ...(như trên)... Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội

ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi đã trở lại hết bị thọ khổ hành hạ, các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. ... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. ... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy đã không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu và hành phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

[554] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)... chưa được xác định, không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)... cùng một tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)... khác tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)... cùng nhóm phân loại (*sabhāgā*), không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)... khác nhóm phân loại (*visabhāgā*), không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)... riêng biệt (*vavatthitā*), không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)... có liên quan (*sambhinnā*)<sup>13</sup>, không che giấu, rồi hoàn tục. ... (như trên)...

[555] Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *saṅghādisesa* trong tội *saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[556] Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. Hai vị có nghi ngờ là tội *saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[557] Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội lần lộn (*missakadittḥino*) trong tội *saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[558] Hai vị tỳ khuru phạm tội lần lộn. Hai vị có quan điểm là tội *saṅghādisesa* trong tội lần lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[559] Hai vị tỳ khuru phạm tội lần lộn. Hai vị có quan điểm là tội lần lộn trong tội lần lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[560] Hai vị tỳ khuru phạm tội nhẹ (*suddhakam*)<sup>14</sup>. Hai vị có quan điểm là *saṅghādisesa* trong tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác). Cả hai vị nên được xử trí theo Pháp.

[561] Hai vị tỳ khuru phạm tội nhẹ. Hai vị có quan điểm là tội nhẹ trong tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác). Cả hai vị nên được xử trí theo Pháp.

[562] Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *saṅghādisesa* trong tội *saṅghādisesa*. Một vị (nghĩ rằng): “*Ta sẽ trình báo;*” vị kia (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không trình báo.*” Vị ấy giấu giếm vào canh thứ nhất, giấu giếm vào canh thứ nhì, giấu giếm vào canh thứ ba, khi hừng đông đã ló dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[563] Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *saṅghādisesa* trong tội *saṅghādisesa*. Hai vị trong khi đi (bàn bạc rằng): “*Chúng ta sẽ trình báo.*” Trên đường đi, pháp giả dối sanh khởi ở một vị (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không trình báo.*” Vị ấy giấu giếm vào canh thứ nhất,

giấu giếm vào canh thứ nhì, giấu giếm vào canh thứ ba, khi hùng đông đã lộ dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[564] Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *saṅghādisesa* trong tội *saṅghādisesa*. Hai vị bị điên. Về sau, khi hai vị hết bị điên, một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[565] Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. Trong khi giới bốn Pātimokkha được đọc tụng, hai vị phát biểu như vậy:

- Cho đến hôm nay chúng tôi mới biết được rằng: “Nghe nói pháp này cũng được truyền lại trong giới bốn (*suttāgato*), được chứa đựng trong giới bốn (*suttapariyāpanno*) và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng.”

Hai vị có quan điểm là tội *saṅghādisesa* trong tội *saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội *dukkata* (tác ác) và nên ban cho hành phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hành phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

[566] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsak*ết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, rồi giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[567] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng



có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsak*ết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[568] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsak*ết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[569] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsak*ết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp

đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[570] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsakét* hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[571] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsakét* hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[572] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsakét* hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành

phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[573] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

[574] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* không

đúng Pháp, và giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

### **Đứt chín trường hợp không được trong sạch từ căn bản.**

[575] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, không có che giấu. ...(như trên)... được xác định, có che giấu. ...(như trên)... được xác định, có che giấu và không có che giấu. ...(như trên)... Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

[576] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, không có che giấu. ...(như trên)... chưa được xác định, có che giấu. ...(như trên)... chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

[577] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành

phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, không có che giấu. ...(như trên)... được xác định và chưa được xác định, có che giấu. ...(như trên)... được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

### **Dứt chín trường hợp được trong sạch từ căn bản.**

[578] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)..., riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: “*Ta đang thực hành parivāsa,*” dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: “*Ta đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Trong lúc thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng đã cho ta đây, dầu đang ở*

vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và đã ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang thực hành *parivāsa*,’ dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta đây nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, hay là ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (nên cầu xin) hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (nên cầu xin) hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và (nên cầu xin) sự giải tội đúng Pháp?’ Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng cho vị ấy được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

[579] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, có che giấu. ...(như trên)... được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang thực hành *parivāsa*,” dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào

giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: “*Ta đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Trong lúc thực hành parivāsa, dầu ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng đã cho ta đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang thực hành parivāsa,’ dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta đây nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, hay là ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (nên cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (nên cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (nên cầu xin) sự giải tội đúng Pháp?” Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) sự hành parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng ban cho vị ấy được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, và ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.*

[580] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội saṅghādisesa: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, cùng một tội danh cũng có, khác tội danh cũng có, cùng nhóm phân loại cũng có, khác nhóm phân loại cũng có, riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsakết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành

phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* chưa được xác định, không có che giấu. ... (như trên)... chưa được xác định, có che giấu. ... (như trên)... chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: “*Ta đang thực hành parivāsa,*”... (như trên)... ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

[581] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ... (như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Vị ấy, trong khi biết rằng: “*Ta đang thực hành parivāsa*” ... (như trên)... ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

[582] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ... (như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa



chùng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: “*Ta đang thực hành parivāsa,*” dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: “*Ta đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ... (như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Trong lúc thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, ta đây đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Ta đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng. Hội chúng đã cho ta đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang thực hành parivāsa,’ dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, ta đây đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta đây nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội khác, hay là ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội khác, (nên cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (nên cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (nên cầu xin) sự giải tội đúng Pháp?”* Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chùng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội khác, (cầu xin) sự hành *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng ban cho vị ấy được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chùng của các tội khác, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

[583] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)... riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *parivāsa*, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: “*Ta đang thực hành parivāsa,*” dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: “*Ta đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định cũng có, chưa được xác định cũng có, ...(như trên)..., riêng biệt cũng có, có liên quan cũng có. Ta đây đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Trong lúc thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng đã cho ta đây, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội, và đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang thực hành parivāsa,’ dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đây đã phạm nhiều tội saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, hay là ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (nên cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (nên cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (nên cầu xin) sự giải tội đúng Pháp?”* Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào

giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng ban cho vị ấy được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, và ban cho hành phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hành phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

**Dứt Chương Tích Lũy Tội là chương thứ ba.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[584]

*Không che giấu một ngày,*

*hai ngày, rồi ba ngày,*

*bốn ngày, và năm ngày,*

*nửa tháng, hoặc mười ngày,*

*bậc Đại Sĩ thuyết tội,*

*tội nhẹ, dầu hoàn tục*

*các tội vẫn xác định.*

*Có hai vị tỳ khuru*

*trường hợp này suy nghĩ*

*cả hai đều nghi ngờ,*

*nghĩ rằng tội lẫn lộn,*

*lẫn lộn và không lẫn,*

*suy nghĩ rằng tội nặng,  
cũng thế nghĩ tội nhẹ,  
rồi một vị giấu giếm,  
vị kia không giấu giếm,  
và rồi pháp giả dối,  
bị điên, và sám hối,  
mười tám lại từ đầu,  
và rồi được trong sạch.  
Các lời thuyết giảng này  
để tồn tại Chánh Pháp  
chính là sự ban cho  
của các giáo thọ sư  
của nhóm Vibhajja  
thường trú ngôi Đại Tự  
(Mahāvihāra)  
làm rặng ngòi hòn đảo  
tên Tambapaṇṇi.*

---o0o---

#### ***IV. CHƯƠNG DÀN XẾP (SAMATHAKKHANDHAKAM)***

##### **01. HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN (SAMMUKHĀVINAYO):**

[585] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư

thực thi các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các vị tỳ khuru không có hiện diện. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại thực thi các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư thực thi các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khuru, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm. Nay các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực thi các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện; vị nào thực thi thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[586] Một người nói sai Pháp, nhiều người nói sai Pháp, hội chúng nói sai Pháp. Một người nói đúng Pháp, nhiều người nói đúng Pháp, hội chúng nói đúng Pháp.

[587] Một người nói sai Pháp khiến cho một người nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói sai Pháp khiến cho nhiều người nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói sai Pháp khiến cho hội chúng nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói sai Pháp khiến cho một người nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói sai Pháp khiến cho nhiều người nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói sai Pháp khiến cho hội chúng nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói sai Pháp khiến cho một người nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng

ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói sai Pháp khiến cho nhiều người nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói sai Pháp khiến cho hội chúng nói đúng Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

### **Dứt chín trường hợp của nửa phần tối.**

[588] Một người nói đúng Pháp khiến cho một người nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói đúng Pháp khiến cho nhiều người nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói đúng Pháp khiến cho hội chúng nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói đúng Pháp khiến cho một người nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói đúng Pháp khiến cho nhiều người nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói đúng Pháp khiến cho hội chúng nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói đúng Pháp khiến cho một người nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói đúng Pháp khiến cho nhiều người nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói đúng Pháp khiến cho hội chúng nói sai Pháp biết được, khiến cho nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này.*” Nếu sự tranh tụng



ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

### **Dứt chín trường hợp của nửa phần sáng.**

---o0o---

## **02. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG SỰ GHI NHỚ (SATIVINAYO)**

[589] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Rājagaha, Veluvana (Trúc Lâm), nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, phạm vi A-la-hán đã được đại đức Dabba Mallaputta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Vị ấy đã thành đạt tất cả những gì vị đệ tử cần phải chứng đạt. Và đối với vị ấy, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm (các việc) đã làm.

[590] Khi ấy, đại đức Dabba Mallaputta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: *“Phạm vi A-la-hán đã được ta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Ta đã thành đạt tất cả những gì vị đệ tử cần phải chứng đạt. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm (các việc) đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?”* Rồi điều này đã khởi đến cho đại đức Dabba Mallaputta: *“Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?”*

[591] Sau đó vào buổi tối, đại đức Dabba Mallaputta đã xuất khỏi thiền tịnh và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Dabba Mallaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: *“Phạm vi A-la-hán đã được ta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Ta đã thành đạt tất cả những gì vị đệ tử cần phải chứng đạt. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm (các việc) đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?”* Bạch ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: *“Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?”* Bạch ngài, con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

- Nay Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Chính vì điều ấy người hãy phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

- Bạch ngài, xin vâng. Đại đức Dabba Mallaputta đã đáp lời đức Thế Tôn.

[592] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các vị tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, Dabba cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Đại đức Dabba Mallaputta đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[593] Và khi đã được chỉ định, đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các tỳ khuru có cùng sở hành. Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các tỳ khuru chuyên về Kinh (nghĩ rằng): *“Các vị sẽ tụng đọc Kinh với nhau.”* Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các tỳ khuru rành rẽ về Luật (nghĩ rằng): *“Các vị sẽ xác định về Luật với nhau.”* Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các tỳ khuru chuyên giảng Pháp (nghĩ rằng): *“Các vị sẽ thảo luận về Pháp với nhau.”* Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các tỳ khuru chuyên thiền định (nghĩ rằng): *“Các vị sẽ không quấy rầy lẫn nhau.”* Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các tỳ khuru chuyên nói chuyện thể tục, sinh hoạt có nhiều sự năng động về thân (nghĩ rằng): *“Các đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy.”* Còn các tỳ khuru đi đến vào buổi tối, vị ấy nhập thiền đề mục ánh sáng và phân bố chỗ trú ngụ cho các vị ấy bằng chính ánh sáng ấy. Cho nên các tỳ khuru cố ý đi đến vào buổi tối (nghĩ rằng): *“Chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ diệu về thân thông của đại đức Dabba*

*Mallaputta.*” Sau khi đi đến gặp đại đức Dabba Mallaputta, các vị ấy nói như vậy:

- Nay đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ trú ngụ cho chúng tôi.

Đại đức Dabba Mallaputta nói với các vị ấy như vậy:

- Các đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào?

Các vị ấy cố ý đề cập các chỗ ở xa xôi:

- Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở núi Gijjhakūṭa (Linh Thúu). Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở khe núi Kê Cướp. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa (Thất Diệp). Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Sītavana (Hàn Lâm), động Sappasonḍika. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Gomāṭa. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Tiṇḍuka. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Kapota. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở khu vườn Tapoda. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở vườn xoài của Jīvaka. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Maddakucchi, nơi vườn nai.

Đối với các vị ấy, đại đức Dabba Mallaputta đã nhập thiền đề mục ánh sáng và đi ở phía trước với ngón tay được thấp sáng. Chính nhờ ánh sáng ấy, các vị ấy đi theo sát ở phía sau đại đức Dabba Mallaputta. Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ cho các vị ấy như vậy:

- Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước rửa, đây là gậy chống, đây là qui định của hội chúng: “*Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.*”

Sau khi đã phân bố chỗ trú ngụ cho các vị ấy như thế, đại đức Dabba Mallaputta quay trở về lại Veluvana.

[594] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka<sup>15</sup> chỉ là các vị mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú ngụ kém thuộc về hội chúng và những bữa ăn tồi. Vào lúc bảy giờ, dân

chúng ở Rājagaha mong muốn cúng dường đến các tỳ khưu trưởng lão thức ăn được chuẩn bị hoàn hảo gồm có bơ lỏng, dầu ăn, phần ăn ngon, và thường dâng đến các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về sau bữa ăn thường hỏi các tỳ khưu trưởng lão rằng:

- Nay các đại đức, trong nhà ăn các vị đã có thức gì? Các vị đã không có thức gì?

Một số trưởng lão trả lời như vậy:

- Nay các đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dầu ăn, có phần ăn ngon.

Các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vậy:

- Nay các đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

[595] Vào lúc bấy giờ, có vị gia chủ là người có bữa ăn ngon thường cúng dường đến hội chúng bữa ăn gồm bốn phần là bữa ăn thường lệ. Vị ấy cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn. Họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn, và dâng các vị khác phần ăn ngon.

[596] Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vị gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện do công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến gặp đại đức Dabba Mallaputta, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Dabba Mallaputta rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Dabba Mallaputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đại đức Dabba Mallaputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với đại đức Dabba Mallaputta điều này:

- Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi đã được sắp xếp cho vị nào?

- Nay gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sắp xếp cho các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Khi ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được hài lòng (nghĩ rằng): “*Tại sao các tỳ khuru tôi lại thọ thực ở nhà của chúng ta?*” rồi đã đi về nhà và dặn dò người tớ gái rằng:

- Nay con, hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và dâng cho họ com tấm và món thứ hai là cháo chua.

- Thưa chủ nhân, xin vâng. Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon.

Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka (bàn bạc rằng): “*Này các đại đức, hôm qua bữa ăn của vị gia chủ là người có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta. Họ sẽ dâng các vị này com, sẽ dâng các vị kia canh, sẽ dâng các vị nọ dầu ăn, và sẽ dâng các vị khác phần ăn ngon.*” Do chính tâm vui mừng ấy, ban đêm các vị đã không ngủ được như ý.

Sau đó vào buổi sáng, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thấy các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka từ đằng xa đang đi lại, sau khi thấy đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho và nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Thưa các ngài, xin hãy ngồi.

Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý rằng: “*Chấn hấn đến giờ này bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thế này!*” Sau đó, cô tớ gái ấy đã trở lại với com tấm và món thứ hai là cháo chua (nói rằng):

- Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.

- Nay chị, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ.

- Tôi biết các ngài đại đức là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tuy nhiên, chính ngày hôm qua tôi đã được gia chủ dặn dò rằng: “*Hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và dâng cho họ com tấm và món thứ hai là cháo chua.*” Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.

Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka (bàn bạc rằng): “*Này các đại đức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện gặp Dabba Mallaputta. Chắc chắn rằng chúng ta đã bị Dabba Mallaputta ly gián với vị gia chủ!*” Chính vì tâm bực bội ấy, các vị ấy đã không thọ thực được như ý. Sau đó, khi trở về từ chỗ thọ thực sau bữa ăn, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ rơi y bát, rồi ngồi xuống ôm đầu gối bằng y hai lớp (saṅghāṭipallatthikāya) ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, xấu hổ, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng.

Khi ấy, tỳ khuru ni Mettiyā đã đi đến gặp các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài đại đức.

Khi được nói như thế, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, tỳ khuru ni Mettiyā đã nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài đại đức.

Đến lần thứ ba, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

- Có phải tôi làm phật lòng các ngài đại đức? Tại sao các ngài đại đức không nói chuyện với tôi?

- Này cô ni, bởi vì cô vẫn đứng dung như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.

- Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì?

- Này cô ni, nếu cô chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay đức Thế Tôn có thể trục xuất Dabba Mallaputta.

- Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?

- Này cô ni, cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vậy: *“Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sâu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sâu khổ. Từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.”*

- Thừa các ngài đại đức, xin vâng.

Rồi tỳ khuru ni Mettiyā nghe theo các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, tỳ khuru ni Mettiyā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sâu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sâu khổ. Từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.

[597] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều tỳ khuru ni này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết rõ mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều tỳ khuru ni này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết rõ mà.

- Này Dabba, các vị (dòng dõi) Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: *“Có làm;”* nếu người không làm, hãy nói: *“Không làm.”*

- Bạch ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đời lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, chính vì việc ấy các người hãy trực xuất tỳ khuru ni Mettiyā và hãy tra hỏi các tỳ khuru này.

Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào trú xá.

Sau đó, các tỳ khuru ấy đã trực xuất tỳ khuru ni Mettiyā. Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các tỳ khuru ấy điều này:

- Này các đại đức, chớ có trực xuất tỳ khuru ni Mettiyā, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý định loại trừ nên xúi giục cô ta thôi.

- Này các đại đức, có phải các vị bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ?

- Này các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru Mettiya và Bhummajaka bôi nhọ Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, chính vì việc ấy hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ<sup>16</sup>. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, Dabba



Mallaputta ấy nên đi đến hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này tôi nhờ với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ tôi đây cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.*

*Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba:*

*Bạch các ngài, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này tôi nhờ với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ tôi đây cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ lần thứ ba.”*

[598] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này tôi nhờ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, đại đức Dabba Mallaputta cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này tôi nhờ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, đại đức Dabba Mallaputta cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này tôi nhờ đại*

*đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, đại đức Dabba Mallaputta cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[599] Nay các tỳ khuru, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Vị tỳ khuru được trong sạch không có phạm tội, các vị (khác) vu cáo vị ấy, vị ấy cầu xin, hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị ấy đúng Pháp, với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

---o0o---

### **03. HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG (AMŪLHAVINAYO)**

[600] Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru Gagga bị điên và bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện (bởi vị ấy) khi bị điên, bị thay đổi tâm tính:

- Nay đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.

Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng:

- Nay đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?

Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru lại khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện khi vị ấy bị điên, bị thay đổi tâm tính: “*Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.*” Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: “*Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?*”

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, chính vì việc ấy hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không điên cuồng. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Gagga ấy nên đi đến hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

“*Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Tôi nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.’ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Bạch các ngài, giờ không điên cuồng tôi đây cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.*”

*Nên cầu xin đến lần thứ nhì. ...(như trên)...*

*Nên cầu xin đến lần thứ ba: Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Tôi nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.’ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Bạch các ngài, giờ không điên cuồng tôi đây cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng lần thứ ba.”*

[601] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Gagga này đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Vị ấy giờ không điên cuồng nên cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không điên cuồng. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Gagga này đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã*

*được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Vị ấy giờ không điên cuồng nên cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không điên cuồng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...*

*Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Gagga khi không điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[602] Này các tỳ khuru, đây là ba sự ban cho không đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ba (sự ban cho) là đúng Pháp.

Thế nào là ba sự ban cho không đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng?

- Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?*” Vị ấy dầu có nhớ, vẫn nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế.*” Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là không đúng Pháp.

[603] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?*” Vị ấy dầu có nhớ, vẫn nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy.*” Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là không đúng Pháp.

[604] Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?*” Vị ấy, là vị không bị điên, (giả vờ) hành

động trên cơ sở bị điên (nói rằng): *“Tôi cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vị.”* Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là không đúng Pháp.

Đây là ba sự ban cho không đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

[605] Thế nào là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: *“Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?”* Vị ấy không nhớ được nên nói như vậy: *“Này các đại đức, tôi không nhớ được là đã phạm tội như thế.”* Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

[606] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: *“Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?”* Vị ấy không nhớ được nên nói như vậy: *“Này các đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy.”* Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

[607] Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: *“Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?”* Vị ấy là vị bị điên, hành động trên cơ sở bị điên (nói rằng): *“Tôi cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vị.”* Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

Đây là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

---o0o---

#### **04. VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHẬN (PAṬIÑÑĀTAKARAṆAM)**

[608] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thực thi các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đối với các tỳ khuru không có sự thừa nhận. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại thực thi các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đối các tỳ khuru không có sự thừa nhận?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo không nên thực thi đối với các tỳ khuru không có sự thừa nhận; vị nào thực thi thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[609] Này các tỳ khuru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như vậy là không đúng Pháp, như vậy là đúng Pháp.

Và này các tỳ khuru, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp?

- Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika* (bất cộng trụ). Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội pārājika?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội saṅghādisesa (Tăng tàng).*” Hội chúng hành sự cho

vị ấy với tội *saṅghādisesa*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội pārājika?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội thullaccaya (trọng tội).*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *thullaccaya*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội pārājika?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội pācittiya (vng đối trị).*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *pācittiya*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội pārājika?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội pāṭidesanīya (vng phát lộ).*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *pāṭidesanīya*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội pārājika?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội dukkaṭa (tác ác).*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *dukkata*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội pārājika?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội dubbhāsita (ác khẩu).*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *dubbhāsita*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. ...(như trên)... tội *thullaccaya*. ...(như trên)... tội *pācittiya*. ...(như trên)... tội *pāṭidesanīya*. ...(như trên)... tội *dukkata*. ...(như trên)... tội *dubbhāsita*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội dubbhāsita?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội dubbhāsita, tôi đã phạm tội pārājika.*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *pārājika*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.



Vị tỳ khuru phạm tội *dubbhāsita*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội dubbhāsita?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã không phạm tội dubbhāsita, tôi đã phạm tội saṅghādisesa... (như trên)... tội thullaccaya. ... (như trên)... tội pācittiya. ... (như trên)... tội pāṭidesanīya. ... (như trên)... tội dukkaṭa.*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *dukkata*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Này các tỳ khuru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là không đúng Pháp.

[610] Này các tỳ khuru, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp?

- Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội pārājika?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã phạm tội pārājika.*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *pārājika*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa. ... (như trên)... tội thullaccaya. ... (như trên)... tội pācittiya. ... (như trên)... tội pāṭidesanīya. ... (như trên)... tội dukkaṭa. ... (như trên)... tội dubbhāsita*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “*Có phải đại đức đã phạm tội dubbhāsita?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã phạm tội dubbhāsita.*” Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *dubbhāsita*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Này các tỳ khuru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là đúng Pháp.

---o0o---

## 05. THUẬN THEO SỐ ĐÔNG (YEBHUYYSIKĀ)

[611] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sống có nảy sinh các sự xung đột giữa hội chúng, có nảy sinh các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, và làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế thuận theo số đông. Vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện nên được chỉ định làm vị phân phát thẻ (salākaggāhāpako): là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, và là vị biết (thẻ) đã được nhận hay đã không được nhận.

Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[612] Nay các tỳ khuru, đây là mười sự phân phát thẻ không đúng Pháp, mười (sự phân phát thẻ) đúng Pháp.

Thế nào là mười sự phân phát thẻ không đúng Pháp?

- Khi sự tranh tụng là việc nhỏ nhặt, chưa đến mức phải xử lý<sup>17</sup>, không được nhớ lại hoặc (không được) làm cho nhớ lại, (vị phân phát thẻ) biết rằng: “Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,” (nghĩ rằng): “Có lẽ các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,” biết rằng: “Hội chúng sẽ bị chia rẽ,” (nghĩ rằng): “Có lẽ hội chúng sẽ bị chia rẽ,” các vị nhận lãnh thẻ không được hợp lệ, các vị có sự chia phe nhóm khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh không theo quan điểm (của bản thân).

Đây là mười sự phân phát thẻ không đúng Pháp.

[613] Thế nào là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp?

- Khi sự tranh tụng không phải là việc nhỏ nhặt, đã đến mức phải xử lý, được nhớ lại hoặc (được) làm cho nhớ lại, (vị phân phát thẻ) biết rằng: “*Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,*” (nghĩ rằng): “*Có lẽ các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,*” biết rằng: “*Hội chúng sẽ không bị chia rẽ,*” (nghĩ rằng): “*Có lẽ hội chúng sẽ không bị chia rẽ,*” các vị nhận lãnh thẻ một cách hợp lệ, các vị có sự hợp nhất khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh theo quan điểm (của bản thân).

Đây là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp.

---o0o---

## 06. THEO TỘI CỦA VỊ ẤY (TASSAPĀPIYASIKĀ)

[614] Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru Upavāḷa trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Các tỳ khuru ít ham muốn ... (như trên) ..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ khuru Upavāḷa trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá?

Sau đó, các tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, nghe nói ... (như trên) ..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, chính vì việc ấy hội chúng hãy thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Upavāḷa. Và này các tỳ khuru, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ khuru Upavāḷa cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần được xác định tội; sau khi được xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Upavāḷa này trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa*

*nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Upavāḷa. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Upavāḷa này trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Upavāḷa. Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Upavāḷa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...*

*Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực thi đến tỳ khuru Upavāḷa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[615] Đây các tỳ khuru, đây là năm sự thực thi đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy: Là vị không trong sạch, không có hồ thẹn, có sự khiển trách, hội chúng thực thi hành sự theo tội của vị ấy cho vị ấy đúng Pháp, với sự hợp nhất.

Này các tỳ khuru, đây là năm sự thực thi đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy.

[616] Đây các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận (*appaṭiññāya katam*). Đây các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

...(như trên)...

Này các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Đây các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy hội

đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[617] Nay các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi với sự thừa nhận (paṭiññāya kaṭaṃ). Nay các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

...(như trên)...

Nay các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[618] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru hội đủ ba đặc tính: Vị thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); vị thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru hội đủ ba đặc tính này.

[619] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru hội đủ ba đặc tính khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sai quấy. Nay các tỳ khuru, ...(như trên)... ba đặc tính này.

[620] Nay các tỳ khuru, ...(như trên)... ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai đức Pháp, vị chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru hội đủ ba đặc tính này.

[621] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); hạng thân

cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru này.

[622] Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sái quấy. Nay các tỳ khuru, ...(như trên)... ba hạng tỳ khuru này.

[623] Nay các tỳ khuru, ...(như trên)... ba hạng tỳ khuru khác nữa: hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai đức Pháp, hạng chê bai đức Tăng. Nay các tỳ khuru, nếu muốn hội chúng có thể thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru này.

[624] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru được thực thi hành sự theo tội của vị ấy nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, ...(như trên)..., không nên tạo bè phái với các tỳ khuru.

Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với tỳ khuru Upavāḷa.

---o0o---

## 07. CÁCH DÙNG CỎ CHE LẤP (TIṆAVATTHĀRAKAM)

[625] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Khi ấy, điều này đã khởi đến các vị tỳ khuru ấy: *“Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?”* Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[626] - Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không

xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy nếu các tỳ khuru (nghĩ) như vậy: “*Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?*” Nay các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

[627] Và nay các tỳ khuru, nên giải quyết như vậy: Tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng<sup>18</sup>, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.”*

Một vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng:

*“Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư đại đức và tội của tôi vì sự lợi ích của chính chư đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.”*

[628] Rồi một vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng:

*“Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không*

*xúng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư đại đức và tội của tôi vì sự lợi ích của chính chư đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.”*

[629] Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về một phe rằg:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Các tội này của chúng tôi đã được sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*



[630] Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về phe kia rằng:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Các tội này của chúng tôi đã được sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[631] Và này các tỳ khuru, như thế các tỳ khuru ấy đã được thoát khỏi các tội ấy ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, ngoại trừ (các vị) có quan điểm khác về hành sự này, ngoại trừ các vị không hiện diện ở đó.

## 08. SỰ TRANH TỤNG

[632] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru tranh cãi với các tỳ khuru ni, các tỳ khuru ni cũng tranh cãi với các tỳ khuru. Tỳ khuru Channa sau khi theo phe các tỳ khuru ni cũng tranh cãi với các tỳ khuru và được xem là thuộc phe các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ khuru Channa sau khi theo phe các tỳ khuru ni lại tranh cãi với các tỳ khuru và được xem là thuộc phe các tỳ khuru ni?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, đây là bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

[633] Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru tranh cãi rằng: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” hoặc “*Đây là Luật,*” hoặc “*Đây không phải là Luật,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế thuyết giảng và nói đến,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế thuyết giảng và nói đến,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế thực hành,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế thực hành,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế quy định,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế quy định,*” hoặc “*Điều ấy là phạm tội,*” hoặc “*Điều ấy là không phạm tội,*” hoặc “*Điều ấy là tội nhẹ,*” hoặc “*Điều ấy là tội nặng,*” hoặc “*Tội còn dư sót,*” hoặc “*Tội không còn dư sót,*” hoặc “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*” Ở đây, việc nào là sự xung đột, sự gây gổ, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, cãi vã là thói thường của sự nóng nảy (*vipaccatāya vohāro medhagam*); việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[634] Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc (amusampavaṅkatā), sự xúi giục (abbhussahanatā), sự khích động (anubalappadānaṃ); việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

[635] Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tội?

- Năm nhóm tội<sup>19</sup> là sự tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội<sup>20</sup> là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tội.

[636] Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

- Việc gì thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành cần phải thực thi (tức là) hành sự với lời công bố (apalokanakamma)<sup>21</sup>, hành sự với lời đề nghị (ñattikamma), hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai (ñattidutiyakamma), hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư (ñatticatutthakamma). Việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

[637] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là gì?

- Có sáu nguyên nhân tranh cãi là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Sáu nguyên nhân tranh cãi nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trở nên giận dữ có sự hần học. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào trở nên giận dữ, có sự hần học, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Giáo Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng hội chúng; vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ... (như trên)... Giáo Pháp, ... (như trên)... hội chúng..., có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh

cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

[638] Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa: Có vị tỳ khuru trở nên đạo đức giả và dối trá, ...(như trên)..., trở nên đố kỵ và bòn xén, ...(như trên)..., trở nên mưu mẹo và xảo trá, ...(như trên)..., trở nên ác dục và tà kiến, ...(như trên)..., trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Giáo Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Hội chúng; vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ...(như trên)... Giáo Pháp, ...(như trên)... Hội chúng..., có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Sáu nguyên nhân tranh cãi này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[639] Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Đây các tỷ khuru, trường hợp các tỷ khuru tranh cãi do tâm tham lam, tranh cãi do tâm xấu xa, tranh cãi do tâm mê muội rằng: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” hoặc “*Đây là Luật,*” hoặc “*Đây không phải là Luật,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế thuyết giảng và nói đến,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế thuyết giảng và nói đến,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế thực hành,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế thực hành,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế quy định,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế quy định,*” hoặc “*Điều ấy là phạm tội,*” hoặc “*Điều ấy là không phạm tội,*” hoặc “*Điều ấy là tội nhẹ,*” hoặc “*Điều ấy là tội nặng,*” hoặc “*Tội còn dư sót,*” hoặc “*Tội không còn dư sót,*” hoặc “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*”

Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[640] Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Đây các tỷ khuru, trường hợp các tỷ khuru tranh cãi do tâm không tham lam, tranh cãi do tâm không xấu xa, tranh cãi do tâm không mê muội rằng: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” ...(như trên)... hoặc “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*”

Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[641] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là gì?

- Có sáu nguyên nhân khiển trách là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cơ thể (thân) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và lời nói (khẩu) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

[642] Sáu nguyên nhân khiển trách nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trở nên giận dữ có sự hằn học. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Giáo Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Hội chúng; vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ... (như trên)... Giáo Pháp, ... (như trên)... Hội chúng..., có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

[643] Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa: Có vị tỳ khuru trở nên đạo đức giả và dối trá, ... (như trên)..., trở nên đố kỵ và bòn xén, ... (như trên)..., trở nên mưu mẹo và xảo trá, ... (như trên)..., trở nên ác độc và tà kiến, ... (như trên)..., trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Giáo Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Hội chúng; vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ... (như trên)... Giáo Pháp, ... (như trên)... Hội chúng..., có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc

khách quan, này các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Sáu nguyên nhân khiến trách này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

[644] Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách?

- Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiến trách vị tỳ khuru do tâm tham lam, khiến trách do tâm xấu xa, khiến trách do tâm mê muội với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng.

Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

[645] Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách?

- Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiến trách vị tỳ khuru do tâm không tham lam, khiến trách do tâm không xấu xa, khiến trách do tâm không mê muội với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng.

Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

[646] Cơ thể (thân) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách?

- Ở đây có vị có màu da tối, có vóc dáng xấu xí, dị dạng (okotimako), nhiều bệnh: hoặc là chột mắt, hoặc là chân bị tật, hoặc bị què, hoặc bị liệt nửa thân, các vị khiến trách vị ấy về điều ấy. Cơ thể (thân) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

[647] Lời nói (khẩu) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách?

- Ở đây có vị có giọng nói khó (nghe), có tật cà lăm, có giọng nói khàn khàn, các vị khiển trách vị ấy về điều ấy. Lời nói (khẩu) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

[648] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội là gì?

- Sáu nguồn sanh tội là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội. Có sự phạm tội sanh lên do thân, không do khẩu không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu, không do thân không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. Có sự phạm tội sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Sáu nguồn sanh tội này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội.

[649] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là gì?

- Có một nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là: Hội chúng.

[650] Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt, là xấu, (hay) là không tốt không xấu?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

[651] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là xấu?

- Đây các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu tranh cãi do tâm bất thiện: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” ...(như trên)... “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*” Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, cãi vã là thói thường của sự nóng nảy; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là xấu.

[652] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là tốt?

- Đây các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu tranh cãi do tâm thiện: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” ...(như trên)... hoặc “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*” Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, cãi vã là thói



thường của sự nóng nảy; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là tốt.

[653] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là không tốt không xấu?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru tranh cãi do tâm vô ký: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” ... (như trên)... hoặc “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*” Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, cãi vã là thói thường của sự nóng nảy; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là không tốt không xấu.

[654] Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt, là xấu, (hay) là không tốt không xấu?

- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

[655] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là xấu?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru do tâm bất thiện khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là xấu.

[656] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là tốt?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru do tâm thiện khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là tốt.

[657] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là không tốt không xấu?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru do tâm vô ký khiến trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là không tốt không xấu.

[658] Sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt, là xấu, (hay) là không tốt không xấu?

- Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt.

[659] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là xấu?

- Nay các tỳ khuru, việc (vị tỳ khuru) có sự vi phạm trong khi nhận biết, trong khi nhận thức rõ, đã cố ý, rồi vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là không tốt không xấu?

- Nay các tỳ khuru, việc (vị tỳ khuru) có sự vi phạm trong khi không nhận biết, trong khi không nhận thức rõ, đã không cố ý, rồi không vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội được gọi là không tốt không xấu.

[660] Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt, là xấu, (hay) là không tốt không xấu?

- Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

[661] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là xấu?

- Việc hội chúng thực thi hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư với tâm bất thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là xấu.

[662] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là tốt?

- Việc hội chúng thực thi hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư với tâm thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là tốt.

[663] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là không tốt không xấu?

- Việc hội chúng thực thi hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư với tâm vô ký; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là không tốt không xấu.

[664] (Một việc có thể) là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh cãi không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự tranh cãi, vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi (hay không)?

- (Một việc) có thể là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có thể là sự tranh cãi không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự tranh cãi, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

[665] Ở đây, việc nào là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Nay các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu tranh cãi rằng: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” ... (như trên)... hoặc “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*” Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gỗ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, cãi vã là thói thường của sự nóng nảy; việc ấy là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, việc nào là sự tranh cãi không là sự tranh tụng?

- Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chị em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc ấy là sự tranh cãi không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự tranh cãi?

- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; việc ấy là sự tranh tụng không là sự tranh cãi.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

[666] (Một việc có thể) là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự khiển trách không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách (hay không)?

- (Một việc) có thể là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có thể là sự khiển trách không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự khiển trách, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

[667] Ở đây, việc nào là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, việc nào là sự khiển trách nào không là sự tranh tụng?

- Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; việc ấy là sự khiển trách không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự khiển trách?

- Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; việc ấy là sự tranh tụng không là sự khiển trách.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách?

- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

[668] (Một việc có thể) là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự phạm tội không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự phạm tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội (hay không)?

- (Một việc) có thể là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội, có thể là sự phạm tội không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự phạm tội, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

[669] Ở đây, việc nào là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội?

- Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội, và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội.

Ở đây, việc nào là *āpatti* (sự phạm tội) không là sự tranh tụng?

- Quả vị Nhập Lưu (*Sotāpatti*), sự thành đạt (*samāpatti*) (đây là nghệ thuật chơi chữ với từ *āpatti*); việc ấy là *āpatti* (sự phạm tội) không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự phạm tội?

- Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; việc ấy là sự tranh tụng không là sự phạm tội.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội?

- Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

[670] (Một việc có thể) là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là nhiệm vụ không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là nhiệm vụ, vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ (hay không)?

- (Một việc) có thể là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có thể là nhiệm vụ không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là nhiệm vụ, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

[671] Ở đây, việc nào là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

- Nay các tỳ khuru, việc nào thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực thi (tức là) hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư; việc ấy là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào là nhiệm vụ không là sự tranh tụng?

- Nhiệm vụ của thầy giáo thọ, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy giáo thọ; việc ấy là nhiệm vụ không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là nhiệm vụ?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự tranh tụng không là nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ?

- Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

---o0o---

## **09. CHỈ ĐỊNH CÁCH DÀN XẾP MỘT SỰ TRANH TỤNG**

[672] Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện và bằng cách thuận theo số đông.

Nếu sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không áp dụng được một cách dàn xếp là thuận theo số đông, thì có thể được lắng dịu bằng một cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện hay không?

- Nên trả lời rằng: “*Có thể.*”

Như vậy là thế nào?

- Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru tranh cãi: “*Đây là Pháp,*” hoặc “*Đây không phải là Pháp,*” hoặc “*Đây là Luật,*” hoặc “*Đây không phải là Luật,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế thuyết giảng và nói đến,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế thuyết giảng và nói đến,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế thực hành,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế thực hành,*” hoặc “*Điều ấy đã được đáng Thiện Thế quy định,*” hoặc “*Điều ấy đã không được đáng Thiện Thế quy định,*” hoặc “*Điều ấy là phạm tội,*” hoặc “*Điều ấy là không phạm tội,*” hoặc “*Điều ấy là tội nhẹ,*” hoặc “*Điều ấy là tội nặng,*” hoặc “*Tội còn dư sót,*” hoặc “*Tội không còn dư sót,*” hoặc “*Tội xấu xa,*” hoặc “*Tội không xấu xa.*” Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

- Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì?

- Các tỳ khuru theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì?

- Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

- Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch của sự kiện đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị); (nếu) vị gợi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[673] Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy tại trú xứ ấy, này các tỳ khuru, các tỳ khuru ấy nên đi đến trú xứ có nhiều tỳ khuru hơn. Này các tỳ khuru, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

- Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì?

- Các tỳ khuru theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gợi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì?

- Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

- Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch của sự kiện đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.



Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị); (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[674] Này các tỳ khuru, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các tỳ khuru ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, sau khi đi đến trú xứ kia, các tỳ khuru ấy nên nói các tỳ khuru thường trú như vậy: “*Này các đại đức, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy, lành thay xin các đại đức hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư; như thế sự tranh tụng này có thể được giải quyết tốt đẹp.*” Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú thâm niên hơn và các tỳ khuru đi đến là kém thâm niên, này các tỳ khuru, các tỳ khuru thường trú nên nói với các tỳ khuru đi đến như vậy: “*Này các đại đức, các vị hãy sang một bên trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý.*” Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú kém thâm niên và các tỳ khuru đi đến là thâm niên hơn, này các tỳ khuru, các tỳ khuru thường trú nên nói với các tỳ khuru đi đến như vậy: “*Này các đại đức, như vậy thì xin các vị hãy chờ tại đây trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý.*”

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vậy: “*Chúng ta không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư được,*” các tỳ khuru thường trú không nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy.

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vậy: “*Chúng ta có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư;*” này các tỳ khuru, các tỳ khuru thường trú ấy nên nói với các tỳ khuru đi đến như vậy: “*Này các đại đức, nếu các vị trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ nhận lãnh sự tranh tụng này. Này các đại đức, nếu các vị không trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không nhận lãnh sự tranh tụng này.*” Này các tỳ khuru, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các tỳ khuru thường trú nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy.

Này các tỳ khuru, các tỳ khuru đi đến ấy nên nói với các tỳ khuru thường trú như vậy: “*Chúng tôi sẽ trình bày cho các đại đức sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào đã diễn tiến như thế nào. Nếu các đại đức có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong giới hạn chùng ấy hoặc chùng ấy (ettakena vā ettakena vā antarena), như thế (sự tranh tụng) sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy, chúng tôi sẽ giao phó sự tranh tụng này cho các đại đức. Nếu các đại đức không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong giới hạn chùng ấy hoặc chùng ấy, như thế (sự tranh tụng) sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy, chúng tôi sẽ không giao phó sự tranh tụng này cho các đại đức, chính chúng tôi sẽ là người chủ trì sự tranh tụng này.*” Này các tỳ khuru, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các tỳ khuru đi đến nên giao phó sự tranh tụng ấy cho các tỳ khuru thường trú.

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị); (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[675] Này các tỳ khuru, trong khi các tỳ khuru ấy phán xét sự tranh tụng ấy, nếu các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không lời phát biểu nào có ý nghĩa; này các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng như thế ấy theo lối đại biểu (*ubbāhikāya*).

Theo lối đại biểu, cần chỉ định vị tỳ khuru hội đủ mười điều kiện: Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự thu thúc của giới bốn Pātimokkha, thành tựu về hạnh kiểm và hành xử (*ācāragocara*), thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhất, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, nắm giữ và tích lũy các điều đã được nghe, các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được (vị ấy) nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng trí kiến phân tích; cả hai bộ giới

bổn *Pātimokkha* đã khéo được truyền thừa với chi tiết đến vị ấy, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều học, theo từng từ ngữ; là vị tinh xảo về Luật không có bói rối; là vị có năng lực làm cho cả hai phe đối địch của sự kiện phải tin tưởng, phải suy nghĩ lại, làm cho hiểu được, làm cho thấy được, và làm cho hoan hỷ; khéo léo giải quyết sự tranh tụng đã được diễn tiến; vị hiểu biết sự tranh tụng; hiểu biết nguyên do của sự tranh tụng; hiểu biết sự chấm dứt của sự tranh tụng; hiểu biết đường lối thực hành để chấm dứt sự tranh tụng. Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru hội đủ mười điều kiện này.

[676] Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phân xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phân xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[677] Nay các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*(ung đối trị).

[678] Này các tỳ khuru, trong khi các tỳ khuru ấy đang phán xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó, có vị tỳ khuru là Pháp sư nhưng kiến thức của chính vị ấy không được truyền thừa, không biết sự phân tích về giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) là Pháp sư nhưng kiến thức của chính vị ấy không được truyền thừa, không biết sự phân tích về giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, chúng ta nên loại ra vị tỳ khuru tên (như vậy) và những người còn lại (chúng ta) sẽ giải quyết sự tranh tụng này.”*

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy sau khi loại vị tỳ khuru ấy ra có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*(ung đối trị).

[679] Này các tỳ khuru, trong khi các vị tỳ khuru ấy đang phán xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó, có vị tỳ khuru là Pháp sư bởi vì kiến thức của vị ấy được truyền thừa (nhưng) không biết sự phân tích về giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) là Pháp sư bởi vì kiến thức của vị ấy được truyền thừa (nhưng) không biết sự phân tích về giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, chúng ta nên loại ra vị tỳ khuru tên (như vậy) và những người còn lại (chúng ta) sẽ giải quyết sự tranh tụng này.”*

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy sau khi loại vị tỳ khuru ấy ra có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*(ung đôi trị).

[680] Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, này các tỳ khuru, các tỳ khuru ấy nên giao lại sự tranh tụng ấy cho hội chúng:

*- Bạch các ngài, chúng tôi không thể giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu, chính hội chúng hãy giải quyết sự tranh tụng này.*

Này các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết thuận theo số đông sự tranh tụng có hình thức như thế. Cần chỉ định vị phân phát thẻ (*salākaggāhāpako*) là vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, và vị biết (thẻ) đã được nhận hay không được nhận.

...(như trên)...

*Tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.*

Vị tỳ khuru phân phát thẻ ấy nên phân phát các thẻ. (Trường hợp) các tỳ khuru là các vị nói đúng Pháp có (số lượng) nhiều hơn phát biểu (nên giải quyết) như thế nào thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết như thế ấy. Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

- Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? - Các tỳ khuru theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? - Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch của sự kiện đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là liên quan đến thuận theo số đông?

- Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự thuận theo số đông; ở đây điều ấy là liên quan đến thuận theo số đông.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị); (nếu) vị gọi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[681] Vào lúc bấy giờ, ở Sāvatti có sự tranh tụng đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatti và đã nghe rằng: “*Nghe nói ở trú xứ kia có nhiều trưởng lão cư ngụ là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là các bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu các trưởng lão ấy có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.*” Sau đó, các tỳ khuru ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với các trưởng lão ấy điều này:

- Thưa các ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy. Thưa các ngài, lành thay các trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.

Khi ấy, các trưởng lão ấy (nghĩ rằng): “*Sự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvatti giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp*” rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy y như thế.

Sau đó, các tỳ khưu ấy không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatti, không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của nhiều vị trưởng lão và đã nghe rằng: “*Nghe nói ở trú xứ kia có ba vị trưởng lão cư ngụ...(như trên)...có hai vị trưởng lão cư ngụ...(như trên)... có một vị trưởng lão cư ngụ là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hoi hận, ưa thích sự học tập. Nếu trưởng lão ấy có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.*” Sau đó, các tỳ khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với vị trưởng lão ấy điều này:

- Thưa ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy. Thưa ngài, lành thay ngài trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.

Khi ấy, vị trưởng lão ấy (nghĩ rằng): “*Sự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvatti giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được nhiều vị trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được ba vị trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được hai vị trưởng lão giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp*” rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy y như thế.

Sau đó, các tỳ khưu ấy không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatti, không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của nhiều vị trưởng lão, không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của ba vị trưởng lão, không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của hai vị trưởng lão, không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của một vị trưởng lão nên đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, sự tranh tụng này đã được dứt điêm, đã được yên lặng, đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Nay các tỳ khưu, vì sự nhận thức rõ ràng của các tỳ khưu ấy, ta cho phép ba cách phân phát thẻ: lối kín đáo (gūḷhakam), sự nói nhỏ vào tai (sakaṇṇajappakam), lối công khai (vivatakam).

Và này các tỳ khưu, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo?

- Vị tỳ khuru phân phát thẻ nên làm các thẻ khác nhau rồi đi đến gặp từng vị tỳ khuru một và nên nói như vậy: *“Thẻ này là cho vị nói như vậy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy.”* Khi giao nên nói rằng: *“Và chớ cho bất cứ ai thấy.”* Nếu vị ấy biết rằng: *“Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,”* nên thâm hồi lại (nói rằng): *“(Các thẻ) bị lấy lầm lẫn.”* Nếu vị ấy biết rằng: *“Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,”* nên công bố rằng: *“(Các thẻ) được nhận lấy tốt đẹp.”* Đây các tỳ khuru, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo.

Và đây các tỳ khuru, thế nào là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai?

- Vị tỳ khuru phân phát thẻ nên nói vào tai của từng vị tỳ khuru một rằng: *“Thẻ này là cho vị nói như vậy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy.”* Khi giao nên nói rằng: *“Và chớ nói cho bất cứ ai.”* Nếu vị ấy biết rằng: *“Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,”* nên thâm hồi lại (nói rằng): *“(Các thẻ) bị lấy lầm lẫn.”* Nếu vị ấy biết rằng: *“Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,”* nên công bố rằng: *“(Các thẻ) được nhận lấy tốt đẹp.”* Đây các tỳ khuru, như vậy là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai.

Và đây các tỳ khuru, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối công khai?

- Nếu vị ấy biết rằng: *“Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,”* chính nhờ vào sự quả quyết nên phân phát (thẻ) bằng cách phân phát thẻ theo lối công khai. Đây các tỳ khuru, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối công khai.

Đây các tỳ khuru, đây là ba cách phân phát thẻ.

[682] Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bằng cách hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

[683] Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không áp dụng được hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ hay không?

- Nên trả lời rằng: *“Có thể.”*



Như vậy là thế nào?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru bôi nhọ vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Nay các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ nên được ban cho.

Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, ...(như trên)..., và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, các tỳ khuru bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba:

[684] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru bôi nhọ vị tỳ khuru tên (như vậy) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị tỳ khuru tên (như vậy), là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru bôi nhọ vị tỳ khuru tên (như vậy) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị tỳ khuru tên (như vậy) là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị tỳ khuru tên (như vậy) là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...*

*Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho vị tỳ khuru tên (như vậy) là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ... (như trên)... Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị khiển trách và vị bị vị ấy khiển trách, cả hai phe đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ?

- Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành xử Luật bằng sự ghi nhớ; ở đây điều ấy là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ưng đối trị); (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[685] Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không áp dụng được hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và theo tội của vị ấy thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng hay không?

- Nên trả lời rằng: “*Có thể.*”

Như vậy là thế nào?

- Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru buộc tội vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: “*Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời*

*nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.” Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: “Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?”*

Này các tỳ khuru, nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị tỳ khuru ấy khi không điên cuồng. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đáp thương y một bên vai, ...(như trên)... và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Tôi nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Bạch các ngài, giờ không điên cuồng tôi đây cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba:

[686] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru đã khiển trách vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Giờ không điên cuồng, vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp*

*cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị tỳ khuru tên (như vậy) khi không điên cuồng. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru đã khiển trách vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Này đại đức, hãy nhớ là có phạm tội như thế này không?’ Giờ không điên cuồng, vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru tên (như vậy) khi không điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru tên (như vậy) khi không điên cuồng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...*

*Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru tên (như vậy) khi không điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(như trên)...

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng?

- Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự hành xử Luật khi không điên cuồng; ở đây điều ấy là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị); (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[687] Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiến trách không áp dụng được hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và cách hành xử Luật khi không điên cuồng thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy hay không?

- Nên trả lời rằng: “*Có thể.*”

Như vậy là thế nào?

- Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru buộc tội vị tỳ khuru (khác) giữa hội chúng với tội nặng: “*Đại đức có nhớ là đã phạm tội nặng như thế này, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika không?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika.*” Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: “*Này đại đức hãy suy xét thật kỹ lưỡng xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika không?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika, tôi chỉ nhớ là đã phạm tội nhỏ nhoi như thế ấy.*” Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: “*Này đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika không?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này đại đức, bởi vì khi đã phạm tội ấy, cho dầu là nhỏ nhoi tôi sẽ thú nhận dầu không được hỏi đến. Khi đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika, không lẽ tôi lại không thú nhận khi được hỏi đến hay sao?*” Vị kia nói như vậy: “*Này đại đức, bởi vì khi đã phạm tội ấy, mặc dù là nhỏ nhoi đại đức sẽ không thú nhận khi không được hỏi đến. Thì khi đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika, không lẽ đại đức lại thú nhận khi không được hỏi đến? Này đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika không?*” Vị ấy nói như vậy: “*Này đại đức, tôi nhớ ra là đã phạm tội như thế ấy, là tội pārajika hoặc gần với tội pārajika. Điều*

*tôi nói rằng: ‘Tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội pārājika hoặc gần với tội pārājika’ là nói đùa, là nói cho có nói.”*

Này các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy nên được ban cho tỳ khuru ấy.

[688] Và này các tỳ khuru, nên thực thi như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên) ...*

*Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực thi đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(như trên)...

Và ở đây, điều gì là ở trong (cách giải quyết) theo tội của vị ấy?

- Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự theo tội của vị ấy; ở đây điều ấy là ở trong (cách giải quyết) theo tội của vị ấy.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị); (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[689] Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi bao nhiêu cách cách dàn xếp?

- Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và bằng cách dùng cỏ che lấp.

[690] Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không áp dụng được một cách dàn xếp là cách dùng cỏ che lấp thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận hay không?

- Nên trả lời rằng: “*Có thể.*”

Như vậy là thế nào?

- Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm tội nhẹ. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru (khác), đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

- *Thưa đại đức, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.*

Vị kia nên nói rằng:

- *Đại đức thấy được (tội) không?*

- *Thưa có, tôi thấy được.*

- *Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.*

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện?

- Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ... (như trên)...

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì?

- Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận?

- Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Này các tỳ khuru, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận (tội) khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị).

Nếu vị ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp nhiều vị tỳ khuru, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hóm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

- *Thưa các ngài, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.*

Các vị tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- *Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi nên ghi nhận tội của vị tỳ khuru tên (như vậy).*

Vị ấy nên nói rằng:

- *Đại đức thấy được (tội) không?*

- *Thưa có, tôi thấy được.*



- Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ... (như trên)... Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận?

- Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Này các tỳ khuru, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận (tội) khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị).

Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hòm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi nên ghi nhận tội của vị tỳ khuru tên (như vậy).

Vị ấy nên nói rằng:

- Đại đức thấy được (tội) không?

-Thưa có, tôi thấy được.

- Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.

Này các tỳ khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(như trên)...

Này các tỳ khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*(ưng đôi trị); (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[691] Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không áp dụng được một cách dàn xếp là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp hay không?

- Nên trả lời rằng: “*Có thể.*”

Như vậy là thế nào?

- Này các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Này các tỳ khưu, trong trường hợp ấy nếu các tỳ khưu (nghĩ) như vậy: “*Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa.*” Này các tỳ khưu, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

Và này các tỳ khưu, nên giải quyết như vậy: Tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.”*

Một vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng:

*“Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư đại đức và tội của tôi vì sự lợi ích của chính chư đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.”*

[692] Rồi một vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng:

*“Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư đại đức và tội của tôi vì sự lợi ích của chính chư đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.”*

[693] Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về một phe rằng:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện.*

*Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta giải quyết lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng nội bộ, đưa đến bất hòa nội bộ, và đưa đến chia rẽ nữa. Vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Các tội này của chúng tôi đã được sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Sau đó, hội chúng ...(như trên)... thuộc về phe kia rằng:

*“...(như trên)... tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Này các tỳ khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì?

- Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? - Các tỳ khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện

diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? - Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong việc dùng cỏ che lấp?

- Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự dùng cỏ che lấp; ở đây điều ấy là ở trong việc dùng cỏ che lấp.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya* (ung đối trị); (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

[694] Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

- Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi một cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện.

**Dứt Chương Dàn Xếp là chương thứ tư.**

\*\*\*\*\*

## **TẬP HAI**

**Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!**

### **V. CHƯƠNG CÁC TIỂU SỰ (KHUDDAKAVATTHUKKHANDHAKAM)**

[1] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc lâm), nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư cạo sát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm. Dân chúng nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại cạo sát cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm, giống như những võ sĩ đấu vật và giới trẻ ở thôn quê vậy?

Các tỳ khuru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi các vị tỳ khuru hỏi rằng:

- Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư cạo sát cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ khuru, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại cạo sát cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, không nên cạo sát cơ thể vào thân cây trong lúc tắm; vị nào cạo sát thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[2] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư cạo sát cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào trụ đá trong lúc tắm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại cạo sát cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào trụ đá trong lúc tắm, giống như những võ sĩ đấu vật và giới trẻ ở thôn quê vậy?

Các tỳ khuru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên cọ xát cơ thể vào trụ đá trong lúc tắm; vị nào cọ xát thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[3] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư cọ xát cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào tường nhà trong lúc tắm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại cọ xát cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào tường nhà trong lúc tắm, giống như những võ sĩ đấu vật và giới trẻ ở thôn quê vậy?

...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên cọ xát cơ thể vào tường nhà trong lúc tắm; vị nào cọ xát thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[4] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục sư tắm (cọ xát) ở tấm gỗ xẻ (*atthāne*). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ khuru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên) ... Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên tắm (cọ xát) ở tấm gỗ xẻ; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[5] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, không nên tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[6] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tắm với chuỗi hột chà lưng (kuruvindakasutti). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, không nên tắm với chuỗi hột chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[7] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bảo vệ khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, không nên bảo vệ khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau; vị nào bảo làm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[8] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tắm với cây chà lưng (mallaka). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, không nên tắm với cây chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).



[9] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh ghê. Vị ấy không được thoải mái khi không có cây chà lưng. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cây chà lưng chưa được chế biến đối với vị bị bệnh.

[10] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ già cả yếu đuối không thể kỳ cọ cơ thể của mình trong lúc tắm. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc việc dùng dây vải (ukkāsikam).

[11] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ ngần ngại lúc làm sạch phần lưng. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng tay như thường lệ.

[12] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(như trên)... đeo hoa tai dạng chuỗi, đeo râu chuỗi ở cổ, đeo râu chuỗi ở hông, đeo vòng, đeo vòng ở ngực, đeo vòng ở tay, đeo nhẫn ở ngón. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ khuru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(như trên)... đeo hoa tai dạng chuỗi, đeo râu chuỗi ở cổ, đeo râu chuỗi ở hông, đeo vòng, đeo vòng ở ngực, đeo vòng ở tay, đeo nhẫn ở ngón, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên đeo hoa tai, không nên đeo hoa tai dạng chuỗi, không nên đeo râu chuỗi ở cổ, không nên đeo râu chuỗi ở hông, không nên

đeo vòng, không nên đeo vòng ở ngực, không nên đeo vòng ở tay, không nên đeo nhẫn; vị nào đeo thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[13] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư để tóc dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên để tóc dài; vị nào để (tóc dài) thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (để tóc) hai tháng hoặc (để dài) hai lông tay.

[14] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư chải tóc bằng lược, chải tóc bằng vật giống hình mang rắn, chải tóc bằng tay xò ra, chải tóc với sáp ong, chải tóc với dầu nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên chải tóc bằng lược, không nên chải tóc bằng vật giống hình mang rắn, không nên chải tóc bằng tay xò ra, không nên chải tóc với sáp ong, không nên chải tóc với dầu nước; vị nào chải tóc thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[15] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nhìn nét mặt ở gương soi, và ở trong chậu nước nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước; vị nào nhìn thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[16] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị vết thương ở mặt. Vị ấy đã hỏi các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, vết thương của tôi ra làm sao?

Các tỳ khuru đã trả lời như sau:

- Nay đại đức, vết thương của ngài là như thế đó.

Vị ấy không tin. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, do nhân duyên bệnh ta cho phép nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước.

[17] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thoa dầu khuôn mặt, xoa bóp khuôn mặt, thoa phấn khuôn mặt, tô điểm mặt bằng bột phấn đỏ, vẽ màu ở thân thể, vẽ màu ở mặt, vẽ màu ở thân thể và ở mặt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên thoa dầu khuôn mặt, không nên xoa bóp khuôn mặt, không nên thoa phấn khuôn mặt, không nên tô điểm mặt bằng bột phấn đỏ, không nên vẽ màu ở thân thể, không nên vẽ màu ở mặt, không nên vẽ màu ở thân thể và ở mặt; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[18] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh ở mắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, do nhân duyên bệnh ta cho phép thoa dầu khuôn mặt.

[19] Vào lúc bấy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại đi xem vũ, ca, luôn cả tấu nhạc giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đi xem vũ, ca, hoặc tấu nhạc; vị nào đi thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[20] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ngậm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các sa-môn Thích tử này ngậm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài giống y như chúng ta ca hát vậy.

Các tỳ khuru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại ngậm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi thuyết Pháp thoại, ngài đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, đây là năm điều bất lợi khi ngậm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài: Bản thân vị ấy bị say đắm trong âm điệu, luôn cả những kẻ khác cũng bị say đắm trong âm điệu, hàng tại gia phàn nàn, trong khi ra sức thể hiện âm điệu thiền định bị phân tán, điều cuối cùng là dân chúng thực hành theo đường lối sai trái. Nay các tỳ khuru, đây là năm điều bất lợi khi ngậm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Nay các tỳ khuru, không nên ngậm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài; vị nào ngậm nga thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[21] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ngần ngại trong khi thuyết giảng với giọng có âm điệu. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc thuyết giảng với giọng có âm điệu.

[22] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[23] Vào lúc bấy giờ, trong khu vườn của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha (Ma Kiệt Đà), xoài đang ra trái. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho phép rằng:

- Hãy để các ngài đại đức thọ dụng xoài một cách thoải mái.

Các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã hái luôn cả xoài non rồi thọ thực. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha muốn dùng xoài. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho mọi người rằng:

- Nay các khanh, hãy đi đến vườn và mang xoài lại.

- Tâu bệ hạ, xin vâng.

Những người ấy theo lệnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến vườn và nói với người giữ vườn điều này:

- Nay nhà ngươi, đức vua muốn dùng xoài. Nhà ngươi hãy dâng xoài.

- Các ngài ơi, không còn xoài nữa. Các tỳ khuru đã hái luôn cả xoài non và thọ dụng.

Sau đó, những người ấy đã trình sự việc ấy lên đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

- Nay các khanh, xoài đã được các ngài đại đức thọ dụng ngon lành; tuy nhiên, sự tiết độ đã được đức Thế Tôn ngợi khen cơ mà!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại thọ dụng xoài của đức vua không biết tiết độ vậy?

Các tỳ khuru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên thọ dụng xoài; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[24] Vào lúc bảy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Các miếng xoài đã được trộn vào trong món xúp. Các tỳ khuru ngần ngại không thọ lãnh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thọ dụng) xoài miếng.

[25] Vào lúc bảy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Họ đã không biết để làm xoài thành miếng. Ở phòng ăn, họ đã dâng các trái xoài hãy còn nguyên vẹn. Các tỳ khuru ngần ngại không thọ lãnh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Nay các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với sa-môn theo năm cách: đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hạt, và hạt đã được lấy ra là cách thứ năm. Nay các tỳ khuru, ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với sa-môn theo năm cách này.

[26] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị rắn cắn và chết đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, chắc chắn là vị tỳ khuru ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa rồi. Nay các tỳ khuru, bởi vì nếu vị tỳ khuru ấy rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa, nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy đâu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Bốn loài rắn chúa ấy là các loài nào? - Loài rắn chúa *Virūpakkha*, loài rắn chúa *Erāpatha*, loài rắn chúa *Chabyāputta*, loài rắn chúa *Kaṇhāgotama*. Nay các tỳ khuru, chắc chắn là tỳ khuru ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này rồi. Nay các tỳ khuru, bởi vì nếu vị tỳ khuru ấy rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này, nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy đâu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Nay các tỳ khuru, ta cho phép rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này nhằm mục đích gìn giữ bản thân, bảo vệ bản thân, và hộ trì bản thân. Và nay các tỳ khuru, nên thực hành như vậy:

[27]

“*Tôi có tâm từ đối với các Virūpakkha;*

*tôi có tâm từ đối với các Erāpatha;  
tôi có tâm từ đối với các Chabyāputta;  
và tôi có tâm từ đối với các Kaṇhāgotamaka.*

*Tôi có tâm từ đối với các loài không chân;  
tôi có tâm từ đối với các loài hai chân;  
tôi có tâm từ đối với các loài bốn chân;  
tôi có tâm từ đối với các loài nhiều chân.*

*Loài không chân đừng hãm hại tôi;  
loài hai chân đừng hãm hại tôi;  
loài bốn chân đừng hãm hại tôi;  
loài nhiều chân đừng hãm hại tôi.*

*Hỡi tất cả chúng sanh, tất cả các sinh vật,  
và hết thảy tất cả sanh linh,  
xin tất cả hãy thấy được các điều lành,  
chớ để xảy đến bất cứ điều gì xấu xa.*

*Đức Phật là vô lượng,  
đức Pháp là vô lượng,  
đức Tăng là vô lượng,  
các loài bò sát (như là) các loài rắn,  
bọ cạp, rết, nhện, thằn lằn, chuột là có hạn lượng.*

*Tôi đã thực hiện các sự bảo vệ,*

*tôi đã thực hiện sự hộ trì,*

*xin các sanh linh hãy tránh xa.*

*Tôi đây đánh lễ đức Thế Tôn,*

*đánh lễ bảy vị Chánh Đẳng Giác.*

[28] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị dẫn vật bởi sự không được thỏa thích nên đã cắt đi dương vật của bản thân. ... (như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, trong khi vật khác cần được đoạn trừ, kẻ rò đại ấy lại đoạn trừ vật khác. Nay các tỳ khuru, không nên cắt đi dương vật của bản thân; vị nào cắt thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

[29] Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú ở thành Rājagaha có được khúc gỗ đàn hương thuộc loại đàn hương rất quý giá. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã khởi ý điều này: *“Hay là ta cho đeo thành cái bình bát với khúc gỗ đàn hương này? Và phần gỗ vụn sẽ là sở hữu của ta, còn cái bát ta sẽ cho đi làm quà biếu.”*

Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho đeo thành cái bình bát với khúc gỗ đàn hương ấy rồi buộc với một sợi dây và bảo treo ở trên ngọn một cây tre, xong buộc nhiều cây tre tiếp nối nhau và nói như vậy:

- Vị sa-môn hoặc Bà-la-môn nào là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa thì hãy lấy quà biếu chính là cái bình bát xuống.

[30] Khi ấy, Pūraṇa Kassapa đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

- Nay gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, người hãy dâng cái bình bát cho ta.

- Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quà biếu chính là cái bình bát xuống đi.

Sau đó, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Velatthaputta, Nigaṇṭha Nātaputta<sup>22</sup> đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:



- Nay gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, ngươi hãy dâng cái bình bát cho ta.

- Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quà biếu chính là cái bình bát xuống đi.

[31] Vào lúc bảy giờ, đại đức Mahāmoggallāna và đại đức Piṇḍolabhāradvāja vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Đại đức Piṇḍolabhāradvāja là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Đại đức Mahāmoggallāna cũng là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này:

- Nay đại đức Mahāmoggallāna, hãy đi và lấy xuống cái bình bát kia đi. Cái bình bát ấy là của đại đức.

Đại đức Mahāmoggallāna cũng đã nói với đại đức Piṇḍolabhāradvāja điều này:

- Nay đại đức Piṇḍolabhāradvāja, hãy đi và lấy xuống cái bình bát kia đi. Cái bình bát ấy là của đại đức.

Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã bay lên không trung, cầm lấy cái bình bát, và đi (trên không) quanh thành Rājagaha ba vòng.

[32] Vào lúc bảy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha cùng vợ và con đang đứng ở tại nhà của họ, hai tay chấp lên, thành kính làm lễ rằng:

- Thưa ngài, xin ngài đại đức Bhāradvāja hãy ngự đến nhà của chúng tôi ở ngay chỗ này.

Sau đó, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã ngự đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nhận lấy cái bình bát từ tay của đại đức Piṇḍolabhāradvāja, chắt đầy vật thực cứng loại đắt giá rồi dâng lại cho đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nhận lại bình bát ấy rồi đi về tu viện.

Dân chúng đã nghe rằng: “*Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài đại đức Piṇḍolabhāradvāja.*” Và các người ấy với âm thanh ồn ào ầm ĩ đã nối đuôi nhau đi phía sau đại đức

Pinḍolabhāradvāja. Đức Thế Tôn đã nghe âm thanh ồn ào và âm ỉ, sau khi nghe đã bảo đại đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, âm thanh ồn ào và âm ỉ ấy là gì vậy?

- Bạch ngài, cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi đại đức Pinḍolabhāradvāja. Bạch ngài, dân chúng đã nghe rằng: “*Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài đại đức Pinḍolabhāradvāja.*” Và bạch ngài, những người ấy với âm thanh ồn ào và âm ỉ đã nối đuôi nhau đi phía sau đại đức Pinḍolabhāradvāja. Bạch Thế Tôn, âm thanh ồn ào và âm ỉ kia là chuyện ấy.

[33] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi đại đức Pinḍolabhāradvāja rằng:

- Nay Bhāradvāja, nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được nhà ngươi lấy xuống, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay Bhāradvāja, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm. Nay Bhāradvāja, vì sao ngươi lại để lộ pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông trước hàng tại gia vì mục đích cái bình bát gỗ tầm thường? Nay Bhāradvāja, giống như người đàn bà cho xem chỗ kín vì mục đích của đồng xu tầm thường; nay Bhāradvāja, tương tự như thế vì mục đích cái bình bát gỗ tầm thường, pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đã bị ngươi để lộ ra trước hàng tại gia. Nay Bhāradvāja, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên để lộ pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông trước hàng tại gia; vị nào để lộ thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, hãy đập vỡ bình bát ấy, nghiền thành bột vụn, rồi hãy dâng đến các tỳ khuru làm hương liệu của thuốc cao. Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng bình bát bằng gỗ; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[34] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng những bình bát loại đặc biệt làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng bình bát làm bằng vàng, không nên sử dụng bình bát làm bằng bạc, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc ma-ni, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc bích, không nên sử dụng bình bát làm bằng pha-lê, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng đỏ, không nên sử dụng bình bát làm bằng thủy tinh, không nên sử dụng bình bát làm bằng thiếc, không nên sử dụng bình bát làm bằng chì, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng thau; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép hai loại bình bát: bình bát sắt và bình bát đất.

[35] Vào lúc bấy giờ, phàn đáy bình bát bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) vòng để bình bát.<sup>23</sup>

[36] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng các vòng để bình bát loại đặc biệt làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng các vòng để bình bát loại đặc biệt; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép hai loại vòng để bình bát: loại làm bằng thiếc và loại làm bằng chì.

Những vòng để dày cộm không giữ yên (bình bát). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đeo gọt bớt.

Chúng bị lỏng chỏng. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cắt răng cá kiếm (cắm vào để giữ bình bát).

[37] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng các vòng đế bình bát màu sắc sỡ: loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi. Các vị đi đó đây phô trương những thứ ấy ngay cả ở nơi đường phố. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng các vòng đế bình bát màu sắc sỡ: loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép loại vòng đế bình thường.<sup>24</sup>

[38] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đem cất bình bát còn nước. Bình bát bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đem cất bình bát còn nước; vị nào đem cất thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nắng.

[39] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đem phơi nắng bình bát còn nước. Bình bát có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đem phơi nắng bình bát còn nước; vị nào đem phơi nắng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép đem cất bình bát sau khi làm ráo nước và đem phơi nắng.

[40] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru lưu trữ bình bát ở chỗ nóng. Màu sắc của bình bát bị hoại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên lưu trữ bình bát ở chỗ nóng; vị nào lưu trữ thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nắng ở chỗ nóng trong chốc lát.

[41] Vào lúc bấy giờ, có nhiều bình bát được đặt xuống ở ngoài trời không có vật kèm giữ. Các bình bát đã bị cơn gió xoáy làm va chạm lẫn nhau và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giá giữ bình bát.

[42] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đặt bình bát xuống ở mép của băng ghế gắn sát tường (*miḍhanta*). Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đặt bình bát xuống ở mép của băng ghế gắn sát tường; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[43] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đặt bình bát xuống ở mép giường đúc (*paribhaṇḍanta*). Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đặt bình bát xuống ở mép giường đúc; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[44] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru lật úp bình bát ở trên mặt đất. Vành miệng (bình bát) bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) miếng lót bằng cỏ.

Miếng lót bằng cỏ bị các con mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) mảnh vải.

Mảnh vải bị các con mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) bọc kê bình bát.

Bình bát rơi từ bọc kê bình bát và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giỏ mây chứa bình bát.

Ở trong giỏ mây chứa bình bát, bình bát bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) túi đựng bát.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.

[45] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru treo bình bát ở chốt đỉnh gắn vào tường và ở móc ngà voi. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên treo bình bát; vị nào treo thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[46] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đặt bình bát xuống ở giường, khi ngồi xuống không nhớ đã va chạm và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đặt bình bát xuống ở giường; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[47] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đặt bình bát xuống ở ghế, khi ngồi xuống không nhớ đã va chạm và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đặt bình bát xuống ở ghế; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[48] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đặt bình bát xuống ở trên bấp vế, khi đứng dậy không nhớ khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đặt bình bát xuống ở trên bấp vế; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[49] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đặt bình bát xuống ở trên cái dù. Cái dù bị bật lên vì gió xoáy khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đặt bình bát xuống ở trên cái dù; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[50] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru mở cửa với bình bát ở tay. Cánh cửa bật trở lại khiến bình bát bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên mở cửa với bình bát ở tay; vị nào mở cửa thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[51] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru đi khát thực (chứa) bằng bầu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các tu sĩ ngoại đạo vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đi khát thực (chứa) bằng bầu đựng nước; vị nào đi (khất thực như thế) thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[52] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru đi khát thực (chứa) bằng hũ đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các tu sĩ ngoại đạo vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đi khát thực (chứa) bằng hũ đựng nước; vị nào đi (khất thực như thế) thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[53] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ chỉ sử dụng các vật bị quăng bỏ. Vị ấy sử dụng bình bát (làm bằng) đầu lâu của người chết. Có phụ nữ nọ nhìn thấy, hoảng sợ, đã mất tự chủ (thét lên):

- Gã này đúng là quỷ sứ khiến ta hết hồn!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại sử dụng bình bát (làm bằng) đầu lâu của người chết, giống như kẻ thờ phụng quỷ thần vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng bình bát (làm bằng) đầu lâu của người chết; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, không nên sinh tồn chỉ nhờ vào các vật bị quăng bỏ; vị nào sinh tồn (như thế) thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[54] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thải, xương xóc, và nước cặn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này thọ thực trong chính cái vật chứa rác của họ!

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thải, xương xóc, hay nước cặn; vị nào mang đi thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) vật chứa rác.

[55] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru xé (vải) bằng tay rồi may y. Y không thắm mỹ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dao nhỏ có vỏ bọc.

[56] Vào lúc bấy giờ, dao nhỏ có cán đã được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dao nhỏ có cán.

[57] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng các cán dao loại đặc biệt làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng các cán dao loại đặc biệt; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng phiến đá, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

[58] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru may y bằng lông gà và lát tre. Y được may vụng về. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) kim khâu.

Các kim khâu bị rỉ sét. ...(như trên)...



- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ống đựng kim khâu.

Ngay cả trong ống đựng, các kim khâu cũng bị rỉ sét. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép phủ đầy bằng bột gậy men.

Dù (chứa) trong bột gậy men, các kim khâu cũng bị rỉ sét. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép phủ đầy bằng bột lúa mạch.

Dù (chứa) trong bột lúa mạch, các kim khâu cũng bị rỉ sét. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép phủ đầy bằng bột đá.

Dù (chứa) trong bột đá, các kim khâu cũng bị rỉ sét. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trộn với mật và sáp ong.

Bột đá bị tách rời.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (trộn) bột đá với nhựa cây.

[59] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru cầm cọc ở các nơi, buộc (vải) lại với nhau rồi may y. Y có các góc không vuông vức. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) tám y mẫu (kaṭhina), sau khi buộc dây của tám y mẫu vào chỗ này chỗ kia rồi mới may y.

Các vị đã trải tám y mẫu ở chỗ không bằng phẳng. Tám y mẫu bị rời ra. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên căng tám y mẫu ở chỗ không bằng phẳng; vị nào căng thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Các vị đã trải tám y mẫu ở trên mặt đất. Tám y mẫu bị dơ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) thảm cỏ.

Đường viền của tám y mẫu bị sờn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép thiết lập đường biên tức là vòng đai xung quanh.

Tám y mẫu không đạt kích thước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép buộc (vải) vào cọc căng, cây dùi, que gỗ, dây buộc, chỉ buộc rồi mới may y.

Khoảng cách ở giữa các đoạn chỉ khâu không đều nhau. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc làm dấu bằng mực.

Các đường chỉ bị cong queo. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đường chỉ may tạm.

[60] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru bước lên tám y mẫu với các bàn chân chưa rửa. Tám y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên bước lên tám y mẫu với các bàn chân chưa rửa; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[61] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru bước lên tám y mẫu với các bàn chân dẫm nước. Tám y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên bước lên tám y mẫu với các bàn chân dẫm nước; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[62] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru mang giày dép bước lên tám y mẫu. Tám y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên mang giày dép bước lên tám y mẫu; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[63] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru dùng ngón tay (cầm kim) khi may y. Các ngón tay bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) vật bao ngón tay (khi may vá).

[64] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng các vật bao ngón tay loại đặc biệt làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng các vật bao ngón tay loại đặc biệt; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm bằng xương, ...(như trên)... làm bằng vỏ sò.

[65] Vào lúc bấy giờ, những kim khâu, những con dao nhỏ, luôn cả những vật bao ngón tay bị thất lạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) thùng chứa. Những vật trên bị lẫn lộn trong thùng chứa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) túi để đựng vật bao ngón tay.

Dây mang vai không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.

[66] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong khi may y ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) nhà may y hoặc mái che tạm để may y.

Nhà may y có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[67] Vào lúc bảy giờ, rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong nhà may y. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[68] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru sau khi may y xong đã bỏ bê tấm y mẫu ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Tấm y mẫu bị gặm nhấm bởi các con chuột và các con mối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép gấp tấm y mẫu lại.

Tấm y mẫu bị rời ra thành mảnh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đặt cây gỗ hoặc tre ở bên trong rồi cuốn lại.

Tấm y mẫu bị bung ra. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dây buộc.

[69] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru đã đưa tấm y mẫu lên cất ở trên vách tường hoặc ở trên cột nhà rồi ra đi. Tấm y mẫu rơi xuống và bị bung ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép treo lên ở chốt đỉnh gắn vào tường hoặc ở móc ngà voi.

[70] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích đã lên đường đi đến thành Vesālī. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru đã dùng bát chứa đựng kim khâu, dao nhỏ, và thuốc men rồi ra đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) túi đựng thuốc men.

Dây mang vai không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.

[71] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã buộc đôi dép bằng dây thắt lưng rồi đi vào làng để khát thực. Có nam cư sĩ nọ trong khi đánh lễ vị tỳ khuru ấy đã bị đôi dép chạm vào đầu. Vị tỳ khuru ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) túi đựng dép.

Dây mang vai không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.

[72] Vào lúc bảy giờ, ở khoảng giữa cuộc hành trình nước không được làm thành đúng phép (akappiyam). Đồ lược nước không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) đồ lược nước.

Mảnh vải lược không có hiệu quả. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) đồ lược nước gắn ở gáo múc.

Mảnh vải lược không có hiệu quả. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bình đựng nước theo thông lệ.

[73] Vào lúc bảy giờ, có hai vị tỳ khuru đang đi đường xa trong xứ Kosaka. Một tỳ khuru thường thực hành điều không tốt đẹp. Vị tỳ khuru thứ hai đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này:

- Nay đại đức, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép.

Vị tỳ khuru ấy đã sanh ác cảm với vị kia (về sự phê bình). Sau đó, vị tỳ khuru kia bị khó chịu vì khát nước đã nói với vị tỳ khuru đang mang mối ác cảm điều này:

- Nay đại đức, hãy đưa cho tôi đồ lược nước, tôi sẽ uống nước.

Vị tỳ khuru mang mỗi ác cảm đã không đưa cho. Vị tỳ khuru kia bị khó chịu vì khát nước đã chết đi. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru.

- Này đại đức, có phải đại đức đã không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước?

- Này các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ khuru ít ham muốn,...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ khuru lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[74] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi vị tỳ khuru ấy rằng:

- Này tỳ khuru, nghe nói người đã không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại kia, thật không đúng đắn cho người, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rò dại kia, vì sao người lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước vậy? Này kẻ rò dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru đi đường xa khi được (vị khác) hỏi mượn đồ lọc nước không thể không đưa cho; vị nào không đưa cho thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Và này các tỳ khuru, vị không có đồ lọc nước không nên đi đường xa; vị nào đi thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nếu không có đồ lọc nước hoặc bình đựng nước theo thông lệ, có thể chú nguyện chéo y hai lớp (*saṅghāṭi*): “*Tôi sẽ uống sau khi lọc nước bằng vật này.*”

[75] Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó trong xứ Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana (Đại Lâm), giảng đường Kūṭāgāra.

[76] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru thực hiện công trình (xây dựng) mới. Đồ lược nước không làm trong (nước) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đồ lược nước hai lớp.

Đồ lược nước hai lớp không làm trong (nước) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) bể lọc nước (ottharakam).

[77] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru bị khuấy rối bởi các con muỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) lều chống muỗi.

[78] Vào lúc bảy giờ, ở xứ Vesālī, sự luân phiên bữa ăn gồm các thức ăn thượng hạng được thiết lập. Các tỳ khuru thọ dụng các thức ăn thượng hạng nên cơ thể bị tiêu chảy và sanh nhiều chứng bệnh. Khi ấy, (thầy thuốc) Jīvaka Komārabhacca đã đi đến Vesālī do công việc cần làm nào đó. Jīvaka Komārabhacca đã thấy các tỳ khuru có cơ thể bị tiêu chảy và sanh nhiều chứng bệnh, sau khi thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, hiện nay các tỳ khuru có cơ thể bị tiêu chảy và sanh nhiều chứng bệnh. Bạch ngài, lành thay xin đức Thế Tôn cho phép các tỳ khuru (sử dụng) đường kinh hành và phòng tắm hơi; như thế, các tỳ khuru sẽ bớt bệnh hoạn.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[79] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) đường kinh hành và phòng tắm hơi.

[80] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đi kinh hành ở đường kinh hành không bằng phẳng. Các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm cho bằng phẳng.

[81] Đường kinh hành có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[82] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong khi đi kinh hành ở đường kinh hành bị té. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) tay vịn ở đường kinh hành.

[83] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong khi đi kinh hành ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) nhà đi kinh hành.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong nhà đi kinh hành. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang



hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[84] Vào lúc bảy giờ, phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Phòng tắm hơi không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xoắn dây, dây thừng để luồn qua.

Chân tường của phòng tắm hơi bị hư hỏng. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép xây mô tròn.

Phòng tắm hơi không có ống thông khói.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) ống thông khói.

[85] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu làm chỗ đốt lửa ở giữa phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp. Lối đi lại không có. ...(như trên).... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép làm chỗ đốt lửa ở một bên trong phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp, ở giữa (phòng tắm hơi) có khuôn viên rộng.

Trong phòng tắm hơi, ngọn lửa làm phỏng mặt (các tỳ khuru). ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) đất sét (bôi) ở mặt.

Các vị dùng tay nhồi ướt đất sét. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) máng đựng đất sét.

Đất sét có mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ủ (đất sét).

[86] Vào lúc bảy giờ, ở trong phòng tắm hơi ngọn lửa làm phỏng thân thể (các tỳ khuru). ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép mang nước lại.

Các vị mang nước lại bằng nắp bình bát và bằng bình bát. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) vại chứa nước (và) gáo múc nước.

Phòng tắm hơi lợp cỏ không làm tiết ra mồ hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái rồi tô vữa bên trong và bên ngoài.

Phòng tắm hơi bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: nền gạch, nền đá, nền gỗ.

(Phòng tắm hơi) vẫn còn bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rửa sạch.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

[87] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ngồi xuống trên nền đất của phòng tắm hơi, tay chân bị trầy trụa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghé ngồi ở phòng tắm hơi.

[88] Vào lúc bấy giờ, phòng tắm hơi không được rào lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Không có nhà kho chứa đồ (kotthako). ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) nhà kho chứa đồ.

Nhà kho chứa đồ có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Nhà kho chứa đồ không có cửa. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luôn qua.

[89] Vào lúc bấy giờ, rác cỏ và bụi bặm rơi ở nhà kho chứa đồ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Căn phòng bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rải cát.

Các vị không thành công. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

[90] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru (đang) ở trần đánh lễ vị ở trần, (đang) ở trần đánh lễ vị không ở trần, (đang) ở trần bảo vị (đang) ở trần đánh lễ, (đang) ở trần bảo vị không ở trần đánh lễ, (đang) ở trần phục vụ vị ở trần, (đang) ở trần bảo (người khác) phục vụ vị ở trần, (đang) ở trần dâng đồ cho vị ở trần, thọ nhận (lúc đang) ở trần, nhai (lúc đang) ở trần, ăn (lúc đang) ở trần, ngủ (lúc đang) ở trần, uống (lúc đang) ở trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, vị (đang) ở trần không nên đánh lễ vị ở trần, (đang) ở trần không nên được đánh lễ, (đang) ở trần không nên bảo (vị khác) đánh lễ vị ở trần, (đang) ở trần không nên bảo (vị khác) đánh lễ, (đang) ở trần không nên phục vụ vị ở trần, (đang) ở trần không nên bảo (vị khác) phục vụ, (đang) ở trần không nên dâng đồ cho vị ở trần, không nên thọ nhận (lúc đang) ở trần, không nên nhai (lúc đang) ở trần, không nên ăn (lúc đang) ở trần, không nên ngủ (lúc đang) ở trần, không nên uống (lúc đang) ở trần; vị nào uống (lúc đang ở trần) thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[91] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru để y xuống trên nền đất của phòng tắm hơi. Y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) sào máng y, dây treo y trong phòng tắm hơi.

Lúc trời mưa, mưa rơi ở y. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) gian nhà lớn ở phòng tắm hơi.

Gian nhà lớn ở phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ...(như trên)...

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên. ...(như trên) ...

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[92] Vào lúc bảy giờ, rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong gian nhà lớn của phòng tắm hơi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, ...(như trên)...., sào máng y, dây treo y.

[93] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ngần ngại khi làm công việc kỳ cọ lưng ở trong phòng tắm hơi, ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại tắm choàng: tắm choàng ở phòng tắm hơi, tắm choàng ở trong nước, và tắm choàng bằng vải.

[94] Vào lúc bảy giờ, trong phòng tắm hơi không có nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giếng nước.

Thành giếng bị sụp đổ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại thành giếng: thành giếng bằng gạch, thành giếng bằng đá, thành giếng bằng gỗ.

Giếng nước có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên. ...(như trên) ...

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[95] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru kéo nước lên bằng dây rùng, bằng dây buộc thân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dây thừng để kéo nước.

Hai bàn tay bị đau. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cần giọt, cần trục quay, bánh xe ròng rọc.

Các thùng (kéo nước) bị bể nhiều. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại gàu (kéo nước): gàu bằng thiếc, gàu bằng gỗ, loại có (gắn) các sợi da thuộc.

[96] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru trong khi kéo nước ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) gian nhà ở giếng.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong gian nhà ở giếng. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[97] Vào lúc bảy giờ, giếng không được che đậy khiến rác cỏ, bụi bặm, luôn cả vật dơ rơi vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) nắp đậy.

[98] Vào lúc bảy giờ, vật chứa nước không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) máng đựng nước, chậu đựng nước.

[99] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru tắm ở nơi này nơi kia trong khuôn viên tu viện. Tu viện trở nên lầy lội. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) hồ nước (để tắm).

Hồ tắm lại trống trải. Các tỳ khuru hồ thẹn khi tắm. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại rào chắn: rào chắn bằng gạch, rào chắn bằng đá, rào chắn bằng gỗ.

Hồ tắm bị lây lội. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: nền gạch, nền đá, nền gỗ.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

[100] Vào lúc bấy giờ, cơ thể của các tỳ khuru bị lạnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc làm ráo nước và lau khô cho dù chỉ bằng miếng vải.

[101] Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ có ý định cho xây dựng hồ trữ nước nhằm sự lợi ích của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) hồ trữ nước.

Thành của hồ trữ nước bị sụp đổ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại thành: thành bằng gạch, thành bằng đá, thành bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Nước trong hồ trữ nước bị ôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ổng dẫn nước, ổng tháo nước.

[102] Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ có ý định tự tay thực hiện phòng tắm hơi có mái vòng cung (nillekham) nhằm sự lợi ích cho hội chúng tỳ khuru. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) phòng tắm hơi có mái vòng cung.

[103] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư lìa xa tọa cụ trong bốn tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên lìa xa tọa cụ trong bốn tháng; vị nào lìa xa thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[104] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nằm trên những chỗ nằm có rãi hoa. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên nằm trên những chỗ nằm có rãi hoa; vị nào nằm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[105] Vào lúc bấy giờ, dân chúng đi đến tu viện mang theo dầu thơm và vòng hoa. Các tỳ khuru trong khi ngân ngại nên không thọ lãnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép sau khi nhận dầu thơm rồi thì in dấu năm ngón tay lên cửa (*kavāṭe pañcaṅgulikaṃ dātum*) và sau khi nhận hoa rồi thì đem đặt ở một góc ở trong trú xá.

[106] Vào lúc bấy giờ, có tám trăm len đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) tám trăm len.



Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý như vậy: “*Thảm len nên được chú nguyện để dùng riêng (adhiṭṭhātabbam) hay là nên được chú nguyện để dùng chung (vikappetabbam)?*” ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, thảm len không nên được chú nguyện để dùng riêng, không nên được chú nguyện để dùng chung.

[107] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thọ thực (dựa vào) gói kê được rắc dầu thơm (āsittakupadhāne). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên thọ thực (dựa vào) gói kê được rắc dầu thơm; vị nào thọ thực thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[108] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh. Vị ấy trong khi ăn không thể kèm giữ bình bát bằng tay được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giá đỡ bình bát (maḷorikam).

[109] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên ăn chung trong một đĩa, không nên uống chung trong một cốc, không nên nằm chung trên một giường, không nên nằm chung một tấm trải, không nên nằm chung một tấm đắp, không nên nằm chung một tấm trải và tấm đắp; vị nào nằm chung thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[110] Vào lúc bấy giờ, Vaḍḍha Licchavī là thân hữu của các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka. Khi ấy, Vaḍḍha Licchavī đã đi đến gặp các tỳ

khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài đại đức.

Khi được nói như vậy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

Đến lần thứ nhì, Vaḍḍha Licchavī đã nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài đại đức.

Đến lần thứ nhì, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

Đến lần thứ ba, Vaḍḍha Licchavī đã nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài đại đức.

Đến lần thứ ba, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

- Có phải tôi làm phật lòng các ngài đại đức? Tại sao các ngài đại đức không nói chuyện với tôi?

- Nay đạo hữu Vaḍḍha, bởi vì người vẫn đứng dưng như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.

- Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì?

- Nay đạo hữu Vaḍḍha, nếu người chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay đức Thế Tôn có thể trục xuất đại đức Dabba Mallaputta.

- Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?

- Nay đạo hữu Vaḍḍha, hãy đi. Người hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vậy: “*Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con*

*ngĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.”*

- Thừa các ngài đại đức, xin vâng.

Rồi Vaddha Licchavī nghe theo các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Vaddha Licchavī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.

[111] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều vị Vaddha này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết rõ mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều vị Vaddha này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết rõ mà.

- Này Dabba, các vị (dòng dõi) Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: “*Có làm;*” nếu không làm, hãy nói: “*Không làm.*”

- Bạch ngài, từ khi con được sanh ra con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

[112] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều này hội chúng hãy úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī (tức là) hãy thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

[113] Nay các tỳ khuru, bình bát nên được úp ngược đối với nam cư sĩ hội đủ tám điều kiện: Vị ra sức làm cho các tỳ khuru không được lợi lộc, ra sức làm cho các tỳ khuru không được sự lợi ích, ra sức làm cho các tỳ khuru không có chỗ ngụ, vị mắng nhiếc nói xấu các tỳ khuru, chia rẽ các tỳ khuru với các tỳ khuru, vị phỉ báng đức Phật, vị phỉ báng đức Pháp, vị phỉ báng đức Tăng. Nay các tỳ khuru, ta cho phép úp ngược bình bát đối với nam cư sĩ hội đủ tám điều kiện này.

[114] Và nay các tỳ khuru, nên úp ngược (bình bát) như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaddha Licchavī bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, (tức là) nên thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaddha Licchavī bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Hội chúng úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, (tức là) thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, (tức là) thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaddha Licchavī, (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng (đã được thực thi). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[115] Sau đó vào buổi sáng, đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của Vaddha Licchavī, sau khi đến đã nói với Vaddha Licchavī điều này:

- Nay đạo hữu Vaddha, hội chúng đã úp ngược bình bát đối với người, người là không cùng thọ hưởng với hội chúng.

Khi ấy, Vaddha Licchavī (biết rằng): *“Nghe nói hội chúng đã úp ngược bình bát đối với ta, nghe nói ta là không cùng thọ hưởng với hội chúng”* nên đã

choáng váng và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, bạn bè thân hữu, thân quyến ruột thịt của Vaddha Licchavī đã nói với Vaddha Licchavī rằng:

- Nay đạo hữu Vaddha, thôi đi. Chớ có than van, chớ có rên rỉ. Chúng tôi sẽ làm cho đức Thế Tôn và hội chúng tỳ khuru hoan hỷ.

Sau đó, Vaddha Licchavī tắm ướp y phục và đầu tóc cùng với vợ con, bạn bè thân hữu, và thân quyến ruột thịt đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã kê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói điều này:

- Bạch ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con trở nên đần độn, ngu si, không có đạo đức như thế, là việc con đã bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận sự sai trái trong tội lỗi ấy của con đây hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

- Nay đạo hữu Vaddha, đúng như thế. Tội lỗi đã chiếm ngự lấy người khiến người trở nên đần độn, ngu si, không có đạo đức như thế, là việc người đã bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Nay đạo hữu Vaddha, do việc người đã thấy được sự sai trái trong tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp, chúng ta ghi nhận điều ấy cho người. Nay đạo hữu Vaddha, bởi vì điều ấy là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: *“Người nào sau khi thấy được sự sai trái trong tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp sẽ thực hành sự ngăn ngừa trong tương lai.”*

[116] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, vì việc này hội chúng hãy mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, hãy thực thi việc cúng thọ hưởng với hội chúng. Nay các tỳ khuru, bình bát nên được mở ra đối với nam cư sĩ hội đủ tám điều kiện: Vị không ra sức làm cho các tỳ khuru không được lợi lộc, không ra sức làm cho các tỳ khuru không được sự lợi ích, không ra sức làm cho các tỳ khuru không có chỗ ngụ, vị không mắng nhiếc nói xấu các tỳ khuru, không chia rẽ các tỳ khuru với các tỳ khuru, không phỉ báng đức Phật, không phỉ báng đức Pháp, không phỉ báng đức Tăng. Nay các tỳ khuru, ta cho phép mở bình bát đối với nam cư sĩ hội đủ tám điều kiện này.

[117] Và nay các tỳ khuru, nên mở ra như vậy: Nay các tỳ khuru, Vaddha Licchavī ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với con, con là không cùng thọ hưởng với hội chúng. Bạch các ngài, con đây làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ con cầu xin hội chúng việc mở bình bát.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[118] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaddha Licchavī, (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin hội chúng việc mở bình bát. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, (tức là) nên thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaddha Licchavī, (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin hội chúng việc mở bình bát. Hội chúng mở bình bát đối với Vaddha Licchavī (tức là) thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc mở bình bát đối với Vaddha Licchavī (tức là) việc cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Bình bát đã được hội chúng mở ra đối với Vaddha Licchavī (tức là) việc cùng thọ hưởng với hội chúng (đã được thực thi). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[119] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích đã lên đường đi đến xứ Bhaggā. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến xứ Bhaggā. Tại nơi đó ở xứ Bhaggā, đức Thế Tôn ngự tại Sūsumāragira nơi vườn nai trong khu rừng Bhesakaḷā.

[120] Vào lúc bấy giờ, lâu đài tên Kokanuda của vương tử Bodhi vừa mới được xây dựng không bao lâu, chưa có sa-môn hoặc Bà-la-môn hay bất cứ người nào vào cư ngụ. Khi ấy, vương tử Bodhi đã bảo chàng thanh niên con trai bà Sañjikā rằng:

- Nay con trai của bà Sañjikā mến, hãy đi. Người hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy đê đầu đánh lễ ở chân của đức Thế Tôn nhân danh ta hỏi thăm (đức Thế Tôn) có được ít bệnh, ít đau, thoải mái, khoẻ mạnh, sống an lạc không (như vậy): *“Bạch ngài, vương tử Bodhi xin đê đầu đánh lễ ở chân của đức Thế Tôn, và hỏi thăm (ngài) có được ít bệnh, ít đau, thoải mái, khoẻ mạnh, sống an lạc không?”* Và người hãy nói như vậy: *“Bạch đức Thế Tôn, xin ngài cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi.”*

- Thưa ngài, xin vâng.

Rồi chàng thanh niên con trai bà Sañjikā nghe lời vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã bày tỏ sự thân thiện đối với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời chào hỏi xã giao rồi đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, chàng thanh niên con trai bà Sañjikā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Vương tử Bodhi xin đê đầu đánh lễ ngài Gotama và hỏi thăm (ngài) có được ít bệnh, ít đau, thoải mái, khoẻ mạnh, sống an lạc không? Và nói như vậy: *“Xin ngài Gotama cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi.”*

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, chàng thanh niên con trai bà Sañjikā sau khi biết được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp vương tử Bodhi, sau khi đến đã nói với vương tử Bodhi điều này:

- Thưa ngài, chúng tôi đã bạch ngài Gotama ấy với lời nói của ngài là: *“Vương tử Bodhi xin đê đầu đánh lễ ngài Gotama và hỏi thăm (ngài) có được ít bệnh, ít đau, thoải mái, khoẻ mạnh, sống an lạc không? Và nói như vậy: ‘Xin ngài Gotama cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi.’”* Và sa-môn Gotama đã nhận lời.

[121] Sau đó, khi trải qua đêm ấy vương tử Bodhi đã cho chuẩn bị vật thực thượng hạng loại cứng loại mềm rồi ra lệnh trải các tấm vải trắng ở lâu đài Kokanuda cho đến tận bậc cấp ở ngoài cùng, xong đã bảo chàng thanh niên con trai bà Sañjikā rằng:

- Nay con trai của bà Sañjikā mến, hãy đi. Người hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng: *“Bạch ngài, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bị xong.”*

- Thưa ngài, xin vâng.

Rồi chàng thanh niên con trai bà Sañjikā nghe lời vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài Gotama, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bị xong.

[122] Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của vương tử Bodhi. Vào lúc bấy giờ, vương tử Bodhi đứng ở bên ngoài cổng ra vào đang chờ đợi đức Thế Tôn. Rồi vương tử Bodhi đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang từ đằng xa đi lại, sau khi nhìn thấy vương tử Bodhi đã từ chỗ ấy đi đến đánh lễ đức Thế Tôn, sau khi tôn vinh đã đi đến lầu đài Kokanuda. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đứng lại cạnh bậc cấp ở ngoài cùng. Rồi vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên các tấm vải. Bạch ngài, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên các tấm vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên các tấm vải. Bạch ngài, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên các tấm vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã nhìn sang đại đức Ānanda. Rồi đại đức Ānanda đã nói với vương tử Bodhi điều này:

- Thưa vương tử, xin hãy gấp các tấm vải lại. Đức Thế Tôn sẽ không bước lên tấm thảm trải bằng vải. Đấng Như Lai có lòng thương tưởng đến chúng sanh sau này.<sup>25</sup>

Sau đó, vương tử Bodhi đã bảo gấp lại các tấm vải và cho sắp đặt chỗ ngồi ở phía trên của lầu đài Kokanuda. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bước lên lầu đài Kokanuda và ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.



Sau đó, vương tử Bodhi đã tự tay làm hài lòng, làm thỏa mãn hội chúng tỳ khuru có đức Phật dẫn đầu bằng thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay và bình bát đã được rửa, vương tử Bodhi đã ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vương tử Bodhi đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[123] Sau đó, nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đức Thế Tôn đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên bước lên những tấm thảm trải bằng vải; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[124] Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ bị sẩy thai đã thỉnh các tỳ khuru đến rồi trải ra tấm vải và đã nói điều này:

- Thưa các ngài, xin hãy bước lên tấm vải.

Các tỳ khuru ngần ngại không bước lên.

- Thưa các ngài, xin hãy bước lên tấm vải để đem lại sự may mắn.

Các tỳ khuru ngần ngại đã không bước lên.

Khi ấy, người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các ngài đại đức khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn lại không bước lên tấm thảm trải bằng vải?

Các tỳ khuru đã nghe người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các gia chủ tin vào sự may mắn. Nay các tỳ khuru, ta cho phép bước lên tấm thảm trải bằng vải khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn.

[125] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ngần ngại không bước lên tấm vải chùi chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bước lên tấm vải chùi chân.

**Dứt tụng phẩm thứ nhì.**

[126] Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi ngự tại xứ Bhaggā theo như ý thích đã lên đường đi đến thành Sāvatti. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvatti. Tại nơi đó trong thành Sāvatti (Xá Vệ), đức Thế Tôn ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), tu viện của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Khi ấy, Visākhā mẹ của Migāra mang theo cái chum, vật chà chân (bằng đất nung), và cái chổi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái chum, vật chà chân (bằng đất nung), và cái chổi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận các chum và cái chổi. Đức Thế Tôn đã không thọ nhận vật chà chân (bằng đất nung). Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā mẹ của Migāra bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Visākhā mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[127] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cái chum và cái chổi. Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng vật chà chân (bằng đất nung); vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ba vật chà chân: cát, sỏi, và đá bọt biển.

[128] Khi ấy, Visākhā mẹ của Migāra mang theo cái quạt và cái chổi quét bụi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái quạt và cái chổi quét bụi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái quạt và cái chổi quét bụi. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā mẹ của Migāra bằng bài Pháp thoại. ... (như trên)... , hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[129] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cái quạt và cái chổi quét bụi.

[130] Vào lúc bấy giờ, quạt đuôi muối đã được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) quạt đuôi muối.

Quạt đuôi bò rừng đã được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng quạt đuôi bò rừng; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ba loại quạt: làm bằng vỏ cây, làm bằng một loại rễ cây có mùi thơm (*usīramayaṃ*), làm bằng lông đuôi chim công.

[131] Vào lúc bấy giờ, ô dù đã được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ô dù.

[132] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư mang ô dù đi lại đó đây. Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đến công viên cùng với nhiều tín đồ của đạo hỏa thể. Các tín đồ của đạo hỏa thể đã nhìn thấy từ đằng xa các tỳ khuru nhóm Lục Sư mang ô dù đang đi lại, sau khi thấy đã nói với nam cư sĩ ấy điều này:

- Nay quý vị, các bậc khả kính kia của quý vị mang ô dù đi đến kia, giống như đám quan đại thần vậy.

- Nay quý vị, các vị ấy không phải là các tỳ khuru, họ là các du sĩ ngoại đạo.

- Là các tỳ khuru, không phải là các tỳ khuru. Những người ấy đã tranh cãi.

Sau đó, nam cư sĩ ấy đã đi lại gần rồi biết được rõ ràng nên mới phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các ngài đại đức lại mang ô dù đi đó đây?

Các tỳ khuru đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng ô dù; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[133] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh. Vị ấy không có ô dù không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ô dù đối với tỳ khuru bị bệnh.

[134] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru (nghĩ rằng): “*Ô dù đã được đức Thế Tôn cho phép đối với tỳ khuru bị bệnh, không cho đối với vị không bị bệnh*” rồi ngăn ngại khi che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru không bị bệnh che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện.

[135] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ buộc bình bát bằng sợi dây treo ở cây gậy rồi đi ngang qua cổng của ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng (bàn bạc rằng): “*Này các vị, gã trộm kia đang đi, guom của gã lấp lánh kia*” rồi đã đuổi theo, giữ lại, đến khi biết rõ, đã thả ra. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru.

- Nay đại đức, có phải đại đức mang theo gậy và dây?

- Nay các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ khuru lại mang theo gậy và dây?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên mang theo gậy và dây; vị nào mang theo thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[136] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khuru bị bệnh.

[137] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Vị tỳ khuru bị bệnh ấy cần đi đến hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[138] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy. Hội chúng ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đã được hội chúng ban cho tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[139] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh không có sợi dây không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây đến tỳ khuru bị bệnh.

[140] Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Vị tỳ khuru bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có sợi dây không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[141] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) bị bệnh, không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) bị bệnh, không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây. Hội chúng ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Sự đồng ý về (việc sử dụng) sợi dây đã được hội chúng ban cho tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[142] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây đến tỳ khuru bị bệnh.

Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Vị tỳ khuru bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây.”*

Nên cầu xin đến lần thứ nhì. Nên cầu xin đến lần thứ ba.

[143] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây. Hội chúng ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây đã được hội chúng ban cho tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[144] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ có tật nhai lại thức ăn. Vị ấy nhai đi nhai lại (thức ăn) rồi nuốt xuống. Các tỳ khuru phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vị tỳ khuru này ăn vật thực lúc sai thời.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy đã bị sanh vào giống trâu bò trước đây không lâu. Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc nhai lại đối với vị có tật nhai lại. Và nay các tỳ khuru, sau khi ợ lên ở cửa miệng (vật đã ăn vào) không nên nuốt xuống; vị nào nuốt xuống thì nên được hành xử theo Pháp.<sup>26</sup>

[145] Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Nhiều hột cơm đã bị rơi vãi trong phòng ăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử khi được dâng cơm lại không thọ lãnh một cách thận trọng, vì mỗi một hột cơm được tạo nên bởi trăm công sức?

Các tỳ khuru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, vật nào bị rơi xuống trong khi được dâng cúng ta, cho phép tự thân nhặt lên và thọ dụng vật ấy. Điều ấy là lý do của điều gì? Nay các tỳ khuru, bởi vì vật ấy đã được các thí chủ bố thí.

[146] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đi khát thực với các móng được để dài. Có người đàn bà nọ đã nhìn thấy rồi nói với vị tỳ khuru ấy điều này:

- Ngài ơi, hãy đến và thực hiện việc lှာ đôi đi.

- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

- Ngài ơi, nếu ngài không thực hiện, giờ đây tôi sẽ cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của tôi rồi la lên: “*Tỳ khuru này xúc phạm tôi.*”

- Nay chị gái, cô nên biết điều.

Khi ấy, người đàn bà ấy đã cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình rồi la lên: “*Tỳ khuru này xúc phạm tôi.*” Dân chúng đã chạy lại và bắt giữ vị tỳ khuru ấy. Rồi những người ấy đã nhìn thấy da và máu ở móng tay của người đàn bà ấy, sau khi nhìn thấy (biết được rằng): “*Hành động này là của chính người đàn bà này, vị tỳ khuru không phải là người làm*” rồi đã thả vị tỳ khuru ấy ra. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru.

- Nay đại đức, có phải đại đức đã để dài các móng?



- Nay các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ khưu lại để dài các móng?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, các móng không nên để dài; vị nào để dài thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[147] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu xé móng bằng móng tay, cắn móng bằng miệng, mài móng ở tường. Các ngón bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép việc cắt móng.

Các vị cắt móng làm chảy máu. Các ngón bị đau. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép cắt móng đến sát phần thịt.

[148] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bảo trau chuốt hai mươi (móng tay và chân). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, không nên bảo trau chuốt hai mươi (móng tay và chân); vị nào bảo trau chuốt thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khưu, ta cho phép lấy đất ra (từ các móng).

[149] Vào lúc bấy giờ, tóc của các tỳ khưu bị dài. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, các tỳ khưu có khả năng để xuống tóc cho nhau không?

- Bạch Thế Tôn, có khả năng,

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại ...(như trên)... đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dao cạo, đá mài dao cạo, bao đựng dao cạo, miếng vải len, tất cả vật dụng liên quan đến dao cạo.

[150] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư tĩa râu, để râu dài ra, để chòm râu dưới cằm, để râu thành bốn góc, tạo dáng lông ngực, tạo dáng lông bụng, làm đứng giống ngà voi, cạo lông ở chỗ kín<sup>27</sup>. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên tĩa râu, không nên để râu dài ra, không nên để chòm râu dưới cằm, không nên để râu thành bốn góc, không nên tạo dáng lông ngực, không nên tạo dáng lông bụng, không nên làm đứng giống ngà voi, không nên cạo lông ở chỗ kín; vị nào cạo thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[151] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị vết thương ở chỗ kín. Thuốc không thể dính vào. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cạo lông ở chỗ kín do duyên có bệnh.

[152] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư bảo cắt tóc bằng kéo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên bảo cắt tóc bằng kéo; vị nào bảo cắt thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[153] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị vết thương ở trên đầu, không thể xuống tóc bằng dao cạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bảo cắt tóc bằng kéo vì lý do bị bệnh.

[154] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru để lông mũi dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ thờ phụng quỷ thần vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên để lông mũi dài; vị nào để thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[155] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru lấy lông mũi ra với mảnh sành hoặc bằng sáp ong. Hai lỗ mũi bị đau. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cái nhíp (nhỏ lông).

[156] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư bảo nhỏ tóc bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên bảo nhỏ tóc bạc; vị nào bảo nhỏ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[157] Vào lúc bấy giờ, các lỗ tai của vị tỳ khuru nọ bị các ráy tai che bít. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) đồ lấy ráy tai.

[158] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng các đồ lấy ráy tai loại đặc biệt làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng các đồ lấy ráy tai loại đặc biệt; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép các đồ lấy ráy tay làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng

sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng phiến đá, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

[159] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ giống như nhà buôn bán đồ đồng vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên tích trữ đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ; vị nào tích trữ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[160] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ngần ngại (sử dụng) thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, cây dùi (bandhanamattaṃ). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, và cây dùi.

[161] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp. Các lớp vải của y hai lớp bị hư hoại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp; vị nào ngồi thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[162] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh. Không có vải băng bó, vị ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) vải băng bó.

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Vải băng bó nên được thực hiện cách nào?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) khung dệt, con thoi, sợi dệt, kim dệt, và các vật dụng của khung dệt.

[163] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ không buộc dây thắt lưng đã đi vào làng để khát thực. Ở trên đường đi, y nội (antaravāsaka) của vị ấy bị tuột xuống. Dân chúng nhìn thấy đã kêu ò lên. Vị tỳ khuru đã bị xấu hổ. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, vị không buộc dây thắt lưng không nên đi vào làng; vị nào đi vào thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép dây thắt lưng.

[164] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng các dây thắt lưng loại đặc biệt: loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trông nhỏ, loại giống như dây xích. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng các dây thắt lưng loại đặc biệt: loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trông nhỏ, loại giống như dây xích; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) hai loại dây thắt lưng: loại bằng vải, và loại hai đầu được thắt lại.

Các mép của dây thắt lưng bị sòn ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) loại có bện cái trông nhỏ, loại giống như dây xích.

Đầu chóp của dây thắt lưng bị sòn ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép khâu tròn (hai đầu chóp), thắt nút (hai đầu chóp).

Hai đầu chóp của dây thắt lưng đã khâu lại bị sòn ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) khóa thắt lưng.

[165] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng những loại khóa thắt lưng đặc biệt làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng những loại khóa thắt lưng đặc biệt; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép những loại khóa thắt lưng làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, ...(như trên)..., làm bằng vỏ sò, làm bằng sợi chỉ.

[166] Vào lúc bấy giờ, đại đức Ānanda đắp các y hai lớp mỏng nhẹ đã đi vào làng để khát thực. Các y hai lớp của vị ấy đã bị cơn gió xoáy tốc lên. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi về lại tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) hột nút, cái nơ buộc.

[167] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng những hột nút đặc biệt làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng những hột nút đặc biệt; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng phiến đá, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng sợi chỉ.

[168] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru cài hột nút, cài cái nơ buộc ở trên y. Y bị sòn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) hột nút hình đẹp, cái nơ buộc hình đẹp.

Các vị cài hột nút hình đẹp, cài cái nơ buộc hình đẹp ở góc chéo (của y). Phần giữa bị mở ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cài hột nút hình đẹp ở góc chéo (của y), cài cái nơ buộc hình đẹp sau khi lùi vào bẫy hoặc tám lóng tay.

[169] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư mặc vải lót trong của người tại gia: loại quần như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên mặc vải lót trong của người tại gia: loại quần như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[170] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia; vị nào trùm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[171] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư mặc váy (*saṃvelliyaṃ*). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như phu mang vác của đức vua vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên mặc váy; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[172] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đeo túi quàng ở hai vai. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như phu mang vác của đức vua vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đeo túi quàng ở hai vai; vị nào đeo thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép túi đeo một bên vai, túi hai người xách, vật đội trên đầu, vật mang ở vai, vật mang ở hông, vật được treo lên.

[173] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru không nhai gỗ chà răng (*dantakaṭṭham*). Miệng trở nên có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng: không có ích lợi cho mắt, miệng trở nên có mùi hôi, vị giác không tinh tế, mật và đờm che lấp thức ăn, vị ấy không hứng thú với thức ăn. Nay các tỳ khuru, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng.

Nay các tỳ khuru, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng: có ích lợi cho mắt, miệng không có mùi hôi, vị giác được tinh tế, mật và đờm che không che lấp thức ăn, vị ấy hứng thú với thức ăn. Nay các tỳ khuru, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng.

[174] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nhai gỗ chà răng loại dài. Các vị còn đánh các sa di bằng chính những cây gỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên nhai gỗ chà răng loại dài; vị nào nhai thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép gỗ chà răng dài tối đa tám ngón tay và không nên đánh sa di bằng cây gỗ ấy; vị nào đánh thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[175] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ trong khi nhai cây gỗ chà răng quá ngắn nên bị vướng ở cổ họng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên nhai gỗ chà răng quá ngắn; vị nào nhai thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép gỗ chà răng ngắn tối thiểu bốn ngón tay.

[176] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đốt đám lửa lớn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:



- ...(như trên)... giống như thợ đốt lò vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên đốt đám lửa lớn; vị nào đốt thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[177] Vào lúc bấy giờ, các tu viện có cỏ rậm rạp. Trong khi đám lửa lớn phát cháy, các tu viện cũng bắt lửa. Các tỳ khuru ngần ngại không tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, khi đám lửa lớn phát cháy ta cho phép tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ.

[178] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trèo lên cây, chuyển từ cây này sang cây khác. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như loài khỉ vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên trèo lên cây; vị nào trèo lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[179] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đang đi đến thành Sāvatti trong xứ sở Kosala giữa đường đã bị voi rượt đuổi. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã chạy đến gần gốc cây trong lúc ngần ngại đã không trèo lên cây. Con voi ấy đã đi sang hướng khác. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến thành Sāvatti và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trèo lên cây với tầm cao của con người khi có việc cần làm, và đến tầm cao cần thiết trong những lúc hiểm nguy.

[180] Vào lúc bấy giờ, hai tỳ khuru tên Metṭhakokutṭha<sup>28</sup> là hai anh em xuất thân dòng dõi Bà-la-môn có lời nói nhã nhặn với âm điệu ngọt ngào. Họ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, hiện nay các tỳ khưu có tên gọi khác nhau, có dòng dõi khác nhau, có giai cấp khác nhau, có gia tộc khác nhau đã xuất gia. Các vị ấy đang làm hồng lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính họ. Bạch ngài, hãy để chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật (chandaso).

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(như trên)...

- Nay những kẻ rồ dại kia, vì sao các người lại nói như vậy: “*Bạch ngài, hãy để chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật*”? Nay những kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, không nên hoán chuyển lời dạy của chư Phật sang dạng có niêm luật; vị nào hoán chuyển thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khưu, ta cho phép học tập lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính bản thân (sakāya niruttiyā)<sup>29</sup>

[181] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư học tập việc giải đoán điềm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, kẻ chuyên chú trong việc giải đoán điềm lành dữ có thể đạt được sự tiến triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh trong Pháp và Luật này không?

- Bạch ngài, không có điều ấy.

- Hoặc vị chuyên chú trong Pháp và Luật này có thể học tập việc giải đoán điềm lành dữ không?

- Bạch ngài, không có điều ấy.

- Nay các tỳ khuru, không nên học tập việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào học tập thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[182] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư dạy việc giải đoán điềm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên dạy việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào dạy thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[183] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhằm nhí. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên học tập kiến thức nhằm nhí; vị nào học tập thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[184] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhằm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên dạy kiến thức nhằm nhí; vị nào dạy thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[185] Vào lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn trong lúc giảng Pháp giữa hội chúng đông đảo vây quanh đã hắt hơi. Các tỳ khuru đã nói lớn tiếng rằng: “*Bạch ngài, mong rằng đức Thế Tôn sống thọ, mong rằng đấng Thiện Thế sống thọ.*” Âm thanh ấy đã làm gián đoạn buổi giảng Pháp. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, khi hắt hơi mà được nói rằng: “*Mong rằng người sẽ sống thọ,*” do duyên ấy có thể sống thọ hay có thể chết đi?

- Bạch ngài, không có điều ấy.

- Nay các tỳ khuru, khi (ai đó) hắt hơi không nên nói rằng: “*Mong rằng người sẽ sống thọ.*” Vị nào nói thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[186] Vào lúc bấy giờ, khi các tỳ khuru hắt hơi, dân chúng nói rằng:

- Thưa ngài, mong rằng ngài sẽ sống thọ.

Các tỳ khuru ngần ngại không đáp lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử khi được nói rằng: “*Thưa ngài, mong rằng ngài sẽ sống thọ*” lại không đáp lời?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, những người tại gia mong điều tốt lành. Nay các tỳ khuru, khi được nói rằng: “*Thưa ngài, mong rằng ngài sẽ sống thọ,*” ta cho phép đáp lại người tại gia rằng: “*Mong rằng người sẽ sống lâu.*”

[187] Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang ngồi giảng Pháp có hội chúng đông đảo vây quanh. Có vị tỳ khuru nọ vừa mới nhai tỏi. Và vị ấy đã ngồi ở một chỗ riêng biệt (nghĩ rằng): “*Chớ để các tỳ khuru bị khuấy rối.*” Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị tỳ khuru ấy ngồi ở một chỗ riêng biệt, sau khi nhìn thấy ngài đã hỏi các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ấy ngồi ở một chỗ riêng biệt vậy?

- Bạch ngài, vị tỳ khuru ấy vừa mới nhai tỏi. Và vị ấy (nghĩ rằng): “*Chớ để các tỳ khuru bị khuấy rối*” nên đã ngồi ở một chỗ riêng biệt.

- Nay các tỳ khuru, sau khi ăn một vật lại bị loại ra khỏi bài giảng Pháp như thế này thì vị tỳ khuru có nên nhai vật ấy không?

- Bạch ngài, điều ấy không nên.

- Nay các tỳ khuru, không nên nhai tỏi; vị nào nhai thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[188] Vào lúc bấy giờ, đại đức Sāriputta bị bệnh đau bụng gió. Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với đại đức Sāriputta điều này:

- Nay đại đức Sāriputta, trước đây khi bị bệnh đau bụng gió, đại đức được dễ chịu nhờ vật gì?

- Nay đại đức, đối với tôi nhờ tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép nhai tỏi do duyên có bệnh.

[189] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru tiểu tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép tiểu tiện ở một khu vực riêng biệt.

Tu viện trở nên có mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) lu nước tiểu.

Các vị khi tiểu tiện ngồi xuống một cách khó khăn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) bục tiểu tiện.

Bục tiểu tiện ở nơi trống trải. Các tỳ khuru hổ thẹn khi tiểu tiện. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại rào chắn: rào chắn bằng gạch, rào chắn bằng đá, rào chắn bằng gỗ.

Lu nước tiểu không được đậy lại nên có mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) nắp đậy.

[190] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đại tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đại tiện ở một khu vực riêng biệt.

Tu viện trở nên có mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) hố tiêu.

Thành hố tiêu bị sụp xuống. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (xây dựng) ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Hố tiêu có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Ngồi ở phía trong, các vị bị té trong khi đại tiện. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây bằng phẳng, làm cái lỗ ở giữa để đại tiện.

Các vị khi đại tiện ngồi xuống một cách khó khăn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) bục đại tiện.

Các vị tiểu tiện ra ở bên ngoài. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) rãnh dẫn nước tiểu.

Gỗ chùi không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) gỗ chùi.

Thùng chứa đồ chùi không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) thùng chứa đồ chùi.

Hố phân không được đậy lại nên có mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) nắp đậy.

[191] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ khuru trong khi đại tiện ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) nhà tiêu.

Nhà tiêu không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong nhà tiêu. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[192] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ già yếu đại tiện xong trong khi đứng dậy bị té. Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) tay vịn.

[193] Vào lúc bảy giờ, nhà tiêu không có rào chắn. Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại rào chắn: rào chắn bằng gạch, rào chắn bằng đá, rào chắn bằng gỗ.

[194] Không có nhà kho chứa đồ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) nhà kho chứa đồ.

Nhà kho chứa đồ có nền thấp ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Nhà kho chứa đồ không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xoắn dây, dây thừng để luôn qua.

Rác cỏ và bụi bặm rơi ở nhà kho chứa đồ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Căn phòng bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rải cát lên.

Các vị không thành công. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

Lu nước rửa không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) lu nước rửa.

Gáo múc nước để rửa không có. ...(như trên)...



- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) gáo múc nước để rửa.

Các vị khi rửa ngồi xuống một cách khó khăn . ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) bục ngồi rửa.

Bục ngồi rửa ở nơi trống trải. Các tỳ khuru hổ thẹn khi rửa. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại rào chắn: rào chắn bằng gạch, rào chắn bằng đá, rào chắn bằng gỗ.

Lu nước rửa không được đậy lại nên rác cỏ và bụi bặm luôn cả vật dơ rơi vào. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) nắp đậy.

[195] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xúc nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi lôi sắp vòng tròn, họ chơi lôi rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào

lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trái y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: “*Này cô em, hãy nhảy ở đây này,*” họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- *Này các tỳ khưu, không nên thực hiện các loại hành động sai nguyên tắc; vị nào thực hiện thì nên được hành xử theo Pháp.*

[196] Vào lúc bảy giờ, khi đại đức Uruvelakassapa xuất gia, nhiều đồ vật bằng kim loại, đồ vật bằng gỗ, đồ vật bằng gốm sứ đã phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý rằng: “*Đồ vật nào bằng kim loại đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật nào bằng gỗ đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật nào bằng gốm sứ đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép?*”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- *Này các tỳ khưu, ta cho phép tất cả đồ vật bằng kim loại ngoại trừ vũ khí, tất cả đồ vật bằng gỗ ngoại trừ ghế cao (āsandi), ghế nệm lông thú (pallaṅka), bình bát bằng gỗ, giày dép bằng gỗ, tất cả đồ vật bằng gốm sứ ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn.*

### **Chương các Tiểu Sự là chương thứ năm.**

\*\*\*\*\*

#### **Tóm lược chương này:**

[197]

*Ở thân cây, trụ đá,*

*và ở trên tường nhà,*

*gỗ xẻ, cây kỳ cọ,  
chuỗi hạt, (cọ) lẫn nhau,  
cây chà lưng, bệnh ghẻ,  
và có vị già cả,  
dùng tay như lệ thường.  
Hoa tai, hoa dạng chuỗi,  
không mang dây chuyền cổ,  
hông, vòng, vòng ở thân,  
vòng ở tay, đeo nhẫn,  
tóc dài, (dùng) lược chải,  
vật đầu rắn, bàn tay,  
(thoa) sáp ong, dầu nước,  
giương soi, và chậu nước,  
(thoa) dầu, và xoa bóp,  
thoa phấn, rồi tô điểm  
vẽ màu ở thân hình,  
và tô màu ở mặt,  
rồi ở cả hai nơi,  
bệnh tật ở con mắt,  
và ở trên đỉnh núi,  
sự kéo dài, âm điệu,*

(áo khoác) ở bên ngoài.  
Với các miếng xoài nhỏ,  
con rắn, vị cắt đi,  
và khúc gỗ đàn hương,  
các vòng đế đặc biệt,  
bằng vàng, bị dày cộm,  
bị lỏng chỏng, nhiều loại,  
hư hỏng, có mùi hôi,  
phơi nắng, đã bị vỡ,  
ở mép ghé, giường đúc,  
cỏ, miếng vải, bục kê,  
và ở trong giỏ mây,  
túi bát, dây đeo vai,  
như vậy dây bằng vải,  
trên tường, và trên giường,  
trên ghé, trên bấp vế,  
trên cái dù, mở cửa.  
Bầu đựng nước, cái hũ,  
cái sọ từ thân người,  
vật chứa các đồ thừa,  
vị xé, dao có cán,

bằng vàng, lông, lạt tre,  
và ống đựng kim khâu,  
men, lúa mạch, bột đá,  
mật, sáp ong, hộp nhỏ.  
Không vuông, chỗ không phẳng,  
trên mặt đất, bị thụng,  
và không đạt kích thước,  
dấu mực, chỉ làm dấu,  
chân chưa rửa, dẫm nước,  
dép, và đồ bọc ngón,  
thùng chứa đồ, bao đựng  
dây mang vai, chỉ kết.  
Ở ngoài trời, nền thấp,  
nền móng, bị khó khăn,  
vị bị té, rác cỏ,  
tô vữa trong và ngoài,  
màu trắng, và màu đen,  
và chuẩn bị màu đỏ,  
việc làm vòng, dây treo,  
cây đinh răng cá kiếm,  
vải trang hoàng, sào máng,

và sợi dây treo y,  
vị lãnh đạo cho phép.  
Họ bỏ bê ra đi,  
khung y rời thành miếng,  
bị bung ra, trên tường,  
mang theo bằng bình bát,  
túi đựng, chỉ buộc lại,  
và buộc lại đôi dép,  
và cái túi đựng dép,  
và dây vải mang vai.

Nước uống chưa được phép,  
trên đường, đồ lọc nước,  
miếng vải, theo thói thường,  
có hai vị tỳ khuru,  
vị Ân Sĩ đã đến  
thành phố Vesālī,  
đồ lọc có hai lớp,  
bể lọc nước, nơi ấy  
ngài cho phép đồ lọc.  
Các con muỗi, vật ngon,  
nhiều bệnh, Jīvaka,

đường kinh hành, nhà tắm,  
không bằng phẳng, nền thấp,  
(và) ba loại nền móng,  
họ lại gặp khó khăn,  
bậc cấp, có lan can,  
tay vịn, ở ngoài trời,  
rác cỏ, tô hồ vữa  
bên trong và bên ngoài,  
màu trắng và màu đen,  
và chuẩn bị màu đỏ,  
việc làm vòng, dây treo,  
cây đinh răng cá kiếm,  
vải trang hoàng, sào máng,  
và sợi dây treo y,  
làm mặt đất cao hơn,  
nền móng, và bậc thang,  
lan can, cửa ra vào,  
trụ cửa, có rãnh xoay,  
cái chốt xoay ở trên,  
tay nắm, và chốt gài,  
đinh khóa chốt, chốt phụ,

*lỗ khóa, lỗ để luôn,  
và thêm sợi dây thừng.  
Mô tròn, và ống khói,  
ở giữa, và đất sét  
đắp mặt, máng chứa đựng,  
có mùi hôi, bị phồng,  
vại chứa nước, gáo múc,  
không ra được mồ hôi,  
và nền bị ẩm ướt,  
lau sạch, làm rãnh thoát.  
Ghế ngòi, và nhà kho,  
cát, đá phiến, rãnh thoát,  
ở trần, trên nền nhà,  
trời đang mưa, ở đó,  
ba loại vải để choàng,  
giếng nước, bị sụp đổ,  
bị thấp, sợi dây rùng,  
dây buộc thân, cần gạt,  
cần trục quay, ròng rọc,  
nhiều gàu múc bị bể,  
bằng thiếc, gỗ, da thuộc,*



*nhà, cỏ, và nắp đậy,  
máng chứa nước, hồ tắm,  
rào chắn, bị ẩm ướt,  
và bằng rãnh thoát nước,  
bị lạnh, hồ trữ nước,  
nước ôi và mái vòm.  
Bốn tháng, và họ nằm,  
hoa thơm, không chú nguyện,  
chạm trổ, giá đỡ bát,  
họ ăn cùng một (tô),  
nằm chung, chuyện Vaḍḍha,  
chuyện Bodhi, không bước.  
Cái chum, vật chà chân,  
cái chổi, loại chà chân  
cát, sỏi, và bột biển,  
cái quạt, chổi quét bụi,  
quạt muối, quạt đuôi bò.  
Ô dù, và không có,  
trong tu viện, ba việc  
đồng tình về sợi dây,  
tật nhai lại, cơm rơi,*

*các móng dài, họ cắt,  
các ngón tay bị đau,  
chảy máu, và cắt sát  
hai mươi, để tóc dài,  
dao cạo, đá mài dao,  
bao đựng, miếng vải len,  
họ tĩa râu, để râu,  
dưới cằm, thành bốn góc,  
tạo dáng lông ngực, bụng,  
giống ngà voi, cạo lông,  
bệnh hoạn, kéo, vết thương,  
lông dài, và mảnh sành,  
tóc bạc, bị bít kín,  
loại đặc biệt, đồng thau,  
vớ thuốc cao, ngồi chỏ,  
và miếng vải băng bó,  
sợi dệt, kim, dây lưng,  
do nhiều sợi bện lại,  
có hình đầu rắn nước,  
bện hình cái trống nhỏ,  
như dây xích, băng vải,*

và hai đầu thắt lại,  
chóp, khâu tròn, thắt nút,  
đầu chóp vẫn bị sờn,  
và đủ loại hột nút,  
lại có loại hình đẹp,  
từ mép được lùì vào.

Vải lót kẻ tại gia:  
loại quần như vòì voi,  
vắt đuôi cá, bốn góc,  
loại có tua, thật dài,  
trùm vải choàng tục gia,  
mặc váy, túi hai vai,  
gỗ chà răng, gậy đánh,  
bị vương ở cổ họng,  
và thêm đám lửa lớn,  
đốt ngọn lửa nghịch chiều,  
(trèo) cây, bởi con voi,  
ngôn ngữ của bản thân,  
giải đoán điềm lành dữ,  
họ học rồi dạy lại,  
họ nói chuyện nhảm nhí.

Ngài hắt hơi, điều lành,  
và nhai (tỏi), bệnh gió,  
và làm bản, mùi hôi,  
khó khăn, bực tiểu tiện,  
họ thẹn, đậy, mùi hôi,  
và họ tiêu đó đậy,  
mùi hôi, hổ chứa phân,  
chúng sụp xuống, nền cao,  
và nền móng, bậc thang,  
lan can, và bên trong,  
khó khăn, và bực tiêu,  
(tiểu) ra ngoài, khe rãnh,  
và gỗ chùi, thùng chứa,  
và không được đậy lại.  
Nhà tiêu, cửa, trụ cửa,  
rãnh xoay, và chốt xoay,  
tay nắm, và chốt gài,  
đinh khóa chốt, chốt phụ,  
lỗ khóa, và lỗ xỏ,  
sợi dây, vừa trong ngoài,  
màu trắng và màu đen,

việc làm vòng, dây treo,  
cây đình rặng cá kiếm,  
năm sợi vải, sào máng,  
và sợi dây treo y.

Già, yếu đuối, tay vịn,  
và ở kho chứa đồ,  
cũng như thế, rải cát,  
trái lót bằng đá phiến,  
động nước, rãnh thoát nước.

Lu nước, và gáo múc,  
khó khăn, then, nắp đậy.

Họ làm việc xấu xa,  
được phép đồ kim loại,  
trừ ra các vũ khí.

Bậc Đại Sĩ cho phép  
tất cả vật bằng gỗ,  
trừ trường kỷ, ghé dựa,  
bát gỗ, giày dép gỗ.

Đấng Như Lai loại ra  
vật chà chân, lu lớn,  
còn từ bi cho phép,

*tất cả vật gồm sí.*  
*Việc chỉ dẫn điều nào,*  
*nếu giống điều trước đây,*  
*điều đã được tóm tắt*  
*ở trong phần tóm lược,*  
*điều ấy nên biết đến*  
*từ điều đã được dạy.*

*Như vậy một trăm mười*  
*sự việc thuộc Tạng Luật*  
*ở trong phần Tiểu Sự*  
*sự duy trì chánh Pháp,*  
*trợ giúp các vị tốt,*  
*vị nắm giữ Tạng Luật*  
*được học tập khéo léo,*  
*tâm định tĩnh tốt đẹp,*  
*vị thông minh, giải rõ,*  
*đa văn, đáng cúng dường.*

### **Dứt Chương các Tiểu Sự.**

\*\*\*\*\*

## **VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA<sup>30</sup> (SENĀSANAKKHANDHAKAṀ)**

[198] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Vào lúc bấy giờ, chỗ trú ngụ chưa được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru. Và các tỳ khuru ấy cư ngụ ở nơi này nơi khác, ở trong rừng rậm, ở gốc cây, nơi sườn núi, nơi thung lũng, trong hang núi, nơi bãi tha ma, trong khu rừng thưa, nơi đồng trống, ở đồng rơm. Các vị ấy, vào lúc sáng sớm, đã đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đồng rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi (tay chân), với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi.

[199] Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến công viên vào lúc sáng sớm. Nhà đại phú thành Rājagaha đã nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy vào lúc sáng sớm đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đồng rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi (tay chân), với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi. Sau khi nhìn thấy, tâm của vị ấy đã ngưỡng mộ. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp các vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã nói với các vị tỳ khuru ấy điều này:

- Thưa các ngài, nếu tôi có thể cho xây dựng các trú xá, các ngài có thể cư ngụ trong các trú xá của tôi không?

- Này gia chủ, các trú xá chưa được đức Thế tôn cho phép.

- Thưa các ngài, chính vì điều ấy các ngài có thể hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho tôi hay.

- Này gia chủ, đúng vậy.

Rồi các vị tỳ khuru ấy nghe theo nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, nhà đại phú ở thành Rājagaha có ý muốn cho xây dựng các trú xá. Bạch ngài, vậy chúng con nên thực hành như thế nào?

[200] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép năm loại chỗ trú ngụ là trú xá (vihāraṃ), nhà một mái (aḍḍhayogaṃ), tòa nhà dài (pāsādaṃ), khu nhà lớn (hammiyaṃ), hang động (guhaṃ).

[201] Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

- Nay gia chủ, các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép. Bây giờ, gia chủ hãy biết là thời điểm của việc gì.

Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho dựng lên sáu mươi trú xá chỉ trong một ngày. Rồi sau khi hoàn tất sáu mươi trú xá ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa trai phạn của tôi vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy nhà đại phú thành Rājagaha đã bảo chuẩn bị thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

- Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

[202] Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, và đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt cùng với hội chúng tỳ khuru. Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, sáu mươi trú xá này đã được tôi cho xây dựng vì mục đích phước báu, vì mục đích cõi trời. Bạch ngài, tôi nên thực hành như thế nào về những trú xá này?



- Nay gia chủ, chính vì điều ấy người hãy cho thiết lập sáu mươi trú xá ấy dành cho hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai<sup>31</sup>.

- Bạch ngài, xin vâng.

Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha nghe theo đức Thế Tôn đã thiết lập sáu mươi trú xá ấy dành cho hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai. Sau đó, đức Thế Tôn đã tùy hỷ với nhà đại phú thành Rājagaha bằng những lời kệ này:

[203]

*Chúng ngăn ngừa nóng lạnh*

*và các loài thú dữ,*

*các loài rắn, muỗi mòng,*

*luôn các cơn mưa lạnh (từ nơi ấy).*

*Cơn gió nóng dữ dội*

*sanh lên bị dội lại (từ nơi ấy).*

*Sự bố thí trú xá*

*đến hội chúng để hành*

*thiền định và minh sát*

*đem lại sự nương náu*

*đem lại sự an lạc*

*đã được chư Phật Đà*

*ngợi khen là tối thắng.*

*Vì thế người trí tuệ*

*thấy lợi ích cho mình*

*cho xây trú xá đẹp*

*để các bậc đa văn*

*có thể ngụ nơi ấy.*

*Nên cúng dường cơm nước*

*y áo, chỗ trú ngụ*

*đến các chân tu ấy*

*có tâm tư thanh tịnh.*

*Đến người, các vị thuyết*

*pháp xua mọi khổ đau*

*người thấy pháp đời này*

*không còn ô nhiễm nữa*

*và chứng ngộ Niết Bàn.*

Sau khi tùy hỷ bằng những lời kệ ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[204] Dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép” rồi cho xây dựng các trú xá một cách hăng hái. Các trú xá ấy không có cửa nên các con rắn, các con bọ cạp, và các con rết bò vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (làm) cửa.

Sau khi đục lỗ ở tường, họ đã buộc cánh cửa bằng dây leo và dây thừng. Các con chuột và các con mối đã gặm nhấm (dây buộc). Các cánh cửa có dây buộc đã bị gặm nhấm rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (làm) trụ cửa, rãnh xoay, và chốt xoay.

Các cánh cửa không sử dụng được. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (làm) lỗ để luôn và dây thừng để luôn qua.

Các cánh cửa không đóng kín được. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ.

[205] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru không thể khóa cửa được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) lỗ khóa. Có ba loại khóa: khóa bằng đồng, khóa bằng gỗ, khóa bằng sừng.

Khi các vị mở cửa đi vào trong, các trú xá không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) then cài, đinh khóa chốt.

[206] Vào lúc bấy giờ, các trú xá được lợp cỏ nên lạnh lẽo vào mùa lạnh, nóng nực vào mùa nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái, tô vữa bên trong và bên ngoài.

[207] Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có cửa sổ nên không tốt cho mắt và có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại cửa sổ: cửa sổ chấn song ngang, cửa sổ gắn lưới, cửa sổ chấn song dọc.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở ở cửa sổ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) màn che cửa sổ.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở của màn che. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (làm) cánh cửa sổ, tấm chắn cửa sổ.

[208] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nằm ở nền đất. Cơ thể và y bị bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) thảm trải bằng cỏ.

Thảm trải bằng cỏ bị các con chuột và mối ăn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) bệ cứng.

Nằm trên bệ cứng, cơ thể bị ê ẩm. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giường vạt tre.

[209] Vào lúc bảy giờ, giường lắp ráp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giường lắp ráp.

Ghế lắp ráp được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế lắp ráp.

[210] Vào lúc bảy giờ, giường xếp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giường xếp.

Ghế xếp được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế xếp.

[211] Vào lúc bảy giờ, giường có chân đẽo cong dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giường có chân đẽo cong.

Ghế có chân đẽo cong được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế có chân đẽo cong.

[212] Vào lúc bảy giờ, giường có chân tháo rời được dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) giường có chân tháo rời được.

Ghế có chân tháo rời được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế có chân tháo rời được.

[213] Vào lúc bấy giờ, ghế gỗ vuông (āsandika) được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế gỗ vuông.

Ghế gỗ vuông loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) luôn cả ghế vuông loại cao.

Ghế dựa dài (sattaṅgo) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế dựa dài.

Ghế dựa dài loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) luôn cả ghế dựa dài loại cao.

Ghế làm bằng các thanh ráp lại (bhaddapīṭhaṃ) được phát sanh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế làm bằng các thanh ráp lại.

Ghế lót vải (pīṭhikā) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế lót vải.

Ghế có chỗ gác chân (eḷakapādaḥkaṃ pīṭhaṃ) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế có chỗ gác chân.

Ghế có nhiều chân (āmalakavaṭṭikaṃ pīṭhaṃ) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế có nhiều chân.

Tầm ván (phalakam) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) tầm ván.

Ghế mây (koccham) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế mây.

Ghế lót rom (palālapīṭham) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ghế lót rom.

[214] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nằm ở giường cao. Dân chúng trong khi đi dạo quanh trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên nằm giường cao; vị nào nằm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[215] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ trong khi nằm ở giường thấp đã bị rấn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) khung giường (mañcapaṭipādakam).

[216] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng khung giường loại cao. Các vị đu đưa với các khung giường loại cao. Dân chúng trong khi đi dạo quanh trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng khung giường loại cao; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép khung giường cao tối đa tám ngón tay.

[217] Vào lúc bảy giờ, chỉ sợi được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đan chỉ ở giường.

Các góc tổn nhiều chỉ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xuyên qua ở các góc và dẹt chéo ô nhỏ.

Mảnh vải (*coḷakaṃ*) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng làm thảm lót nền.

Bông gòn (*tūlikā*) được phát sanh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép tháo ra dùng làm gói. Có ba loại bông gòn: bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ.

[218] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sử dụng gói dài nửa thân người. Dân chúng trong khi đi dạo quanh trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng gói dài nửa thân người; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện gói có kích thước của cái đầu.

[219] Vào lúc bảy giờ, có lễ hội trên đỉnh núi ở thành Rājagaha. Dân chúng chuẩn bị nhiều nệm để phục vụ các quan đại thần: nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá. Khi lễ hội đã xong, họ tháo lấy các bao nệm rồi đem đi. Các tỳ khuru đã nhìn thấy tại chỗ lễ hội nhiều sợi len, sợi vải, sợi từ vỏ cây, cỏ, và lá bị quăng bỏ, sau khi nhìn thấy các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép năm loại nệm: nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.

[220] Vào lúc bấy giờ, vải phụ tùng của giường ghế được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) để bọc nệm.

[221] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trải nệm của giường ở ghế, trải nệm của ghế ở giường. Các nệm bị rời ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép giường được bọc nệm (onaddhamañcam), ghế được bọc nệm (onaddhapītham).

Các vị trải lên nhưng không làm tấm lót nên đã bị rơi ra từ bên dưới. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm tấm lót (bên dưới), trải đều ra, rồi bọc nệm.

Họ tháo bao nệm rồi lấy đem đi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bôi màu (phositum).

Họ vẫn lấy đem đi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc thực hiện các đường vẽ (bhittikamma).

Họ vẫn lấy đem đi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các đường vẽ bằng bàn tay (hatthabhittim).

[222]. Vào lúc bấy giờ, các chỗ nằm của các ngoại đạo có màu trắng, nên được làm màu đen, tường được trét màu đỏ. Số đông dân chúng đi đến để ngắm các chỗ nằm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (son) màu trắng, màu đen, trét màu đỏ ở trú xá.

[223] Vào lúc bấy giờ, màu trắng không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.



- Nay các tỳ khuru, ta cho phép để các nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên.

Màu trắng không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép để đất sét dẻo vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên.

Màu trắng không dính chặt vào. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng nhựa cây, bột nghiền.

[224] Vào lúc bấy giờ, màu đỏ không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép để các nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không dính chặt vào. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng đất sét trộn với cám đỏ, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng bột trái mù tạt (sāsapakuṭṭam), dầu sáp ong.

(Chất ấy) bị đóng thành từng cục. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng miếng giẻ để chùi.

[225] Vào lúc bấy giờ, màu đen không bám được ở nền đất bị lồi lõm. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép để các nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên.

Màu đen không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng đất sét trộn với phân trùn, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên.

Màu đen không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng nhựa cây, chất làm đông (kasāvam).

[226] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục sư bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam. Dân chúng trong khi đi dạo quanh trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam; vị nào bảo thực hiện thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

[227] Vào lúc bấy giờ, các trú xá có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên bậc thang. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[228] Vào lúc bấy giờ, các trú xá trở thành nơi công động, đông đảo người. Các tỳ khuru ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) màn che.

Họ vén màn che lên nhìn vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) bức tường thấp.

Họ nhìn vào từ phía trên của bức tường thấp. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) ba loại phòng: phòng vuông, phòng chữ nhật, phòng ở trên gác xép.

[229] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru làm phòng ở chính giữa trong trú xá nhỏ. Lối vào không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) phòng ở một bên trong trú xá nhỏ, ở chính giữa trong trú xá lớn.

[230] Vào lúc bấy giờ, chân tường của trú xá bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cây gỗ áp vào.

Tường của trú xá bị thấm nước mưa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) tấm chắn bảo vệ, vữa hồ<sup>32</sup>.

[231] Vào lúc bấy giờ, rấn từ mái cỏ rơi xuống trên vai của vị tỳ khuru nọ. Bị hoảng sợ, vị ấy đã kêu thét lên. Các tỳ khuru đã chạy lại và nói với vị tỳ khuru ấy điều này:

- Nay đại đức, vì sao đại đức đã kêu thét lên vậy?

Khi ấy, vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) vòm che ở mái.

[232] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru treo các túi ở chân giường và ở cả chân ghế nữa. Chúng đã bị các con chuột và mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) chốt đinh ở tường, móc ngà voi.

[233] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu để y ở trên giường và ở cả trên ghế nữa. Y bị rách thành miếng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) sào máng y, dây treo y ở trú xá.

[234] Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có các mái hiên nên không che chắn (ánh nắng) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) mái hiên, sân có mái che, sân ở phía trong, hàng hiên có mái che.

Các mái hiên trở thành nơi công cộng. Các tỳ khưu ái ngại khi nằm xuống. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) màn che di chuyển bằng bánh xe, màn che loại kéo lên.

[235] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trong khi tiến hành việc phân phối bữa ăn ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh, vì nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (xây dựng) phòng hội họp.

Phòng hội họp có nền thấp nên bị ngập nước. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên bậc thang. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong phòng hội họp. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[236] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru phơi y trên nền đất ở ngoài trời. Y bị dơ bẩn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) sào máng y, dây treo y ở ngoài trời.

...(như trên)... Nước uống bị nắng sưởi ấm. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) nhà nước uống (pānīyasālam), mái che chỗ nước uống (pānīyamaṇḍapam).

Nhà nước uống có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên bậc thang. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Rác cỏ rơi vào trong nhà nước uống. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Tô uống nước không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) vỏ sò để uống nước, cốc để uống nước.

[237] Vào lúc bấy giờ, các trú xá không được rào lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rào quanh ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, và hàng rào bằng gỗ.

Cổng ra vào không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cổng ra vào.

Cổng ra vào có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Cổng ra vào không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luôn qua.

Rác cỏ rơi ở nơi cổng ra vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

[238] Vào lúc bấy giờ, căn phòng bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rải cát.

Các vị làm không có kết quả. ...(như trên)...

-Nay các tỳ khuru, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (đào) rãnh thoát nước.

[239] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru thực hiện chỗ đốt lửa ở nơi này nơi nọ trong căn phòng. Căn phòng bị rác bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (xây dựng) nhà để đốt lửa ở một bên.

Nhà để đốt lửa có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn trong khi trèo lên. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.

Các vị bị té trong khi bước lên bậc thang. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Nhà để đốt lửa không có cửa. ...(như trên)...

-Này các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xoắn dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ rơi vào trong nhà để đốt lửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Vào lúc bấy giờ, tu viện không được rào lại. Các con dê và súc vật phá hoại cây cối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bao bọc quanh bằng ba loại rào ngăn: rào ngăn bằng tre, rào ngăn bằng cây gai, và hào rãnh.

Cổng ra vào không có. Chính vì như thế, các con dê và súc vật lại phá hoại cây cối. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cổng ra vào, hai cánh cửa gắn nhánh cây có gai, vòm cổng, và móc khóa.

Rác cỏ rơi ở nơi cổng ra vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép che kín mái và thực hiện việc tô vữa bên trong và bên ngoài, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

Tu viện bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép rải cát.

Các vị làm không có kết quả. ...(như trên)...

-Nay các tỳ khuru, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (đào) rãnh thoát nước.

[240] Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý định cho xây dựng tòa nhà dài có tô vữa hồ đất sét nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các tỳ khuru khởi ý điều này: “*Mái che loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép năm loại mái che: mái che lợp ngói, mái che lợp đá phiến, mái che bằng vữa hồ, mái che lợp cỏ, mái che lợp lá.

### **Dứt tụng phẩm thứ nhất.**

[241] Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika có người vợ là em gái của nhà đại phú ở thành Rājagaha. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến thành Rājagaha vì công việc cần làm nào đó.

[242] Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày hôm sau. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng:



- Nay các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.

[243] Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã khởi ý điều này: “*Trước đây mỗi khi ta đến, gia chủ này bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông ta có vẻ khẩn trương đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: ‘Nay các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.’ Không lẽ vào ngày mai gia chủ này có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?*”

[244] Khi ấy, sau khi sai bảo đám tôi tớ và các người làm công xong, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi đến đã chào hỏi gia chủ Anāthapiṇḍika rồi ngồi xuống ở một bên. Gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha đang ngồi một bên điều này:

- Nay gia chủ, trước đây mỗi khi ta đến, ông bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông có vẻ khẩn trương đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: “*Nay các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.*” Nay gia chủ, không lẽ vào ngày mai ông có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?

- Nay gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không có đám đưa dâu, cũng không có mời thỉnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh, nhưng mà tôi sắp xếp cho buổi đại lễ cúng dường vào ngày mai. Hội chúng có đức Phật đứng đầu đã được thỉnh mời.

- Nay gia chủ, có phải người nói: “*Đức Phật?*”

- Ô gia chủ, tôi nói là: “*Đức Phật.*”

- Nay gia chủ, có phải người nói: “*Đức Phật?*”

- Ô gia chủ, tôi nói là: “*Đức Phật.*”

- Nay gia chủ, có phải người nói: “*Đức Phật?*”

- Ô gia chủ, tôi nói là: “Đức Phật.”

- Nay gia chủ, cái âm này thật khó được nghe ở thế gian, đó là từ: “Đức Phật.” Nay gia chủ, vào giờ này ta có thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không vậy?

- Nay gia chủ, không phải lúc rồi; giờ này không thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đâu. Để đến sáng sớm ngày mai, dương sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác vậy.

[245] Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika (nghĩ rằng): “Sáng sớm ngày mai, ta sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác vậy” rồi đã nằm xuống với niệm tưởng về đức Phật. Ông đã thức giấc trong đêm ba lần, nghĩ rằng trời đã sáng. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến cửa thành dẫn đến khu rừng Sīta. Các phi nhân đã mở cửa thành. Khi ấy, ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nổi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika khi đang đi ra khỏi thành, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui.

[246] Khi ấy, dạ xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng:

- Trăm voi( và) trăm ngựa,

trăm xe kéo bởi lừa,

trăm ngàn cô thiếu nữ

điểm trang ngọc, hoa tai,

mười sáu lần như thế

không bằng một bước đi.

Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới. Việc bước tới thì tốt đẹp cho người, không có việc quay lui.

[247] Khi ấy, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Việc đã sanh khởi cho gia chủ Anāthapiṇḍika là nổi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng, việc ấy đã được lắng xuống.

Đến lần thứ nhì, ...như trên...

Đến lần thứ ba, ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui. Đến lần thứ ba, dạ xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng:

- *Trăm voi( và) trăm ngựa,*

*trăm xe kéo bởi lừa,*

*trăm ngàn cô thiếu nữ*

*điểm trang ngọc, hoa tai,*

*mười sáu lần như thế*

*không bằng một bước đi.*

Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới. Việc bước tới thì tốt đẹp cho người, không có việc quay lui.

Đến lần thứ ba, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Việc đã sanh khởi cho gia chủ Anāthapiṇḍika là nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng, việc ấy đã được lắng xuống. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến khu rừng Sīta.

[248] Vào lúc bảy giờ, sau khi thức dậy vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn đi kinh hành ở ngoài trời. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy gia chủ Anāthapiṇḍika ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn đã rời đường kinh hành đi đến ngồi ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

- Này Sudatta, hãy đi đến.

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika (nghĩ rằng): “*Đức Thế Tôn gọi ta bằng tên*” nên đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống kê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, chắc hẳn rằng đức Thế Tôn đã nghỉ ngơi được thoải mái?

[249]

- Đứng thế, kẻ Phạm hạnh

đã chứng ngộ Niết Bàn

luôn nghỉ ngơi thoải mái.

Người không vấy tình dục

bình thản, không chấp thủ,

khi đoạn lìa các dục

vị ấy điều phục được

các nỗi khổ trong tâm,

tĩnh lặng, nằm thoải mái

tâm chứng đạt Niết Bàn.

[250] Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến gia chủ Anāthapiṇḍika. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của gia chủ Anāthapiṇḍika đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tĩnh lặng, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được Chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo<sup>33</sup>. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

[251] Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngựa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): “*Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;*” tương tự như thế Pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin quy y đức Thế Tôn ấy, Giáo Pháp, và Hội chúng tỳ khuru. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[252] Nhà đại phú thành Rājagaha đã nghe rằng: “*Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.*” Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

- Đây gia chủ, nghe nói dượng đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và dượng lại là khách vắng lai. Đây gia chủ, tôi cho dượng tài chánh; nhờ đó dượng có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

- Đây gia chủ, tôi có đủ tài chánh; với số tài chánh ấy tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu .

[253] Vị thị trưởng thành Rājagaha đã nghe rằng: “*Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.*” Khi ấy, vị thị trưởng thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

- Đây gia chủ, nghe nói ông đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và ông lại là khách vắng lai. Đây gia chủ, ta sẽ cho ông tài chánh; nhờ đó ông có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

- Thưa ngài, tôi có đủ tài chánh; với số tài chánh ấy tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

[254] Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe rằng: “*Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.*” Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

- Nay gia chủ, nghe nói người đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và người lại là khách vắng lai. Nay gia chủ, trăm sẽ giúp cho người tài chánh; nhờ đó người có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

- Tôi bệ hạ, thần có đủ tài chánh; với số tài chánh ấy thần sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

[255] Sau đó, khi trải qua đêm ấy gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm tại tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

- Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Anāthapiṇḍika đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về việc an cư mùa mưa tại thành Sāvatti cùng với hội chúng tỳ khưu.

- Nay gia chủ, các đấng Như Lai chỉ thỏa thích ở trú xứ thanh vắng.

- Bạch Thế Tôn, con đã biết rõ. Bạch Thiện Thệ, con đã biết rõ.

Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Anāthapiṇḍika bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[256] Vào lúc bảy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika có nhiều bạn bè, có nhiều cộng sự, có lời nói uy tín. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika sau khi hoàn tất

công việc cần làm ấy ở thành Rājagaha đã ra đi trở về thành Sāvatti. Sau đó, trên đường đi gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo với dân chúng rằng:

- Quý vị ơi, hãy xây dựng các tu viện, hãy cho thiết lập các trú xá, hãy chuẩn bị các vật cúng dường. Giờ đây, đức Phật đã xuất hiện ở trên đời. Và đức Thế Tôn ấy được tôi thỉnh mời sẽ đi đến bằng con đường này.

Khi ấy, đám người ấy được cổ vũ bởi gia chủ Anāthapiṇḍika đã xây dựng các tu viện, đã cho thiết lập các trú xá, và đã chuẩn bị các vật cúng dường.

Sau đó, khi đã về đến thành Sāvatti gia chủ Anāthapiṇḍika đã xem xét quanh thành Sāvatti (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.” Gia chủ Anāthapiṇḍika đã nhìn thấy khu vườn của vương tử Jeta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vương tử Jeta, sau khi đến đã nói với vương tử Jeta điều này:

- Thưa công tử, hãy cho tôi khu vườn để xây dựng tu viện.

- Nay gia chủ, khu vườn không thể cho mặc dù với việc trải ra mười triệu (koṭisantharena).

- Thưa công tử, khu vườn đã được bán.

- Nay gia chủ, khu vườn chưa được bán.

Họ đã hỏi các viên đại thần lo việc xử án rằng:

- (Khu vườn) đã được bán hay chưa được bán?

Các viên quan đại thần đã nói như vậy:

- Thưa công tử, bởi vì giá cả đã được ngài quy định nên khu vườn đã được bán.

Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo chở tiền vàng lại bằng các xe kéo và cho trải ra mười triệu tiền vàng ở Jetavana (khu rừng của Jeta). Tiền vàng chở lại một lần ấy còn thiếu cho khoảng trống nhỏ xung quanh cổng ra vào. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo dân chúng rằng:

- Nay các người, hãy đi, hãy đem tiền vàng lại. Chúng ta sẽ trải lên khoảng trống này.

Khi ấy, vương tử Jeta đã khởi ý điều này: “*Theo như cách vị gia chủ này hy sinh nhiều tiền vàng đến như vậy thì việc này sẽ không là tâm thường đâu*” nên đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này:

- Nay gia chủ, được rồi, ông không cần phải trải lên khoảng trống này nữa. Hãy cho ta khoảng trống đó. Việc bố thí ấy sẽ là của ta.

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika (nghĩ rằng): “*Vương tử Jeta này thông minh, nhiều người biết tiếng, niềm tin trong Pháp và Luật này của những người có danh tiếng như thế quả là điều kỳ diệu lớn lao!*” nên đã nhường khoảng trống đó cho vương tử Jeta. Sau đó, vương tử Jeta đã cho dựng lên cổng ra vào ở khoảng trống đó.

Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho xây dựng ở Jetavana các trú xá, đã cho xây dựng các căn phòng, đã cho xây dựng các cổng ra vào, đã cho xây dựng các phòng hội họp, đã cho xây dựng các nhà để đốt lửa, đã cho xây dựng các nhà làm thành được phép, đã cho xây dựng các nhà vệ sinh, đã cho xây dựng các đường kinh hành, đã cho xây dựng các gian nhà ở các đường kinh hành, đã cho xây dựng các giếng nước, đã cho xây dựng các gian nhà ở các giếng nước, đã cho xây dựng các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các gian nhà ở các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các hồ trữ nước, đã cho xây dựng các mái che.

[257] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích đã lên đường đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra.

[258] Vào lúc bảy giờ, dân chúng thực hiện công trình mới một cách cẩn thận. Ngay cả các tỳ khưu phụ trách công trình mới cũng được phục vụ một cách chu đáo với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh.



[259] Khi ấy, có người thợ may nghèo nọ đã khởi ý điều này: “*Theo như cách những người này thực hiện công trình mới một cách cẩn thận như vậy thì việc này sẽ không là tầm thường đâu; hay là ta cũng nên thực hiện công trình mới vậy?*” Sau đó, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, gắn liền các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các viên gạch được ông ta gắn liền không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, gắn liền các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các viên gạch được ông ta gắn liền không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống. Khi ấy, người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Người ta cúng dường vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh đến các sa-môn Thích tử này nên các vị chỉ bảo, hướng dẫn họ, và phụ trách công trình mới của họ. Trái lại, tôi thì nghèo nên không ai chỉ bảo, hướng dẫn tôi, hay phụ trách công trình mới (của tôi).

Các tỳ khuru đã nghe được người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép giao công trình mới. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru là vị phụ trách công trình mới sẽ thể hiện sự tích cực (suy nghĩ rằng): “*Có cách gì để trú xá có thể đạt đến việc hoàn thành nhanh chóng?*” và sẽ sửa chữa chỗ bị đổ vỡ và hư hỏng. Và này các tỳ khuru, nên giao như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đến vị tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đến vị tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đến vị tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đã được giao đến vị tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[260] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích đã lên đường đi về phía thành Sāvattthi. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đệ tử của các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm (nói rằng): *“Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta.”*

Khi ấy, đại đức Sāriputta đi theo phía sau hội chúng có đức Phật dẫn đầu<sup>34</sup>, vì các trú xá đã bị giành phần và các chỗ nằm đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ nằm đã ngồi xuống ở góc cây nọ. Sau đó vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn thức dậy đã đặng hăng. Đại đức Sāriputta cũng đã đặng hăng.

- Ai ở đằng kia vậy?

- Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.

- Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây?

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[261] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru đệ tử của các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm (nói rằng): *“Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta,”* có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(như trên)...

- Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rò đại ấy lại đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm (nói rằng): *“Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này*

*sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta.”*  
Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi hỏi các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, vị nào xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất?

Một số tỳ khưu đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi vua chúa vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khưu đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi Bà-la-môn vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khưu đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi gia chủ vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khưu đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào chuyên về Kinh vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khưu đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào rành rẽ về Luật ...(như trên)...

Một số tỳ khưu đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là Pháp sư vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khưu đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đạt sơ thiên vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khuru đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đạt nhị thiên vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khuru đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tam thiên ...(như trên)...

Một số tỳ khuru đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tứ thiên vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khuru đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhập Lưu (Sotāpanno) vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khuru đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhất Lai (Sakadāgāmī) ...(như trên)...

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Bất Lai (Anāgāmī) ...(như trên)...

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc A-la-hán (Arahā) vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khuru đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Tam Minh (Tevijjo) vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ khuru đã đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Lục Thông (Chalabhiñño) vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

[262] Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, trước đây ở sườn núi của Hy Mã Lạp Sơn có cây đa cổ thụ. Có ba bạn hữu là con chim đa đa, con khỉ, và con long tượng đã sống

nương tựa vào cây ấy. Chúng đã sống không có sự kính trọng, không có sự phục tùng, không có thái độ quan tâm lẫn nhau. Nay các tỷ khuru, sau đó ba bạn hữu ấy đã khởi ý điều này: *“Này, chúng ta nên biết ai trong chúng ta là lớn nhất tính theo sự sinh ra để chúng ta có thể tôn trọng, có thể kính nể, có thể quý mến, có thể phục vụ vị ấy, và chúng ta có thể tồn tại trong sự giáo huấn của vị ấy.”*

Này các tỷ kheo, khi ấy con chim đa đa và con khỉ đã hỏi con long tượng rằng:

- Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?

- Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ tôi thường để cây đa này ở giữa hai chân rồi bước qua, ngọn cây chạm vào bụng của tôi. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa.

Này các tỷ kheo, sau đó con chim đa đa và con long tượng đã hỏi con khỉ rằng:

- Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?

- Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ tôi thường ngồi trên nền đất nhai đọt non của cây đa này. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa.

Này các tỷ kheo, sau đó con khỉ và con long tượng đã hỏi con chim đa đa rằng:

- Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?

- Hai bạn à, ở khu vực kia có cây đa cổ thụ. Tại đó, tôi đã ăn trái cây rồi đại tiện ở chỗ này, cây ấy sanh ra cây đa này. Hai bạn à, như thế tính theo sự sinh ra thì tôi là lớn nhất.

Này các tỷ khuru, sau đó con khỉ và con long tượng đã nói với con chim đa đa điều này:

- Bạn à, bạn là lớn nhất tính theo sự sinh ra. Chúng tôi sẽ tôn trọng, sẽ kính nể, sẽ quý mến, sẽ phục vụ bạn, và chúng tôi có thể sinh tồn trong sự giáo huấn của bạn.

Này các tỳ khuru, sau đó con chim đa đa đã cho con khỉ và con long tượng thọ trì năm giới, và bản thân nó cũng thọ trì và thực hành theo năm giới. Chúng đã sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, có thái độ quan tâm lẫn nhau, đến khi hoại rã thân này chết đi, chúng đã sanh về chốn an vui là cõi trời. Này các tỳ khuru, con chim đa đa ấy đã nổi danh là bậc hành Phạm hạnh.

[263]

*Những người rành rẽ Pháp,*

*tôn kính bậc cao niên*

*kiếp này được khen ngợi*

*kiếp sau sanh về trời.*

Này các tỳ khuru, ngay cả các chúng sanh là các con thú ấy còn sinh sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các tỳ khuru, ở đây các người hãy làm rạng rỡ việc các người xuất gia làm sa-môn trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, các người nên sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy chào, hành động chấp tay, hành động thích hợp, chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất tính theo thâm niên. Này các tỳ khuru, việc liên quan đến hội chúng được tính theo thâm niên là điều không được xâm phạm; vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[264] Này các tỳ khuru, đây là mười hạng không nên được đánh lễ: Vị tu lên bậc trên sau không nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vị chưa tu lên bậc trên không nên được đánh lễ, vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói sai Pháp không nên được đánh lễ, phụ nữ không nên được đánh lễ, người vô căn không nên được đánh lễ, vị thực hành hành phạt *parivāsa* không nên được đánh lễ, vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên được đánh lễ, vị xứng đáng hành phạt *mānatta* không nên được đánh lễ, vị thực hành hành phạt *mānatta* không nên được đánh lễ, vị

xứng đáng sự giải tội không nên được đánh lễ. Nay các tỳ khuru, đây là mười hạng không nên được đánh lễ.

Này các tỳ khuru, đây là ba hạng nên được đánh lễ: Vị tu lên bực trên trước nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau, vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói đúng Pháp nên được đánh lễ, này các tỳ khuru, trong thế gian gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác nên được đánh lễ bởi các chúng sanh gồm có sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, và nhân loại. Nay các tỳ khuru, đây là ba trường hợp nên được đánh lễ.

[265] Vào lúc bảy giờ, dân chúng chuẩn bị mái che, chuẩn bị thăm trái, chuẩn bị chỗ trống dành riêng cho hội chúng. Các tỳ khuru đệ tử của các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “*Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng (cho hội chúng)*” rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các mái che, giành phần các thăm trái, giành phần các chỗ trống (nói rằng): “*Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta.*”

Khi ấy, đại đức Sāriputta đi theo phía sau hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các mái che đã bị giành phần, các thăm trái đã bị giành phần, các chỗ trống đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ trống đã ngồi xuống ở góc cây nọ. Sau đó vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn thức dậy đã đặng hăng. Đại đức Sāriputta cũng đã đặng hăng.

- Ai ở đàng kia vậy?

- Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.

- Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây?

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[266] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru đệ tử của các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “*Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng (cho*

*hội chúng)*” rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các thảm trải, giành phần các chỗ trống (nói rằng): “*Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta,*” có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ngay cả việc được làm dành riêng (cho hội chúng) cũng được tính theo thâm niên là điều không được xâm phạm; vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

[267] Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà các chỗ ngồi cao và các chỗ ngồi rộng như là ghé trường kỷ, ghé dựa dài, thảm lông, thảm nhiều màu, thảm màu trắng, thảm thêu bông hoa, nệm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình vẽ, thảm lông rái cá, thảm có lông một góc, tấm lụa có kết ngọc quý, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm da voi, thảm da ngựa, thảm lót xe, thảm da báo, thảm da linh dương, thảm có che phủ ở trên, thảm có màu đỏ ở cả hai đầu. Các tỳ khuru ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, trừ ra ba thứ là ghé trường kỷ, ghé dựa dài, nệm bông gòn (*tūlikam*), ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên.

[268] Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà loại giường và ghé đệm bông gòn. Các tỳ khuru ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên.

[269] Sau đó, đức Thế Tôn trong khi tuần tự du hành đã ngự đến thành Sāvatti. Tại nơi đó trong thành Sāvatti, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), tu viện của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:



- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

[270] Sau đó, khi trải qua đêm ấy gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm rồi đã cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

- Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y cầm y bát đi đến tư gia của gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khuru. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã tự tay làm hải lòng và thỏa mãn hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Anāthapiṇḍika đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, con tiến hành như thế nào về Jetavana?

- Nay gia chủ, chính vì điều ấy người hãy cho thiết lập Jetavana dành cho hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai.

- Bạch ngài, xin vâng.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika nghe theo đức Thế Tôn đã thiết lập Jetavana dành cho hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai. Khi ấy, đức Thế Tôn đã tùy hỷ với gia chủ Anāthapiṇḍika bằng những lời kệ này:

[271]

*Chúng ngăn ngừa nóng lạnh*

*và các loài thú dữ,*

*các loài rắn, muỗi mòng,*

*luôn các cơn mưa lạnh (từ nơi ấy).*

*Cơn gió nóng dữ dội*

*sanh lên bị dội lại (từ nơi ấy).*

*Sự bố thí trú xá*

*đến hội chúng để hành*

*thiền định và minh sát*

*đem lại sự nương náu*

*đem lại sự an lạc*

*đã được chư Phật Đà*

*ngợi khen là tối thắng.*

*Vì thế người trí tuệ*

*thấy lợi ích cho mình*

*cho xây trú xá đẹp*

*để các bậc đa văn*

*có thể ngụ nơi ấy.*

*Nên cúng dường cơm nước*

*y áo, chỗ trú ngụ*

*đến các chân tu ấy*

*có tâm tư thanh tịnh.*

*Đến người, các vị thuyết*

*pháp xua mọi khổ đau*

*ngươi thấy pháp đời này*

*không còn ô nhiễm nữa*

*và chứng ngộ Niết Bàn.*

Sau đó, khi đã tùy hỷ với gia chủ Anāthapiṇḍika bằng những lời kệ này đức Thế Tôn đã rời chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[272] Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của vị quan đại thần nọ là đệ tử đạo lõa thể. Đại đức Upanananda con trai dòng Sākya đi đến trễ và đã làm cho vị tỳ khuru ngồi kế cận phải đứng dậy khi bữa ăn chưa chấm dứt. Nhà ăn đã bị xáo động. Khi ấy, vị quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử đi đến trễ lại còn làm cho vị tỳ khuru ngồi kế cận phải đứng dậy khi bữa ăn chưa chấm dứt khiến nhà ăn đã bị xáo động? Ngay cả khi được ngồi chỗ khác, không lẽ không thể thọ thực theo như nhu cầu hay sao?

Các tỳ khuru đã nghe vị quan đại thần phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Upananda đi đến trễ lại còn làm cho vị tỳ khuru ngồi kế cận phải đứng dậy khi bữa ăn chưa chấm dứt khiến nhà ăn đã bị xáo động?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này Upananda, nghe nói ngươi đi đến trễ còn làm cho vị tỳ khuru ngồi kế cận phải đứng dậy khi bữa ăn chưa chấm dứt khiến nhà ăn đã bị xáo động, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi đi đến trễ lại còn cho vị tỳ khuru ngồi kế cận phải đứng dậy khi bữa ăn chưa chấm dứt khiến nhà ăn đã bị xáo động vậy?

Này kẻ rô đại, việc ấy không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, khi bữa ăn chưa chấm dứt không nên bảo vị tỳ khuru kế cận đứng dậy; vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nếu bảo đứng dậy, nên nói với vị được yêu cầu (đứng dậy) rằng: “*Hãy đi lấy nước đem lại.*” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được như vậy, (vị đang ăn) nên nuốt xuống các hạt cơm một cách khéo léo rồi nhường lại chỗ ngồi cho vị tỳ khuru thâm niên hơn. Này các tỳ khuru, nhưng ta không nói rằng: “*Chỗ ngồi của vị tỳ khuru thâm niên hơn có thể bị xâm phạm bởi bất cứ phương thức nào;*” vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[273] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư bảo các tỳ khuru bị bệnh phải đứng dậy. Các vị bị bệnh nói như vậy:

- Này các đại đức, chúng tôi không thể đứng dậy, chúng tôi bị bệnh.

- Chúng tôi sẽ làm cho các đại đức đứng dậy.

Rồi họ đã nắm lấy, lôi đứng dậy, và buông ra để cho các vị ấy đứng. Các vị bị bệnh được buông ra bị té xuống. ... (như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Này các tỳ khuru, không nên bảo các vị bị bệnh phải đứng dậy, vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[274] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư (bảo rằng): “*Chúng tôi bị bệnh, không nên bảo chúng tôi đứng dậy*” rồi chiếm chỗ nằm tốt nhất. ... (như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Này các tỳ khuru, ta cho phép nhường chỗ nằm thích hợp cho vị bị bệnh.

[275] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư dùng mảnh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, không nên dùng mảnh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ; vị nào xâm chiếm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[276] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư sửa chữa ngôi trú xá lớn họ ở vùng lân cận (nghĩ rằng): “*Chúng ta sẽ an cư mùa mưa ở chỗ này.*” Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã thấy các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá, sau khi thấy đã nói như vậy:

- Này các đại đức, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư này sửa chữa ngôi trú xá. Giờ chúng ta sẽ bảo họ tránh ra.

Một số vị đã nói như vậy:

- Này các đại đức, hãy chờ đợi trong lúc họ đang sửa chữa. Khi đã được sửa chữa xong, chúng ta sẽ bảo họ tránh ra.

Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nói với các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư điều này:

- Này các đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.

- Này các đại đức, sao lại không báo trước, chúng tôi có thể sửa chữa cái khác?

- Này các đại đức, không phải trú xá thuộc về hội chúng hay sao?

- Này các đại đức, đúng vậy. Trú xá thuộc về hội chúng.

- Này các đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.

- Này các đại đức, trú xá thì lớn, các vị ở được, chúng tôi cũng sẽ ở được.

- Này các đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.

Rồi (các tỳ khưu nhóm Lục Sư) nổi giận, bắt bình nắm (các vị ấy) ở cổ lôi kéo ra ngoài. Trong khi bị các vị kia lôi kéo ra ngoài, các vị ấy khóc lóc. Các tỳ khưu đã nói như vậy:

- Này các đại đức, vì sao các vị khóc?

- Thừa các đại đức, những tỳ khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bắt bình rồi lôi kéo chúng tôi ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng.

Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư này khi nổi giận, bất bình lại lôi kéo các tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình rồi lôi kéo các tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, vị nổi giận, bất bình không nên lôi kéo các tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng; vị nào lôi kéo ra thì nên hành xử đúng theo Pháp<sup>35</sup>. Nay các tỳ khuru, ta cho phép phân phối chỗ trú ngụ.

[277] Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Chỗ trú ngụ nên được phân phối bởi vị nào?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị phân phối chỗ trú ngụ là vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (chỗ trú ngụ) đã được phân phối hoặc chưa được phân phối.

[278] Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[279] Khi ấy, các tỳ khuru là các vị phân phối chỗ trú ngụ đã khởi ý điều này: “*Chỗ trú ngụ nên được phân phối như thế nào?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trước tiên đếm số lượng tỳ khuru; sau khi đếm số lượng tỳ khuru rồi đếm số lượng chỗ nằm; sau khi đếm số lượng chỗ nằm thì phân phối theo chỗ nằm.

Trong khi phân phối theo chỗ nằm, các chỗ nằm đã được thừa ra. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép phân phối theo trú xá.

Trong khi phân phối theo trú xá, các trú xá đã được thừa ra. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép phân phối theo phòng ở.

Trong khi phân phối theo phòng ở, các phòng ở đã được thừa ra. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép phân phối luôn cả phần còn lại. Khi phần còn lại đã được nhận, có vị tỳ khuru khác đi đến, nếu (các vị) không sẵn lòng thì không cần phải cho (na akāmā dātabbo).

[280] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru phân phối chỗ trú ngụ cho vị đứng ở ngoài ranh giới (sīmā). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không nên phân phối sàng tọa cho vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào phân phối thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[281] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sau khi nhận chỗ trú ngụ rồi chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, sau khi nhận chỗ trú ngụ không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng của mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.

[282] Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “*Có bao nhiêu thời điểm phân phối chỗ trú ngụ?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. Vào ngày kế ngày rằm của tháng Āsāḷhā<sup>36</sup> là thời điểm trước nên được phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng Āsāḷhā là thời điểm sau nên được phân phối, một ngày sau lễ *Pavāraṇā* (Tự Tứ) cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên được phân phối. Nay các tỳ khưu, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ.

### **Dứt tụng phẩm thứ nhì.**

[283] Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sākya (Thích Ca) sau khi được phân phối chỗ trú ngụ ở thành Sāvatti đã đi đến trú ngụ ở ngôi làng khác. Ngay cả ở nơi ấy, vị ấy đã được phân phối chỗ trú ngụ. Khi ấy, các tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “*Này các đại đức, đại đức Upananda con trai dòng Sākya này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và bất hòa trong hội chúng. Nếu vị này sẽ an cư mùa mưa ở đây, chính tất cả chúng ta sẽ sống không được thoải mái; vậy chúng ta hãy hỏi vị ấy đi.*” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã nói với đại đức Upananda con trai dòng Sākya điều này:

- Nay đại đức Upananda, không phải đại đức đã nhận chỗ trú ngụ ở thành Sāvatti rồi hay sao?

- Nay các đại đức, đúng vậy.

- Nay đại đức Upananda, tại sao đại đức là một lại chiếm giữ hai?

- Nay các đại đức, giờ tôi bỏ cái chỗ này, giữ lại cái chỗ kia.

Các tỳ khưu ít ham muốn, tự biết đủ ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sākya là một lại chiếm giữ hai?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay Upananda, nghe nói người là một lại chiếm giữ hai, có đúng không vậy?



- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại, vì sao người là một lại chiếm giữ hai? Này kẻ rồ dại, chỗ kia người giữ lại, chỗ này người bỏ; chỗ này người giữ lại, chỗ kia người bỏ. Này kẻ rồ dại, như thế, ở cả hai nơi đều bị khước từ. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, một vị không nên chiếm giữ hai (chỗ trú ngụ), vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[284] Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật (Vinaya) cho các tỳ khuru theo nhiều phương thức: Ngài ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác. Các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật cho các tỳ khuru theo nhiều phương thức: Ngài ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy học tập thành thạo về Luật với đại đức Upāli.” Và các vị ấy gồm nhiều tỳ khuru trưởng lão, mới tu, và trung niên học tập thành thạo về Luật với đại đức Upāli. Vì tôn trọng các tỳ khuru trưởng lão, đại đức Upāli đứng để giảng giải. Vì tôn kính Giáo Pháp, các tỳ khuru trưởng lão cũng đứng để nghe giảng. Trong trường hợp ấy, chính các tỳ khuru trưởng lão lần đại đức Upāli đều bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru mới tu ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc cao hơn trong khi giảng giải vì tôn kính Giáo Pháp; vị tỳ khuru trưởng lão ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc thấp hơn trong khi nghe giảng vì tôn kính Giáo Pháp.

[285] Vào lúc bấy giờ, trong sự hiện diện của đại đức Upāli nhiều vị tỳ khuru đứng chờ đợi bài giảng bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, ta cho phép ngồi (chung) với những vị có đồng đẳng cấp.

[286] Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Giới hạn đến đâu gọi là có đồng đẳng cấp?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ngồi với vị (chênh lệch) khoảng cách ba năm (trở lại).

[287] Vào lúc bảy giờ, nhiều tỳ khuru có đồng đẳng cấp đã ngồi xuống trên một cái giường và đã làm gãy cái giường, đã ngồi xuống trên một cái ghế và đã làm gãy cái ghế. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép giường đối với nhóm ba vị, ghế đối với nhóm ba vị.

Ngay cả nhóm ba vị ngồi xuống trên cái giường cũng đã làm gãy cái giường, ngồi xuống trên cái ghế cũng đã làm gãy cái ghế. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép giường đối với nhóm hai vị, ghế đối với nhóm hai vị.

[288] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ngần ngại không ngồi xuống trên ghế dài cùng với các vị không đồng đẳng cấp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ngồi trên ghế dài cùng với những vị không đồng đẳng cấp ngoại trừ người vô căn, phụ nữ, người lưỡng căn.

[289] Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Vậy ghế dài tối thiểu (ngắn nhất) là bao nhiêu?*” ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ghế dài có chiều dài tối thiểu là đủ cho ba người.

[290] Vào lúc bảy giờ, bà Visākhā mẹ của Migāra có ý muốn cho xây dựng tòa nhà dài có mái hiên hình đầu voi (hatthinakhakam) nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Công trình phụ nào của tòa nhà dài được đức Thế Tôn cho phép, công trình nào không được cho phép?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép tất cả công trình phụ của tòa nhà lớn.

[291] Vào lúc bảy giờ, bà nội của đức vua Pasenadi xứ Kosala từ trần. Khi bà ta từ trần, nhiều vật dụng không đúng phép đã phát sanh đến hội chúng như là: ghế cao, ghế nệm lông thú, thảm lông, thảm nhiều màu, thảm màu

trắng, thảm thêu bông hoa, nệm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình vẽ, thảm lông rái cá, thảm có lông một góc, tấm lụa có kết ngọc quý, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm da voi, thảm da ngựa, thảm lót xe, thảm da báo, thảm da linh dương, thảm có che phủ ở trên, thảm có màu đỏ ở cả hai đầu.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép sử dụng sau khi cắt ngắn các chân của ghế cao, (cho phép) sử dụng sau khi đã hủy đi lông ở ghế nệm lông thú, (cho phép) tháo gỡ nệm bông gòn để làm gối, (cho phép) dùng làm thảm lót trên nền đất các vật còn lại.

[292] Vào lúc bảy giờ, ở ngôi làng nọ không xa thành Sāvatti, các tỳ khuru thường trú bị bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các tỳ khuru vắng lai đi đến. Khi ấy, các tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: *“Này các sư đệ, hiện nay chúng ta bị bận rộn trong khi chuẩn bị sàng tọa cho các tỳ khuru vắng lai đi đến. Này các sư đệ, vậy chúng ta hãy cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị rồi chúng ta sẽ sử dụng đồ đạc của vị ấy.”* Họ đã cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị. Các tỳ khuru vắng lai đã nói với các tỳ khuru thường trú ấy điều này:

- Nay các đại đức, hãy xếp đặt sàng tọa cho chúng tôi.

- Nay các đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có, chúng tôi đã cho tất cả đến một vị.

- Nay các đại đức, có phải các vị phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?

- Nay các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, vì sao những kẻ rò dại ấy lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng? Nay các tỳ khưu, việc ấy không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, đây là năm vật không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Năm vật ấy là gì?

Tu viện (*ārāmo*) và khu đất của tu viện (*ārāmatthu*); đây là vật thứ nhất không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Trú xá (*vihāro*) và khu đất của trú xá (*vihāratthu*); đây là vật thứ hai không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, bình bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Dây thừng, tre, cỏ thô, cỏ tranh, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân

tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Này các tỳ khuru, năm vật này không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

[293] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại thành Sāvatti theo như ý thích đã lên đường du hành đi đến Kitāgiri cùng với đại chúng tỳ khuru gồm năm trăm vị tỳ khuru có cả Sāriputta và Moggallāna. Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka đã nghe rằng: “*Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kitāgiri cùng với đại chúng tỳ khuru gồm năm trăm vị tỳ khuru có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sai quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sai quấy, chúng ta sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ*” rồi các vị ấy đã phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng.

Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Kitāgiri. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo nhiều vị tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, các người hãy đi (trước). Khi đi đến gặp các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka, các người hãy nói như vậy: “*Này các đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng tỳ khuru gồm năm trăm vị tỳ khuru có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng tỳ khuru có cả Sāriputta và Moggallāna.*”

- Bạch ngài, xin vâng.

Rồi các vị tỳ khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka, sau khi đến đã nói với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka điều này:

- Này các đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng tỳ khuru gồm năm trăm vị tỳ khuru luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Này các đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng tỳ khuru có cả Sāriputta và Moggallāna.

- Này các đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có. Tất cả đã được chúng tôi chia nhau. Này các đại đức, hoan nghênh đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thích trú xá nào thì ngài sẽ ngự ở trú xá ấy. Sāriputta và Moggallāna có

lòng tham muốn sái quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sái quấy, chúng tôi sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ.

- Nay các đại đức, có phải các vị đã phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?

- Nay các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

- Nay các tỳ khuru, vì sao những kẻ rêu đại ấy lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, đây là năm vật không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Năm vật ấy là gì?

Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Trú xá và khu đất của trú xá; đây là vật thứ hai không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả

vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, bình bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân chia không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Dây thừng, tre, cỏ thô, cỏ tranh, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Này các tỳ khuru, năm vật này không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

[294] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại Kitāgiri theo như ý thích đã lên đường đi đến Ālavī. Trong khi lần lượt du hành ngài đã ngự đến Ālavī. Tại nơi đó ở Ālavī, đức Thế Tôn ngự ở trong điện thờ chính của Ālavī.

[295] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ở Ālavī giao các công trình mới có hình thức như sau: chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đồng họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc tô vữa bức tường họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc khoan lỗ của chốt gài họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc làm cửa sổ họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc sơn màu trắng họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc sơn màu đen họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc trét màu phấn đỏ họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc lợp mái che họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc lắp ráp họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa họ cũng giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng họ cũng giao công

trình mới, chỉ với mỗi một việc tráng nền họ cũng giao công trình mới, họ lại còn giao công trình mới đến hai mươi năm, họ lại còn giao công trình mới đến ba mươi năm, họ lại còn giao công trình mới đến trọn đời, họ lại còn giao công trình mới là trú xá được hoàn tất đến khi (chết và đem) hỏa táng.

Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Āḷavaka lại giao các công trình mới có hình thức như sau: chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đồng họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc tô vữa bức tường họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc khoan lỗ của chốt gài họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc làm cửa sổ họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc sơn màu trắng họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc sơn màu đen họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc trét màu phấn đỏ họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc lợp mái che họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc lắp ráp họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng họ lại giao công trình mới, chỉ với mỗi một việc tráng nền họ lại giao công trình mới, họ lại còn giao công trình mới đến hai mươi năm, họ lại còn giao công trình mới đến ba mươi năm, họ lại còn giao công trình mới đến trọn đời, họ lại còn giao công trình mới là trú xá được hoàn tất đến khi (chết và đem) hỏa táng?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đồng, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc tô vữa bức tường, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc khoan lỗ của chốt gài, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm cửa sổ, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu trắng, không nên



giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu đen, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc trét màu phấn đỏ, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lợp mái che, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp ráp, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, không nên giao công trình mới chỉ với mỗi một việc tráng nền, không nên giao công trình mới đến hai mươi năm, không nên giao công trình mới đến ba mươi năm, không nên giao công trình mới đến trọn đời, không nên giao công trình mới là trú xá được hoàn tất đến khi (chết và đem) hoả táng; vị nào giao thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Này các tỳ khuru, ta cho phép giao công trình mới chưa khởi công hoặc chưa hoàn tất, (cho phép) giao công trình mới năm hoặc sáu năm liên quan công việc trong trú xá nhỏ, (cho phép) giao công trình mới bảy hoặc tám năm liên quan đến công việc trong nhà một mái, (cho phép) giao công trình mới mười hoặc mười hai năm liên quan đến công việc trong trú xá lớn.

[296] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru giao công trình mới là tất cả các trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, không nên giao công trình mới là tất cả các trú xá; vị nào giao thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[297] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru giao hai công trình mới đến một vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, không nên giao hai (công trình mới) đến một vị; vị nào giao thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[298] Vào lúc bảy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khuru cho vị khác trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên cho vị khác trú ngụ; vị nào cho trú ngụ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[299] Vào lúc bảy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khuru chiếm giữ vật thuộc về hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên chiếm giữ vật thuộc về hội chúng; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Này các tỳ khuru, ta cho phép nhận lãnh một chỗ nằm tốt nhất.

[300] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, không nên giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào giao thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

[301] Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khưu chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata*(tác ác). Nay các tỳ khưu, ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.

[302] Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khưu bỏ đi, hoàn tục, từ trần, được biết là sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là người phạm tội cực nặng, được biết là người điên, được biết có tâm rối loạn, được biết bị thọ khổ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ cộng trú theo lối trộm cắp (hình tướng), được biết là kẻ đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm ô uế tỳ khuru ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm (đức Phật) chảy máu, được biết là người lưỡng căn.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[303] Nay các tỳ khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị tỳ khưu bỏ đi. (Nên nghĩ rằng): “*Chớ làm tổn hại đến hội chúng*” rồi nên giao cho vị khác.

Nay các tỳ khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị tỳ khưu hoàn tục, từ trần, được biết là sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là kẻ phạm tội cực nặng, được biết là người điên, được biết có tâm rối loạn, được biết bị thọ khổ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ cộng trú theo lối trộm cắp (hình tướng), được biết là kẻ đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm ô uế tỳ khuru ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm (đức Phật) chảy

máu, được biết là người lưỡng căn. (Nên nghĩ rằng): “*Chớ làm tổn hại đến hội chúng*” rồi nên giao cho vị khác.

[304] Nay các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị tỳ khuru bỏ đi. (Nên nghĩ rằng): “*Chớ làm tổn hại đến hội chúng*” rồi nên giao cho vị khác.

Này các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị tỳ khuru hoàn tục, từ trần ... (như trên)... được biết là người lưỡng căn. (Nên nghĩ rằng): “*Chớ làm tổn hại đến hội chúng*” rồi nên giao cho vị khác.

[305] Nay các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khuru bỏ đi; công trình ấy còn thuộc về vị ấy (trong mùa mưa năm ấy).

[306] Nay các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khuru hoàn tục, chết đi, được biết là sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là kẻ phạm tội cực nặng; hội chúng là chủ quản.

[307] Nay các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khuru được biết là người điên, được biết có tâm rối loạn, được biết bị thọ khổ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác; công trình ấy còn thuộc về vị ấy (trong mùa mưa năm ấy).

[308] Nay các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khuru được biết là người vô căn, được biết kẻ cộng trú theo lối trộm cắp (hình tướng), được biết là kẻ đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm ô uế tỳ khuru ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm (đức Phật) chảy máu, được biết là người lưỡng căn; hội chúng là chủ quản.

[309] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sử dụng sàng tọa là vật dụng trong trú xá của nam cư sĩ nọ tại một địa điểm khác. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các ngài đại đức lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[310] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ngăn ngại di chuyển (thảm lót) đến nhà hành lễ *Uposatha* (Bổ Tát) và nơi tụ hội rồi ngồi xuống ở nền nhà. Các bộ phận cơ thể, các y phục đều bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép di chuyển có tính cách tạm thời.

[311] Vào lúc bấy giờ, trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Các tỳ khưu ngăn ngại không di chuyển sàng tọa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép di chuyển vì mục đích bảo quản.

[312] Vào lúc bấy giờ, có mền len đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép trao đổi (vật khác) để công việc được thuận tiện.

[313] Vào lúc bấy giờ, có tấm vải dệt đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép trao đổi (vật khác) để công việc được thuận tiện.

[314] Vào lúc bấy giờ, có tấm da gấu phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép làm vật chùi chân.

[315] Vào lúc bấy giờ, có tấm vải len (*cakkalikam*) phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép làm vật chùi chân.

[316] Vào lúc bấy giờ, có tấm vải (coḷakaṃ) phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép làm vật chùi chân.

[317] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân chưa rửa. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân chưa rửa; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[318] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân bị ướt. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân bị ướt; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[319] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru mang dép bước lên chỗ nằm ngồi. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên mang dép bước lên chỗ nằm ngồi; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[320] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhổ lên mặt nền đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên nhổ lên mặt nền đã được làm mới; vị nào nhổ thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) ống nhổ.

[321] Vào lúc bấy giờ, các chân giường và các chân ghế làm trầy mặt nền được làm mới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép dùng vải bọc tròn lại.

[322] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru tựa vào tường đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên tựa vào tường đã được làm mới; vị nào tựa thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) tấm bảng để dựa vào.

Tấm bảng để dựa vào làm trầy mặt nền ở bên dưới và bức tường ở bên trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bọc lại ở bên dưới và bên trên với mảnh vải.

[323] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru có chân đã rửa sạch ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép nằm xuống sau khi đã trải ra tấm lót.

[324] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại Ālavī theo như ý thích đã lên đường đi đến thành Rājagaha. Trong khi lần lượt du hành ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana nơi nuôi dưỡng các con sóc.

[325] Vào lúc bảy giờ, thành Rājagaha có sự khó khăn về vật thực. Dân chúng không thể thực hiện bữa trai phạn dâng đến hội chúng nên muốn thực hiện bữa ăn đến các vị được chỉ định, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bữa trai phạn dâng đến hội chúng, bữa ăn dâng đến các vị được chỉ định, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.

[326] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư lấy cho bản thân các bữa ăn thượng hạng và cho các tỳ khuru các bữa ăn tầm thường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị sắp xếp các bữa ăn là vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (bữa ăn) đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp.

[327] Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[328] Khi ấy, các tỳ khuru là những vị sắp xếp các bữa ăn đã khởi ý điều này: “Bữa ăn nên được sắp xếp như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, ta cho phép buộc vào thẻ hoặc tấm phiếu, rút ra, rồi sắp xếp các bữa ăn (salākāya vā paṭikāya vā upanibandhitvā omuñjitvā bhattaṃ uddesitunti).

[329] Vào lúc bảy giờ, hội chúng không có vị phân bố chỗ trú ngụ, ...(như trên)... không có vị giữ kho đồ đạc, ...(như trên)... không có vị tiếp nhận y, ...(như trên)... không có vị phân chia y, ...(như trên)... không có vị phân chia cháo, ...(như trên)... không có vị phân chia trái cây, ...(như trên)... không có vị phân chia thức ăn khô. Thức ăn khô không được phân chia nên bị hư. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị phân chia thức ăn khô là vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia.

[330] Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia thức ăn khô. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[331] Vào lúc bấy giờ, vật dụng linh tinh ở trong kho của hội chúng là dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị phân chia vật linh tinh là vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia.

[332] Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru nên được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân chia vật linh tinh. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân chia vật linh tinh. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân chia vật linh tinh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia vật linh tinh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[333] Vị tỳ khuru là vị phân chia các vật linh tinh nên trao mỗi một cây kim, nên trao cây kéo, nên trao đôi dép, nên trao dây thắt lưng, nên trao dây



quàng ở vai, nên trao đồ lược nước, nên trao bình đựng nước theo thông lệ, nên trao dải nổi theo chiều dọc (của y), nên trao dải nổi theo chiều ngang (của y), nên trao mảnh lớn thuộc dải điều (của y), nên trao mảnh nhỏ thuộc dải điều (của y), nên trao vải may đường biên (của y), nên trao vải may đường viền (của y). Nếu hội chúng có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía thì nên trao tức thời để sử dụng. Nếu vật cần dùng có thêm thì nên trao tiếp tục. Nếu vật cần dùng có thêm nữa thì cũng nên trao tiếp tục.

[334] Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị tiếp nhận y khoác ngoài, ... (như trên)... vị tiếp nhận bình bát, ... (như trên)... vị quản trị các người phụ việc chùa, ... (như trên)... vị quản trị các sa di. Các sa di không được quản trị nên không làm phạm sự. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị quản trị các sa di là vị tỳ khuru hội đủ năm điều kiện: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết được việc cần quản trị và việc không cần quản trị.

[335] Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị quản trị các sa di. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị quản trị các sa di. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị quản trị các sa di xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị quản trị các sa di. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

**Dứt tụng phẩm thứ ba.**

**Dứt Chương Sàng Tọa là chương thứ sáu.**

\*\*\*\*\*

## Tóm lược chương này:

[336]

*Trú xá vào thời ấy  
vẫn chưa được quy định  
bởi đức Phật tối thượng,  
các thỉnh văn đệ tử  
của bậc Chiến Thắng ấy  
bước ra từ chỗ ngụ  
nơi này hoặc nơi khác.  
Gia chủ đại phú hộ  
đã thấy các vị ấy  
nên mới nói điều này  
với các vị tỳ khuru:  
“Nếu các ngài cư ngụ,  
tôi có thể cho làm.”  
Họ hỏi ngài lãnh đạo,  
vị ấy đã cho phép  
năm loại chỗ ngụ là:  
trú xá, nhà một mái,  
tòa nhà dài, nhà lớn,  
và hang động (là năm).*

*Đại phú hộ đã cho  
xây dựng các trú xá.  
Người cho dựng trú xá,  
không cửa, không đóng được,  
cửa, trụ cửa, rãnh xoay,  
ở trên cái chốt xoay,  
lỗ để luôn, dây thừng,  
tay nắm, và chốt gài,  
đinh khóa chốt, chốt phụ,  
lỗ khóa, khóa bằng đồng,  
bằng gỗ, và bằng sừng,  
then cài, đinh khóa chốt,  
mái che, tô trong ngoài,  
cửa sổ song, gấn lưới,  
và song dọc, màn che  
và thảm trải, bệ cứng  
và giường bằng vạt tre,  
giường ván khiêng tử thi,  
ghế dài, chân đẽo cong,  
chân rời, ghế vuông cao,  
trường kỷ, ghế thanh ráp,*

*ghế lót vải, gác chân,  
ghế nhiều chân, ghế mây,  
và ghế lót rom nữa.*

*Giường cao, và con rắn  
các chân tám ngón tay,  
chỉ sợi, đan tám góc,  
mảnh vải, đệm bông gòn,  
gối dài nửa thân người.*

*Đỉnh núi, và nhiều đệm,  
vải và chỗ nằm ngồi.*

*Bọc lại rơi phía dưới,  
xé ra rồi mang đi,  
đáng Thiên Thệ cho phép,  
chia đều bằng năm tay.*

*Trong trú xá ngoại đạo,  
màu trắng và màu đen,  
vỏ trấu, và sét dẻo,  
nhựa cây, chà bằng tay,  
đất sét, bột mù tạt,  
dầu sáp ong, nổi cục,  
giẻ chùi, tường lồi lõm,*

đất sét với phân trùn,  
nhựa cây, hình gợn cảm.  
Nền thấp, rồi nền móng  
leo lên, họ bị té,  
đám đông, tường một nửa,  
lại ba, trú xá nhỏ,  
và trụ áp chân tường,  
thấm nước mưa, la lớn,  
chốt tường, sào máng y,  
mái hiên với màn che,  
lan can và bụi cỏ,  
cách thực hiện dưới đây.  
Ngoài trời, bị hâm nóng,  
giảng đường, và bên dưới,  
vật chứa đồ, trú xá,  
và cổng vào, phòng ở,  
rời nhà để đốt lửa,  
tu viện và cổng vào,  
làm theo cách dưới đây,  
mái làm bằng vữa hồ  
và ông Cấp Cô Độc,

*có đức tin đi đến  
khu rừng tên Sīta,  
thấy Pháp rồi mời thỉnh  
Đạo Sư cùng hội chúng.  
Trên đường về kêu gọi,  
nhóm người xây tu viện.  
Công trình mới kiến tạo  
ở thành Vesālī,  
đi trước để chiếm chỗ.  
Ai là vị xứng đáng  
được phần ăn hạng nhất?  
Và chuyện chim đa đa  
ai không đáng đánh lễ,  
bị chiếm cứ, trong nhà,  
ghế giường có lót nệm,  
lên đường đi Xá Vệ.  
Vị ấy dâng tu viện,  
ồn ào giữa bữa ăn.  
Và những người bị bệnh  
giường tốt nhất, mảnh lời,  
Mười Bảy Sư, nơi đó.*

*“Do ai? Làm thế nào?”*

*Vị chia theo trú xá,  
phòng ở, và phần thừa,  
không chia nếu không thích.*

*Ở bên ngoài ranh giới,  
và chiếm luôn mọi lúc,  
ba thời chia chỗ ngủ,  
và Upananda.*

*Ngài khen, các vị đứng  
và cùng ngồi chung chỗ.  
Đồng đẳng cấp, làm gãy  
nhóm ba và nhóm hai,  
không đồng đẳng, ghé dài,  
họ thỏa thích mái hiên,  
Và bà nội của vua,  
không xa, được chia ra,  
ở Kīṭāgiri.*

*Ở vùng Ālavī,  
chất đóng, các bức tường,  
các cửa, khoan lỗ chốt,  
cửa sổ, sơn trắng, đen,*

màu sơn đỏ, mái che,  
và lắp ráp, thanh ngang,  
hư hỏng, việc linh tinh,  
hai mươi, ba mươi năm,  
và trọn đời, hoàn tất,  
chưa làm, bỏ dở dang,  
Nơi nhỏ, năm, sáu năm,  
một mái bảy hoặc tám,  
lớn thì mười, mười hai.  
Toàn bộ cả trú xá  
(giao) cho chỉ một người,  
nơi khác, các vị sống,  
(chiếm giữ) đồ hội chúng.  
Ở ngoài ranh, mọi thời,  
vị ấy đã bỏ đi,  
chúng hoàn tục, chết đi,  
và xuống lại sa di,  
xả giới, (tội) cực nặng,  
bị điên, tâm rối loạn,  
thọ khổ, không thấy tội,  
không chịu bỏ tà kiến,



vô căn, và trộm cắp  
theo ngoại đạo, thú vật,  
giết cha, mẹ, La Hán,  
làm xấu (tỳ khuru ni),  
chia rẽ, làm chảy máu,  
và có cả hai căn,  
“Không tổn hại hội chúng,”  
việc nên giao vị khác,  
chưa xong, giao vị khác,  
đã hoàn tất, bỏ đi,  
vẫn còn thuộc vị ấy.  
Nếu hoàn tục, chết đi,  
và xuống lại sa di,  
xả giới, phạm tội nặng,  
hội chúng là chủ quản.  
Điên, loạn tâm, thọ khổ,  
không thấy, không làm thoát,  
tà kiến, thuộc vị ấy.  
Vô căn, và trộm cướp,  
theo ngoại đạo, thú vật,  
giết người mẹ, người cha,

*giết vị A-la-hán,  
và dâm (tỳ khuru ni),  
làm chảy máu đức Phật,  
và những kẻ lưỡng căn,  
nếu vị ấy thú nhận,  
thì hội chúng chủ quản.*

*Đem nơi khác, ái ngại,  
bị sụp đổ, mền len,  
vải dệt, tấm da gấu,  
tấm vải thô, tấm vải,  
và chân ướt bước lên,  
mang giày dép, phun nhổ.*

*Các vị đã làm trầy,  
và dựa vào bức tường,  
có tấm dựa vẫn trầy,  
rửa sạch, với tấm trải.*

*Thành Rājagaha*

*(dân chúng) không thể nào,  
(cho bữa ăn) tâm thường,  
vị sắp xếp bữa ăn,  
“Vị sắp xếp cách nào?”*

*Chỉ định vị giữ kho,  
vị thọ lãnh, phân chia,  
vị chia cháo, trái cây,  
vị chia đồ khô nữa,  
việc chia vật linh tinh,  
và thêm vị nhận lãnh  
y áo khoác bên ngoài.*

*Cũng vậy, vị nhận lãnh  
bình bát, vị quản trị  
người phụ việc tu viện,  
và các vị sa di.*

*Đáng toàn tri toàn giác,  
hiểu biết về thế gian,  
là vị làm lãnh đạo  
có sự quan tâm đến  
để suy tư, quán xét  
lợi ích chỗ trú ngụ,  
và lợi ích an lạc,  
thiền định và minh sát.*

## **VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG (SAṄGHABHEDAKKHANDHAKAM)**

[337] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Anupiyā. Anupiyā là tên của một thị trấn của xứ Malla. Vào lúc bấy giờ, nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sākya (Thích Ca) xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn (là người) đã xuất gia.

[338] Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng Sākya và Anuruddha dòng Sākya là hai anh em. Anuruddha dòng Sākya là người mảnh mai. Vị ấy có ba tòa lâu đài: một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Trong bốn tháng ở trong tòa lâu đài dành cho mùa mưa, vị ấy luôn được vây quanh bởi các nữ công tâu nhạc không bước xuống phía dưới của tòa lâu đài. Khi ấy, Mahānāma dòng Sākya đã khởi ý điều này: *“Hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sākya đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn (là người) đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia sống không nhà cả. Có lẽ hoặc là ta hoặc là Anuruddha nên xuất gia?”* Sau đó, Mahānāma dòng Sākya đã đi đến gặp Anuruddha dòng Sākya, sau khi đến đã nói với Anuruddha dòng Sākya điều này:

- Nay Anuruddha yêu dấu, hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sākya đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn (là người) đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia sống không nhà cả. Chính vì điều ấy, hoặc là em hoặc là anh nên xuất gia.

- Em thì mảnh mai, em không thể rời nhà xuất gia sống không nhà. Anh hãy xuất gia đi.

- Anuruddha yêu dấu, vậy hãy đến, anh sẽ chỉ dạy công việc gia đình cho em. Trước tiên, cần cho cày xới ruộng nương, sau khi cho cày xới rồi cần cho gieo hạt, sau khi cho gieo hạt rồi cần cho đưa nước vào, sau khi cho đưa nước vào rồi cần cho tưới nước đều khắp các ruộng, sau khi cho tưới nước đều khắp các ruộng cần cho nhổ cỏ, sau khi cho nhổ cỏ rồi cần cho gặt hái, sau khi cho gặt hái rồi cần cho thâu hoạch, sau khi cho thâu hoạch rồi cần cho chất thành đống, sau khi cho chất thành đống rồi cần cho đập giũ, sau khi cho đập giũ rồi cần cho tách rơm ra, sau khi cho tách rơm ra cần cho tách trấu ra, sau khi cho tách trấu ra cần cho sàng sảy, sau khi cho sàng sảy rồi cần cho đem cất vào kho, sau khi cho đem cất vào kho rồi vào mùa tới cũng cần được làm y như thế, vào mùa tới nữa cũng cần được làm y như thế.

- Thế các công việc không được ngưng lại hay sao? Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến hay sao? Khi nào các công việc sẽ được ngưng lại? Khi nào sự chấm dứt các công việc sẽ được biết đến? Khi nào chúng ta mới được rảnh rỗi mà hưởng thụ năm phần dục lạc đã được ban cho và cung ứng?

- Nay Anuruddha yêu dấu, công việc không được ngưng lại. Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến. Khi công việc vẫn chưa ngưng lại, cha mẹ và ông đã qua đời.

- Như vậy thì chính anh hãy biết lấy công việc gia đình. Em sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

[339] Sau đó, Anuruddha dòng Sākya đã đi đến gặp người mẹ, sau khi đến đã nói với người mẹ điều này:

- Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia sống không nhà. Thưa mẹ, hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.

Khi được nói như thế, mẹ của Anuruddha dòng Sākya đã nói với Anuruddha dòng Sākya điều này:

- Nay Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mến, yêu dấu của mẹ. Cho dù chết đi, mẹ vẫn không muốn xa các con. Làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ lại cho phép rời nhà xuất gia sống không nhà được?

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, Anuruddha đã nói với người mẹ điều này:

- Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia sống không nhà. Thưa mẹ, hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.

[340] Vào lúc bảy giờ, đức vua Bhaddiya dòng Sākya trị vì lãnh thổ Sākya. Và đức vua là bạn của Anuruddha dòng Sākya. Khi ấy, mẹ của Anuruddha dòng Sākya (nghĩ rằng): “Đức vua Bhaddiya dòng Sākya này trị vì lãnh thổ Sākya là bạn của Anuruddha dòng Sākya. Vì ấy không nhiệt tình rời nhà xuất gia sống không nhà!” nên đã nói với Anuruddha dòng Sākya điều này:

- Nay Anuruddha yêu cầu, nếu đức vua Bhaddiya dòng Sākya rời nhà xuất gia sống không nhà, thì con cũng hãy xuất gia như thế.

Sau đó, Anuruddha dòng Sākya đã đi đến gặp đức vua Bhaddiya dòng Sākya, sau khi đến đã nói với đức vua Bhaddiya dòng Sākya điều này:

- Nay bạn, việc xuất gia của tôi tùy thuộc vào bạn đó.

- Nay bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái.<sup>37</sup>

- Nay bạn, hãy đi. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Nay bạn, tôi không thể rời nhà xuất gia sống không nhà. Điều gì khác tôi có thể làm cho bạn thì tôi sẽ làm ngay. Bạn hãy xuất gia đi.

- Nay bạn, mẹ đã nói với tôi như vậy: “*Nay Anuruddha yêu cầu, nếu đức vua Bhaddiya dòng Sākya rời nhà xuất gia sống không nhà, thì con cũng hãy xuất gia như thế.*” Nay bạn, bạn đã nói lời nói này: “*Nay bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái.*” Nay bạn, hãy đi. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

Vào lúc bấy giờ, loài người nói năng chân thật, tôn trọng sự chân thật. Khi ấy, đức vua Bhaddiya dòng Sākya đã nói với Anuruddha dòng Sākya điều này:

- Nay bạn, hãy chờ đợi bảy năm. Sau bảy năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Nay bạn, bảy năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy năm.

- Nay bạn, hãy chờ đợi sáu năm. ...(như trên)... năm năm. ...(như trên)... bốn năm. ...(như trên)... ba năm. ...(như trên)... hai năm. ...(như trên)... một năm. Sau một năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Nay bạn, một năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi một năm.

- Nay bạn, hãy chờ đợi bảy tháng. Sau bảy tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Nay bạn, bảy tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy tháng.

- Nay bạn, hãy chờ đợi sáu tháng. ... (như trên)... năm tháng. ... bốn tháng. ... ba tháng. ... hai tháng. ... một tháng. ... nửa tháng. Sau nửa tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Nay bạn, nửa tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi nửa tháng.

- Nay bạn, hãy chờ đợi bảy ngày đến khi tôi trao lại vương quốc cho các người con trai và các người em trai xong.

- Nay bạn, bảy ngày không lâu lắm. Tôi sẽ chờ đợi.

[341] Khi ấy, đức vua Bhaddiya dòng Sākya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimila, Devadatta, với thợ cạo Upāli là người thứ bảy. Giống như trước đây họ đã đưa nhau đi đến vườn hoa cùng với bốn loại quân binh, tương tự như thế, họ đã đưa nhau đi cùng với bốn loại quân binh. Khi đi đã xa, họ đã cho quân binh trở về. Sau khi đi sang lãnh thổ khác, họ đã cởi các đồ trang sức ra, dùng y khoác ngoài buộc lại thành gói, rồi đã nói với thợ cạo Upāli điều này:

- Nay khanh Upāli, người nên trở lại. Nhiều đây cũng đủ cho cả đời của người.

[342] Sau đó, trong khi đi trở về thợ cạo Upāli đã khởi ý điều này: “*Những người dòng Sākya quả là ác độc (khi nghĩ rằng): ‘Các vương tử đã bỏ đi vì gã này!’ cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sākya này còn rời nhà xuất gia sống không nhà, việc gì ta lại không?*” Vị ấy đã mở gói đồ ra treo các thứ ở trên cây, nói rằng: “*Ai thấy được cứ việc lấy món quà*” rồi đã đi đến gặp các vương tử dòng Sākya. Các vương tử dòng Sākya ấy đã thấy thợ cạo Upāli đang từ đằng xa đi lại, sau khi thấy đã nói với thợ cạo Upāli điều này:

- Nay khanh Upāli, vì sao người quay lại?

- Thưa các vương tử, ở đây trong khi quay trở về tôi đã khởi ý điều này: “*Những người dòng Sākya quả là ác độc (khi nghĩ rằng): ‘Các vương tử đã bỏ đi vì gã này!’ cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sākya*

*này còn rời nhà xuất gia sống không nhà, việc gì ta lại không?”* Thừa các vương tử, tôi đây đã mở gói đồ ra treo các thứ ở trên cây, nói rằng: *“Ai thấy được cứ việc lấy món quà”* rồi từ đó tôi đã quay lại.

- Nay khanh Upāli, người đã hành động đúng về việc không quay về vì những người dòng Sākya quả là ác độc (nghĩ rằng): *“Các vương tử đã bỏ đi vì gã này!”* cũng có thể ra lệnh giết người.

[343] Sau đó, các vương tử dòng Sākya ấy đã đưa thợ cạo Upāli đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vương tử dòng Sākya ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, chúng tôi thuộc dòng Sākya có sự ngã mạn. Bạch ngài, thợ cạo Upāli này là người hầu cận của chúng tôi lâu nay. Xin đức Thế Tôn cho người này xuất gia trước tiên. Chúng tôi sẽ thực hiện việc đánh lễ, việc đứng dậy, việc chấp tay, hành động thích hợp đối với ông ta. Như thế, sự ngã mạn của dòng Sākya trong những người Sākya chúng tôi sẽ không còn nữa.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã cho thợ cạo Upāli xuất gia trước tiên kể đến là các vương tử dòng Sākya ấy.

[344] Sau đó ngay trong năm ấy, đại đức Bhaddiya đã thực chứng Tam Minh, đại đức Anuruddha đã đạt được thiên nhãn, đại đức Ānanda đã thực chứng quả Nhập Lưu, Devadatta đã thành tựu được thần thông của phạm nhân.

[345] Vào lúc bấy giờ, đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: *“Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!”* Khi ấy, nhiều vị tỳ khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: *“Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!”* Bạch ngài, chắc chắn rằng đại đức Bhaddiya không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, hoặc là trong khi hồi tưởng lại chính sự khoái lạc vương giả ấy trước đây, (vị ấy) mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống đã thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: *“Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!”*



Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vị tỳ khuru khác rằng:

- Này tỳ khuru, người hãy nhân danh ta đi đến nói với tỳ khuru Bhaddiya rằng: “*Này đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư cho gọi đại đức.*”

- Bạch ngài, xin vâng.

Rồi vị tỳ khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp đại đức Bhaddiya, sau khi đến đã nói với đại đức Bhaddiya điều này:

- Này đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư cho gọi đại đức.

[346] - Này đại đức, xin vâng.

Rồi đại đức Bhaddiya nghe theo vị tỳ khuru ấy đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với đại đức Bhaddiya đang ngồi một bên điều này:

- Này Bhaddiya, nghe nói người mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: “*Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!*”

- Bạch ngài, đúng vậy.

- Này Bhaddiya, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, cảm nhận được lợi ích gì khiến người thường xuyên thốt lên lời cảm hứng: “*Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!*” vậy?

- Bạch ngài, trước đây khi con làm vua, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong xứ sở, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài xứ sở, bạch ngài, trong khi được bảo vệ và được an toàn như vậy, con đây sống vẫn cảm thấy sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Bạch ngài, thế mà giờ đây con chỉ một mình, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống lại không sợ hãi, không khiếp đảm, không lo âu, không hồi hộp, vô tư lự, điềm tĩnh, không lệ thuộc sự chăm sóc của người khác, sống với tâm như loài thú rừng. Bạch ngài, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng

trống, con đây cảm nhận được sự lợi ích này nên thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: “*Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!*”

Sau đó, khi hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

[347]

*Sân hận không hiện hữu  
trong tâm của người nào,  
đã vượt qua như thế  
khỏi hữu và phi hữu,  
là người hết sợ hãi,  
an lạc, không sầu muộn,  
chư thiên không thành tựu  
việc thấy được vị ấy.*

[348] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự ở Anupiyā theo như ý thích đã lên đường đi về phía thành Kosambī. Trong khi tuần tự du hành ngài đã ngự đến thành Kosambī. Tại nơi đó, trong thành Kosambī, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Ghosita.

[349] Khi ấy, Devadatta trong lúc độc cư thiền tịnh đã có ý nghĩ suy tâm như vậy sanh khởi: “*Ta nên làm cho ai tin tưởng để khi người ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và vinh hiển có thể phát sanh?*” Sau đó, điều này đã khởi lên cho Devadatta: “*Hoàng tử Ajātasattu này còn trẻ và có tương lai rạng rỡ. Hay là ta nên làm cho hoàng tử Ajātasattu tin tưởng để khi vị ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và vinh hiển sẽ phát sanh?*”

Sau đó, Devadatta đã thu xếp sàng tọa rồi cầm y bát đi đến thành Rājagaha. Tuần tự, vị ấy đã đến được thành Rājagaha. Khi ấy, Devadatta đã thay đổi hình dạng của mình và biến thành hình dạng đứa bé trai mình quán đầy rấn xuất hiện ở trên bấp vế của hoàng tử Ajātasattu. Khi ấy, hoàng tử

Ajātasattudā trở nên sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Rồi Devadatta đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này:

- Hoàng tử, ngài sợ tôi hay sao?

- Vâng, ta sợ lắm. Người là ai?

- Tôi là Devadatta.

- Thưa ngài, nếu người là ngài đại đức Devadatta, xin hãy hiện ra với hình dáng của chính ngài đi.

Sau đó, Devadatta đã thay đổi hình dạng đứa bé trai và hiện ra đứng trước hoàng tử Ajātasattu có mang y hai lớp (saṅghāṭi) và y bát. Khi ấy, hoàng tử Ajātasattu vô cùng ngưỡng mộ thần thông kỳ diệu này của Devadatta nên sáng chiều đã đi đến phục vụ cùng với đoàn xe năm trăm chiếc và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại.

Khi ấy, Devadatta với tâm đã bị ám ảnh, đã bị chế ngự bởi lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: “*Ta sẽ quản trị hội chúng tỳ khuru.*” Chính do sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông của mình.

[350] Vào lúc bấy giờ, thị giả của đại đức Mahāmoggallāna (Mục Kiền Liên) tên là Kakudha con trai của Koliya vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác.

Khi ấy, thiên tử Kakudha đã đi đến gặp đại đức Mahāmoggallāna, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahāmoggallāna rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudha đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này:

- Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị ám ảnh, đã bị chế ngự bởi lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: “*Ta sẽ quản trị hội chúng tỳ khuru.*” Thưa ngài, chính do sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông của mình.

Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vị ấy đã đánh lễ đại đức Mahāmoggallāna, hướng vai phải nhiều quanh, rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.

[351] Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thị giả của con tên là Kakudha con trai dòng Koliya vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác. Bạch ngài, khi ấy thiên tử Kakudha đã đi đến gặp con, sau khi đến đã đánh lễ con rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudha đã nói với con điều này: *“Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị ám ảnh, đã bị chế ngự bởi lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: ‘Ta sẽ quản trị hội chúng tỳ khuru.’ Thưa ngài, chính do sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông của mình.”* Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vị ấy đã đánh lễ con, hướng vai phải nhiều quanh, rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.

- Nay Moggallāna, có phải thiên tử Kakudha với người có tâm hiểu và biết (lẫn nhau) bằng tâm nên bất cứ điều gì thiên tử Kakudha nói (người biết được) tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác?

- Bạch ngài, thiên tử Kakudha với con có tâm hiểu và biết (lẫn nhau) bằng tâm nên bất cứ điều gì thiên tử Kakudha nói (con biết được) tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác.

- Nay Moggallāna, hãy giữ kín lời nói này. Nay Moggallāna, hãy giữ kín lời nói này. Đã đến lúc kẻ rõ đại ý tự chính mình sẽ làm bộc lộ bản thân.

[352] Nay Moggallāna, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm? Nay Moggallāna, ở đây có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: *“Ta có giới thanh tịnh”* và *“Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.”* Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: *“Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có giới thanh tịnh’ và ‘Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.”* Nay Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

[353] Nay Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “*Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh*” và “*Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “*Ngài đạo sư này trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh’ và ‘Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.*” Nay Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử.

[354] Nay Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “*Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh*” và “*Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “*Ngài đạo sư này trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh’ và ‘Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.*” Nay Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc thuyết pháp từ các đệ tử.

[355] Nay Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lời phân tích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “*Ta có lời phân tích thanh tịnh*” và “*Lời phân tích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “*Ngài đạo sư này trong khi có lời phân tích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có lời phân tích thanh tịnh’ và ‘Lời phân tích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.*” Nay Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lời giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lời giải thích từ các đệ tử.

[356] Nay Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “*Ta có tri kiến thanh tịnh*” và “*Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “*Ngài đạo sư này trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh’ và ‘Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.*” Nay Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

Nay Moggallāna, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời.

[357] Và nay Moggallāna, ta có giới thanh tịnh và biết rằng: “*Ta có giới thanh tịnh*” và “*Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về giới, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử. Ta nuôi mạng thanh tịnh, ...(như trên)... thuyết Pháp thanh tịnh, ...(như trên)... có lối phân tích thanh tịnh, ...(như trên)... có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: “*Ta có tri kiến thanh tịnh*” và “*Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về tri kiến, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

[358] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại Kosambī theo như ý thích đã lên đường du hành đi đến thành Rājagaha. Trong khi lần lượt du hành ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana (Trúc Lâm), nơi nuôi dưỡng các con sóc.

[359] Khi ấy, nhiều vị tỳ khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, hoàng tử Ajātasattu sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại.

- Nay các tỳ khưu, chớ có ganh tỵ với Devadatta về lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng. Nay các tỳ khưu, cho đến khi nào hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa còn được

mang lại thì này các tỳ khuru, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển.

Này các tỳ khuru, cũng giống như người ta làm vỡ túi mật ở mũi của con chó dữ tợn; này các tỳ khuru, bởi vì như vậy con chó ấy sẽ trở nên dữ tợn hơn trước. Tương tự như thế, này các tỳ khuru, cho đến khi nào hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa còn được mang lại thì này các tỳ khuru, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển.

Này các tỳ khuru, lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các tỳ khuru, giống như cây chuối khi trổ quả thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi trổ quả thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các tỳ khuru, giống như cây tre khi ra hoa (phalam deti)<sup>38</sup> thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi ra hoa thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các tỳ khuru, giống như cây sậy khi ra hoa (phalam deti) thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi ra hoa thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các tỳ khuru, giống như con lừa cái khi mang thai thì đưa đến sự hư hỏng của bản thân, khi mang thai thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

[360]

*Quả hại chết cây chuối,*

*hoa hại chết cây tre,*

*hoa hại chết cây sậy,*

*bào thai hại chết lừa;*

*tương tợ như thế ấy,*

*vinh quang giết kẻ ngu.*

### **Dứt tưng phẩm thứ nhất.**

[361] Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn ngồi giữa hội chúng đông đảo đang thuyết giảng Giáo Pháp đến đức vua và đoàn tùy tùng. Khi ấy, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, gần cuối cuộc đời. Bạch ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng tỳ khuru hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng tỳ khuru.

- Nay Devadatta, đủ rồi. Người chớ có mong để được cai quản hội chúng tỳ khuru.

Đến lần thứ nhì, Devadatta ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, gần cuối cuộc đời. Bạch ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng tỳ khuru hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng tỳ khuru.

- Nay Devadatta, ngay cả Sāriputta (Xá Lợi Phất) và Moggallāna (Mục Kiền Liên) ta còn không thể bàn giao hội chúng tỳ khuru, làm sao (có thể bàn giao) cho kẻ tôi tệ đáng phi nhỏ như người được?

Khi ấy, Devadatta (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã bôi nhọ ta bằng cách gọi là kẻ đáng phi nhỏ trước hội chúng có cả nhà vua và còn ca tụng Sāriputta và Moggallāna nữa!” trở nên tức tối, không hài lòng, rồi đã đánh lễ đức Thế



Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, và ra đi. Như thế, đây là mối ác cảm thứ nhất của Devadatta đối với đức Thế Tôn.

[362] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự công bố (pakāsanīyakamma) về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: “*Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.*”

Và này các tỳ khuru, nên thực thi như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm đủ năng lực:

“*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng thực thi hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đại đức nào đồng ý thực thi hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta’ xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.*

*Hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta’ đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[363] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Sāriputta rằng:

- Nay Sāriputta, chính vì thế người hãy công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha.

- Bạch ngài, trước đây ở trong thành Rājagaha con đã khen ngợi về Devadatta rằng: “*Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!*” Bạch ngài, làm sao con công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha được?

- Nay Sāriputta, khi người khen ngợi về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: “*Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!*” phải chăng là đúng sự thật?

- Bạch ngài, đúng vậy.

- Nay Sāriputta, cũng tương tự như vậy, người hãy công bố đúng sự thật về Devadatta ở trong thành Rājagaha.

- Bạch ngài, xin vâng. Đại đức Sāriputta đã đáp lời đức Thế Tôn.

[364] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: “*Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.*”

Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, Sāriputta cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông qua bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đây là lời đề nghị.*”

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm*

*bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đại đức nào đồng ý sự chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta’ xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.*

*Đại đức Sāriputta đã được hội chúng chỉ định để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[365] Khi đã được chỉ định, đại đức Sāriputta cùng với nhiều vị tỳ khưu đã đi vào thành Rājagaha và công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: *“Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.”*

Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không ngưỡng mộ, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy: *“Các sa-môn Thích tử này ganh tỵ. Họ ganh tỵ với lợi lộc và vinh hiển của Devadatta.”* Còn những người nào có đức tin, ngưỡng mộ, sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy: *“Việc đức Thế Tôn cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha như thế này chẳng có gì sai trái cả!”*

[366] Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp hoàng tử Ajātasattu, sau khi đến đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này:

- Tâu hoàng tử, trước đây loài người sống thọ, bây giờ yếu thọ. Điều thực tế cần được biết là ngài có thể chết đi trong lúc vẫn còn là hoàng tử; tâu hoàng tử, chính vì thế ngài hãy giết cha và lên làm vua. Ta sẽ giết đức Thế Tôn và trở thành đức Phật.

Sau đó, hoàng tử Ajātasattu (nghĩ rằng): *“Ngài Devadatta có đại thần lực, có đại năng lực; ngài Devadatta đương nhiên có thể biết được”* nên vào lúc sáng sớm đã buộc con dao găm ở đùi, rồi (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đã xông vào hậu cung một cách vội vã. Các vị quan đại thần bảo vệ

hậu cung đã thấy hoàng tử Ajātasattu vào lúc sáng sớm (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đang xông vào hậu cung một cách vội vã, sau khi thấy họ đã giữ lại. Trong lúc khám xét, họ đã thấy con dao găm buộc ở đùi nên đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này:

- Tâu hoàng tử, ngài có ý định làm điều gì vậy?

- Ta có ý định giết cha.

- Do ai xúi giục?

- Do ngài đại đức Devadatta.

Một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vậy:

- Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ khuru phải bị giết chết.

Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vậy:

- Các tỳ khuru không phải chết. Các vị tỳ khuru không làm điều gì tổn hại. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết.

Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vậy:

- Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ khuru cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm như thế ấy.

[367] Sau đó, các quan đại thần ấy đã đưa hoàng tử Ajātasattu đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình báo sự việc ấy lên đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

- Này các khanh, các quan đại thần đã có ý kiến thế nào?

- Tâu bệ hạ, một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vậy: *“Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ khuru phải bị giết chết.”* Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vậy: *“Các tỳ khuru không phải chết. Các vị tỳ khuru không làm điều gì tổn hại. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết.”* Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vậy: *“Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ khuru cũng không phải chết. Nên*

*trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy.”*

- Nay các khanh, đức Phật, hoặc đức Pháp, hoặc đức Tăng sẽ làm điều gì? Chẳng phải đức Thế Tôn đã cảnh giác và đã cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: *“Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta”* hay sao?

Trong trường hợp ấy, những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vậy: *“Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ khuru phải bị giết chết,”* đức vua đã cách chức những vị ấy. Những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vậy: *“Các tỳ khuru không phải chết. Các vị tỳ khuru không làm điều gì tổn hại. Chỉ có hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết,”* đức vua đã giáng chức những vị ấy. Những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vậy: *“Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ khuru cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy,”* đức vua đã thăng chức những vị ấy.

Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này:

- Nay hoàng tử, tại sao con có ý định giết ta?

- Tâu bệ hạ, con muốn được vương quyền.

- Nay hoàng tử, nếu con muốn được vương quyền, thì vương quyền này là của con. Rồi đã trao vương quyền cho hoàng tử Ajātasattu.

[368] Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp hoàng tử Ajātasattu, sau khi đến đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này:

- Tâu đại vương, hãy ra lệnh cho các nam nhân để họ sẽ đoạt mạng sống của Sa-môn Gotama.

Khi ấy, hoàng tử Ajātasattu đã ra lệnh cho mọi người rằng:

- Nay các khanh, ngài đại đức Devadatta đã nói như thế nào, các người hãy làm theo như thế ấy.

Sau đó, Devadatta đã ra lệnh cho một người đàn ông rằng:

- Nay ông bạn, Sa-môn Gotama ở nơi đó; hãy đoạt mạng sống của ông ta rồi hãy trở về bằng con đường này.

Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt hai người đàn ông (bảo rằng):

- Người đàn ông nào một mình trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của hắn ta rồi hãy trở về bằng con đường này.

Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt bốn người đàn ông (bảo rằng):

- Hai người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.

Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt tám người đàn ông (bảo rằng):

- Bốn người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.

Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt mười sáu người đàn ông (bảo rằng):

- Tám người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.

[369] Sau đó, người đàn ông ấy một mình cầm gươm và bao gươm, mang cung và túi tên đã đi đến gặp đức Thế Tôn; sau khi đến đã đứng cách đức Thế Tôn một khoảng không xa và trở nên khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp với thân thể cứng đờ. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người đàn ông ấy (với vẻ khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đang đứng với thân thể cứng đờ, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này:

- Nay đạo hữu, hãy đi đến, chớ có sợ hãi.

Khi ấy, người đàn ông ấy đã bỏ gươm và bao gươm ở một góc, để cung và túi tên xuống, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã kê đầu ở hai chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con trở nên đàn độn, ngu si, không có đạo đức, chính là việc con đến đây với tâm độc ác, với tâm giết

hại. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận sự sai trái trong tội lỗi ấy của con hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

- Nay đạo hữu, đúng như vậy, tội lỗi đã chiếm ngự lấy người khiến người trở nên đần độn, ngu si, không có đạo đức, chính là việc người đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Nay đạo hữu, chính từ việc ấy, người đã thấy được sự sai trái trong tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp, nay chúng ta nhận biết điều ấy cho người. Nay đạo hữu, chính điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: *“Người nào sau khi thấy được sự sai trái trong tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai.”*

Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến người đàn ông ấy. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của người ấy đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tĩnh lặng, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được Chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người đàn ông ấy: *“Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”*

Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, người đàn ông ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): *“Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;”* tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin quy y đức Thế Tôn ấy, Giáo Pháp, và Hội chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với người đàn ông ấy điều này:

- Nay đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

Và ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

[370] Sau đó, hai người đàn ông ấy (nghĩ rằng): “*Gã đàn ông ấy một mình sao lại lâu đến quá vậy?*” trong khi đi dọc theo con đường ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ... (như trên)... vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! ... (như trên)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này:

- Nay các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

Và ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

[371] Sau đó, bốn người đàn ông ấy ... (như trên)... Sau đó, tám người đàn ông ấy ... (như trên)... Sau đó, mười sáu người đàn ông ấy (nghĩ rằng): “*Tám gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?*” trong khi đi dọc theo con đường ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, ... (như trên)... vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! ... (như trên)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, người đàn ông ấy một mình đã đi đến gặp Devadatta, sau khi đến đã nói với Devadatta điều này:

- Thưa ngài, tôi không thể đoạt lấy mạng sống của đức Thế tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy có đại thần lực, có đại năng lực.

- Nay ông bạn, thôi đi. Ngươi chớ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama, chính ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama.



[372] Vào lúc bấy giờ, đức Thế tôn đang đi kinh hành ở bóng râm của ngọn núi Gijjhakūṭa (Linh Thú). Khi ấy, Devadatta đã leo lên ngọn núi Gijjhakūṭa và xô xuống tảng đá lớn (nghĩ rằng): “*Ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama bằng vật này.*” Hai đỉnh núi đã giao nhau và chặn tảng đá ấy lại. Do đó, những mảnh vụn đã văng ra và làm chảy máu ở bàn chân của đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngược nhìn lên phía trên và đã nói với Devadatta điều này:

- Nay kẻ rồ dại, nhiều điều vô phước nghiêm trọng đã gây nên bởi ngươi, là việc ngươi có tâm độc ác, có tâm giết hại đã làm chảy máu của Như Lai.

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, đây là nghiệp vô gián đầu tiên mà Devadatta đã tích lũy, là việc đã làm chảy máu của Như Lai bằng tâm độc ác, bằng tâm giết hại.

Các tỳ khuru đã nghe rằng: “*Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn.*” Và các vị tỳ khuru ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh ồn và âm thanh lớn trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở, và canh gác cho đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nghe tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng, sau khi nghe đã bảo đại đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy là gì vậy?

- Bạch ngài, các tỳ khuru đã nghe rằng: “*Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn.*” Bạch ngài, và các vị tỳ khuru ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh ồn và âm thanh lớn trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở, và canh gác cho đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy là như thế.

- Nay Ānanda, chính vì thế ngươi hãy gọi các tỳ khuru ấy với lời nói của ta rằng: “*Bậc Đạo Sư gọi các đại đức.*”

- Bạch ngài, xin vâng.

Rồi đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp các vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã nói với các vị tỳ khuru ấy điều này:

- Bậc Đạo Sư gọi các đại đức.

- Nay đại đức, xin vâng.

Rồi các vị tỳ khuru ấy nghe theo đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khuru ấy đang ngồi một bên điều này:

- Nay các tỳ khuru, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Nay các tỳ khuru, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

Này các tỳ khuru, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm?

Này các tỳ khuru, ở đây có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: *“Ta có giới thanh tịnh”* và *“Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.”* Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: *“Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có giới thanh tịnh’ và ‘Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.”* Nay các tỳ khuru, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

[373] Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: *“Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh”* ...(như trên)... Nay các tỳ khuru, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử.

[374] Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: *“Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh”* ...(như trên)... Nay các tỳ khuru, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc thuyết pháp từ các đệ tử.

[375] Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lỗi phân tích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: *“Ta có lỗi phân tích thanh tịnh”* ...(như trên)... Nay các tỳ khuru, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lỗi giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lỗi giải thích từ các đệ tử.

[376] Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “*Ta có tri kiến thanh tịnh*” và “*Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “*Ngài đạo sư này trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh’ và ‘Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.*” Nay các tỳ khuru, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

Nay các tỳ khuru, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời.

Và nay các tỳ khuru, ta có giới thanh tịnh và biết rằng: “*Ta có giới thanh tịnh*” và “*Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về giới, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử. Nay các tỳ khuru, ta nuôi mạng thanh tịnh, ...(như trên)... thuyết Pháp thanh tịnh, ...(như trên)... có lỗi phân tích thanh tịnh, ...(như trên)... có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: “*Ta có tri kiến thanh tịnh*” và “*Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.*” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về tri kiến, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

Nay các tỳ khuru, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Nay các tỳ khuru, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại. Nay các tỳ khuru, các người hãy đi về trú xá của mỗi người. Nay các tỳ khuru, các đức Như Lai không cần được bảo vệ.

[377] Vào lúc bảy giờ, ở thành Rājagaha có con voi dữ tợn tên Nālāgiri là con thú giết người. Khi ấy, Devadatta sau khi vào thành Rājagaha đã đi đến chuồng voi và đã nói với những người quản tượng điều này:

- Nay các người, chúng tôi là những thân quyến của đức vua, có quyền lực để đưa kẻ có chức vụ thấp lên chức vụ cao, còn làm tăng thêm luôn cả thực phẩm và lương bổng nữa. Nay các người, chính vì điều ấy khi nào Sa-môn Gotama đi vào con đường này, khi ấy các người hãy thả con voi Nālāgiri này ra và cho đi theo con đường này.

- Thưa ngài, xin vâng. Những người quản tượng ấy đã trả lời Devadatta.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y cầm y bát cùng với nhiều vị tỳ khuru đã đi vào thành Rājagaha để khát thực. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi vào con đường ấy. Những người quản tượng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi vào con đường ấy, sau khi nhìn thấy đã thả con voi Nālāgiri và cho đi theo con đường ấy. Con voi Nālāgiri đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã vươn vòi lên, tai và đuôi dựng đứng, rồi đã chạy lại đức Thế Tôn. Các vị tỳ khuru ấy đã nhìn thấy con voi Nālāgiri từ đằng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, thô bạo, là con thú giết người đã đi vào con đường này. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.

- Nay các tỳ khuru, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Nay các tỳ khuru, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Nay các tỳ khuru, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

Đến lần thứ nhì, các vị tỳ khuru ấy ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, thô bạo, là con thú giết người đã đi vào con đường này. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.

- Nay các tỳ khuru, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Nay các tỳ khuru, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Nay các tỳ khuru, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

[378] Vào lúc bảy giờ, dân chúng trèo lên và nấp ở các tòa nhà dài, ở các khu nhà lớn, ở các mái che. Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không ngưỡng mộ, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy:

- Nay quý vị, chắc chắn ngài Đại Sa-môn Gotama đẹp trai sẽ bị con long tượng gây thương tích.

Còn những người nào có đức tin, ngưỡng mộ, sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy:

- Nay quý vị, chốc nữa thôi chắc chắn con long tượng này sẽ bị Tượng Chúa khuất phục.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã rải tâm từ đến con voi Nālāgiri. Rồi con voi Nālāgiri bị tác động bởi luồng tâm từ của đức Thế Tôn nên đã hạ vòi xuống rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tay phải xoa ở trán của con voi Nālāgiri rồi đã nói với con voi Nālāgiri những lời kệ này:

[379]

*Hỡi này voi, chớ có*

*đôi đầu với Tượng Chúa.*

*Bởi vì, hỡi này voi,*

*đôi đầu Tượng Chúa khổ.*

*Bởi vì, hỡi này voi,*

*cõi trời không có được*

*cho kẻ giết Tượng Chúa,*

*từ đây, sanh cõi khác.*

*Và chớ có ngạo mạn,*

*và chớ có khinh thường,*

*vì những ai bất cẩn*

*không về được cõi trời.*

*Nếu ngươi không làm thế,*

*nhờ đó ngươi về trời.*

[380] Khi ấy, con voi Nālāgiri đã dùng vòi lấy bụi ở bàn chân của đức Thế Tôn rắc trên đầu nó, khum xuống chào, rồi bước lui trong lúc vẫn nhìn đức

Thế Tôn. Sau đó, con voi Nālāgiri đã về lại chuồng và đứng tại chỗ của nó. Và như thế, con voi Nālāgiri đã trở nên thuần phục.

[381] Vào lúc bấy giờ, dân chúng ngâm nga bài kệ này:

*Những kẻ được thuần hóa*

*bằng (cách dùng) gậy gộc,*

*bằng (cách dùng) roi vọt,*

*bằng các gậy móc câu;*

*long tượng được điều phục*

*bởi vị Đại Ấn Sĩ,*

*không cần đến gậy gộc,*

*không cần dùng vũ khí.*

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Devadatta này quả thật ác độc, không biết xấu hổ, bởi vì ở nơi đây lại dám âm mưu giết hại Sa-môn Gotama là vị có đại thần lực, có đại năng lực như thế này.

Lợi lộc và vinh hiển của Devadatta đã sút giảm. Còn lợi lộc và vinh hiển của đức Thế Tôn đã tăng trưởng.

[382] Vào lúc bấy giờ, Devadatta do lợi lộc và vinh hiển bị sút giảm nên phải cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử này lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực? Ai lại không thích sự sung túc? Ai lại không hài lòng với đồ ăn ngọt ngào?

Các tỳ khưu đã nghe dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ít ham muốn, ... (như trên) ..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao Devadatta cùng phe nhóm lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay Devadatta, nghe nói người cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định vật thực theo nhóm ba vị ở các gia đình đối với các tỳ khuru vì ba lý do: “*Nhằm kiểm chế những kẻ tội tệ, vì sự sống an lạc của các tỳ khuru hiền thiện: ‘Chớ để các tỳ khuru ác xấu nương tựa vào phe cánh mà chia rẽ hội chúng,’ vì lòng trắc ẩn đối với các gia đình.*” Và trong việc vật thực dâng chung nhóm, nên được hành xử theo Pháp.<sup>39</sup>

[383] Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto, sau khi đến đã nói với Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto điều này:

- Nay các đại đức, hãy đi. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo.

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này:

- Nay đại đức, Sa-môn Gotama thật sự có đại thân lực, có đại năng lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được?

- Nay các đại đức, hãy đi. Chúng ta sẽ đi đến gặp Sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: “*Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỳ khuru nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Là các vị khát thực cho đến trọn đời, vị nào hoan hỷ sự*

*thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.”* Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này.

- Nay đại đức, với năm sự việc này có thể tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Nay đại đức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khổ hạnh.

[384] Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỳ khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Là các vị khát thực cho đến trọn đời, vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.

- Nay Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng, vị nào muốn thì hãy cư ngụ ở trong làng. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khát thực, vị nào muốn thì hãy hoan hỷ việc thỉnh mời. Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào muốn thì hãy hoan hỷ y của gia chủ. Nay Devadatta, ta cho phép chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng. Cá thịt là thanh tịnh với ba điều kiện: “*Không thấy, không nghe, không nghi ngờ.*”

Khi ấy, Devadatta (biết rằng): “*Đức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này*” nên mừng rỡ, phấn chân cùng phe nhóm đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[385] Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc:



- Nay các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc: “Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ...(như trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(như trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỳ khuru nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. ...(như trên)... Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.” Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi thọ trì và thực hành năm sự việc này.

[386] Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không ngưỡng mộ, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy:

- Các sa-môn Thích tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn Sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đến việc xa hoa.

Còn những người nào có đức tin, ngưỡng mộ, sáng suốt, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?

Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay Devadatta, nghe nói người ra sức việc chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

- Nay Devadatta, thôi đi. Người chớ có hoan hỷ việc chia rẽ hội chúng. Nay Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Nay Devadatta, kẻ nào phá vỡ sự hợp nhất, kẻ ấy gây nên tội lỗi tòn tại trọn kiếp<sup>40</sup> và bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp. Và nay Devadatta, người nào làm hợp nhất hội

chúng bị chia rẽ người ấy tạo nên phước báu của Phạm Thiên và sẽ được an vui ở cõi trời trọn kiếp. Nay Devadatta, thôi đi. Người chớ có hoan hỷ việc chia rẽ hội chúng. Nay Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng.

[387] Sau đó vào buổi sáng, đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha để khát thực. Devadatta đã nhìn thấy đại đức Ānanda đang đi khát thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Nay đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ *Uposatha* (Bồ Tát) và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỳ khuru.

Sau đó, khi đã đi khát thực ở trong thành Rājagaha xong, đại đức Ānanda sau bữa ăn trên đường đi khát thực trở về đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, nơi đây vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khát thực. Bạch ngài, Devadatta đã nhìn thấy con đang đi khát thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: “*Nay đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ Uposatha và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỳ khuru.*” Bạch ngài, kể từ nay Devadatta sẽ chia rẽ hội chúng.

Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

[388]

*(Điều) tốt người tốt dễ làm,*

*(điều) tốt kẻ xấu khó làm.*

*(Điều) ác kẻ xấu dễ làm,*

*(điều) ác thánh nhân khó làm.*

**Dứt tụng phẩm thứ nhì.**

[389] Sau đó vào ngày lễ *Uposatha*, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy phân phát thẻ biểu quyết (nói rằng):

- Nay các đại đức, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc: “*Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ...(như trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(như trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỳ khuru nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. ...(như trên)... Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.*” Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi thọ trì và thực hành năm sự việc này. Đại đức nào đồng ý năm sự việc này xin hãy nhận lãnh thẻ biểu quyết.

[390] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở thành Vesalī có số lượng năm trăm vị vừa mới xuất gia và không hiểu biết rõ sự việc. Và các vị ấy (nghĩ rằng): “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư*” nên đã nhận lấy thẻ biểu quyết. Khi ấy, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm tỳ khuru ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

[391] Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm tỳ khuru ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

- Nay Sāriputta và Moggallāna, không lẽ các người không có lòng trắc ẩn đối với các tỳ khuru mới tu ấy hay sao? Nay Sāriputta và Moggallāna, các người hãy đi trước khi các tỳ khuru ấy tạo nên điều sai trái và hư hỏng.

- Bạch ngài, xin vâng.

Rồi Sāriputta và Moggallāna nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đã đi đến đỉnh đồi Gayā.

[392] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đứng không xa đức Thế Tôn đang khóc lóc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này:

- Nay tỳ khuru, vì sao người khóc?

- Bạch ngài, ngay cả hai vị thượng thủ tinh văn của đức Thế Tôn là Sāriputta và Moggallāna cũng hoan hỷ với giáo lý của Devadatta và đi đến với Devadatta rồi.

- Nay tỳ khuru, việc Sāriputta và Moggallāna hoan hỷ với giáo lý của Devadatta là việc không hợp lý và không có cơ sở; tuy nhiên, họ đã đi để cảnh tỉnh các tỳ khuru.

[393] Vào lúc bấy giờ, Devadatta ngồi giữa hội chúng đông đảo đang thuyết giảng Giáo Pháp. Devadatta đã thấy Sāriputta và Moggallāna đang từ đàng xa đi lại, sau khi thấy đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, hãy nhìn xem giáo lý của ta được khéo thuyết như thế nào; ngay cả các thượng thủ tinh văn của Sa-môn Gotama là Sāriputta và Moggallāna cũng hoan hỷ với giáo lý của ta và đi đến với ta nữa.

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này:

- Nay đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa và bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.

- Nay đại đức, thôi đi. Hãy chào mừng bọn họ bởi vì họ hoan hỷ với giáo lý của ta.

Sau đó, Devadatta đã mời đại đức Sāriputta với một nửa chỗ ngồi (của mình):

- Nay đại đức Sāriputta, hãy đi đến. Hãy ngồi chỗ này.

- Nay đại đức, thôi đi.

Rồi đại đức Sāriputta đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc. Còn đại đức Mahāmoggallāna cũng đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc. Khi ấy, Devadatta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các tỳ khuru bằng bài Pháp thoại gần như trọn đêm rồi đã bảo đại đức Sāriputta rằng:

- Nay đại đức Sāriputta, hội chúng tỳ khuru đã hết đã dượt và buồn ngủ. Nay đại đức Sāriputta, người hãy nghĩ đến bài Pháp thoại cho các tỳ khuru. Lưng tôi bị mỏi nên tôi sẽ nằm duỗi lưng ra.

- Nay đại đức, được rồi. Đại đức Sāriputta đã trả lời Devadatta.

Sau đó, Devadatta đã xếp y hai lớp (saṅghāṭi) lại làm tư rồi thực hiện thế nằm ở phía bên hông phải. Trong khi vị ấy mệt mỏi, thất niệm, không tỉnh giác nên chỉ chốc lát đã chìm vào giấc ngủ.

[394] Khi ấy, đại đức Sāriputta đã sách tấn và giảng giải cho các tỳ khuru bằng bài Pháp thoại phân tích về sự kỳ diệu của việc biết được ý nghĩ của người khác. Đại đức Mahāmoggallāna đã sách tấn và giảng giải cho các tỳ khuru bằng bài Pháp thoại phân tích về sự kỳ diệu của thần thông. Sau đó, trong khi đang được sách tấn và giảng giải bởi đại đức Sāriputta về sự kỳ diệu của việc biết được ý nghĩ của người khác và bởi đại đức Mahāmoggallāna về sự kỳ diệu của thần thông thì Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi cho các tỳ khuru ấy: *“Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”*

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Vị nào hoan hỷ với Giáo Pháp của đức Thế Tôn ấy, vị ấy hãy đi đến.

Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đưa năm trăm vị tỳ khuru ấy đi đến Veḷuvana. Khi ấy, Kokālika đã đánh thức Devadatta:

- Nay đại đức Devadatta, hãy dậy đi. Các tỳ khuru ấy đã bị Sāriputta và Moggallāna dẫn đi rồi. Nay đại đức Devadatta, không phải tôi đã nói với đại đức rằng: *“Nay đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa và bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.”*

Khi ấy, ngay tại chỗ ấy máu nóng đã ứa ra từ miệng của Devadatta.

[395] Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, lành thay nếu các tỳ khuru là những người ủng hộ kẻ chia rẽ (hội chúng) có thể tu lên bậc trên lại.

- Nay Sāriputta, thôi đi. Người chớ có hoan hỷ với việc tu lên bậc trên lại của các tỳ khuru là những người ủng hộ kẻ chia rẽ. Nay Sāriputta, chính vì

điều ấy người hãy cho các tỳ khuru là những người ủng hộ kẻ chia rẽ sám hối tội *thullaccaya* (trọng tội). Nay Sāriputta, Devadatta đã cư xử với người như thế nào?

- Bạch ngài, cũng tương tự như đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các tỳ khuru bằng bài Pháp thoại gần như trọn đêm rồi đã bảo con rằng: “*Này Sāriputta, hội chúng tỳ khuru đã hết đã dươi và buồn ngủ. Nay Sāriputta, người hãy nghĩ đến bài Pháp thoại cho các tỳ khuru. Lung ta bị mỏi nên ta sẽ nằm duỗi lưng ra;*” bạch ngài, Devadatta đã thực hành đúng y như vậy.

[396] Sau đó, đức Thế tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, vào thời trước đây, có cái hồ lớn trong khu vực toàn là rừng. Các con long tượng sống nương tựa vào cái hồ đó. Chúng lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhỏ lên cọng và ngó sen, rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai (cọng và ngó sen) không còn bùn và nuốt xuống. Điều ấy đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Không vì lý do đó mà chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Nay các tỳ khuru, nhưng trong số các con long tượng đã trưởng thành ấy có những con long tượng còn nhỏ, trẻ, non nớt, đang học hỏi. Những con này đã lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhỏ lên cọng và ngó sen, đã không rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai (cọng và ngó sen) còn dính bùn và nuốt xuống. Điều ấy đã không đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Vì lý do đó chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Nay các tỳ khuru, tương tự như thế Devadatta là kẻ tội nghiệp lại bắt chước ta sẽ phải tiêu hoại.

[397]

*Trong khi ăn cọng sen,*

*con long tượng khổng lồ*

*xem xét các giòng sông*

*và lay chuyển trái đất.*

*Tương tự con voi con*

*chỉ ăn toàn đất bùn,*

*bắt chước cho giống ta,*

*kẻ tội nghiệp sẽ chết.*

[398] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám điều kiện ấy là gì? Nay các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru là người lắng nghe, là người làm cho (kẻ khác) lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho (kẻ khác) có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ tám điều kiện này xứng đáng để đi làm sứ giả.

[399] Nay các tỳ khuru, Sāriputta hội đủ tám điều kiện xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám điều kiện ấy là gì? Nay các tỳ khuru, ở đây Sāriputta là người lắng nghe, là người làm cho (kẻ khác) lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho (kẻ khác) có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi. Nay các tỳ khuru, Sāriputta hội đủ tám điều kiện này xứng đáng để đi làm sứ giả.

[400]

*Vị nào không sợ hãi*

*đi vào nơi hội chúng*

*đang tranh cãi ồn ào,*

*không bỏ dở lời nói,*

*không dấu giếm lời dạy,*

*vị nói không mơ hồ,*

*bị chất vấn không sân;*

*vị tỳ khuru như thế*

*xứng đi làm sứ giả.*

[401] Nay các tỳ khuru, Devadatta có tâm bị xâm chiếm bị ngự trị bởi tám điều không đúng Chánh Pháp là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Tám điều ấy là gì?

Nay các tỳ khuru, Devadatta có tâm bị xâm chiếm bị ngự trị bởi lợi lộc, là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Nay các tỳ khuru, ... bởi không có lợi lộc ... (như trên)... Nay các tỳ khuru, ... bởi danh vọng ... (như trên)... Nay các tỳ khuru, ... bởi không có danh vọng ... (như trên)... Nay các tỳ khuru, ... bởi vinh hiển ... (như trên)... Nay các tỳ khuru, ... bởi không có vinh hiển ... (như trên)... Nay các tỳ khuru, ... bởi ước muốn xấu xa ... (như trên)... Nay các tỳ khuru, Devadatta có tâm bị xâm chiếm bị ngự trị bởi bạn bè xấu xa, là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Nay các tỳ khuru, Devadatta có tâm bị xâm chiếm bị ngự trị bởi tám điều không đúng Chánh Pháp này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Nay các tỳ khuru, tốt đẹp thay nếu vị tỳ khuru có thể sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến không có lợi lộc đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến danh vọng đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến không có danh vọng đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến vinh hiển đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến không có vinh hiển đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ... (như trên)... có thể sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Và nay các tỳ khuru, tùy thuận lợi ích và ý định gì mà vị tỳ khuru có thể sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến không có lợi lộc đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến danh vọng đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến không có danh vọng đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến vinh hiển đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến không có vinh hiển đã được sanh khởi, ... (như trên)... đến ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ... (như trên)... có thể sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi?

Nay các tỳ khuru, bởi vì vị ấy trong khi sống quan tâm đến lợi lộc đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi; nếu vị ấy trong khi sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, được như thế các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt không thể hình thành được. Nay các tỳ khuru, bởi vì vị ấy ... (như trên)... đến không có



lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến danh vọng đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có danh vọng đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến vinh hiển đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có vinh hiển đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(như trên)... trong khi sống quan tâm đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi; nếu vị ấy trong khi sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, được như thế các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt không thể hình thành được.

Này các tỳ khuru, tùy thuận lợi ích và ý định này mà vị tỳ khuru có thể sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến danh vọng đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có danh vọng đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến vinh hiển đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có vinh hiển đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(như trên)... vị ấy có thể sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Này các tỳ khuru, do đó, ở đây chúng ta sẽ sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến danh vọng đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có danh vọng đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến vinh hiển đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến không có vinh hiển đã được sanh khởi, ...(như trên)... đến ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, chúng ta sẽ sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. Này các tỳ khuru, các người nên học tập y như thế ấy.

[402] Này các tỳ khuru, Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng Chánh Pháp là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Ba điều ấy là gì? Ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, sự dừng lại ở giữa pháp thiên và pháp siêu thế. Này các tỳ kheo, Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng Chánh Pháp này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

[403]

*Chớ để ác dục gì*

*sanh khởi ở trên đời,*

điều này gây ác dực  
hãy nhận biết thế ấy.  
Hãy biết kẻ trí tuệ,  
bản thân đã chứng thiên,  
được nổi danh sáng chói  
là “Devadatta”  
như tôi đã được nghe.  
Kẻ ấy đã ra sức,  
một cách không biếng nhác  
để sánh với Như Lai,  
để rồi vào địa ngục  
Avīci bốn cửa  
đầy những nỗi kinh hoàng  
vì hại bậc hiền thiện,  
là kẻ làm ác nghiệp.  
Kẻ gây điều ác ấy,  
tâm địa thật bất lương,  
không còn lòng nhân ái,  
nghĩ rằng sẽ đầu độc  
hết cả một đại dương  
bằng một hũ thuốc độc,

*đã không làm gì được  
đại dương thật hùng vĩ;  
cũng y như thế ấy,  
kẻ ấy dùng ngôn từ  
quấy rối đáng Thiện Thệ  
là bậc đã hoàn hảo,  
tâm trí đã thanh tịnh  
lời nói đã không còn  
tác động đến người được.  
Bậc trí hãy kết bạn  
với người như thế ấy,  
nên phục vụ người ấy.  
Tỳ khuru theo đường lối  
của vị ấy sẽ đạt  
sự chấm dứt khổ đau.*

[404] Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, có điều nói rằng: “*Sự bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng.*” Bạch ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?

- Nay Upāli, một bên có một người, bên kia có hai người, người thứ tư phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Nay

Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có hai người, bên kia có hai người, người thứ năm phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có hai người, bên kia có ba người, người thứ sáu phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, bên kia có ba người, người thứ bảy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, bên kia có bốn người, người thứ tám phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có bốn người, bên kia có bốn người, người thứ chín phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Này Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, chín hoặc hơn chín là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, tỳ khưu ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Cô ni tu tập sự (sikkhamānā) không chia rẽ hội chúng, ... (như trên)... Vị sa di không chia rẽ hội chúng, vị sa di ni không chia rẽ hội chúng, nam cư sĩ không chia rẽ hội chúng, nữ cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Này Upāli, vị tỳ khưu

bình thường (pakatatto) là người cùng cộng trú chung một ranh giới (sīmā) chia rẽ hội chúng.

[405] Bạch ngài, có điều nói rằng: “*Sự chia rẽ hội chúng, sự chia rẽ hội chúng.*” Bạch ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng bị chia rẽ?

- Ở đây, này Upāli, các tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là “*Pháp;*” tuyên bố Pháp là: “*Phi Pháp;*” tuyên bố phi Luật là: “*Luật;*” tuyên bố Luật là: “*Phi Luật;*” tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: “*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là: “*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là: “*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai;*” tuyên bố vô tội là: “*Phạm tội;*” tuyên bố phạm tội là: “*Vô tội;*” tuyên bố tội nặng là: “*Tội nhẹ;*” tuyên bố tội nhẹ là: “*Tội nặng;*” tuyên bố tội còn dư sót là: “*Tội không còn dư sót;*” tuyên bố tội không còn dư sót là: “*Tội còn dư sót;*” tuyên bố tội xấu xa là: “*Tội không xấu xa;*” tuyên bố tội không xấu xa là: “*Tội xấu xa.*” Do mười tám sự việc này, các vị ấy tách ra và tách rời hẳn, chúng thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, chúng thực hiện lễ *Pavāraṇa* riêng rẽ, chúng thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Này Upāli, cho đến như vậy thì hội chúng bị chia rẽ.

[406] Bạch ngài, có điều nói rằng: “*Sự hợp nhất hội chúng, sự hợp nhất hội chúng.*” Bạch ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng có sự hợp nhất?

Ở đây, này Upāli, các tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là “*Phi Pháp;*” tuyên bố Pháp là: “*Pháp;*” tuyên bố phi Luật là: “*Phi Luật;*” tuyên bố Luật là: “*Luật;*” tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: “*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: “*Điều không được thực hành bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: “*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai;*” tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;*” tuyên bố vô

tội là: “*Vô tội;*” tuyên bố phạm tội là: “*Phạm tội;*” tuyên bố tội nặng là: “*Tội nặng;*” tuyên bố tội nhẹ là: “*Tội nhẹ;*” tuyên bố tội còn dư sót là: “*Tội còn dư sót;*” tuyên bố tội không còn dư sót là: “*Tội không còn dư sót;*” tuyên bố tội xấu xa là: “*Tội xấu xa;*” tuyên bố tội không xấu xa là: “*Tội không xấu xa.*” Với mười tám sự việc này, các vị ấy không tách ra và không tách rời hẳn, không thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, không thực hiện lễ *Pavāraṇa* riêng rẽ, không thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Nay Upāli, cho đến như vậy thì hội chúng có sự hợp nhất.

[407] Bạch ngài, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ ấy gây nên điều gì?

- Nay Upāli, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ ấy gây nên tội lỗi tồn tại trọn kiếp và sẽ bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp.

[408]

*Kẻ chia rẽ hội chúng*

*phải chịu sự bất hạnh,*

*vào địa ngục trọn kiếp.*

*Vui thích với phe nhóm,*

*lại sống không theo Pháp,*

*kẻ ấy bị xa rời*

*sự an tịnh của thiên.*

*Sau khi đã chia rẽ*

*hội chúng đang hợp nhất*

*kẻ ấy bị nung nấu*

*trong địa ngục trọn kiếp.*

[409] - Bạch ngài, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được điều gì?

- Nay Upāli, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được phước báu của Phạm Thiên và sẽ được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp.

[410]

*Thật là an lạc thay*

*sự hợp nhất hội chúng*

*và tán đồng cùng với*

*những ai sống hợp nhất.*

*Hoan hỷ trong hợp nhất,*

*và sống đúng theo Pháp,*

*vị ấy trú vào được*

*sự an tịnh của thiên.*

*Sau khi đã tiến hành*

*hợp nhất lại hội chúng,*

*vị ấy được vui hưởng*

*ở cõi trời trọn kiếp.*

[411] Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ phải gánh chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được?

- Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ phải gánh chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

- Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được?

- Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

- Bạch ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ phải) gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được?

- Nay Upāli, trường hợp vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là: “*Pháp.*” Với kiến thức sai Pháp trong điều ấy, với kiến thức sai Pháp trong việc chia rẽ, sau khi xác định làm kiến thức, xác định làm sự mong ước, xác định làm sự thỏa thích, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ phải) gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Nay Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là: “*Pháp.*” Với kiến thức sai Pháp trong điều ấy, với kiến thức đúng Pháp trong việc chia rẽ, sau khi xác định làm kiến thức, xác định làm sự mong ước, xác định làm sự thỏa thích, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ phải) gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Nay Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là: “*Pháp.*” Với kiến thức sai Pháp trong điều ấy, có hoài nghi trong việc chia rẽ, sau khi xác định làm kiến thức, xác định làm sự mong ước, xác định làm sự thỏa thích, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ phải) gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Nay Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là: “*Pháp.*” Với kiến thức đúng Pháp trong điều ấy, với kiến thức sai Pháp trong việc chia rẽ, ... (như trên)... Với kiến thức đúng Pháp trong điều ấy, có hoài nghi trong việc chia rẽ, ... (như trên)... Có hoài nghi trong điều ấy, với kiến thức sai Pháp trong việc chia rẽ. Có hoài nghi trong điều ấy, với kiến thức đúng Pháp trong việc chia rẽ. Có hoài nghi trong điều ấy, có hoài nghi trong việc chia rẽ, sau khi xác định làm kiến thức, xác định làm sự mong ước, xác định làm sự thỏa thích, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*” Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ



hội chúng (sẽ phải) gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru tuyên bố Pháp là “*Phi Pháp*;”... (như trên)... tuyên bố phi Luật là “*Luật*;” tuyên bố Luật là: “*Phi Luật*;” tuyên bố điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*;” tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: “*Điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*;” tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*;” tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: “*Điều không được thực hành bởi đức Như Lai*;” tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: “*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*;” tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: “*Điều không được quy định bởi đức Như Lai*;” tuyên bố vô tội là: “*Phạm tội*;” tuyên bố phạm tội là: “*Vô tội*;” tuyên bố tội nhẹ là: “*Tội nặng*;” tuyên bố tội nặng là: “*Tội nhẹ*;” tuyên bố tội còn dư sót là: “*Tội không còn dư sót*;” tuyên bố tội không còn dư sót là: “*Tội còn dư sót*;” tuyên bố tội xấu xa là: “*Tội không xấu xa*;” tuyên bố tội không xấu xa là: “*Tội xấu xa*.” Với kiến thức sai Pháp trong điều ấy, với kiến thức sai Pháp trong việc chia rẽ. Với kiến thức sai Pháp trong điều ấy, với kiến thức đúng Pháp trong việc chia rẽ. Với kiến thức sai Pháp trong điều ấy, có hoài nghi trong việc chia rẽ. Với kiến thức đúng Pháp trong điều ấy, với kiến thức sai Pháp trong việc chia rẽ. Với kiến thức đúng Pháp trong điều ấy, có hoài nghi trong việc chia rẽ. Có hoài nghi trong điều ấy, với kiến thức sai Pháp trong việc chia rẽ. Có hoài nghi trong điều ấy, với kiến thức đúng Pháp trong việc chia rẽ. Có hoài nghi trong điều ấy, có hoài nghi trong sự chia rẽ, sau khi xác định lầm kiến thức, xác định lầm sự mong ước, xác định lầm sự thỏa thích, xác định lầm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này*.” Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ phải) gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

[412] - Bạch ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được?

- Này Upāli, trường hợp vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là: “*Pháp*.” Với kiến thức đúng Pháp trong điều ấy, với kiến thức đúng Pháp trong việc chia rẽ, sau khi không xác định lầm kiến thức, không xác định lầm sự mong ước, không xác định lầm sự thỏa thích, không xác định lầm bản chất rồi vị ấy

phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*”  
Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố Pháp là: “*Phi Pháp,*”... (như trên)... tuyên bố tội ác xấu là: “*Tội không ác xấu.*” Với kiến thức đúng Pháp trong điều ấy, với kiến thức đúng Pháp trong việc chia rẽ, sau khi không xác định lầm kiến thức, không xác định lầm sự mong ước, không xác định lầm sự thỏa thích, không xác định lầm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “*Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.*”  
Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

### **Dứt tụng phẩm thứ ba.**

#### **Dứt Chương Chia Rẽ Hội Chúng là chương thứ bảy.**

\*\*\*\*\*

#### **Tóm lược chương này:**

[413]

*Các người có danh tiếng*

*ở Anupiyā,*

*vị mảnh mai không chịu,*

*cày, gieo hạt, dẫn nước,*

*tươi, nhổ cỏ, gặt hái,*

*thâu hoạch, chát đóng, đập,*

*tách rom, sàng, nhập kho,*

*tương lai không ngừng nghỉ,*

*cả cha lẫn các ông.*

*Các vị dòng Thích Ca*

*(đức vua) Bhaddiya,*

*và Anuruddha,*

*Ānanda, Bhagu,*

*Kimila, ngã mạn.*

*Chuyện ở Kosambī,*

*thần thông bị mất hết,*

*thiên tử Kakudha,*

*Ngài giảng giải, của cha,*

*những sát thủ, hòn đá,*

*voi Nāḷāgiri.*

*Ba (lần mưu giết hại)*

*(yêu cầu) năm (điều kiện)*

*đều là việc trầm trọng.*

*Kẻ chia rẽ, trọng tội.*

*Ba rồi tám (phi Pháp),*

*lại ba (điều phi Pháp).*

*Bất đồng và chia rẽ,*

*có thể nào không tội?*

## **VIII. CHƯƠNG PHẬN SỰ (VATTAKKHANDHAKAM)**

### **01. PHẬN SỰ CỦA TỖ KHUU VĂNG LAI (ĀGANTUKA)**

[414] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu văng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, vẫn đội y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ khưu thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ. Có vị tỳ khưu văng lai nọ đã mở chốt gài, đẩy cánh cửa, rồi vội vã đi vào trú xá không có người ở. Con rắn ở trên đà ngang đã rơi xuống trên vai của vị ấy. Vị ấy hoảng sợ đã kêu thét lên. Các tỳ khưu đã chạy lại và đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này:

- Nay đại đức, tại sao đại đức kêu thét lên vậy?

Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu văng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, vẫn đội y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ khưu thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu văng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, vẫn đội y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ khưu thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khưu, vì sao các tỳ khưu văng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, vẫn đội y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ khưu thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ? Nay

các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khuru vắng lai, các tỳ khuru vắng lai nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[415] Nay các tỳ khuru, (nghĩ rằng): “*Bây giờ ta sẽ đi vào tu viện,*” vị tỳ khuru vắng lai nên tháo dép ra, để dưới thấp, rũ sạch, rồi cầm lấy, hạ dù xuống, cởi đầu trần, lấy y ở đầu để xuống ở vai, rồi đi vào tu viện một cách nghiêm trang không vội vã. Khi đi vào tu viện, nên quan sát xem: “*Các tỳ khuru thường trú tụ hội ở đâu?*” Các tỳ khuru thường trú tụ hội ở nơi nào: trong phòng hội họp, ở mái hiên, hay ở gốc cây, sau khi đi đến nơi ấy, nên để bình bát xuống một bên, nên để y xuống một bên, nên chọn chỗ ngồi thích hợp, rồi ngồi xuống. Nên hỏi nước uống, nên hỏi nước rửa: “*Nước nào là nước uống? Nước nào là nước rửa?*” Nếu có sự cần dùng với nước uống, sau khi lấy nước uống rồi nên uống. Nếu có sự cần dùng với nước rửa, sau khi lấy nước rửa rồi nên rửa hai bàn chân. Khi rửa hai bàn chân, nên dùng một tay xối nước, một tay kỳ cọ bàn chân. Bàn tay nào dùng để xối nước không nên dùng chính bàn tay đó để kỳ cọ bàn chân. Nên hỏi miếng giẻ lau dép rồi lau đôi dép. Khi lau đôi dép, trước tiên nên lau với miếng giẻ khô sau đó với miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép, nên vắt ráo, rồi nên phơi ở một góc. Nếu vị tỳ khuru thường trú thâm niên hơn thì nên đánh lễ. Nếu là vị mới tu thì nên để vị ấy đánh lễ. Nên hỏi chỗ trú ngụ: “*Chỗ trú ngụ nào dành cho tôi?*” Nên hỏi (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên hỏi về khu vực đi khát thực, khu vực không thể đi khát thực. Nên hỏi về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên hỏi về chỗ tiêu, nên hỏi về chỗ tiểu, nên hỏi về (chỗ lấy) nước uống, nên hỏi về (chỗ lấy) nước rửa, nên hỏi về gậy để chống, nên hỏi về qui định của hội chúng: “*Giờ nào có thể đi vào? Giờ nào có thể đi ra?*”

Nếu trú xá không có người, nên gõ cửa lớn, chờ trong chốc lát, rồi tháo chốt gài, mở cửa lớn ra, khi đứng bên ngoài nên nhìn vào bên trong. Nếu trú xá có bụi hoặc là giường được chông lên giường hoặc là ghế được chông lên ghế và các đồ trải phủ ở trên cùng, nếu có nỗ lực nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên gỡ thảm trải nên đem ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gôi ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tọa cụ và đồ trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một

cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, trước tiên nên dời (chúng) khỏi lỗ hồng, nên lau chùi các cửa sổ và các hóc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lổ nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lổ nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “*Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.*” Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

Nên phơi nắng thảm trải nền, lau sạch, đập giũ sạch, đem vào trong, rồi sắp đặt lại như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng khung giường, lau chùi, đem vào trong, rồi để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng giường, lau sạch, đập giũ, hạ thấp xuống, đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi sắp đặt ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng ghế, lau sạch, đập giũ, hạ thấp xuống, đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi sắp đặt ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng nệm gối, lau sạch, đập giũ, đem vào trong, rồi sắp đặt ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tọa cụ và ngoại cụ, lau sạch, đập giũ, đem vào trong, rồi sắp đặt ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng ống nhỏ, lau chùi, đem vào trong, rồi để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tấm ván gối đầu, lau chùi, đem vào trong, rồi để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rến, nên quét phòng. Nếu công có rác rến, nên quét công. Nếu phòng hội họp có rác rến, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa

có rác rến, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rến, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên lại đem nước uống. Nếu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Này các tỳ khuru, đây là phận sự của các tỳ khuru vắng lai, các tỳ khuru vắng lai nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

## 02. PHẬN SỰ CỦA TỖ KHURU THƯỜNG TRÚ (ĀVĀSIKA)

[416] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru thường trú khi thấy các tỳ khuru vắng lai không chịu sắp xếp chỗ ngồi. Họ không đem đến nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Sau khi gặp gỡ, họ không rước y bát, không dâng nước uống, không dâng nước rửa. Họ cũng không đánh lễ các tỳ khuru vắng lai thâm niên hơn, họ không sắp xếp chỗ trú ngụ. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru thường trú khi thấy các tỳ khuru vắng lai lại không chịu sắp xếp chỗ ngồi, không đem đến nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân; sau khi gặp gỡ, họ không rước y bát, không dâng nước uống, không dâng nước rửa; họ cũng không đánh lễ các tỳ khuru vắng lai thâm niên hơn, họ lại không sắp xếp chỗ trú ngụ?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khuru thường trú, các tỳ khuru thường trú nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[417] Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thường trú khi thấy vị tỳ khuru vắng lai thâm niên hơn nên sắp xếp chỗ ngồi, nên đem đến nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Sau khi gặp gỡ, nên rước y bát, nên dâng nước uống,

nên dâng nước rửa. Nếu có nỗ lực, (vị thường trú) nên lau đôi dép (của vị kia). Khi lau đôi dép, trước tiên nên lau bằng miếng giẻ khô sau đó bằng miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép, nên vắt ráo, rồi phơi ở một góc. Nên đánh lễ vị tỳ khuru vắng lai thâm niên hơn. Nên sắp xếp chỗ trú ngụ: “*Chỗ trú ngụ này dành cho đại đức.*” Nên nói rõ (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khát thực, nên nói rõ về khu vực không nên đi khát thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiêu. Nên nói rõ về (chỗ lấy) nước uống, nên nói rõ về (chỗ lấy) nước rửa, nên nói rõ về gây để chống, nên nói rõ về qui định của hội chúng: “*Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.*”

Nêu (vị vắng lai) là vị mới tu, vị (thường trú) mặc dầu vẫn ngồi nên nói rõ: “*Để bình bát chỗ này, để y chỗ này, ngồi ở chỗ ngồi này.*” Nên nói rõ chỗ nước uống, nên nói rõ chỗ nước rửa. Nên nói rõ về giẻ lau đôi dép. Nên để cho vị tỳ khuru vắng lai mới tu đánh lễ. Nên nói rõ chỗ trú ngụ: “*Chỗ trú ngụ này dành cho đại đức.*” Nên nói rõ (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khát thực, nên nói rõ về khu vực nào không nên đi khát thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiêu. Nên nói rõ về (chỗ lấy) nước uống, nên nói rõ về (chỗ lấy) nước rửa, nên nói rõ về gây để chống, nên nói rõ về qui định của hội chúng: “*Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.*”

Này các tỳ khuru, đây là phận sự của các tỳ khuru thường trú, các tỳ khuru thường trú nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

### 03. PHẬN SỰ CỦA VỊ XUẤT HÀNH (GAMIKA)

[418] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru xuất hành không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi. Các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát. Chỗ trú ngụ không được bảo quản. Các tỳ khuru ít ham muốn, ... (như trên) ..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru xuất hành lại không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi khiến các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát, chỗ trú ngụ không được bảo quản?



Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khuru xuất hành, các tỳ khuru xuất hành nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[419] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xuất hành trước khi ra đi nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, nên thông báo về chỗ trú ngụ. Nếu không có tỳ khuru, nên thông báo cho vị sa di. Nếu không có sa di, nên thông báo cho người ở chùa. Nếu không có người ở chùa, thông báo cho nam cư sĩ. Nếu tỳ khuru, hoặc sa di, hoặc người ở chùa, hoặc nam cư sĩ đều không có, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chát thành đồng ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, rồi mới nên ra đi.

Nếu trú xá bị giột nước mưa, nên lợp lại nếu có nỗ lực hoặc nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): “*Trú xá có thể được lợp thế nào đây?*” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, tại vị trí nào không bị nước mưa giột thì tại chỗ đó nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chát thành đồng ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, rồi mới nên ra đi. Nếu toàn bộ trú xá đều bị nước mưa giột, nên mang sàng tọa vào làng nếu có nỗ lực hoặc nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): “*Làm thế nào để sàng tọa có thể được mang vào làng đây?*” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá ở ngoài trời, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chát thành đồng ở phía bên trên. Nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung. Nên lấy cỏ hoặc lá phủ lên, rồi mới nên ra đi (nghĩ rằng): “*Có lẽ các thứ này có thể được tồn tại.*”

Này các tỳ khuru, đây là phận sự của các tỳ khuru xuất hành, các tỳ khuru xuất hành nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

#### 04. PHẬN SỰ TÙY HỖ

[420] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru không tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các sa-môn Thích tử lại không tùy hỷ ở chỗ thọ thực?

Các tỳ khuru đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, ta cho phép tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

[421] Sau đó, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Vị nào sẽ tùy hỷ ở chỗ thọ thực?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru trưởng lão tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

[422] Vào lúc bảy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người họ. Đại đức Sāriputta là trưởng lão của hội chúng. Các vị tỳ khuru (nghĩ rằng): “*Đức Thế Tôn đã cho phép vị tỳ khuru trưởng lão tùy hỷ ở chỗ thọ thực*” nên để đại đức Sāriputta ở lại mỗi một mình rồi ra đi. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã làm hoan hỷ những người ấy rồi đã đi về mỗi một mình sau cùng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Sāriputta mỗi một mình đang đi lại từ đằng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với đại đức Sāriputta điều này:

- Này Sāriputta, chắc hẳn bữa thọ thực đã được tốt đẹp?

- Bạch ngài, bữa thọ thực đã được tốt đẹp tuy nhiên các tỳ khuru đã để con ở lại mỗi một mình và ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bốn hay năm vị tỳ khuru trưởng lão hoặc các vị kế tiếp chờ đợi ở chỗ thọ thực.

[423] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru trưởng lão nọ trong lúc chờ đợi (để tùy hỷ) muốn đại tiện. Trong lúc cố nín phân lại, vị ấy đã bị choáng váng và ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép ra đi khi có việc cần làm sau khi đã thông báo cho vị tỳ khuru kế bên.

---o0o---

## 05. PHẬN SỰ Ở CHỖ THỌ THỰC

[424] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khuru trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp (saṅghāṭi) rồi ngồi xuống ở trong nhà. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách lại đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khuru trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khuru trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở chỗ thọ thực cho các tỳ khuru, các tỳ khuru ở chỗ thọ thực nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[425] Nếu thời giờ được thông báo ở trong tu viện, vị (tỳ khuru) nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn<sup>41</sup>, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh, trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Không nên tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khuru trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Nên ngồi ở trong nhà với y được mặc tề chỉnh, Nên ngồi ở trong nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên ngồi ở trong nhà với mắt nhìn xuống, không nên ngồi ở trong nhà với thân bị vén hở ra, không nên ngồi ở trong nhà với sự cười vang, nên ngồi ở trong nhà với tiếng động nhỏ, không nên ngồi ở trong nhà với sự đung đưa thân, không nên ngồi ở trong nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên ngồi ở trong nhà với sự đung đưa đầu, không nên ngồi ở trong nhà với tay chống nạnh, không nên ngồi ở trong nhà với (đầu) được trùm lại, không nên ngồi ở trong nhà với thế ôm đầu gối, không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, không nên trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà.

Khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay và thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): “*Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các tỳ khuru xung quanh bị nước văng nhằm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.*” Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên

trên mặt đất (nghĩ rằng): “*Chớ làm các tỳ khuru xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.*”

Khi được dâng cơm, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh cơm. Nên chừa chỗ cho xúp. Nếu có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc thức ăn ngon, vị trưởng lão nên nói rằng: “*Nên chia đều ra cho tất cả.*” Nên thọ lãnh vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ lãnh vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ lãnh vật thực với lượng xúp tương xứng. Nên thọ lãnh vật thực vừa ngang miệng (bình bát).

Vị trưởng lão không nên thọ thực khi tất cả chưa được đầy đủ cơm. Nên thọ dụng vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ dụng vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ dụng vật thực theo tuần tự. Nên thọ dụng vật thực với lượng xúp tương xứng. Không nên vun thành đống rồi thọ dụng vật thực. Không nên dùng cơm che lấp xúp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị không bị bệnh không nên yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Nên làm vắt cơm tròn đều. Không nên há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến. Không nên đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. Không nên nói chuyện với miệng còn vắt cơm. Không nên thọ thực theo cách liên tục đưa thức ăn vào miệng. Không nên thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Không nên thọ thực có sự rơi đổ cơm vung vãi. Không nên thọ thực có sự lè lưỡi ra. Không nên thọ thực với việc làm tiếng chếp chếp. Không nên thọ thực với việc làm tiếng rột rột. Không nên thọ thực có sự liếm bàn tay. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Không nên thọ thực có sự liếm môi.

Không nên thọ lãnh tô nước uống với bàn tay có dính thức ăn. Vị trưởng lão không nên thọ lãnh nước khi tất cả còn chưa thọ thực xong. Khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): “*Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các tỳ khuru xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.*” Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất (nghĩ rằng): “*Chớ làm các tỳ khuru xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.*” Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà.

Khi đi trở về, các tỳ khuru mới tu nên đi về trước tiên, sau đó là các vị trưởng lão.

Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Này các tỳ khuru, đây là phạm sự ở chỗ thọ thực của các tỳ khuru, các tỳ khuru ở chỗ thọ thực nên thực hành đúng đắn theo như thế.

**Dứt tụng phẩm thứ nhất.**

---o0o---

## **06. PHẠM SỰ CỦA VỊ ĐI KHÁT THỰC**

[426] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đi khát thực mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khát thực. Các vị đi vào tư gia không suy xét trước, rồi đi không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu, và rời đi quá lẹ. Có vị tỳ khuru đi khát thực nọ đã đi vào tư gia không suy xét trước. Vị ấy nghĩ rằng cửa lớn rồi đã bước (lầm) vào hậu phòng nọ. Chính ở trong hậu phòng ấy, có người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra. Vị tỳ khuru ấy đã nhìn thấy người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): “*Đây không phải là cửa nhà, đây là hậu phòng*” rồi đã từ hậu phòng ấy đi ra. Chồng của người đàn bà ấy đã nhìn thấy người đàn bà ấy khóa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): “*Vợ của ta đã bị gã tỳ khuru này làm nhục*” nên đã giữ vị tỳ khuru ấy lại và đánh đòn. Khi ấy, người đàn bà ấy đã thức dậy vì tiếng động ấy và đã nói với người chồng ấy điều này:

- Phu quân, vì sao ông lại đánh đòn vị tỳ khuru này vậy?

- Gã tỳ khuru này đã làm nhục bà.

- Phu quân, thiếp không có bị vị tỳ khuru này làm nhục. Vị tỳ khuru ấy không có làm.

Và đã giúp vị tỳ khuru ấy được thả ra. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru đi khát thực lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khát thực, đi vào tư gia không suy xét trước, rồi đi không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu, và rời đi quá lẹ?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khuru đi khát thực, các tỳ khuru đi khát thực nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[427] Nay các tỳ khuru, (nghĩ rằng): “*Bây giờ ta sẽ đi vào làng,*” vị tỳ khuru đi khát thực nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho chỉnh tề rồi trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp.

Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: “*Ta sẽ đi vào lối này và ra bằng lối này.*” Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên bỏ đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: “*(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?*” Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): “*(Gia chủ) có ý định bố thí.*” Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực<sup>42</sup>. Nên suy xét rằng: “*(Gia chủ) có ý muốn bố thí xúp hay không có ý muốn bố thí?*” Nếu (gia chủ) cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): “*Gia chủ có ý muốn bố thí.*” Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi rời đi một cách nghiêm trang không hấp tấp.

Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Vị nào đi khát thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy nên sắp xếp chỗ ngồi; nên chuẩn bị nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân; nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại; nên đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khát thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, vị ấy nên ăn nếu muốn. Nếu không muốn, nên đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy nên chõng lại tọa cụ, dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân; nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi; nên dọn dẹp nước uống, nước rửa, và nên quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy nên đổ nước vào. Nếu vị ấy không làm nổi, nên ra hiệu bằng tay mời vị khác lại; nên nhờ (vị kia) giúp với hành động bằng tay và không vì lý do đó mà nói ra bằng lời.

Này các tỳ khuru, đây là phận sự của các tỳ khuru đi khát thực, các tỳ khuru đi khát thực nên thực hành đúng đắn theo như thế.



## 07. PHẬN SỰ CỦA VỊ NGỰ Ở RỪNG

[428] Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru cư ngụ ở trong rừng. Các vị ấy không dự trữ nước uống, không dự trữ nước rửa, không dự trữ lửa, không dự trữ vật tạo lửa, không biết về vị trí của các ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực. Bọn trộm cướp sau khi đi đến nơi ấy đã nói với các tỳ khuru ấy điều này:

- Thưa ngài có nước uống không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, có nước rửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, có lửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, có vật tạo lửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, hôm nay liên quan đến điều gì?
- Anh bạn à, tôi không biết.
- Thưa ngài, hướng này là hướng gì?
- Anh bạn à, tôi không biết.

Khi ấy, bọn trộm cướp ấy (nghĩ rằng): “*Những người này không có nước uống, không có nước rửa, không có lửa, không có vật tạo lửa, không biết vị trí của các ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực; những người này là trộm cướp, những người này không phải là các tỳ khuru*” nên đã đánh đập rồi bỏ đi.

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các vị tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khuru ở rừng, các tỳ khuru ở rừng nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[429] Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ở rừng sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, đắp y lên người, mang dép vào, thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung lại, đóng cửa lớn và cửa sổ, rồi rời chỗ trú ngụ. (Nghĩ rằng): “*Bây giờ, ta sẽ đi vào làng,*” (vị ấy) nên tháo dép ra, để ở chỗ thấp, rũ sạch, rồi bỏ vào túi xách, đeo lên vai. Nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho chỉnh tề, trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, ...(như trên)..., không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: “*Ta sẽ đi vào lối này và ra bằng lối này.*” Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên rời đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: “*(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?*” Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): “*Gia chủ có ý định bố thí.*” Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực. Nên suy xét rằng: “*(Gia chủ) có ý muốn bố thí xúp hay không có ý muốn bố thí?*” Nếu (gia chủ) cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): “*Gia chủ có ý định bố thí.*” Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi rời đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc tề chỉnh, ...(như trên)..., không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Khi đã đi ra khỏi làng, nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, cuốn tròn y lại, đội lên đầu, mang dép vào, rồi đi về.

Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ở rừng nên dự trữ nước uống, nên dự trữ nước rửa, nên dự trữ lửa, nên dự trữ vật tạo lửa, nên dự trữ cây gậy để chống, nên

học về vị trí của các ngôi sao toàn bộ hoặc một phần, nên rành rẽ về các phương hướng.

Này các tỳ khuru, đây là phận sự của các tỳ khuru ở rừng, các tỳ khuru ở rừng nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

## 08. PHẬN SỰ Ở NƠI CƯ NGỰ

[430] Vào lúc bảy giờ, có nhiều vị tỳ khuru đang may y ở ngoài trời. Các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Các vị tỳ khuru đã bị lấm bụi. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ khuru bị lấm bụi?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ khuru bị lấm bụi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở nơi cư ngụ cho các tỳ khuru, các tỳ khuru ở nơi cư ngụ nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[431] Cư ngụ trong trú xá nào, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tọa cụ và ngoại cụ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra

ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván gồi đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, trước tiên nên dời (chúng) khỏi lỗ hồng, nên lau chùi các cửa sổ và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lỗ nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lỗ nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “*Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.*” Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các tỳ khru. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các trú xá. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước uống. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước rửa. Không nên đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Nên đập giũ sàng tọa ở phía dưới gió. Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng khung giường ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong, và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng giường, làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ghế, làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng nệm gồi, làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng tọa cụ và ngoại cụ ở một góc, làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ống nhỏ ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong, và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tấm ván gồi đầu ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong, và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào

ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rến, nên quét phòng. Nếu công có rác rến, nên quét công. Nếu phòng hội họp có rác rến, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rến, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rến, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên lại đem nước uống. Nếu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu cư ngụ trong trú xá với vị thâm niên, khi chưa xin phép vị thâm niên không nên đọc tụng, không nên đưa ra các câu hỏi điều tra, không nên học bài, không nên giảng Pháp, không nên thắp đèn, không nên thổi tắt đèn, không nên mở cửa sổ, không nên đóng cửa sổ. Nếu đi kinh hành cùng với vị thâm niên trên cùng một đường kinh hành, nên quay trở lui cùng lúc với vị thâm niên và không nên va chạm vị thâm niên dù là góc y hai lớp.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự ở nơi cư ngụ của các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

## **09. PHẬN SỰ Ở NHÀ TẮM**

[432] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư khi bị cản trở bởi các tỳ khưu trưởng lão ở trong nhà tắm hơi, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi ở cửa ra vào. Các tỳ khưu trưởng lão bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất đi và té xuống. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư khi bị cản trở bởi các tỳ khưu trưởng lão ở trong nhà tắm hơi, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi ở cửa ra vào khiến các tỳ khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất đi và té xuống?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư khi bị cản trở bởi các tỳ khưu trưởng lão ở trong nhà tắm hơi, do không kính trọng nên đem lại

nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi ở cửa ra vào khiến các tỳ khuru bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất đi và té xuống, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, khi bị cản trở bởi các tỳ khuru trưởng lão ở trong nhà tắm hơi, do không kính trọng không nên đem lại nhiều củi và đốt lửa; vị nào đốt thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Và nay các tỳ khuru, không nên đóng cửa ra vào rồi ngồi ở cửa ra vào; vị nào ngồi thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự ở nhà tắm hơi cho các tỳ khuru, các tỳ khuru ở nhà tắm hơi nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[433] Vị nào đi vào trong nhà tắm hơi trước tiên, nếu tro tích lũy nhiều (vị ấy) nên đem tro đi đổ, nếu nhà tắm hơi có rác rến nên quét nhà tắm hơi, nếu nền xung quanh có rác rến nên quét nền xung quanh, nếu căn phòng có rác rến nên quét căn phòng, nếu cổng có rác rến nên quét cổng, nếu gian phòng lớn của nhà tắm hơi có rác rến nên quét gian phòng lớn của nhà tắm hơi.

Nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét, nên đổ nước vào máng nước. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các tỳ khuru trưởng lão. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi ra khỏi nhà tắm hơi. Ở trong nước, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các tỳ khuru trưởng lão. Không nên tắm ở ngay phía trước các tỳ khuru trưởng lão cũng không nên tắm ở phía trên các vị ấy. Vị đã tắm xong đi ra nên nhường đường cho vị đi vào. Vị nào rời nhà tắm hơi cuối cùng, nếu nhà tắm hơi bị bùn lầy nên rửa sạch, nên rửa sạch máng đất sét, nên dọn dẹp ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên dập tắt lửa, nên đóng cửa, rồi ra đi.

Này các tỳ khuru, đây là phạt sự ở nhà tắm hơi của các tỳ khuru, các tỳ khuru ở nhà tắm hơi nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

## 10. PHẬN SỰ Ở NHÀ VỆ SINH

[434] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ dòng dõi Bà-la-môn đại tiện xong không muốn rửa sạch (nghĩ rằng): “*Ai lại đùng đến đồ hôi hám hạ tiện này?*” Có con giun đũa đã dính ở hậu môn của vị ấy. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru.

- Này đại đức, có phải đại đức đại tiện xong không chịu rửa sạch?

- Này các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ khuru ít ham muốn ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ kheo đại tiện xong lại không chịu rửa sạch?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này tỳ khuru, nghe nói người đại tiện xong không chịu rửa sạch, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, sau khi đại tiện xong nếu có nước không nên không rửa sạch; vị nào không rửa sạch thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[435] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đi đại tiện ở nhà vệ sinh theo thứ tự thâm niên. Các tỳ khuru mới tu đến trước tiên phải đợi để được đại tiện. Trong lúc cố nín phân lại, các vị ấy bị choáng váng và ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru đi đại tiện ở nhà vệ sinh theo thứ tự thâm niên, các tỳ khuru mới tu đến trước tiên phải đợi để được đại tiện, trong lúc cố nín phân lại các vị ấy bị choáng váng và ngã xuống, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, việc đại tiện ở nhà vệ sinh không nên thực hành theo thứ tự thâm niên; vị nào thực hành thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện việc đại tiện theo thứ tự đi đến.

[436] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, giành lối lúc đi vào, đại tiện rặn thành tiếng, đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng, đại tiện ra ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, chùi bằng khúc cây chùi bị sần sùi, làm rơi khúc cây chùi vào hố phân, đi ra vô cùng vội vã, giành lối lúc đi ra, làm tiếng chắt lưỡi lúc rửa ráy, chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, giành lối lúc đi vào, đại tiện rặn thành tiếng, đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng, đại tiện ra ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, chùi bằng khúc cây chùi bị sần sùi, làm rơi khúc cây chùi vào hố phân, đi ra vô cùng vội vã, giành lối lúc đi ra, làm tiếng chắt lưỡi lúc rửa ráy, chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự ở nhà vệ sinh cho các tỳ khuru, các tỳ khuru ở nhà vệ sinh nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[437] Vị đi đến nhà vệ sinh, trong khi đứng ở bên ngoài, nên tăng hắng. Vị đang ngồi bên trong cũng nên tăng hắng. Nên máng y lên sào treo y hoặc dây phơi y rồi nên đi vào nhà vệ sinh một cách cẩn thận không hấp tấp. Không nên đi vào quá vội vã. Không nên giành lối lúc đi vào. Khi đứng trên



bệ nhà vệ sinh, nên kéo y lên. Không nên đại tiện rặn thành tiếng. Không nên đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng. Không nên đại tiện ra ngoài máng đựng phân. Không nên tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu. Không nên khạc nhổ vào máng nước tiểu. Không nên chùi với khúc cây chùi bị sần sùi. Không nên làm rơi khúc cây chùi vào hố phân. Khi đứng trên bệ nhà vệ sinh, nên che lại kín đáo. Không nên đi ra vô cùng vội vã. Không nên giành lối lúc đi ra. Khi đứng ở sàn rửa, nên vén y lên. Không nên làm tiếng chắt lười lúc rửa ráy. Không nên chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Khi đứng ở sàn rửa, nên che lại kín đáo.

Nếu nhà vệ sinh bị dơ nên rửa sạch. Nếu thùng đựng đồ chùi bị đầy, nên đổ bỏ các khúc cây chùi. Nếu nhà vệ sinh có rác rến nên quét nhà vệ sinh. Nếu nền xung quanh có rác rến nên quét nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác rến nên quét căn phòng. Nếu cống có rác rến nên quét cống. Nếu lu nước rửa không có nước, nên đổ nước vào lu nước rửa.

Này các tỳ khưu, đây là phạm sự ở nhà vệ sinh của các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

## 11. PHẠM SỰ ĐỐI VỚI THẦY TẾ ĐỘ

[438] Vào lúc bảy giờ, các người đệ tử (saddhivihārikā – các vị ở chung trú xá) không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các người đệ tử lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khưu, nghe nói các người đệ tử không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ khuru, vì sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ? Nay các tỳ khuru, điều này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự đối với các vị thầy tế độ cho các người đệ tử, đối với các vị thầy tế độ các người đệ tử nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[439] Nay các tỳ khuru, người đệ tử nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng lên gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, và nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi dâng cháo. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, rồi đem cất. Khi thầy tế độ đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị thầy), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp gọn gàng rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn dẫm nước (patto saudako) sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có thị giả đi theo, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh rồi trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi theo làm thị giả cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát (của vị thầy) và vật được chứa đựng (trong đó)<sup>43</sup>. Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên nhắc nhở.

Khi quay trở về, nên đi về trước tiên. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): “*Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.*”<sup>44</sup>. Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước (rửa) và đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên dâng lên thầy tế độ nước

uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa). Nên nhận lại bình bát rồi đem để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát ở chỗ nắng quá lâu. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi thầy té độ đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy té độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (thầy té độ) thích nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu thích nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy té độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng, nên trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy té độ, nên nhận lấy y và để ở một bên. Nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy té độ. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Nên kỳ cọ cho thầy té độ lúc ở trong nước. Khi tắm xong nên đi ra trước, nên lau khô nước ở thân thể của mình. Sau khi quần y, nên lau khô nước ở thân thể của thầy té độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên dâng nước uống đến thầy té độ. Nếu có ý muốn thỉnh (thầy) đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu có ý muốn vấn đạo, nên thỉnh (thầy) vấn đạo.

Ở trú xá nào thầy té độ cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Khi làm sạch sẽ, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tọa cụ và ngọa cụ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để

xuống ở một góc, nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván gói đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nên được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, khi phát hiện trước tiên nên dời (chúng) khỏi lỗ hồng, nên lau chùi các cửa sổ và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “*Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.*” Sau khi gom rác lại rồi nên đem đồ bỏ ở một góc.

Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng tọa cụ và ngọa cụ, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván gói đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rến, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rến, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rến, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rến, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rến, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu sự không hoan hỷ sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho đi đi hoặc nhờ vị khác làm cho đi đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu mối nghi ngờ sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng xứng đáng hành phạt *parivāsa*, người đệ tử nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt parivāsa cho thầy tế độ?*” Nếu thầy tế độ xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, người đệ tử nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể cho thầy tế độ (thực hành) trở lại từ đầu?*” Nếu thầy tế độ xứng đáng hành phạt *mānatta*, người đệ tử nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt mānatta cho thầy tế độ?*” Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế độ?*” Nếu hội chúng có ý định thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể không thực thi hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đối thành nhẹ hơn?*” Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên nỗ lực: “*Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hỏi hành sự này?*”

Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của thầy tế độ được giặt?*” Nếu y của thầy tế độ cần phải may, người đệ tử nên may hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của thầy tế độ được may?*” Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được nấu?*” Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của thầy tế độ được nhuộm?*” Trong khi nhuộm y, nên nhuộm bằng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

Không có phép của thầy tế độ, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm thị giả người khác. Không nên nhận người khác làm thị giả. Không nên mang đồ ăn khát thực lại dùm người khác. Không nên nhờ người khác mang dùm đồ ăn khát thực lại. Chưa xin phép thầy tế độ không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy tế độ bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi vị thầy khỏe lại.

Này các tỳ khuru, đây là phạm sự đối với các vị thầy tế độ của các người đệ tử, các người đệ tử đối với các vị thầy tế độ nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

## 12. PHẠM SỰ ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ (SADDHIVIHĀRIKA)

[440) Vào lúc bảy giờ, các vị thầy tế độ không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người đệ tử. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các vị thầy tế độ lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người đệ tử?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khuru, nghe nói các vị thầy tế độ không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người đệ tử, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạm sự đối với các người đệ tử cho các vị thầy tế độ, các vị thầy tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[441] Nay các tỳ khuru, vị thầy tế độ nên thực hành phạm sự đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là phạm sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nay các tỳ khuru, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự chỉ dạy. Nếu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình bát đến người đệ tử, hoặc nên nỗ lực: *“Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?”* Nếu thầy tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên nỗ lực: *“Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?”* Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên nỗ lực: *“Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?”*

Nếu người đệ tử bị bệnh, (vị thầy tế độ) nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi nên đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước (rửa), nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, rồi đem cất. Khi người đệ tử đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người đệ tử có ý muốn đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị ấy), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp gọn gàng rồi trao cho. Nên trao bình bát còn ẩm nước sau khi đã rửa sạch. (Nghĩ rằng): *“Đến lúc vị ấy sắp trở về,”* nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra nhận y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): *“Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.”* Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và người đệ tử có ý muốn ăn thì nên trao nước (rửa) và nên đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên đưa cho đệ tử nước uống. Khi người đệ tử ăn xong nên trao nước (rửa). Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, nên làm ráo nước rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát ở chỗ nắng quá lâu.

Nên đem cát y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi người đệ tử đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (người đệ tử) thích nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu thích nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu người đệ tử có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi nên đem để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, sau khi che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Nên kỳ cọ cho người đệ tử lúc ở trong nước. Khi tắm xong nên đi ra trước, nên lau khô nước ở thân thể của mình. Sau khi quần y, nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đem nước uống đến cho người đệ tử.

Ở trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu (vị thầy) có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ...(như trên)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu có sự không hoan hỷ sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu mối nghi ngờ sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng xứng đáng hành phạt *parivāsa*, vị thầy tế độ nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt*



*parivāsa cho đê tử?*” Nếu người đê tử xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị thầy tế độ nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể cho đê tử (thực hành) trở lại từ đầu?*” Nếu người đê tử xứng đáng hành phạt *mānatta*, vị thầy tế độ nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt mānatta cho đê tử?*” Nếu người đê tử xứng đáng sự giải tội, vị thầy tế độ nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đê tử?*” Nếu hội chúng có ý định thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đê tử, vị thầy tế độ nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể không thực thi hành sự đối với đê tử, hoặc đối thành nhẹ hơn?*” Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đê tử, vị thầy tế độ nên nỗ lực: “*Làm thế nào để đê tử có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hỏi hành sự này?*”

Nếu y của người đê tử cần phải giặt, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: “*Người nên giặt như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của đê tử được giặt?*” Nếu y của người đê tử cần phải may, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: “*Người nên may như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của đê tử được may?*” Nếu thuốc nhuộm của người đê tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: “*Người nên nấu như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để thuốc nhuộm của đê tử được nấu?*” Nếu y của người đê tử cần phải nhuộm, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: “*Người nên nhuộm như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của đê tử được nhuộm?*” Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đê tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi người đê tử khỏe lại.

Này các tỳ khuru, đây là phận sự đối với các người đê tử của các vị thầy tế độ. Các vị thầy tế độ đối với các người đê tử nên thực hành đúng đắn theo như thế.

**Dứt tụng phẩm thứ hai.**

---o0o---

### 13. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI THẦY DẠY HỌC

[442] Vào lúc bấy giờ, các người học trò (*antevāsikā*) không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các tỳ khuru ít ham muốn, ... (như trên) ..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các người học trò lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các người học trò không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạm sự đối với các vị thầy dạy học cho các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[443] Nay các tỳ khưu, người học trò nên thực hành phạm sự đúng đắn đối với vị thầy dạy học. Đây là phạm sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng lên gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi dâng cháo. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, rồi đem cất. Khi thầy dạy học đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị thầy), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp gọn gàng rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đầm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có thị giả đi theo, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh rồi trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi theo làm thị giả cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát (của vị thầy) và vật được chứa đựng (trong đó). Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên nhắc nhở.

Khi quay trở về, nên đi về trước tiên. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị

thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): “*Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.*” Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và thầy dạy học có ý muốn ăn thì nên dâng nước (rửa) và nên đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên dâng lên thầy dạy học nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa). Nên nhận lại bình bát rồi đem để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát ở chỗ nắng quá lâu. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi thầy dạy học đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (thầy dạy học) thích nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu thích nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng, nên trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nhận lấy y, và để ở một bên. Nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Nên kỳ cọ cho thầy dạy học lúc ở trong nước. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình. Sau khi quần y, nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên dâng nước uống đến thầy dạy học. Nếu có ý muốn thỉnh (thầy) đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu có ý muốn vân đạo, nên thỉnh (thầy) vân đạo.

Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Khi làm sạch sẽ, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tọa cụ và ngoạ cụ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván gối đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nệm được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, khi phát hiện trước tiên nên dời (chúng) khỏi lỗ hổng, nên lau chùi các cửa sổ và các hóc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nệm được sơn màu đen và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nệm không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “*Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.*” Sau khi gom rác lại rồi nên đem đồ bỏ ở một góc.

Sau khi phơi nắng tấm trải nệm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng tọa cụ và ngoạ cụ, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván gối đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cát y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rến, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rến, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rến, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rến, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rến, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu sự không hoan hỷ sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu mối nghi ngờ sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng xứng đáng hành phạt *parivāsa*, người học trò nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt parivāsa cho thầy dạy học?*” Nếu thầy dạy học xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, người học trò nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể cho thầy dạy học (thực hành) trở lại từ đầu?*” Nếu thầy dạy học xứng đáng hành phạt *mānatta*, người học trò nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt mānatta cho thầy dạy học?*” Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?*” Nếu hội chúng có ý định thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể không thực thi hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đối thành nhẹ hơn?*” Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên nỗ lực: “*Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hiểu hành sự này?*”

Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của thầy dạy học được giặt?*” Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?*” Nếu thuốc nhuộm của thầy dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?*” Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của thầy dạy học được nhuộm?*” Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cạo người khác. Không nên bảo người khác kỳ cạo. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm thị giả người khác. Không nên nhận người khác làm thị giả. Không nên mang đồ ăn khát thực lại dùm người khác. Không nên nhờ người khác mang dùm đồ ăn khát thực lại. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi vị thầy khỏe lại.

Này các tỳ khuru, đây là phạm sự đối với các vị thầy dạy học của các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành đúng đắn theo như thế.

---o0o---

#### **14. PHẠM SỰ ĐỐI VỚI HỌC TRÒ (ANTEVĀSIKA)**

[444] Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người học trò (antevāsikā). Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các vị thầy dạy học lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người học trò?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự đối với các người học trò cho các vị thầy dạy học, các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[445] Nay các tỳ khuru, vị thầy dạy học nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người học trò. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nay các tỳ khuru, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự chỉ dạy. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên nỗ lực: *“Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?”* Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên nỗ lực: *“Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?”* Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến người học trò, hoặc nên nỗ lực: *“Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?”*

Nếu người học trò bị bệnh, (vị thầy dạy học) nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi nên đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, rồi đem cất. Khi người học trò đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người học trò có ý muốn đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị ấy), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp gọn gàng rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. (Nghĩ rằng): *“Đến lúc vị ấy sắp trở về,”* nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra nhận y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lúi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp

y lại (nghĩ rằng): “*Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.*” Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và người học trò có ý muốn ăn thì nên trao nước (rửa) và nên đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên đưa cho học trò nước uống. Khi người học trò ăn xong nên trao nước (rửa). Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, nên làm ráo nước rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát ở chỗ nắng quá lâu. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi người học trò đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (người học trò) thích nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu thích nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người học trò. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, sau khi che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Nên kỳ cọ cho người học trò lúc ở trong nước. Khi tắm xong nên đi ra trước, nên lau khô nước ở thân thể của mình. Sau khi quần y, nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đem nước uống đến cho người học trò.

Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ...(như trên)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.



Nếu có sự không hoan hỷ sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu mỗi nghi ngờ sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu người học trò bị phạm tội nặng xứng đáng hành phạt *parivāsa*, vị thầy dạy học nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt parivāsa cho học trò?*” Nếu người học trò xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị thầy dạy học nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể cho học trò (thực hành) trở lại từ đầu?*” Nếu người học trò xứng đáng hành phạt *mānatta*, vị thầy dạy học nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt mānatta cho học trò?*” Nếu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thầy dạy học nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học trò?*” Nếu hội chúng có ý định thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên nỗ lực: “*Làm thế nào để hội chúng có thể không thực thi hành sự đối với học trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?*” Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên nỗ lực: “*Làm thế nào để học trò có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hỏi hành sự này?*”

Nếu y của người học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: “*Người nên giặt như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của học trò được giặt?*” Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: “*Người nên may như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của học trò được may?*” Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: “*Người nên nấu như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?*” Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: “*Người nên nhuộm như vậy,*” hoặc nên nỗ lực: “*Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?*” Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi người học trò khỏe lại.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự đối với các người học trò của các vị thầy dạy học. Các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành đúng đắn theo như thế.

**Dứt Chương Phận Sự là chương thứ tám.**

**Trong chương này có 21 câu chuyện, 14 phận sự.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[446]

*Mang dép và che dù,  
y trùm đầu, nước uống,  
không đánh lễ (vị lớn),  
không dâng (nước), con rắn,  
các vị tốt phàn nàn.  
Hạ dù, y đắp vai,  
đi đến nơi tụ hội,  
đặt y và bát xuống,  
hỏi han điều thích hợp.  
Nên xối với nước rửa,  
giày lau khô rồi ướt,  
vị lớn, nhỏ, nên hỏi,  
phòng trống, chỗ đi bát,  
gia đình Thánh Hữu Học,  
nhà tiêu, chỗ lấy nước,  
gậy chống, điều qui định,*

thời biểu, trong chốc lát,  
rác, đem ra thăm nền,  
khung giường, và tấm nệm,  
giường nằm, ghé, ống nhỏ,  
ván, mạng nhện, các hóc,  
sơn đỏ, đen, không sơn,  
rác rến, thăm trái nền,  
khung giường, giường và ghé,  
nệm nằm với tọa cụ,  
ống nhỏ, ván kê đầu,  
y bát và nền nhà,  
mép y ở bên kia,  
phần gập lại bên này.

Từ hướng đông, hướng tây,  
hướng bắc rồi hướng nam,  
lạnh nóng, và đêm ngày,  
phòng ốc, cổng ra vào,  
phòng hội, nhà đốt lửa,  
phận sự ở nhà tiêu,  
nước uống, nước để rửa,  
và hũ nước súc miệng.

*Phận sự vị vãng lai  
quy định không sai khác.  
Không chỗ ngồi, nước rửa,  
không chào hỏi, nước uống,  
không đánh lễ, sắp xếp,  
các vị tốt phàn nàn.  
Với vị thâm niên hơn,  
chỗ ngồi và nước rửa,  
đến gắp dâng nước uống,  
đôi dép để một bên,  
đánh lễ và sắp chỗ,  
phòng trống, chỗ đi bát,  
và nhà Thánh Hữu Học,  
chỗ nước uống, nước rửa,  
cây gậy, thời khoá biểu.  
Vị mới tu, cứ ngồi,  
chào hỏi và chỉ rõ,  
đường lối như dưới đây,  
đó là phần phận sự  
của các vị thường trú  
chỉ dạy bởi Đạo Sư.*

*Vị xuất hành ra đi  
đồ đạc gói, gói sù,  
không đóng cửa, không báo,  
bị mất, không bảo vệ,  
các vị tốt phàn nàn.*

*Hãy sắp đặt, đóng cửa,  
thông báo rồi ra đi,  
tỳ khuru hoặc sa di,  
ngươi ở chùa, cư sĩ.*

*Một khối trên các đá,  
nên sắp xếp, đóng cửa,  
nếu có được khả năng,  
nơi không giệt như thế,  
nếu bị giệt toàn bộ,  
(nên gửi) ở trong làng,  
để ngoài trời như vậy:*

*“Mong các thứ tồn tại,”  
đây là phần phận sự  
của tỳ khuru xuất hành.*

*Trưởng lão không tùy hỷ,  
bỏ đi, bốn năm vị,*

*nín phần, bị choáng váng,*

*đây phận sự tùy hỷ.*

*Các vị nhóm Lục Sư*

*thường mặc y luộm thuộm,*

*lại trùm y luộm thuộm,*

*không theo đúng quy cách*

*và còn đi rẽ ngang*

*chiếm chỗ các vị lớn,*

*các vị tân tỳ khuru,*

*và y saṅghāṭi,*

*tỳ khuru tốt phần nà.*

*Mặc y đều ba vòng,*

*thân tề chỉnh, dây buộc,*

*không hở ra, che kín,*

*thu thúc, mắt nhìn xuống,*

*không nên vén y lên*

*và cười vang lớn tiếng,*

*thêm ba phần đung đưa.*

*chống nạnh, trùm, nhón gót,*

*chiếm chỗ, không cho ngồi,*

*trái y ra, và nước,*

*hạ thấp xuống, nước văng,  
xung quanh, y hai lớp,  
và việc thọ lãnh cơm,  
canh, thức ăn hảo hạng,  
chia đều phần tất cả.*

*Nghiêm trang, tâm ở bát,  
đều đều, canh vừa đủ,  
trưởng lão chờ chưa ăn  
và cơm vừa miệng bát.*

*Nghiêm trang, tâm ở bát,  
vừa cơm và đủ canh  
không vun cơm, che lấp,  
không xin thêm, tìm lỗi,  
lớn, tròn đều, há miệng,  
trợn bàn tay, không nói,  
liên tục bốc thức ăn,  
cắn từng chút, phồng má,  
rảy tay, cơm vung vãi,  
le lưỡi, tiếng chép chép,  
tiếng rột rột, liếm tay,  
vét bình bát, liếm môi,*

*thọ lãnh bằng tay dơ,  
chờ tắt cả, nước rửa,  
hạ thấp, và văng nước,  
đồ đựng nước, xung quanh,  
y hai lớp, thấp xuống,  
mặt đất, nước có cơm.*

*Trong khi đi trở về,  
khéo trùm y, nhón gót,  
đây phận sự nhà ăn,  
bậc Pháp Vương quy định.*

*Mặc y phục luộm thuộm,  
không theo đúng quy cách,  
không suy xét, vội vã,  
quá xa, (hay) quá gần,  
quá lâu, (hoặc) quá mau,  
như thế đi khát thực.*

*Nên trùm kín rồi đi,  
thu thúc, mắt nhìn xuống,  
vén hở thân, cười lớn,  
tiếng ồn, và còn nữa,  
ba vật không dung đưa,*



*chống nạnh, trùm, nhón gót,  
không suy xét, vôi vãi,  
quá xa, (hay) quá gần,  
quá lâu, (hoặc) quá mau,  
(rời) chỗ ngồi, cái muống,  
cái đĩa, hoặc thỉnh chờ,  
giở lên và mở ra,  
thọ lãnh không nhìn mặt,  
các món xúp cũng vậy.*

*Vị tỳ khuru che đậy  
bằng y saṅghāṭi,  
trùm kín rồi mới đi,  
thu thúc, mắt nhìn xuống,  
không nên vén y lên,  
và cười vang lớn tiếng,  
chỉ gây tiếng động nhỏ,  
ba sự việc đưng đưa,  
chống nạnh, trùm, nhón gót,  
về trước tiên, chỗ ngồi,  
chậu đựng các đồ thừa,  
nước để uống, nước rửa,*

về sau, muốn, hãy ăn,  
đổ xuống, rồi cất đi,  
dọn dẹp xong, quét nền,  
đổ vào lu hết nước,  
trống trơn, tay ra hiệu,  
không gây thành tiếng động,  
đó phận sự khát thực.  
Nước uống, rửa, ngọn lửa,  
vật tạo lửa, các sao,  
phương hướng, và bọn trộm,  
“Tất cả đều không có,”  
đánh đập, vai mang bát,  
y ca-sa, từ đó,  
bây giờ, mang ở vai,  
đều đặn ba vòng tròn,  
giống phận sự khát thực,  
các vị sống ở rừng  
cũng hành theo lối ấy,  
vai bát, y trên đầu,  
mang vào, và nước uống,  
nước rửa, và ngọn lửa,

vật tạo lửa, cây gậy,  
lại nữa các ngôi sao,  
toàn bộ hoặc một phần,  
và thiên xảo các hướng,  
đây phận sự ở rừng,  
Tối Thượng Sư quy định.  
Ở ngoài trời, lấm bụi,  
các vị tốt phần này,  
nếu trú xá bị dơ,  
trước tiên là y bát,  
nệm nằm, giường, góikê,  
ghế ngồi, và ống nhỏ,  
ván kê đầu, khe hở,  
chưa được sơn đỏ đen,  
rác rến, gần tỳ khuru,  
sàng tọa, trú xá, nước,  
ở gần nước để rửa,  
ngược gió và mái hiên,  
dưới gió, thảm trải nền,  
khung giường và giường ngủ,  
ghế ngồi, nệm, tọa cụ,

ống nhỏ, ván kê đầu,  
và y bát trên đất,  
mép y ở bên kia,  
y gấp lại hướng này,  
hướng đông và hướng tây,  
hướng bắc và hướng nam,  
lạnh nóng và đêm ngày,  
phòng ốc và cổng lớn,  
phòng hội, và nhà lửa,  
nhà tiêu và nước uống,  
hũ nước để súc miệng,  
và các vị thâm niên,  
đọc tụng, hỏi, học bài,  
giảng Pháp, thổi ngọn đèn,  
không mở cũng không đóng,  
quay lại theo vị lớn,  
không chạm dầu góc y,  
đó phận sự chỗ ngụ,  
bậc Đại Nhân quy định.  
Bị cản, cửa ra vào,  
rời vị bị ngắt đi,

*các vị tốt phàn nàn,  
nên đổ tro, nhà tắm,  
nền nhà, và như vậy,  
phòng, cổng lớn, giảng đường,  
bột thoa, sét, máng nước,  
ở phía trước, khuôn mặt,  
không (chiếm chỗ) trưởng thượng,  
vị mới tu, nếu được,  
phía trước, trên, lối đi,  
đọng nước, sét, ghé ngòi,  
tắt lửa, và đóng cửa,  
là phận sự nhà tắm.*

*Không rửa, theo thâm niên,  
theo phiên, và vội vã,  
chen, rặn, gõ chà răng,  
đại, tiểu tiện, khạc nhổ,  
sần sùi, hó phân, vội,  
lấn, chép miệng, bỏ đi.*

*Ngoài, và trong tầng hấng,  
giây treo, không háp tấp,  
vội vã, vén y, đứng,*

rặn, gổ chà răng, phấn,  
tiểu, khạc nhổ, sần sùi,  
hố phân, bệ nhà tiêu,  
không vôi vữa, kéo lên,  
sàn rửa, tiếng chếp chếp,  
không chừa nước, che đậy,  
dờ và thùng chứa rác,  
nhà tiêu, nền xung quanh,  
phòng ố, và cửa lớn,  
và nước để rửa ráy,  
đó phận sự nhà tiêu.

Đôi dép, gổ chà răng,  
nước súc miệng, chỗ ngồi,  
cháo, nước uống, rửa sạch,  
dọn dẹp, rác, vào làng,  
y lót, dây thắt lưng,  
xếp y, bát có nước,  
thị giả, ba sự tròn,  
mặc đều đặn, dây lưng,  
buộc dây, rửa, phía sau,  
không xa lắm, nhận lãnh,

*khi vị nói, lỗi lầm,  
về trước tiên, chỗ ngồi,  
nước, ghé kê, ghé lau,  
quay trở lại, y lót,  
ở chỗ nắng, phơi lâu,  
phần góc, chỗ gấp lại,  
muốn ăn, nên đem lại,  
nước uống, rửa, chỗ thấp,  
một chốc, chẳng phơi lâu,  
y bát và mặt đất,  
mép y phía bên kia,  
phía này y gấp lại,  
cất đi và dọn dẹp,  
rác rến và muốn tắm,  
lạnh, nóng, và nhà tắm,  
bột tắm, sét, phía sau,  
và ghé, y, bột tắm,  
đất sét, nếu có thể,  
khuôn mặt, ở phía trước,  
trường lão, và mới tu,  
kỳ cọ, và đi ra,*

phía trước, trong nước, tắm,  
mặc y, thầy tế độ,  
y lót, y hai lớp,  
ghế nhà tắm, chỗ ngồi,  
chân, ghế kê, giẻ lau,  
nước uống, muốn đọc tụng,  
và hỏi về Giáo Pháp,  
rác rến, nên làm sạch,  
trước tiên là y bát,  
tắm thơm để lót ngồi,  
nệm nằm và các gói,  
giường, ghế ngồi, khung gỗ,  
ống nhỏ, ván kê đầu,  
nền nhà, màn lưới nhện,  
và khe hở, đỏ, đen,  
chỗ còn chưa thực hiện,  
thảm trải nền, khung gỗ,  
giường, ghế, và, gói kê,  
đồ lót ngồi, ống nhỏ,  
ván kê đầu, y bát,  
hướng đông và hướng tây,



*hướng bắc và hướng nam,  
lạnh nóng, và đêm ngày,  
phòng ốc và cửa lớn,  
phòng họp, và nhà lửa,  
nhà tiêu, nước uống, rửa,  
nước súc miệng, không vui,  
nổi nghi hoặc, tà kiến,  
và tội nặng, từ đầu,  
mànatta, giải tội,  
khiển trách, việc chỉ dạy,  
xua đuổi, hay hòa giải,  
rời hành sự treo tội  
nếu đã được thực hành.*

*Giặt, nhuộm nên thực hiện,  
khi nhuộm, việc trộn đều,  
và bình bát, y nữa,  
đồ phụ tùng, cạo (tóc),  
kỳ cọ, việc hầu hạ,  
thị giả, đồ khát thực,  
không đi vào mộ địa,  
bỏ đi sang hướng khác,*

đến hết đời, phục vụ,  
phần này của đệ tử.  
Các điều phận sự ấy  
của vị thầy tế độ,  
giáo huấn, tụng Giáo Pháp,  
vấn hỏi, và bát y,  
vật phụ tùng, vị bệnh,  
không là vị thị giả.  
Giống như thầy tế độ,  
ở các thầy dạy học  
cũng tương tự như thế.  
Các phận sự đệ tử  
cũng giống vị học trò.  
Phận sự vị vãng lai,  
các vị thường trú nữa,  
vị xuất hành, tùy hỷ,  
ở trong nhà thọ thực,  
và vị đi khát thực,  
phận sự của các vị  
ở rừng, các chỗ ngụ,  
ở nhà tắm, nhà tiêu,

*thầy tế độ, đệ tử,  
phận sự của thầy dạy,  
cũng giống như học trò,  
có mười chín sự việc,  
mười bốn việc phải làm  
được (quy tụ) thành nhóm.  
Phận sự không tròn đủ,  
không hoàn hảo về giới,  
giới không sạch, tuệ kém,  
không thấy được nhất tâm,  
với tâm bị xáo trộn,  
không trụ vào một điểm,  
không thấy được Chánh Pháp,  
khi không thấy Chánh Pháp,  
không thoát khỏi khổ đau.  
Vị hoàn thành phận sự,  
giới cũng được tròn đủ,  
giới trong sạch, có tuệ,  
lại đạt được nhất tâm,  
tâm không bị xáo trộn,  
trụ vào được một điểm,*

vị ấy thấy Chánh Pháp,  
chứng ngộ được Diệu Pháp,  
vị ấy thoát khổ đau,  
do đó, nên thành tựu  
phận sự đệ tử Phật  
thấy rõ ràng lời dạy  
của đức Phật tối thượng,  
từ đó đạt Niết Bàn.

---o0o---

## **IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỐN PĀTIMOKKHA** **(PĀTIMOKKHAṬṬHAPANAKKHANDHAKAṀ)**

[447] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Pubbārāma (Đông Phương tự), ở tòa nhà dài của người mẹ của Migāra<sup>45</sup> (Lộc Mẫu giảng đường). Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày *Uposatha* (Bố Tát) vào ngày mười lăm, đức Thế Tôn đang ngồi giữa hội chúng tỳ khưu. Khi ấy trong lúc đêm khuya canh một đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đêm đã khuya canh một đã tàn, hội chúng tỳ khưu ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu.

Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, trong lúc đêm khuya canh giữa đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, hội chúng tỳ khưu ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã im lặng.

Đến lần thứ ba, trong lúc đêm khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, đêm lộ nét hân hoan (nandimukhiyā rattiyā), đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đêm đã khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, đêm lộ nét hân hoan, hội chúng tỳ khuru ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru.

- Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh.

[448] Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã khởi ý điều này: “*Liên quan đến nhân vật nào khiến đức Thế Tôn đã nói như vậy: ‘Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh’?*” Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã chăm chú dùng tâm quán xét tâm của toàn thể hội chúng tỳ khuru. Và đại đức Mahāmoggallāna đã thấy được nhân vật ấy là kẻ ác giới, ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi sa-môn, giả mạo sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, đầy phiền não, có bản chất dơ bẩn đang ngồi giữa hội chúng tỳ khuru, sau khi thấy được đã đi đến gần nhân vật ấy, sau khi đến gần đã nói với nhân vật ấy điều này:

- Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các tỳ khuru.

Mặc dầu được nói như vậy, nhân vật ấy đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này:

- Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các tỳ khuru.

Đến lần thứ nhì, nhân vật ấy đã im lặng.

Đến lần thứ ba, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này:

- Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các tỳ khuru.

Đến lần thứ ba, nhân vật ấy đã im lặng.

Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã nắm lấy nhân vật ấy ở cánh tay đẩy ra bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào, gài chốt cửa lại, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, nhân vật ấy đã bị con đẩy ra ngoài rồi; hội chúng được thanh tịnh. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bổn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru.

- Nay Moggallāna, thật kỳ lạ thay! Nay Moggallāna thật khác thường thay! Gã rô đại ấy lại chờ cho đến lúc bị nắm lấy cánh tay.

[449] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng những pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả. Tám điều ấy là gì?

Này các tỳ khuru, biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, này các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[450] Nay các tỳ khuru, còn có điều này nữa, biển cả có bản chất ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả có bản chất ổn định, không tràn qua khỏi bờ, này các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ hai trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[451] Nay các tỳ khuru, còn có điều này nữa, biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ và hất lên trên đất liền. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ và hất lên trên đất liền, này các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[452] Nay các tỳ khuru, còn có điều này nữa, các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là “*Biển cả*.” Nay các tỳ khuru, sự việc các

con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là “*Biển cả*,” này các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[453] Này các tỳ khuru, còn có điều này nữa, có các giòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vui đi hoặc tràn đầy. Này các tỳ khuru, sự việc có các giòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vui đi hoặc tràn đầy, này các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[454] Này các tỳ khuru, còn có điều này nữa, biển cả có một vị là vị của muối. Này các tỳ khuru, sự việc biển cả chỉ có một vị là vị của muối, này các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[455] Này các tỳ khuru, còn có điều này nữa, biển cả có nhiều vật quý, vô số vật quý. Ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo. Này các tỳ khuru, sự việc biển cả có nhiều vật quý, vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo, này các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[456] Này các tỳ khuru, còn có điều này nữa, biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn. Ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông (timi), cá voi (timiṅgalo), cá ông voi (timitimiṅgalo), cá ông khổng lồ, các A-tu-la, các loài rồng (nāga), các Cán-thát-bà (gandhabba). Trong biển cả còn có những sinh vật lớn đến trăm do tuần, những sinh vật lớn đến hai trăm do tuần, những sinh vật lớn đến ba trăm do tuần, những sinh vật lớn đến bốn trăm do tuần, những sinh vật lớn đến năm trăm do tuần. Này các tỳ khuru, sự việc biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, cá ông khổng lồ, các A-tu-la, các loài rồng, các Cán-thát-bà. Trong biển cả còn có những sinh vật lớn đến trăm do tuần, ... (như trên) ..., những sinh vật lớn đến năm trăm do tuần, này các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám trong biển cả, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

[457] Nay các tỳ khuru, tương tự như thế trong Pháp và Luật này có tám pháp kỳ diệu phi thường, sau khi xem xét kỹ lưỡng những pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này. Tám điều ấy là gì?

Nay các tỳ khuru, giống như biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, nay các tỳ khuru, tương tự như thế trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Nay các tỳ khuru, sự việc trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác, nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[458] Nay các tỳ khuru, giống như biển cả có bản chất ổn định, không tràn qua khỏi bờ, nay các tỳ khuru, tương tự như thế điều học nào đã được ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống. Nay các tỳ khuru, sự việc điều học nào đã được ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống, nay các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ hai trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[459] Nay các tỳ khuru, giống như biển cả không sống chung với xác chết nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ và hát lên trên đất liền, nay các tỳ khuru, tương tự như thế nhân vật nào là kẻ ác giới, ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi sa-môn, giả mạo sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, đầy phiền não, có bản chất dơ bẩn, hội chúng không sống chung với kẻ ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng tỳ khuru nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Nay các tỳ khuru, sự việc nhân vật nào là kẻ ác giới, ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi sa-môn, giả mạo sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, đầy phiền não, có bản chất dơ bẩn, hội chúng không sống chung với nhân vật ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng tỳ khuru nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy, nay các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.



[460] Nay các tỳ khuru, giống như các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là “*Biển cả*,” nay các tỳ khuru, tương tự như thế bốn loại giai cấp này là *Khattiya* (Sát-đế-ly), *Brāhmaṇa* (Bà-la-môn), *Vessa* (Vê-xá), và *Sudda* (Thủ-đà-la), khi họ đã rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật được tuyên thuyết bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là “*Các sa-môn Thích tử*.” Nay các tỳ khuru, sự việc bốn loại giai cấp này là *Khattiya* (Sát-đế-ly), *Brāhmaṇa* (Bà-la-môn), *Vessa* (Vê-xá), và *Sudda* (Thủ-đà-la), khi họ đã rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật được tuyên thuyết bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là “*Các sa-môn Thích tử*,” nay các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[461] Nay các tỳ khuru, giống như các giòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vui đi hoặc tràn đầy, nay các tỳ khuru, tương tự như thế cho dù nhiều vị tỳ khuru Vô Dư Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là vui đi hoặc tràn đầy. Nay các tỳ khuru, sự việc cho dù nhiều vị tỳ khuru Vô Dư Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là vui đi hoặc tràn đầy, nay các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[462] Nay các tỳ khuru, giống như biển cả có một vị là vị của muối, nay các tỳ khuru, tương tự như thế Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát. Nay các tỳ khuru, sự việc Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát, nay các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[463] Nay các tỳ khuru, giống như biển cả có nhiều vật quý, vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo, nay các tỳ khuru, tương tự như thế Pháp và Luật này có nhiều vật quý, vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Quyên, Năm Lực, Bảy Pháp đưa đến Giác Ngộ, Thánh Đạo Tám Ngành. Nay các tỳ khuru, sự việc Pháp và Luật này có nhiều vật quý, vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là Bốn Niệm Xứ, ... (như trên) ..., Thánh Đạo Tám Ngành, nay các tỳ

khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[464] Nay các tỳ khuru, giống như biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, ...(như trên)..., các A-tu-la, các loài rồng, các Càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những sinh vật lớn đến trăm do tuần, những sinh vật lớn đến hai trăm do tuần, những sinh vật lớn đến ba trăm do tuần, những sinh vật lớn đến bốn trăm do tuần, những sinh vật lớn đến năm trăm do tuần. Nay các tỳ khuru, tương tự như thế Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập Lưu, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị Nhập Lưu, vị Nhất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị Nhất Lai, vị Bất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị Bất Lai, vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị A-la-hán. Nay các tỳ khuru, sự việc Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập Lưu, ...(như trên)..., vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị A-la-hán, nay các tỳ khuru, đây cũng là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

Nay các tỳ khuru đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này, sau khi xem xét kỹ lưỡng những pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[465] Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

*Nước mưa bị văng lại*

*ở vật đã che đây.*

*Nước mưa không văng lại*

*ở vật được mở ra.*

*Do đó, hãy mở ra*

*vật đã được che đây,*

*như vậy, ở vật ấy*

*nước mưa không văng lại.*

[466] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, kể từ hôm nay ta sẽ không tiến hành lễ *Uposatha* nào khác, ta sẽ không tuyên đọc giới bốn nữa. Chính các người, kể từ hôm nay các người có thể tiến hành lễ *Uposatha*, các người có thể tụng đọc giới bốn *Pātimokkha*. Nay các tỳ khuru, sự việc này không hợp lý không có cơ sở là việc đức Như Lai có thể tiến hành lễ *Uposatha*, có thể tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* ở hội chúng không thanh tịnh. Nay các tỳ khuru, vị phạm tội không nên nghe giới bốn *Pātimokkha*; vị nào nghe thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, vị nào phạm tội mà lắng nghe giới bốn *Pātimokkha*, ta cho phép đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy. Và nay các tỳ khuru, nên đình chỉ như vậy: Vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bach các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) là vị phạm tội, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*” Giới bốn *Pātimokkha* đã được đình chỉ.

[467] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn *Pātimokkha* (nghĩ rằng): “*Không ai biết chúng ta đâu!*” Các tỳ khuru trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các tỳ khuru rằng:

- Nay các đại đức, các tỳ khuru nhóm Lục Sư tên (như vậy) và tên (như vậy) chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn *Pātimokkha* (nghĩ rằng): “*Không ai biết chúng ta đâu!*”

Các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã nghe rằng: “*Nghe nói các tỳ khuru trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các tỳ khuru rằng: ‘Nay các đại đức, các tỳ khuru nhóm Lục Sư tên (như vậy) và tên (như vậy) chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn Pātimokkha (nghĩ rằng): ‘Không ai biết chúng ta đâu!’*” Các vị ấy (nghĩ rằng): “*Trước hết, các tỳ khuru trong sạch sẽ đình chỉ giới bốn Pātimokkha của chúng ta*” nên ra tay trước đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của các tỳ khuru trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của các tỳ khuru trong sạch không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân?

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của các tỳ khuru trong sạch không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của các tỳ khuru trong sạch không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vì nào đình chỉ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[468] Nay các tỳ khuru, một sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, một sự đúng Pháp; hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, hai sự đúng Pháp; ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, ba sự đúng Pháp; bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, bốn sự đúng Pháp; năm sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, năm sự đúng Pháp; sáu sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, sáu sự đúng Pháp; bảy sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, bảy sự đúng Pháp; tám sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, tám sự đúng Pháp; chín sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, chín sự đúng Pháp; mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, mười sự đúng Pháp.

[469] Thế nào là một sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

[470] Thế nào là một sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[471] Thế nào là hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, vị đình chỉ

giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

[472] Thế nào là hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[473] Thế nào là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến không có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

[474] Thế nào là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[475] Thế nào là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến không có nguyên cớ. Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng không có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

[476] Thế nào là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[477] Thế nào là năm sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *pārājika* (bất cộng trụ) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *saṅghādisesa* (tăng tằng) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *pācittiya* (ung đối trị) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *pāṭidesanīya* (ung phát lộ) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới

bổn *Pātimokkha* với tội *dukkata* (tác ác) không có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkhasai* Pháp.

[478] Thế nào là năm sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pārājika* (bất cộng trụ) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *saṅghādisesa* (tăng tàng) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pācittiya* (ung đối trị) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pāṭidesanīya* (ung phát lộ) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *dukkata* (tác ác) có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[479] Thế nào là sáu sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện không có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp.

[480] Thế nào là sáu sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[481] Thế nào là bảy sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pārājika* (bất cộng trụ) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *saṅghādisesa* (tăng tàng) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *thullaccaya* (trọng tội) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pācittiya* (ung đối trị) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pāṭidesanīya* (ung phát lộ) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới

bổn *Pātimokkha* với tội *dukkata* (tác ác) không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *dubbhāsita* (ác khẩu) không có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp.

[482] Thế nào là bảy sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pārājika* (bất cộng trụ) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *saṅghādisesa* (tăng tàng) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *thullaccaya* (trọng tội) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pācittiya* (ung đối trị) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *pāṭidesanīya* (ung phát lộ) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *dukkata* (tác ác) có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với tội *dubbhāsita* (ác khẩu) có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[483] Thế nào là tám sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng đã được thực hiện không có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp.

[484] Thế nào là tám sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng đã

được thực hiện có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[485] Thế nào là chín sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện và chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện và chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện và chưa được thực hiện không có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

[486] Thế nào là chín sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện và chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã được thực hiện và chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện và chưa được thực hiện có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[487] Thế nào là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị phạm tội *pārājika* (bất cộng trụ) không ngồi trong tập thể đó, sự thảo luận về việc phạm tội *pārājika* chưa được dứt điểm, vị đã xả bỏ sự học tập không ngồi trong tập thể đó, sự thảo luận về (trường hợp) xả bỏ sự học tập chưa được dứt điểm, vị phục tùng thỏa ước đúng Pháp (*dhammikam sāmaggim upeti*), vị không bác bỏ thỏa ước đúng Pháp (*na dhammikam sāmaggim*



paccādiyati), sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp chưa được dứt điểm, vị không bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, vị không bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị không bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

[488] Thế nào là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị phạm tội *pārājika* (bất cộng trụ) ngồi trong tập thể đó, sự thảo luận về việc phạm tội *pārājika* đã được dứt điểm, vị đã xả bỏ sự học tập ngồi trong tập thể đó, sự thảo luận về (trường hợp) xả bỏ sự học tập đã được dứt điểm, vị không phục tùng thỏa ước đúng Pháp (dhammikaṃ sāmaggim na upeti), vị bác bỏ thỏa ước đúng Pháp (dhammikaṃ sāmaggim paccādiyati), sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp đã được dứt điểm, vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[489] Thế nào là vị phạm tội *pārājika* (bất cộng trụ) ngồi trong tập thể đó?

Này các tỳ khuru, ở đây sự phạm tội *pārājika* hiện hữu với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, vị tỳ khuru nhìn thấy vị tỳ khuru (khác) đang phạm tội *pārājika* với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khuru không nhìn thấy vị tỳ khuru (khác) đang phạm tội *pārājika* nhưng lại có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) đã phạm tội pārājika!*” Cho dù vị tỳ khuru không thấy vị tỳ khuru (khác) đang phạm tội *pārājika* và cũng không có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) đã phạm tội pārājika!*” nhưng chính vị tỳ khuru (phạm tội) ấy đã nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, tôi đã phạm tội pārājika!*” này các tỳ khuru, do được nghe điều ấy, do được thấy điều ấy, do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ khuru nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) đã phạm tội pārājika, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

[490] Khi giới bốn *Pātimokkha* của vị tỳ khuru đã bị đình chỉ, (nếu) tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm là sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm vì mạng sống, sự nguy hiểm vì Phạm hạnh, này các tỳ khuru, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, vị tỳ khuru (nguyên cáo) nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội pārajika của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này.*”

Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được, thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội pārajika của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

[491] Thế nào là vị đã xả bỏ sự học tập ngồi trong tập thể đó?

Này các tỳ khuru, ở đây sự học tập được vị tỳ khuru xả bỏ với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, vị tỳ khuru nhìn thấy vị tỳ khuru (khác) đang xả bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khuru không nhìn thấy vị tỳ khuru (khác) đang xả bỏ sự học tập nhưng lại có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) đã xả bỏ sự học tập!*” Cho dù vị tỳ khuru không nhìn thấy vị tỳ khuru (khác) đang xả bỏ sự học tập và cũng không có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) đã xả bỏ sự học tập!*” nhưng chính vị tỳ khuru (xả bỏ sự học tập) ấy đã nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, tôi đã xả bỏ sự học tập!*” này các tỳ khuru, do được nghe điều ấy, do được thấy điều ấy, do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ khuru nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) đã xả bỏ sự học tập, tôi*

*đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.”*

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[492] Khi giới bốn Pātimokkha của vị tỳ khuru đã bị đình chỉ, (nếu) tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm là sự nguy hiểm từ đức vua, ...(như trên)..., sự nguy hiểm vì Phạm hạnh, này các tỳ khuru, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, vị tỳ khuru (nguyên cáo) nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này.*”

Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được, thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[493] Thế nào là vị không phục tùng thỏa ước đúng Pháp (dhammikam sāmaggim na upeti)?

Này các tỳ khuru, ở đây việc không phục tùng thỏa ước đúng Pháp hiện hữu với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, và vị tỳ khuru nhìn thấy vị tỳ khuru khác không phục tùng thỏa ước đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khuru không nhìn thấy vị tỳ khuru (khác) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp nhưng lại có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp!*” Cho dù vị tỳ khuru không nhìn thấy vị tỳ khuru (khác) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp và cũng không có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp!*” nhưng chính vị tỳ khuru (không phục tùng) ấy đã nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, tôi không phục tùng thỏa ước đúng Pháp!*” này các tỳ khuru, do được nghe điều ấy, do được thấy điều ấy, do

nghe điều ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp, tôi đành chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

[494] Thế nào là vị bác bỏ thỏa ước đúng Pháp (*dhammikaṃ sāmaggim paccādiyati*)?

Này các tỳ khưu, ở đây việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp hiện hữu với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu khác đang bác bỏ thỏa ước đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang bác bỏ thỏa ước đúng Pháp nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bác bỏ thỏa ước đúng Pháp!*” Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang bác bỏ thỏa ước đúng Pháp và cũng không có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bác bỏ thỏa ước đúng Pháp!*” nhưng chính vị tỳ khưu (bác bỏ thỏa ước) ấy đã nói với vị tỳ khưu rằng: “*Này đại đức, tôi bác bỏ thỏa ước đúng Pháp!*” Này các tỳ khưu, do được nghe điều ấy, do được thấy điều ấy, do nghe điều ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bác bỏ thỏa ước đúng Pháp, tôi đành chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

[495] Khi giới bốn *Pātimokkha* của vị tỳ khưu đã bị đình chỉ, (nếu) tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm là sự nguy hiểm từ đức vua, ... (như trên)..., sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các tỳ khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, vị tỳ khưu (nguyên cáo) nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp*

*của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc ấy.”*

Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được, thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đành chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đành chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

[496] Thế nào là vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới?

Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khuru biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới bởi những hình thức ấy, bởi những đặc tính ấy, bởi những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khuru không biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới nhưng lại có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!*” Cho dù vị tỳ khuru không biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới và cũng không có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!*” nhưng chính vị tỳ khuru (can phạm) ấy đã nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, tôi bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!*” Này các tỳ khuru, do được nghe điều ấy, do được thấy điều ấy, do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ khuru nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, tôi đành chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đành chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

[497] Thế nào là vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm?

Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khuru biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm bởi những hình thức ấy, bởi những đặc tính ấy, bởi những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khuru không biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm nhưng lại có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!*” Cho dù vị tỳ khuru không biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm và cũng không có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!*” nhưng chính vị tỳ khuru (can phạm) ấy đã nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, tôi bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!*” Này các tỳ khuru, do được nghe điều ấy, do được thấy điều ấy, do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ khuru nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

[498] Thế nào là vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến?

Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khuru biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến bởi những hình thức ấy, bởi những đặc tính ấy, bởi những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khuru không biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến nhưng lại có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!*” Cho dù vị tỳ khuru không biết được vị tỳ khuru (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến và cũng không có vị tỳ khuru khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, vị tỳ khuru tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!*” nhưng chính vị tỳ khuru (can phạm) ấy đã nói với vị tỳ khuru rằng: “*Này đại đức, tôi bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!*” Này các tỳ khuru, do được nghe điều ấy, do được thấy

điều ấy, do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ khuru nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến, tôi định chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.*”

Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

### **Dứt tụng phẩm thứ nhất.**

[499] Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, vị tỳ khuru có ý muốn áp dụng sự hành xử (*attādānam ādātukāmena bhikkhunā*) nên áp dụng sự hành xử khi được hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Nay Upāli, vị tỳ khuru có ý muốn áp dụng sự hành xử nên áp dụng sự hành xử khi hội đủ năm điều kiện:

Này Upāli, vị tỳ khuru có ý muốn áp dụng sự hành xử nên quán xét như sau: “*Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này là đúng thời điểm để áp dụng sự hành xử này hay không đúng (thời điểm)?*” Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Sái thời điểm để áp dụng sự hành xử này, không phải đúng thời điểm.*” Này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Đúng thời điểm để áp dụng sự hành xử này, không phải sái thời điểm;*” này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: “*Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này, nhưng sự hành xử này là hợp lý hay không (hợp lý)?*” Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Sự hành xử này là vô lý, không hợp lý;*” này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Sự hành xử này là hợp lý, không phải không hợp lý;*” này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: “*Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này, nhưng sự hành xử này có đem lại sự lợi ích hay không (đem lại sự lợi ích)?*” Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Sự hành xử này đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích;*” này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Sự hành xử này đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích;*” này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: “*Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ đạt được các tỳ khuru cùng tri kiến cùng quan điểm ở trong nhóm theo đúng Pháp theo đúng Luật hay sẽ không (đạt được)?*” Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ không đạt được các tỳ khuru cùng tri kiến cùng quan điểm ở trong nhóm theo đúng Pháp theo đúng Luật;*” này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ đạt được các tỳ khuru cùng tri kiến cùng quan điểm ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật;*” này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: “*Khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy sẽ xảy ra sự tranh cãi, cãi cọ, xung đột, tranh luận cho hội chúng, (sẽ xảy ra) sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, sự đa dạng trong hội chúng hay sẽ không xảy ra?*” Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy sẽ xảy ra sự tranh cãi, cãi cọ, xung đột, tranh luận cho hội chúng, (sẽ xảy ra) sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, sự đa dạng trong hội chúng;*” này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét biết rõ như vậy: “*Khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy sẽ không xảy ra sự tranh cãi, cãi cọ, xung đột, tranh luận cho hội chúng, (sẽ không xảy ra) sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, sự đa dạng trong hội chúng;*” này Upāli, nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, sự hành xử hội đủ năm điều kiện như thế được áp dụng sẽ không đem lại sự ân hận sau này.

[500] - Bạch ngài, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân (ajjhattam) bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

- Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác.

Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: “*Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có hội đủ sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được*



*tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?*” Nay Upāli, nếu vị tỳ khuru không có sở hành về thân trong sạch, không hội đủ sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: “*Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến thân;*” như thế là những người nói về vị ấy.

[501] Nay Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: “*Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có hội đủ sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?*” Nay Upāli, nếu vị tỳ khuru không có sở hành về khẩu trong sạch, không hội đủ sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: “*Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu;*” như thế là những người nói về vị ấy.

[502] Nay Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: “*Tâm từ của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?*” Nay Upāli, nếu tâm từ của vị tỳ khuru là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: “*Này, đến lúc đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng Phạm hạnh;*” như thế là những người nói về vị ấy.

[503] Nay Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: “*Ta có phải là vị nghe nhiều, là vị ghi nhớ được điều đã nghe, có sự tích lũy điều đã nghe không? Những Pháp nào có sự tốt đẹp ở phần đầu, tốt đẹp ở phần giữa, tốt đẹp ở phần cuối, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, có sự thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, các Pháp có hình thức tương tự như thế có được ta nghe nhiều, có được ghi nhớ, có được tích lũy bằng cách đọc lại, có được dụng tâm quán xét, có được thâm nhập bằng tri kiến không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?*” Nay Upāli, nếu vị tỳ khuru không phải là vị nghe nhiều, không phải là vị ghi nhớ được điều đã nghe, không có tích lũy điều đã nghe. Những Pháp nào có sự tốt đẹp ở phần đầu, tốt đẹp ở phần giữa, tốt đẹp ở phần cuối, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, có sự thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, các Pháp có hình thức tương tự như thế không được vị ấy nghe nhiều, không được ghi nhớ, không được tích lũy bằng cách đọc lại, không được dụng tâm quán xét, không được thâm nhập bằng tri kiến, có

những người nói với vị ấy rằng: “*Này, đến lúc đại đức nên học tập kinh điển;*” như thế là những người nói về vị ấy.

[504] *Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: “Hai bộ giới bốn Pātimokkha có được truyền lại đến ta một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?”* *Này Upāli, nếu hai bộ giới bốn Pātimokkha không được truyền lại đến vị tỳ khuru một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ, khi được hỏi như vậy: “Này đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở đâu?”* mà không đáp được, có những người nói với vị ấy rằng: “*Này, đến lúc đại đức nên học tập về Luật;*” như thế là những người nói về vị ấy.

*Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.*

[505] - *Bạch ngài, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân (ajjhataṃ upatthāpetvā) bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?*

- *Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác: “Ta sẽ nói hợp thời, không phải sai thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận.”*

*Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.*

[506] - *Bạch ngài, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?*

- *Này Upāli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): “Đại đức khiển trách sai thời, không hợp thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách*

*không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với nội tâm có sân hận, không phải với tâm từ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài.”*

Này Upāli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì không có vị tỳ khuru nào khác có thể nghĩ đến là nên khiển trách với việc sai trái như thế.

[507] - Bạch ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru bị khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

- Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): “*Đại đức bị khiển trách sai thời, không hợp thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi nội tâm có sân hận, không phải bởi tâm từ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài.”*

Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này.

[508] - Bạch ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru khiển trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

- Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): “*Đại đức khiển trách hợp thời, không sai thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài.”*

Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru khiến trách đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì cũng có vị tỳ khuru khác sẽ nghĩ đến nên khiến trách với sự thật như thế.

[509] - Bạch ngài, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru bị khiến trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

- Này Upāli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru bị khiến trách đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): “Đại đức bị khiến trách hợp thời, không sai thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiến trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiến trách với sự mê mông, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiến trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiến trách bởi từ tâm, không phải bởi nội tâm có sân hận, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài.”

Này Upāli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khuru bị khiến trách đúng Pháp với năm hình thức này.

[510] - Bạch ngài, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiến trách vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiến trách vị khác?

- Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiến trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên khiến trách vị khác: lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật.

Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn khiến trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiến trách vị khác.

[511] - Bạch ngài, vị tỳ khuru bị khiến trách nên an trú trong bao nhiêu pháp?

- Này Upāli, vị tỳ khuru bị khiến trách nên an trú trong hai pháp: chân thật và không nổi giận.

**Dứt tụng phẩm thứ nhì.**

**Dứt Chương Đỉnh Chỉ Giới Bốn Pātimokkha là chương thứ chín.**

**Trong chương này có ba mươi sự việc, hai tụng phẩm.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[512]

*Trong ngày lễ Bồ Tát,*

*cho đến lần thứ ba*

*ác tỳ khuru không ra*

*cũng đã bị kéo ra*

*bởi Moggallāna.*

*Điều kỳ trong Pháp Phật:*

*điều học theo thứ lớp*

*ổn định, không vượt qua,*

*hội chúng chê xác thối,*

*các sông bỏ (tên gọi)*

*và trôi chảy, Niết Bàn*

*chỉ một vị giải thoát,*

*Pháp và Luật có nhiều*

*thú lớn, tám Thánh Nhân,*

*Ngài đã dùng ví dụ*

*biển cả để phô bày*

*tính chất của Giáo Pháp.*

*Giới bốn ngày Bồ Tát,*

*“Không ai biết chúng ta!”*

*vì sửa chữa, chúng hủy*

*một, hai, ba, bốn, năm,*

*sáu, bảy, tám, chín, mười:*

*Giới, hạnh kiểm, tri kiến,*

*nuôi mạng là bốn phần,*

*bất cộng trụ, tăng tàng*

*ung đối trị, phát lộ,*

*tác ác thuộc năm phần.*

*Hư hỏng giới, hạnh kiểm,*

*chưa làm và đã làm,*

*theo cách này sáu phần.*

*Bất cộng trụ, tăng tàng,*

*trọng tội, ung đối trị,*

*ung phát lộ, tác ác,*

*và lời nói sai quấy.*

*Hư hỏng giới, hạnh kiểm,*

*tri kiến, nuôi mạng sai.*

*tám điều làm, chưa làm.*

*Giới, hạnh kiểm, tri kiến,*

*chưa làm, và đã làm,*

*đã làm và chưa làm,  
như vậy là chín cách  
đã được đề cập đến,  
theo phương pháp như thật.*

*Kẻ bị bắt cộng trụ,  
các chuyện còn chưa quyết,  
vị hoàn tục giống y,  
vị phục tùng, bác bỏ,  
thảo luận sự bác bỏ.*

*Sự hư hỏng về giới  
và hạnh kiểm, cũng vậy  
sự hư hỏng tri kiến.*

*được thấy, nghe, nghi ngờ,  
hãy biết rõ điều ấy,  
cả thầy có mười cách.*

*Tỳ khuru thấy tỳ khuru,  
vị khác nói điều ấy,  
trong sạch, vị ấy khai  
và đình chỉ giới bốn  
Pātimokkha lại.*

*Giải tán vì nguy hiểm:*

*vua, cướp, lửa, và nước,  
người, phi nhân, thú, rắn,  
mạng sống và Phạm hạnh,  
chỉ một điều của mười,  
hoặc trong các điều khác.*

*Đúng Pháp và phi Pháp,  
biết đường lối như vậy:*

*về thời gian, sự thật,  
có liên hệ lợi ích,*

*ta sẽ đạt hoặc có,*

*thuộc thân, khẩu, từ tâm,*

*học nhiều, hai bộ phái,*

*đúng thời, theo sự thật,*

*lời mềm mỏng, lợi ích,*

*tâm từ, vị khiến trách*

*ân hận bởi phi Pháp*

*như thế sẽ xóa đi.*

*Với vị khi khiến trách*

*và vị bị khiến trách,*

*theo Pháp không ân hận,*

*vì bi mẫn, lợi ích,*



*thương xót, sự thoát tội,  
vì tôn vinh (Giới Luật).  
Hành động vị khiến trách  
đáng Toàn Giác đã giảng,  
còn vị bị khiến trách  
chân thật, không sân hận.*

---o0o---

## **X. CHƯƠNG TỶ KHU'U NI (BHIKKHUNĪKHANDHAKAM)**

[513] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự trong lãnh thổ của dòng Sākya (Thích Ca) ở thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), tu viện Nigrodha. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Gotamī, thôi đi! Bà chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Gotamī, thôi đi! Bà chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được

*đức Như Lai công bố*” nên khổ sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, vừa khóc lóc, vừa đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[514] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích đã ra đi du hành đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần du hành, ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó, trong thành Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana (Đại Lâm), giảng đường Kūṭāgāra.

Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nhờ người cạo tóc, khoác y phục màu ca-sa cùng với nhiều người nữ dòng Sākya đã ra đi về hướng thành Vesālī, tuần tự đã đi đến thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī với hai bàn chân sung vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc lóc ở bên ngoài cổng ra vào. Đại đức Ānanda đã nhìn thấy bà Mahāpajāpati Gotamī với hai bàn chân sung vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc lóc ở bên ngoài cổng ra vào, sau khi nhìn thấy đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Nay bà Gotamī, tại sao bà lại có hai bàn chân sung vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đứng khóc lóc ở bên ngoài cổng ra vào vậy?

- Thưa ngài Ānanda, như thế này bởi vì đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay bà Gotamī, nếu vì chuyện đó thì bà hãy ở ngay tại đây trong chốc lát để tôi cầu xin đức Thế Tôn việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

[515] Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī này với hai bàn chân sung vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc lóc ở bên ngoài cổng ra vào (nghĩ rằng): “*Đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.*” Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, thôi đi! Người chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Đến lần thứ nhì, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, thôi đi! Người chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Đến lần thứ ba, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, thôi đi! Người chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn không cho phép việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố; có lẽ ta nên cầu xin đức Thế Tôn việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố bằng một phương thức khác?” Sau đó, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, hoặc quả vị Nhất Lai, hoặc quả vị Bất Lai, hoặc quả vị A-la-hán hay không?

- Nay Ānanda, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, nữ nhân có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị A-la-hán.

- Bạch ngài, nếu sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị A-la-hán nữa; bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī có nhiều công đức đối với đức Thế Tôn, là di ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời. Bạch ngài, tốt đẹp thay

người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

[516] - Nay Ānanda, nếu bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà:

Tỳ khuru ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến vị tỳ khuru vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỳ khuru. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỳ khuru là việc hỏi ngày lễ *Uposatha* và việc đi đến (để nghe) giáo giới. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni đã trải qua mùa (an cư) mưa nên yêu cầu<sup>46</sup> ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hành phạt *mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Cô ni tu tập sự (sikkhamānā) đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi nói xấu tỳ khuru. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Kể từ hôm nay, việc khuyên bảo của các tỳ khuru ni đến các tỳ khuru bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các tỳ khuru đến các tỳ khuru ni không bị ngăn

cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

[517] Sau đó, đại đức Ānanda đã học tám Trọng Pháp từ đức Thế Tôn rồi đã đi đến gặp bà Mahāpajāpati Gotamī, sau khi đến đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám Trọng Pháp thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà:

Tỳ khuru ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến vị tỳ khuru vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỳ khuru. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng tỳ khuru là việc hỏi ngày lễ *Uposatha* và việc đi đến (để nghe) giáo giới. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni đã trải qua mùa (an cư) mưa nên yêu cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hành phạt *mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Cô ni tu tập sự (sikkhamānā) đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tâm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khuru ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi nói xấu tỳ khuru. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Kể từ hôm nay, việc khuyến bảo của các tỳ khuru ni đến các tỳ khuru bị ngăn cấm, việc khuyến bảo của các tỳ khuru đến các tỳ khuru ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám Trọng Pháp này thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà.

- Thừa đại đức Ānanda, cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại nên thọ lãnh bằng hai tay rồi đặt lên ở đỉnh đầu; thừa đại đức Ānanda, cũng tương tự như vậy, tôi thọ nhận tám Trọng Pháp này cho đến trọn đời không vi phạm.

[518] Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī đã thọ nhận tám Trọng Pháp. Người di của đức Thế Tôn đã được tu lên bậc trên.

- Này Ānanda, nếu nữ nhân không đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài, Thánh Pháp (saddhamma) có thể tồn tại một ngàn năm<sup>47</sup>. Này Ānanda, bởi vì nữ nhân đã xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda, giờ đây Thánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.

Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập; này Ānanda, cũng tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào nữ nhân đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như trong thửa ruộng lúa đang phát triển, có loại bệnh gọi là mốc trắng xuất hiện, như thế ruộng lúa ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào nữ nhân đạt

được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như trong ruộng mía đường đang phát triển, có loại bệnh gọi là rệp cây xuất hiện, như thế ruộng mía ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào nữ nhân đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông chính vì phòng xa nên củng cố bờ đê của cái hồ lớn để không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, cũng tương tự như thế, tám Trọng Pháp do ta chính vì phòng xa đã quy định cho các tỳ khuru ni cho đến trọn đời không được vi phạm.

### **Dứt Tám Trọng Pháp của các tỳ khuru ni.**

[519] Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã ở đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, con thực hành như thế nào đối với các người nữ dòng Sākya này?

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru ni được tu lên bậc trên với các tỳ khuru.

[520] Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Bà chưa được tu lên bậc trên, và chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: “*Các tỳ khuru ni được tu lên bậc trên với các tỳ khuru.*”

Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Thừa đại đức Ānanda, các tỳ khuru ni này đã nói với tôi như vậy: “*Bà chưa được tu lên bậc trên, và chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: ‘Các tỳ khuru ni được tu lên bậc trên với các tỳ khuru.’*”

Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói như vậy: “*Thừa đại đức Ānanda, các tỳ khuru ni này đã nói với tôi như vậy: ‘Bà chưa được tu lên bậc trên, và chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: ‘Các tỳ khuru ni được tu lên bậc trên với các tỳ khuru.’*”

- Nay Ānanda, kể từ lúc bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, chính việc ấy là đã được tu lên bậc trên đối với bà.

[521] Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Thừa đại đức Ānanda, con cầu xin đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thừa đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp là tính theo thâm niên (yathāvuddham) đối với các tỳ khuru và các tỳ khuru ni.

Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói như vậy: “*Thừa đại đức Ānanda, con cầu xin đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thừa đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các tỳ khuru và các tỳ khuru ni.*”



- Nay Ānanda, việc đức Như Lai có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân là điều không có cơ sở và không hợp lý. Nay Ānanda, bởi vì các ngoại đạo này có kỷ luật không nghiêm khắc còn không thực hành sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân; vậy điều gì khiến Như Lai lại cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân?

Sau đó, đức Thế tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[522] Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, có những điều học của các tỳ khuru ni tương đương với các tỳ khuru, bạch ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?

- Nay Gotamī, có những điều học của các tỳ khuru ni tương đương với các tỳ khuru, các tỳ khuru học tập thế nào các người hãy học tập những điều học ấy như thế.

- Bạch ngài, có những điều học của các tỳ khuru ni không tương đương với các tỳ khuru, bạch ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?

- Nay Gotamī, có những điều học của các tỳ khuru ni không tương đương với các tỳ khuru, các người hãy học tập những điều học ấy như đã được quy định.

[523] Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, lành thay xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng Pháp một cách vắn tắt để con sau khi nghe Pháp của đức Thế Tôn có thể sống một mình, cách ly, không biếng nhác, tinh tấn, có sự quyết tâm.

- Nay Gotamī, bà nên biết rằng các Pháp nào (có đặc tính như vậy): Các pháp này đưa đến tham ái mà không đưa đến ly tham ái, đưa đến sự ràng buộc mà không đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc, đưa đến sự tích lũy mà không đưa đến sự không tích lũy, đưa đến sự ham muốn nhiều mà không đưa đến sự ham muốn ít, đưa đến sự bức bối mà không đưa đến sự hoan hỷ, đưa đến sự tụ hội mà không đưa đến sự đơn độc, đưa đến sự biếng nhác mà không đưa đến sự khởi công tinh tấn, đưa đến sự khó nuôi dưỡng mà không đưa đến sự dễ nuôi dưỡng; nay Gotamī, bà nên xác định dứt khoát rằng: *“Điều này không phải là Pháp, điều này không phải là Luật, điều này không phải là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư.”*

Nay Gotamī, bà nên biết rằng các Pháp nào (có đặc tính như vậy): Các pháp này đưa đến ly tham ái mà không đưa đến tham ái, đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc mà không đưa đến sự ràng buộc, đưa đến sự không tích lũy mà không đưa đến sự tích lũy, đưa đến sự ham muốn ít mà không đưa đến sự ham muốn nhiều, đưa đến sự hoan hỷ mà không đưa đến sự bức bối, đưa đến sự đơn độc mà không đưa đến sự tụ hội, đưa đến sự khởi công tinh tấn mà không đưa đến sự biếng nhác, đưa đến sự dễ nuôi dưỡng mà không đưa đến sự khó nuôi dưỡng; nay Gotamī, bà nên xác định dứt khoát rằng: *“Điều này là Pháp, điều này là Luật, điều này là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư.”*

[524] Vào lúc bấy giờ, giới bốn *Pātimokkha* không được đọc tụng cho các tỳ khuru ni. ... (như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn, ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru ni.

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: *“Ai sẽ đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ khuru ni?”* Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru ni.

[525] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đi đến chỗ ngụ của các tỳ khuru ni và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này.

Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru ni; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru ni đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru ni.

Các tỳ khuru ni không biết: “*Giới bốn Pātimokkha nên được đọc tụng như vậy.*” ...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru chỉ dẫn các tỳ khuru ni: “*Các vị nên đọc tụng giới bốn Pātimokkha như vậy.*”

[526] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni không sám hối tội. ...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên không sám hối tội; vị ni nào không sám hối thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Các tỳ khuru ni không biết: “*Tội nên được sám hối như vậy.*” ...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru chỉ dẫn các tỳ khuru ni: “*Các vị nên sám hối tội như vậy.*”

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Ai sẽ ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni?*” ...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni.

[527] Vào lúc bấy giờ, khi nhìn thấy vị tỳ khuru trên đường đi, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các tỳ khuru ni để xuống bình bát trên mặt đất, đập thưng y một bên vai, ngồi chồm hồm, chấp tay lên, rồi sám hối tội. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Hồi hôm họ đã gây gỗ nên giờ xin lỗi.

...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru không nên ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni; vị nào ghi nhận thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru ni ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni.

Các tỳ khuru ni không biết: “*Tội sẽ được ghi nhận như vậy.*” ...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru chỉ dẫn các tỳ khuru ni: “*Các vị nên ghi nhận tội như vậy.*”

[528] Vào lúc bảy giờ, hành sự cho các tỳ khuru ni đã không được thực thi. ...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni.

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Ai sẽ thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni?*” Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni.

[529] Vào lúc bảy giờ, khi gặp vị tỳ khuru trên đường đi, ở ngã cụt, nơi giao lộ, các tỳ khuru ni có hành sự đã được hoàn tất để xuống bình bát trên mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, bày tỏ sự hối lỗi, trong khi nghĩ rằng: “*Chắc là nên được thực hiện như vậy.*” Cũng y như thế, dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Hồi hôm họ đã gây gỗ nên giờ xin lỗi.

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru không nên thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni; vị nào thực thi thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru ni thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni.

Các tỳ khuru ni không biết: “*Hành sự sẽ được thực thi như vậy.*” Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru chỉ dẫn các tỳ khuru ni: “*Các vị nên thực thi hành sự như vậy.*”

[530] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni sinh hoạt trong hội chúng đã nảy sinh ra xung đột, đã nảy sinh ra gây gổ, đã đưa đến tranh cãi, trong khi làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí mồm miệng, họ không thể làm lắng dịu sự tranh tụng ấy. ...(như trên)... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru làm lắng dịu sự tranh tụng của các tỳ khuru ni.

[531] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru làm lắng dịu sự tranh tụng của các tỳ khuru ni. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được xét xử, các vị được biết rằng các tỳ khuru ni cần thiết cho hành sự cũng có vi phạm tội. Các tỳ khuru ni đã nói như vậy:

- Thừa các đại đức, tốt lành thay chính các ngài đại đức hãy thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni, chính các ngài đại đức hãy ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: “*Các tỳ khuru nên làm lắng dịu sự tranh tụng của các tỳ khuru ni.*”

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru xác định hành sự của các tỳ khuru ni rồi bàn giao lại cho các tỳ khuru ni, và các tỳ khuru ni được thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni; (cho phép) các tỳ khuru xác định tội của các tỳ khuru ni rồi bàn giao lại cho các tỳ khuru ni, và các tỳ khuru ni được ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni.

[532] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni học trò của tỳ khuru ni Uppalavannā trong khi học tập về Luật đã theo đức Thế tôn bảy năm. Cô ấy có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Rồi vị tỳ khuru ni ấy đã nghe rằng: “*Nghe nói đức Thế Tôn có ý định đi đến thành Sāvattthi.*” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã khởi ý điều này: “*Trong khi học tập về Luật, ta đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Ta có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Thật khó khăn cho người nữ để đi theo bậc Đạo Sư cho đến trọn đời; vậy ta nên thực hành như thế nào?*” Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

Các tỳ khuru ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru giảng về Luật cho các tỳ khuru ni.

### **Dứt tụng phẩm thứ nhất.**

[533] Sau đó, đức Thế Tôn khi đã đi đũa ngự tại Vesāli theo như ý thích đã lên đường du hành về phía thành Sāvatti. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvatti. Tại nơi đó trong thành Sāvatti, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), tu viện của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “*Để các ni có thể chú ý đến chúng ta.*” ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru không nên rắc nước bùn lên các tỳ khuru ni; vị nào rắc thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi hành phạt đối với vị tỳ khuru ấy.

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Hành phạt gì nên được thực thi?*” Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, hội chúng tỳ khuru ni không cần thực hiện việc đánh lễ đối với vị tỳ khuru ấy.

[534] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ khuru ni thấy, vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ khuru ni thấy, vén hở chỗ kín rồi chỉ cho các tỳ khuru ni thấy, trò chuyện với các tỳ khuru ni, giao lưu với các tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “*Để các ni có thể chú ý đến chúng ta.*” ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru không nên vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ khuru ni thấy, không nên vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ khuru ni thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi chỉ cho các tỳ khuru ni thấy, không nên trò chuyện với các tỳ khuru ni, không nên giao lưu với các tỳ khuru ni; vị nào giao lưu thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi hành phạt đối với vị tỳ khuru ấy.

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Hành phạt gì nên được thực thi?*” Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, hội chúng tỳ khuru ni không cần thực hiện việc đánh lễ đối với vị tỳ khuru ấy.

[535] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các tỳ khuru (nghĩ rằng): “*Để các vị có thể chú ý đến chúng ta.*” Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên rắc nước bùn lên các tỳ khuru; vị ni nào rắc thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi hành phạt đối với tỳ khuru ni ấy.

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Hành phạt gì nên được thực thi?*” Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi việc ngăn cấm (đi vào trú xứ của tỳ khuru).

Khi việc ngăn cấm được thực thi, họ không chấp hành. Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.

[536] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, vén hở ngực rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, vén hở chỗ kín rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, trò chuyện với các tỳ khuru, giao lưu với các tỳ khuru (nghĩ rằng): “*Để các vị có thể chú ý đến chúng ta.*” ...(như trên).... Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)....

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, không nên vén hở ngực rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, không nên vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi chỉ cho các tỳ khuru thấy, không nên trò chuyện với các tỳ khuru, không nên giao lưu với các tỳ khuru; vị ni nào giao lưu thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi hành phạt đối với vị tỳ khuru ni ấy.

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Hành phạt gì nên được thực thi?*” Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi việc ngăn cấm (đi vào trú xứ của tỳ khuru).

Khi việc ngăn cấm được thực thi, họ không chấp hành. Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.

[537] Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “*Lễ Uposatha được phép thực hiện với tỳ khuru ni bị đình chỉ giáo giới hay không được phép?*” Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, lễ *Uposatha* không nên thực hiện với tỳ khuru ni bị đình chỉ giáo giới cho đến khi nào sự tranh tụng ấy chưa được giải quyết.

[538] Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới đã ra đi du hành. Các tỳ khuru ni phản nản, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ngài đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới lại ra đi du hành?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, sau khi đình chỉ việc giáo giới rồi không nên ra đi du hành; vị nào ra đi thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[539] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ngu dốt không có kinh nghiệm đình chỉ việc giáo giới. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, việc giáo giới không nên bị đình chỉ bởi vị ngu dốt, không có kinh nghiệm; vị nào đình chỉ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[540] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đình chỉ việc giáo giới không có sự việc, không có nguyên do. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, việc giáo giới không nên bị đình chỉ không có sự việc, không có nguyên do; vị nào đình chỉ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[541] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sau khi đình chỉ việc giáo giới không tuyên bố quyết định. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...



- Nay các tỳ khuru, sau khi đình chỉ việc giáo giới, không nên không tuyên bố quyết định; vị nào không tuyên bố thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[542] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni không đi (để nghe) giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên không đi (để nghe) giáo giới; vị ni nào không đi nên được hành xử theo Pháp.<sup>48</sup>

[543] Vào lúc bảy giờ, toàn bộ hội chúng tỳ khuru ni đều đi (để nghe) giáo giới. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên đi (để nghe) giáo giới toàn bộ hội chúng tỳ khuru ni. Nếu đi thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép đi (để nghe) giáo giới bốn hay năm tỳ khuru ni.

[544] Vào lúc bảy giờ, bốn hay năm tỳ khuru ni đi (để nghe) giáo giới. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai y như thế:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên đi (để nghe) giáo giới bốn hay năm tỳ khuru ni. Nếu đi thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép đi (để nghe) giáo giới hai hay ba tỳ khuru ni.

Nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, rồi nên nói như vậy: “*Thưa ngài đại đức, hội chúng tỳ khuru ni đánh lễ ở chân của hội chúng tỳ khuru và cầu xin việc đến gần (để nghe) giáo giới. Thưa ngài, xin ban cho hội chúng tỳ khuru ni việc đến gần (để nghe) giáo giới.*”

Vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* và nên nói như vậy: “*Thưa ngài, hội chúng tỳ khuru ni đánh lễ ở chân của hội chúng tỳ*

*khuru và cầu xin việc đến gần (để nghe) giáo giới. Thưa ngài, xin ban cho hội chúng tỳ khuru ni việc đến gần (để nghe) giáo giới.”*

Vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: “*Có vị tỳ khuru nào đó đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni?*” Nếu có vị tỳ khuru nào đó đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni, vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: “*Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni, hội chúng tỳ khuru ni hãy đi đến gặp vị ấy.*” Nếu không có vị tỳ khuru nào đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni, vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: “*Vị đại đức nào đủ khả năng để giáo giới tỳ khuru ni?*” Nếu có vị nào đó đủ khả năng để giáo giới tỳ khuru ni và vị ấy hội đủ tám điều kiện, sau khi chỉ định xong nên nói rằng: “*Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni, hội chúng tỳ khuru ni hãy đi đến gặp vị ấy.*” Nếu không có vị nào đủ khả năng để giáo giới tỳ khuru ni, vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: “*Không có tỳ khuru nào được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni, mong rằng hội chúng tỳ khuru ni có được sự hoan hỷ.*”

[545] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru không nhận lãnh việc giáo giới. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không thể không nhận lãnh việc giáo giới; vị nào không nhận lãnh thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

[546] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ là ngu dốt. Các tỳ khuru ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

- Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.

- Nay các chị gái, bởi vì tôi ngu dốt, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

- Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: “*Các tỳ khuru nên nhận lãnh việc giáo giới cho các tỳ khuru ni.*”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

[547] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh. Các tỳ khuru ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

- Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.
- Này các chị gái, bởi vì tôi bị bệnh, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?
- Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: *“Trừ ra vị ngu dốt, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.”*

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

[548] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ là vị xuất hành. Các tỳ khuru ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

- Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.
- Này các chị gái, bởi vì tôi là vị xuất hành, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?
- Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: *“Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.”*

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khuru, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

[549] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ cư ngụ ở trong rừng. Các tỳ khuru ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này:

- Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.
- Này các chị gái, bởi tôi cư ngụ ở trong rừng, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

- Thừa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: “*Trừ ra vị ngu đốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.*”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru là vị ngu ở rừng nhận lãnh việc giáo giới và (cho phép) quy định điểm hẹn: “*Tôi sẽ thực hiện ở chỗ này.*”

[550] Vào lúc bảy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru không thông báo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, không thể không thông báo việc giáo giới; vị nào không thông báo thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

[551] Vào lúc bảy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru không thực hiện (*paccāharati*). ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, việc giáo giới không thể không thực hiện; vị nào không thực hiện thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

[552] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni không đi đến điểm hẹn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không thể không đi đến điểm hẹn; vị ni nào không đi thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

[553] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni mang dây buộc thân loại dài và buộc thành dải tua với chúng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên mang dây buộc thân loại dài; vị ni nào mang thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru ni (sử dụng) dây buộc thân được thực hiện một vòng, và không nên buộc thành dải tua với nó; vị ni nào buộc thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[554] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni buộc (dây thắt lưng) thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, buộc thành dải tua bằng sợi da thú, buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, buộc thành dải tua bằng sợi vải coļa, buộc thành dải tua bằng vải coļa tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải coļa thắt bím, buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên buộc (dây thắt lưng) thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, không nên buộc thành dải tua bằng sợi da thú, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải coļa, không nên buộc thành dải tua bằng vải coļa tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải coļa thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím; vị ni nào buộc thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[555] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni bảo chà xát vùng hông với khúc xương đùi, bảo xoa bóp vùng hông với xương hàm con bò, bảo xoa bóp bàn tay, bảo xoa bóp mu bàn tay, bảo xoa bóp bàn chân, bảo xoa bóp mu bàn chân, bảo xoa bóp đùi, bảo xoa bóp mặt, bảo xoa bóp nướu răng.

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên bảo chà xát vùng hông với khúc xương đùi, không nên bảo xoa bóp vùng hông với xương hàm con bò, không nên bảo xoa bóp bàn tay, không nên bảo xoa bóp mu bàn tay, không nên bảo xoa bóp bàn chân, không nên bảo xoa bóp mu bàn chân, không nên bảo xoa bóp đùi, không nên bảo xoa bóp mặt, không nên bảo xoa bóp nướu răng; vị ni nào bảo xoa bóp thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[556] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư thoa dầu ở mặt, chà xát mặt, đánh phấn ở mặt, đắp mặt bằng phấn đỏ, tô màu ở cơ thể, tô màu ở mặt, tô màu ở mặt và ở cơ thể. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên thoa dầu ở mặt, không nên chà xát mặt, không nên đánh phấn ở mặt, không nên đắp mặt bằng phấn đỏ, không nên tô màu ở cơ thể, không nên tô màu ở mặt, không nên tô màu ở mặt và ở cơ thể; vị ni nào làm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[557] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, nhìn qua cửa sổ (xuống đường phố), đứng tựa cửa lớn (khoe phần thân trên), bảo nhảy múa, hỗ trợ gái điếm, lập quán bán rượu, lập tiệm bán thịt, trưng bày cửa hiệu, tiến hành việc cho vay lấy lãi, tiến hành việc thương mãi, nuôi tôi trai, nuôi tớ gái, nuôi trai làm mướn, nuôi gái làm thuê, nuôi thú vật, buôn bán rau xanh, mang mảnh da mài dao cạo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên kẻ mí mắt, không nên làm dấu ở trán, không nên nhìn qua cửa sổ (xuống đường phố), không nên đứng tựa cửa lớn (khoe phần thân trên), không nên bảo nhảy múa, không nên hỗ trợ gái điếm, không nên lập quán bán rượu, không nên lập tiệm bán thịt, không nên trưng bày cửa hiệu, không nên tiến hành việc cho vay lấy lãi, không nên tiến hành việc thương mãi, không nên nuôi tôi trai, không nên nuôi tớ gái, không nên nuôi trai làm mướn, không nên nuôi gái làm thuê, không nên nuôi thú vật, không nên buôn bán rau xanh, không nên mang mảnh da mài dao cạo; vị ni nào mang thì phạm tội *dukkata*(tác ác).

[558] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh đậm, mặc các y toàn màu vàng, mặc các y toàn màu đỏ, mặc các y toàn màu đỏ sậm, mặc các y toàn màu đen, mặc các y nhuộm toàn màu nổi bật (*mahāraṅga*), mặc các y nhuộm toàn màu sáng chói (*mahānāma*)<sup>49</sup>, mặc các y không cắt đường viền, mặc các y có đường viền rộng, mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, mặc các y có đường viền có vẽ trái cây, mặc áo choàng,

mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên mặc các y toàn màu xanh đậm, không nên mặc các y toàn màu vàng, không nên mặc các y toàn màu đỏ, không nên mặc các y toàn màu đỏ sậm, không nên mặc các y toàn màu đen, không nên mặc các y nhuộm toàn màu nổi bật, không nên mặc các y nhuộm toàn màu sáng chói, không nên mặc các y không cắt đường viền, không nên mặc các y có đường viền rộng, không nên mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, không nên mặc các y có đường viền có vẽ trái cây, không nên mặc áo choàng ngắn, không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây; vị ni nào mặc thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[559] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ trong khi lâm chung đã nói như vậy:

- Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng.

Ở nơi ấy, các tỳ khuru và các tỳ khuru ni tranh cãi rằng:

- Thuộc về chúng tôi, thuộc về chúng tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ni trong trong khi lâm chung nói như vậy: “*Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,*” trong trường hợp này, hội chúng tỳ khuru không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ khuru ni.

Này các tỳ khuru, nếu vị tu ni tập sự (*sikkhamānā*), ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu vị sa di ni trong khi lâm chung nói như vậy: “*Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,*” trong trường hợp này, hội chúng tỳ khuru không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ khuru ni.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru trong khi lâm chung nói như vậy: “*Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,*” trong trường hợp này, hội chúng tỳ khuru ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ khuru.

Này các tỳ khuru, nếu vị sa di, ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu nam cư sĩ, ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu người nữ cư sĩ, ...(như trên)...

Này các tỳ khuru, nếu người nào khác trong khi lâm chung nói như vậy: “*Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,*” trong trường hợp này, hội chúng tỳ khuru ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ khuru.

[560] Vào lúc bảy giờ, có phụ nữ nọ trước đây là người xứ Malla đã xuất gia nơi các tỳ khuru ni. Cô ni ấy sau khi gặp vị tỳ khuru yếu đuối trên đường đã cho cái thúc bằng bả vai khiến cho té nhào. Các tỳ khuru phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao tỳ khuru ni lại cho vị tỳ khuru cái thúc?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên cho vị tỳ khuru cái thúc; vị ni nào cho thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Này các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru ni bước sang (một bên) nhường lối đi khi nhìn thấy vị tỳ khuru, ngay khi (vị ấy) còn ở đằng xa.

[561] Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ khi chồng đi vắng bị có thai với tình nhân. Cô ấy đã làm cho sảy thai rồi đã nói với vị tỳ khuru ni quen thuộc điều này:

- Thưa ni sư, xin hãy dùng bình bát mang đi cái bào thai này.

Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã bỏ cái bào thai ấy vào trong bình bát, che kín bằng y hai lớp, rồi ra đi. Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đi khát thực đã lập dự tính rằng: “*Khi phần vật thực ta thọ lãnh đầu tiên chưa được dâng đến vị tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni thì ta chưa thọ thực.*” Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã nhìn thấy vị tỳ khuru ni ấy và đã nói điều này:



- Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

- Thưa ngài, thôi đi.

Đến lần thứ nhì, vị tỳ khuru ấy đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này:

- Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

- Thưa ngài, thôi đi.

Đến lần thứ ba, vị tỳ khuru ấy đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này:

- Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

- Thưa ngài, thôi đi.

- Này chị gái, tôi đã lập dự tính rằng: “*Khi phần vật thực ta thọ lãnh đầu tiên chưa được dâng đến vị tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni thì ta chưa thọ thực.*” Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.

Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy trong lúc bị quấy rầy bởi vị tỳ khuru ấy đã đưa bình bát ra cho thấy:

- Thưa ngài, hãy xem cái bào thai trong bình bát nè, nhưng đừng có nói với ai cả.

Khi ấy, vị tỳ khuru ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao tỳ khuru ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vậy?

Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ khuru ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên dùng bình bát mang đi bào thai; vị ni nào mang đi thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Này các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru ni khi gặp vị tỳ khuru thì lấy ra đưa cho xem bình bát.

[562] Vào lúc bấy giờ, khi gặp vị tỳ khuru các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lật úp (bình bát) lại và cho xem phần dưới của bình bát. Các tỳ khuru phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao khi gặp vị tỳ khuru các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lật úp (bình bát) lại và cho xem phần dưới của bình bát?

Sau đó, các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khuru, khi gặp vị tỳ khuru tỳ khuru ni không nên lật úp (bình bát) lại và cho xem phần dưới của bình bát; vị nào cho xem thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, khi gặp vị tỳ khuru ta cho phép tỳ khuru ni lật ngửa bình bát rồi đưa cho xem. Và vật thực nào có trong bình bát, nên thỉnh mời vị tỳ khuru bằng vật ấy.

[563] Vào lúc bấy giờ, trên đường phố ở thành Sāvatti có vật biểu tượng nam tánh bị quăng bỏ. Các tỳ khuru ni đã nhìn chăm chú vào vật ấy. Dân chúng đã cười rộ lên. Các tỳ khuru ni ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến ni viện và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru ni lại nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh?

Sau đó, các vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh; vị nào nhìn chăm chú thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[564] Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru cho đến các tỳ khuru ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các ngài đại đức lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân, không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị nào cho thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[565] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cúng dường đến hội chúng.

Sự dồi dào lại còn nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bố thí ngay cả vật dành riêng cho cá nhân.

[566] Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các tỳ khuru được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ kheo, các tỳ khuru ni nhận lãnh vật tích trữ của các tỳ khuru rồi thọ dụng.

[567] Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni cho đến các tỳ khuru. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khuru ni lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân? Không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị ni nào cho thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[568] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cúng dường đến hội chúng.

Sự dồi dào lại còn nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép bố thí ngay cả vật dành riêng cho cá nhân.

[569] Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các tỳ khuru ni được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru, các tỳ khuru ni thọ lãnh vật tích trữ của các tỳ khuru ni rồi thọ dụng.

[570] Vào lúc bấy giờ, sàng tọa của các tỳ khuru thì dồi dào, sàng tọa của các tỳ khuru ni thì không có. Các tỳ khuru ni đã gửi sứ giả đến gặp các tỳ khuru:

- Thưa các ngài, lành thay các ngài hãy trao sàng tọa cho chúng tôi trong một thời gian.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trao sàng tọa cho các tỳ khuru ni trong một thời gian.

[571] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni có kinh nguyệt ngồi và nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm. Chỗ nằm ngồi bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni không nên ngồi hoặc nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm; vị ni nào ngồi hoặc nằm thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) y nội trợ (*āvasathacīvaram*).

Y nội trợ bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) kim gài và mảnh vải (*añicol,akam*).

Mảnh vải bị rơi xuống Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép khâu lại bằng chỉ và buộc ở đùi.

Chỉ bị đứt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) khổ (*saṃvelliyaṃ*) là băng vải buộc ở hông (*kaṭisuttakaṃ*).

[572] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư mang băng vải buộc ở hông một cách thường xuyên. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên mang băng vải buộc ở hông một cách thường xuyên; vị ni nào mang thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) băng vải buộc ở hông đối với vị ni có kinh nguyệt.

### **Dứt tụng phẩm thứ hai.**

[573] Vào lúc bấy giờ, các người nữ đã tu lên bậc trên có dáng vẻ: không có hiện tướng (người nữ), không có đủ hiện tướng (người nữ), không có kinh nguyệt (*alohitā*), bị băng huyết (*dhuvalohitā*), thường xuyên mang vải lót (*dhuvacoḷā*), bị rong kinh (*paggharantī*), bị dị căn (*sikharinī*), người nữ vô căn (*itthipaṇḍakā*), bị lại đực (*vepurisikā*), tiêu tiêu chung một khiêu (*sambhinnā*), người nữ lưỡng căn (*ubhatobyañjanā*). ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép hỏi hai mươi bốn pháp chương ngại trong khi cho tu lên bậc trên. Và nay các tỳ khuru, nên hỏi như vậy: “*Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có đủ hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiêu chung một khiêu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có bị các bệnh như thế này hay không: bệnh cùi (kuṭṭham)? bệnh mụn nhọt (gaṇḍo)? bệnh chàm (kilāso)? bệnh lao phổi (soso)? bệnh động kinh (apamāro)? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do (không phải nô lệ)? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ (pavattinī) tên gì?”*

[574] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru hỏi các pháp chương ngại của các tỳ khuru ni. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép người nữ tu lên bậc trên từ một phía, sau khi được trong sạch ở hội chúng tỳ khuru ni rồi được tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khuru.

[575] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni hỏi các pháp chương ngại đến các cô có ý muốn tu lên bậc trên chưa được học tập. Các cô có ý muốn tu lên bậc

trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép giảng giải trước rồi hỏi các pháp chương ngại sau.

Các vị đã giảng giải ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép giảng giải ở một góc rồi hỏi các pháp chương ngại ở giữa hội chúng. Và này các tỳ khuru, nên giảng giải như vậy: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tế độ rồi nên chỉ y bát: *“Đây là bình bát của cô, đây là y hai lớp (saṅghāṭi), đây là thượng y, đây là y nội, đây là áo lót, đây là vải choàng tắm. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đằng kia.”*

Các vị ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm giảng giải. Được giảng giải tòi, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vị ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm không nên giảng giải; vị ni nào giảng giải thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực được giảng giải.

Những vị ni chưa được chỉ định giảng giải. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vị ni chưa được chỉ định không nên giảng giải; vị ni nào giảng giải thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép vị ni đã được chỉ định được giảng giải. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

[576] Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng giải cho cô ni tên (như vậy).”*

Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

[577] Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị ni tên (như vậy) sẽ giảng giải cho cô ni tên (như vậy).”*

Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

[578] Vị tỳ khưu ni đã được chỉ định ấy nên đi đến gần cô có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vậy:

- Này cô tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: “*Đúng;*” nếu không đúng, nên nói: “*Không đúng.*” Không nên bối rối, không nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi cô như vậy: “*Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có đủ hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người người nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiêu chung một khiếu? Cô không phải là người người nữ lưỡng căn? Cô có bị các bệnh như thế này hay không: Bệnh cùi? Bệnh mụn nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do (không phải nô lệ)? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gì?*

Họ đi đến chung (cùng một lúc). ...(như trên)...

- ...(như trên)... Không nên đi đến chung (cùng một lúc). Vị ni giảng giải nên đi đến trước và thông báo đến hội chúng:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã giảng giải cho cô ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, cô tên (như vậy) nên đi đến.”*

Và nên nói rằng: “*Cô hãy đi đến.*”

(Cô ấy) nên đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên cầu xin sự tu lên bậc trên:

*“Bạch chư đại đức ni, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư đại đức ni, lần thứ nhì tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư đại đức ni, lần thứ ba tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót.”*

Hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi các pháp chương ngại của cô ni tên (như vậy).”*

*“Này cô tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: ‘Đúng;’ nếu không đúng, nên nói: ‘Không đúng.’ Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có đủ hiện tướng (người nữ)? ... (như trên) ... Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gì?”*

Hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô ta có đầy đủ y bát. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô ta có đầy đủ y bát. Cô ni tên (như vậy)*



*cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô ta có đầy đủ y bát. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[579] Ngay sau khi hoàn tất việc ấy, (cô ni ấy) nên đi đến hội chúng tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên cầu xin sự tu lên bậc trên:

*“Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Bạch chư đại đức, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót.*

*Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Bạch chư đại đức, lần thứ nhì tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót.*

*Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Bạch chư đại đức, lần thứ ba tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót.”*

[580] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[581] Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày (giờ) nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các tỳ khuru ni nên được nói rằng:

- Nên chỉ dạy cô ni này ba điều nương nhờ<sup>50</sup> và tám điều không nên làm<sup>51</sup>

[582] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni trong khi xác định chỗ ngồi trong nhà ăn đã bị quá giờ (thọ thực). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (chỗ ngồi) của tám tỳ khuru ni tính theo thâm niên, (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến.

[583] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cho phép (chỗ ngồi) của tám tỳ khuru ni tính theo thâm niên, (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến” nên ở khắp mọi nơi chừa lại đúng tám chỗ cho các tỳ khuru ni tính theo thâm niên, các chỗ còn lại thì theo thứ tự đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép trong nhà ăn (chỗ ngồi của) tám tỳ khuru ni tính theo thâm niên và (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến, còn ở những nơi khác không nên chừa lại theo thứ tự thâm niên; vị nào chừa lại thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[584] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni không hành lễ *Pavāraṇā* (Tự Tứ). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên không hành lễ *Pavāraṇā*; vị ni nào không hành lễ *Pavāraṇā* nên được hành xử theo Pháp.<sup>52</sup>

[585] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni sau khi hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khuru ni rồi không hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khuru. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni sau khi hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khuru ni rồi không nên không hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khuru; vị ni nào không hành lễ *Pavāraṇā* nên được hành xử theo Pháp.

[586] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni trong khi hành lễ *Pavāraṇā* chỉ một phía với các tỳ khuru đã tạo nên sự xáo trộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên hành lễ *Pavāraṇā* chỉ một phía với các tỳ khuru; vị ni nào hành lễ *Pavāraṇā* (chỉ một phía) thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[587] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni trong khi hành lễ *Pavāraṇā* trước bữa thọ trai nên đã bị quá giờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru ni hành lễ *Pavāraṇā* sau bữa thọ trai.

Sau bữa thọ trai, các vị trong khi còn hành lễ *Pavāraṇā* đã bị trời tối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khuru ni ngày hôm nay và hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khuru vào ngày kế.

[588] Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng tỳ khuru ni trong lúc hành lễ *Pavāraṇā* đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định một vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm đủ năng lực để thỉnh cầu hội chúng tỳ khuru vì lợi ích của hội chúng tỳ khuru ni. Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ khuru ni nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) để thỉnh cầu hội chúng tỳ khuru vì lợi ích của hội chúng tỳ khuru ni. Đây là lời đề nghị.”*

*Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) để thỉnh cầu hội chúng tỳ khuru vì lợi ích của hội chúng tỳ khuru ni. Đại đức ni nào đồng ý việc chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) để thỉnh cầu hội chúng tỳ khuru vì lợi ích của hội chúng tỳ khuru ni xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định để thỉnh cầu hội chúng tỳ khuru vì lợi ích của hội chúng tỳ khuru ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[589] Vị tỳ khuru ni đã được chỉ định ấy nên đưa hội chúng tỳ khuru ni đi đến gặp hội chúng tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru, ngồi chồm hỏm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, hội chúng tỳ khuru ni xin thỉnh cầu hội chúng tỳ khuru. Bạch các ngài, do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ, bởi lòng thương xót đối với hội chúng tỳ khuru ni xin hội chúng tỳ khuru hãy nói lên; khi thấy (lỗi) rồi sẽ sửa đổi.”*

*Đến lần thứ nhì, bạch các ngài ... (như trên) ...*

*Đến lần thứ ba, bạch các ngài, hội chúng tỳ khuru ni xin thỉnh cầu hội chúng tỳ khuru. Bạch các ngài, do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ, bởi lòng thương xót đối với hội chúng tỳ khuru ni xin hội chúng tỳ khuru hãy nói lên; khi thấy (lỗi) rồi sẽ sửa đổi.”*

[590] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, ban hành mệnh lệnh, thiết lập quyền hạn, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở đối với các tỳ khuru. ... (như trên) ... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên đình chỉ lễ *Uposatha* của tỳ khuru, dầu đã bị đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị ni đình chỉ phạm tội *dukkata* (tác ác). Không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, dầu đã bị đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị ni đình chỉ phạm tội *dukkata* (tác ác). Không nên ban hành mệnh lệnh, dầu đã ban hành cũng như không ban hành; vị ni ban hành phạm tội *dukkata* (tác ác). Không nên thiết lập quyền hạn, dầu đã được thiết lập cũng như không được thiết lập; vị ni thiết lập phạm tội *dukkata* (tác ác). Không nên thỉnh ý (để buộc tội), dầu đã được thực hiện cũng như không được thực hiện, vị ni thực hiện phạm tội *dukkata* (tác ác). Không nên quở trách, dầu đã quở trách cũng như không quở trách, vị ni quở trách phạm tội *dukkata* (tác ác). Không nên nhắc nhở, dầu đã nhắc nhở cũng như không nhắc nhở, vị ni nhắc nhở phạm tội *dukkata* (tác ác).

[591] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đình chỉ lễ *Uposatha* đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, ban hành mệnh lệnh, thiết lập quyền hạn, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở đối với các tỳ khuru ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép tỳ khuru được đình chỉ lễ *Uposatha* của tỳ khuru ni, khi đã được đình chỉ thì đã được đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được đình chỉ lễ *Pavāraṇā*; khi đã được đình chỉ thì đã được đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được ban hành mệnh lệnh, khi đã được ban hành thì đã được ban hành đúng đắn; vị ban hành vô tội. Được thiết lập quyền hạn, khi đã được thiết lập thì đã được thiết lập đúng đắn; vị thiết lập vô tội. Được thỉnh ý (để buộc tội), khi đã được thực hiện thì đã được thực hiện đúng đắn; vị thực hiện vô tội. Được quở trách, khi đã quở trách thì đã quở trách đúng đắn; vị quở trách vô tội. Được nhắc nhở, khi đã nhắc nhở thì đã nhắc nhở đúng đắn; vị nhắc nhở vô tội.

[592] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi bò cái với con bò đực ở giữa, hoặc được kéo bởi bò đực với con bò cái ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như lễ hội ở vùng Gaṅgā và Mahī vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên di chuyển bằng xe; vị ni nào di chuyển nên được hành xử theo Pháp.<sup>53</sup>

[593] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ bị bệnh, không thể bước đi bằng chân được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) xe đối với vị tỳ khuru ni bị bệnh.

Khi ấy, các tỳ khuru ni đã khởi ý điều này: “*Vậy được kéo bởi bò cái? Hay được kéo bởi bò đực?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) toa xe được kéo bởi bò cái hoặc được kéo bởi bò đực.

[594] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ đã bị khó chịu dữ dội vì xe bị dẫn xóc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) kiệu khiêng, ghé khiêng.

[595] Vào lúc bấy giờ, cô kỹ nữ Aḍḍhakāsī đã xuất gia nơi các tỳ khuru ni. Và cô ấy có ý định đi đến Sāvatti: “*Ta sẽ tu lên bậc trên với đức Thế Tôn.*” Những kẻ bất lương đã nghe rằng: “*Nghe nói kỹ nữ Aḍḍhakāsī có ý định đi đến Sāvatti.*” Bọn họ đã bao vây các ngõ đường. Cô kỹ nữ Aḍḍhakāsī đã nghe rằng: “*Nghe nói những kẻ bất lương đã bao vây các ngõ đường*” nên đã phái sứ giả đến gặp đức Thế Tôn (thưa rằng): “*Bởi vì con có ước muốn tu lên bậc trên, con nên tiến hành như thế nào?*” Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện.

Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là tỳ khuru. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là tỳ khuru; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô ni tu tập sự (*sikkhamānā*) ... (như trên)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là sa di ... (như trên)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là sa di ni ... (như trên)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm.

- Nay các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực.

Vị tỳ khuru ni đại diện ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru, ngồi chồm hỏm, chấp tay lên, rồi nên nói như vậy:

*“Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.*

*Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ nhì cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.*

*Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ni không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ ba cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.”*

[596] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ*

*một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...*

*Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ta đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khuru ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày (giờ) nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các tỳ khuru ni nên được nói rằng:

- Hãy chỉ dạy cô ni này ba điều nương nhờ và tám điều không nên làm.

[597] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni cư ngụ ở trong rừng. Những kẻ bắt lương làm hỗn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.



- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên cư ngụ ở trong rừng; vị ni nào cư ngụ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[598] Vào lúc bảy giờ, kho chứa đồ đạc đã được nam cư sĩ nọ cúng dường đến hội chúng tỳ khuru ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (cư ngụ ở) kho chứa đồ đạc.

Kho chứa đồ không đáp ứng (nhu cầu). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) căn nhà.

Căn nhà không đáp ứng (nhu cầu). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép (xây dựng) công trình mới.

Công trình mới không đáp ứng (nhu cầu). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép xây dựng theo cá nhân.

[599] Vào lúc bảy giờ, có phụ nữ mang thai nọ được xuất gia nơi các tỳ khuru ni. Khi cô ấy đã xuất gia, cái thai đã chào đời. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã khởi ý điều này: “*Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép nuôi dưỡng cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết.<sup>54</sup>

Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã khởi ý điều này: “*Ta không thể sống mỗi một mình, và tỳ khuru ni khác không thể sống với đứa bé trai, vậy ta nên thực hành như thế nào?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định một tỳ khuru ni và cho làm người cộng sự với tỳ khuru ni kia. Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ khuru ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý sự chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

Khi ấy, tỳ khuru ni cộng sự ấy đã khởi ý điều này: *“Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?”* Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực hành liên quan đến đứa bé trai này tương tự như là thực hành liên quan đến người đàn ông khác ngoài trừ việc ngụ chung nhà.

[600] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ bị phạm tội nặng và là vị đang thực hành hành phật *mānatta*. Khi ấy, tỳ khuru ni ấy đã khởi ý điều này: *“Ta không thể sống mỗi một mình, và vị tỳ khuru ni khác không thể sống với ta, vậy ta nên thực hành như thế nào?”* Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định một tỳ khuru ni và cho làm người cộng sự với tỳ khuru ni kia. Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ khuru ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm đủ năng lực:

*“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

*Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý việc chỉ định tỳ khuru ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.*

*Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với tỳ khuru ni tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

[601] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ đã hoàn tục khi chưa xả bỏ sự học tập. Cô ấy đã quay trở lại và cầu xin các tỳ khuru ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, không có việc xả bỏ sự học tập đối với tỳ khuru ni; chính khi cô ta bỏ đi thì khi ấy cô ta không còn là tỳ khuru ni nữa.

[602] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ vẫn mang y ca-sa đã chuyển sang sinh hoạt trong khu vực của ngoại đạo. Cô ấy đã quay trở lại và cầu xin các tỳ khuru ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni nào mang y ca-sa chuyển sang sinh hoạt trong khu vực của ngoại đạo, khi cô ấy quay trở lại thì không nên cho tu lên bậc trên nữa.<sup>55</sup>

[603] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni do ngại ngùng nên không thừa nhận việc đánh lễ, việc cạo tóc, việc cắt móng, việc băng bó vết thương bởi những người đàn ông. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép thừa nhận (những việc ấy).

[604] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni ngồi kiết già thỏa thích với sự xúc chạm ở gót chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên ngồi kiết già; vị ni nào ngồi thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[605] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ bị bệnh. Không xếp chân thế kiết già, vị ni ấy không được an lạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép thế bán già đối với tỳ khuru ni.

[606] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni đại tiện ở nhà vệ sinh. Các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư trực bào thai ngay tại chỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên thực hiện việc đại tiện ở trong nhà vệ sinh; vị ni nào thực hiện thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện việc đại tiện ở chỗ trống trải phần bên dưới và che kín phần bên trên.

[607] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni tắm với bột phấn thoa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên tắm với bột phấn thoa; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) cám thô và đất sét.

[608] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni tắm với đất sét có mùi thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên tắm với đất sét có mùi thơm; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) đất sét loại bình thường.

[609] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư trong khi tắm ở nhà tắm hơi đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên tắm ở nhà tắm hơi; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[610] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni tắm ở luồng nước chảy. Các vị ni đã thỏa thích với sự xúc chạm của giòng nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên tắm ở luồng nước chảy; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[611] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni tắm ở chỗ không phải là bãi tắm. Những kẻ bất lương làm hỗn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên tắm ở chỗ không phải là bãi tắm; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

[612] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni tắm ở bãi tắm dành cho người nam. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, tỳ khuru ni không nên tắm ở bãi tắm dành cho người nam; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép tắm ở bãi tắm dành cho phụ nữ.

**Dứt tụng phẩm thứ ba.**

**Dứt Chương Tỳ Khuru Ni là chương thứ mười.**

**Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[613]

*Gotamī xin tu,*

*đáng Thiện Thệ không cho,*

*vị Lãnh Đạo đã rời*

*Kapilavatthu*

*đi đến Vesālī.*

*Bà đầy bụi, ở cửa,*

*Ānanda biết đến,*

rồi ngài đã yêu cầu  
bằng cách: “Có khả năng?”  
“Là mẹ,” và “Bảo mẫu.”  
Trăm năm và hôm nay,  
không tỳ khuu, mong mỏi,  
Tự Tử và Trọng Pháp,  
hai năm, không được mắng,  
bị cấm và tám pháp,  
thực hành đến trọn đời,  
việc thọ trì Trọng Pháp,  
chính là việc cho bà  
được tu lên bậc trên.  
Ngàn năm còn năm trăm,  
trộm cướp, bệnh mốc trắng,  
tương tự bệnh rệp cây,  
việc tổn hại Chánh Pháp.  
người cần phải đắp đê,  
tương tự như là việc  
tồn tại của Chánh Pháp.  
Bà được tu bậc trên,  
đánh lễ theo thâm niên.

*không thực hành, tại sao?*

*tương đương, không tương đương,*

*giáo giới và giới bốn,*

*“Ai sẽ đến chỗ ni?”*

*Họ không biết, chỉ dạy,*

*không làm với tỳ khuru,*

*cho phép các tỳ khuru*

*được phép ghi nhận tội,*

*bởi các tỳ khuru ni,*

*việc ghi nhận (được hành).*

*Vị ấy đã chỉ dẫn,*

*hành sự với tỳ khuru,*

*dân chúng thì phàn nàn,*

*hoặc do tỳ khuru ni,*

*được chỉ dạy, xung đột,*

*sau khi bàn giao lại,*

*Uppalavaṇṇā.*

*Ở thành Sāvatti,*

*nước bùn, không đánh lễ,*

*(khoe) thân thể và đùi,*

*chỗ kín, và trò chuyện,*

*họ giao lưu nhóm bạn,  
hành phạt không đánh lễ,  
các vị tỳ khuru ni  
cũng giống y như thế.  
Việc ngăn cấm, giáo giới,  
được phép? Vị bỏ đi,  
ngu dốt, không lý lẽ,  
không tuyên bố quyết định,  
việc giáo giới, hội chúng,  
với năm ni, hai ni,  
ba ni, không thọ lãnh,  
vị dốt, bệnh, ra đi,  
vị ở rừng, không báo,  
và họ không đi đến.  
Dài, tre chẻ, da thú,  
vải dệt, tết đuôi sam,  
sợi vải tết đuôi sam,  
chỉ sợi tết đuôi sam  
và thắt bím, khúc xương,  
và xương hàm con bò,  
phần mu của bàn tay,*



cũng như thế ở chân,  
ở đùi, mặt, nướu răng,  
thoa dầu, xát, đánh phấn,  
đắp mặt, tô cơ thể,  
và tô màu ở mặt,  
như thế ở hai nơi,  
kẻ mí mắt, dấu trán,  
nhìn ra, tựa cửa lớn,  
và việc nhảy múa chung,  
gái điếm, quán bán rượu,  
tiệm bán thịt, bày hàng,  
lấy lãi, làm thương mãi,  
tớ trai, gái, nhân công,  
gái làm thuê nuôi nấng,  
thú vật, rồi buôn bán,  
họ mang vải mài dao.

Màu xanh đậm, vàng, đỏ,  
y đỏ sậm, màu đen,  
màu nổi bật, sáng chói,  
không cắt, viền quá rộng,  
hoa, cây trái, áo choàng,

*và mặc vải sợi cây.*

*Tỳ khuru ni, học nữ,*

*sa di ni chết đi,*

*để lại các vật dụng,*

*tỳ khuru ni là chủ.*

*Của tỳ khuru, sa di,*

*của thiện nam, tín nữ,*

*vật người khác để lại,*

*các tỳ khuru là chủ.*

*Cô ni người Malla,*

*bào thai, đày bình bát,*

*ương vật, và thức ăn,*

*dồi dào và nhiều nữa,*

*vật thực để tích trữ,*

*của các vị tỳ khuru,*

*phần dưới giống như vậy,*

*làm tương tự như thế*

*đối với tỳ khuru ni.*

*Chỗ ngồi, có kinh nguyệt,*

*bị dơ, và mảnh vải,*

*bị đứt, và mọi lúc,*

*lại không có hiện tượng,  
được thấy thiếu hiện tượng,  
và các kỳ kinh nguyệt,  
cũng vậy, máu ứ đọng,  
thường xuyên phải mang vải,  
bị rong kinh, dị tượng,  
vô căn, bị lại đực,  
tiêu tiêu chung một đường,  
và có cả hai căn.*

*Điều này như ở dưới,  
bệnh cùi, nhọt, bệnh chàm,  
lao, động kinh, là người,  
là nữ, và tự do,  
không nợ, không lính vua,  
được phép, và hai mươi,  
đủ (y bát), tên gì?*

*Ni tế độ tên gì?  
Hai mươi bốn chương ngại,  
sau khi đã hỏi xong,  
việc tu lên bậc trên,  
các cô bị bối rối,*

*khi chưa được chỉ dạy,  
giữa hội chúng, cũng vậy.  
Chọn thầy, y hai lớp,  
thượng y, và y nội.  
áo lót, và vải tắm,  
sau khi được chỉ dạy,  
thì nên được sử dụng.  
Ngu dốt, chưa chỉ định,  
được làm, vị cầu xin,  
hỏi các pháp chương ngại,  
cô ni đã được tu  
lên bậc trên một phía,  
ở hội chúng tỳ khuru  
thời cũng y như thế,  
bóng nắng, mùa tiết, ngày,  
điều đã được kết tập,  
ba vật được nương nhờ,  
tám điều chẳng nên làm.  
(Trẻ) giờ, ở mọi nơi  
đều được chừa tám chỗ,  
tỳ khuru ni không hành*

*lễ Pavāraṇā,*  
*và cũng y như thế*  
*nơi hội chúng tỳ khuru.*  
*Xáo trộn trước bữa ăn,*  
*xáo trộn vì tối trời,*  
*lễ Bó Tát, Tụ Tụ,*  
*mệnh lệnh và quyền hạn,*  
*giành chỗ, trách, nhắc nhở,*  
*Đại Ân Sĩ ngăn cấm,*  
*cũng như thế tỳ khuru*  
*đối với tỳ khuru ni,*  
*Đại Ân Sĩ cho phép.*  
*Đi xe, bệnh, buộc vào,*  
*xe thì bị dẫn xóc,*  
*chuyện Aḍḍhakāṣī,*  
*tỳ khuru, ni tập sự,*  
*sa di, sa di ni,*  
*và bởi ni ngu dốt.*  
*Trong rừng, bởi thiện nam,*  
*kho chứa đồ, nhà ở,*  
*công trình mới chẳng màng.*

*Vị ni ở một mình,  
đã có thai từ trước,  
chung nhà, và tội nặng,  
chưa xả bỏ (điều học)  
và ni ấy đến gần.*

*Việc đánh lễ, cạo tóc,  
cắt móng, băng vết thương.*

*Thế kiết già, vị bệnh,  
đại tiện, và bột tắm,  
tắm hương thơm, nhà tắm,  
ở nơi giòng nước chảy,  
không phải là bãi tắm,  
và (tắm) với người nam.*

*Gotamī cầu xin,  
Ānanda khôn khéo,  
đã có được tí chúng.*

*Các vị đã xuất gia  
trong Giáo Pháp của Phật,  
có trí óc bén nhạy  
vì lợi ích chúng sanh,  
và phát triển Chánh Pháp,*

*giống như thuốc người bệnh,  
cũng thế Phật dạy rồi.  
Được hướng dẫn như thế  
ở ngay trong Chánh Pháp,  
các cô người nữ khác  
cũng đạt đến Bất Tử,  
đến được nơi ấy rồi  
không còn sầu khổ nữa.*

---o0o---

## **XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRĂM VỊ**

### **(PAÑCASATIKAKKHANDHAKAṀ)**

[614] Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã nói với các tỳ khưu rằng:

- Nay các sư đệ, vào lúc ấy ta đang thực hiện cuộc hành trình đường xa từ Pāvā đi Kusinārā cùng với đại chúng tỳ khưu có số lượng năm trăm vị tỳ khưu. Nay các sư đệ, khi ấy ta đã rời đường lộ rồi ngồi xuống ở gốc cây nọ. Vào lúc bảy giờ, có đạo sĩ lỏa thể nọ sau khi nhận được hoa Mạn-đà-la (Mandārava) ở Kusinārā đang thực hiện cuộc hành trình đường xa đi Pāvā. Nay các sư đệ, ta đã nhìn thấy vị đạo sĩ lỏa thể ấy đang đi lại từ đằng xa, sau khi nhìn thấy ta đã nói với vị đạo sĩ lỏa thể ấy điều này: “*Này đạo hữu, đạo hữu có biết bậc Đạo Sư của chúng tôi không?*” “*Ồ đạo hữu, đúng vậy, tôi có biết. Hôm nay Sa-môn Gotama đã Vô Dư Niết Bàn được bảy ngày rồi. Do đó, tôi mới có được hoa Mạn-đà-la này.*” Nay các sư đệ, tại nơi ấy những tỳ khưu nào chưa đoạn tận ái dục, một số đưa tay lên khóc lóc, một số khụy chân ngã xuống lăn qua lăn lại: “*Đức Thế Tôn Vô Dư Niết Bàn quá sớm, đáng Thiên Thế Vô Dư Niết Bàn quá sớm, bậc Trí Tuệ đã biến mất trên đời quá sớm.*” Còn những tỳ khưu nào đã đoạn tận ái dục, các vị ấy có sự suy niệm và hiểu biết thời chấp nhận: “*Các Pháp hữu vi là vô thường, nhưng vì sao việc ấy lại có thể xảy ra ở đây?*” Nay các sư đệ, khi ấy ta đã nói với các tỳ khưu điều này: “*Này các sư đệ, đủ rồi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn*

nữa. Nay các sư đệ, không phải điều ấy đã được đức Thế Tôn khuyến cáo và đề cập đến hay sao? Chính ngay với tất cả các vật thân yếu vừa ý đều có bản chất đa dạng, có bản chất không thật, và có bản chất thay đổi. Nay các sư đệ, nhưng vì sao việc ấy lại có thể xảy ra ở đây? Bởi vì vật gì sanh lên, tồn tại, thay đổi, thuận theo pháp thế gian, (nếu nghĩ rằng): ‘Mong sao vật ấy chớ có bị hư hoại;’ sự kiện này không thể có được!’ Nay các sư đệ, vào lúc bấy giờ có vị xuất gia lúc đã già tên Subhadda đang ngồi trong tập thể ấy. Nay các sư đệ, khi ấy vị xuất gia lúc đã già Subhadda đã nói với các tỳ khuru ấy điều này: “Nay các vị, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Chúng ta được hoàn toàn tự do rồi, chúng ta đã bị vị đại sa-môn ấy làm khó khăn rằng: ‘Điều này được phép cho các người, điều này không được phép cho các người.’ Giờ đây, điều gì chúng ta thích chúng ta sẽ làm điều ấy, điều gì chúng ta không thích chúng ta sẽ không làm điều ấy.” Nay các sư đệ, vậy chúng ta hãy trùng tụng Pháp và Luật trước khi điều Phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều Phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về Phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về Phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

[615] - Thưa ngài, chính vì điều ấy xin vị trưởng lão hãy tuyển chọn các tỳ khuru.

Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã tuyển chọn bốn trăm chín mươi chín vị A-la-hán. Các vị tỳ khuru đã nói với đại đức Mahākassapa điều này:

- Thưa ngài, vị đại đức Ānanda này tuy còn là bậc hữu học nhưng không thể nào bị chi phối bởi tham, bởi sân, bởi si mê, bởi sợ hãi. Và vị này thuộc lòng nhiều Pháp và Luật từ đức Thế Tôn. Thưa ngài, chính vì điều ấy xin vị trưởng lão hãy tuyển chọn luôn cả đại đức Ānanda.

Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã tuyển chọn luôn cả đại đức Ānanda.

Sau đó, các vị tỳ khuru trưởng lão đã khởi ý điều này:

- Vậy chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật ở nơi nào?

Khi ấy, các vị tỳ khuru trưởng lão đã khởi ý điều này: “Thành Rājagaha đúng là nơi có tiềm năng về vật thực (mahāgocaram) và có nhiều chỗ trú ngụ; hay là chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các tỳ khuru khác không được đi đến an cư mùa mưa ở thành Rājagaha?”



Sau đó, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định năm trăm vị tỳ khuru này “*để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các tỳ khuru khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.*” Đây là lời đề nghị.

Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định năm trăm vị tỳ khuru này “*để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các tỳ khuru khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.*” Vị nào đồng ý việc chỉ định năm trăm vị tỳ khuru này “*để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các tỳ khuru khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha*” xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Năm trăm vị tỳ khuru này đã được hội chúng chỉ định “*để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các tỳ khuru khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.*” Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[616] Sau đó, các tỳ khuru trưởng lão đã đi đến thành Rājagaha để trùng tụng Pháp và Luật. Khi ấy, các tỳ khuru trưởng lão đã bàn bạc điều này:

- Nay các sư đệ, việc sửa chữa chỗ bị hư hỏng đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Nay các sư đệ, vậy vào tháng thứ nhất chúng ta hãy sửa chữa những nơi bị hư hỏng; vào tháng giữa, chúng ta sẽ tụ họp lại rồi trùng tụng Pháp và Luật.

Sau đó vào tháng thứ nhất, các tỳ khuru trưởng lão đã sửa chữa chỗ bị hư hỏng.

[617] Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): “*Ngày mai là đại hội, việc ta sẽ đi đến đại hội khi còn là bậc hữu học thật là không đúng đắn cho ta!*” rồi đã trải qua gần trọn đêm với niệm trú ở thân cho đến lúc rạng đông (mới khởi ý rằng): “*Ta sẽ nằm xuống*” rồi nghiêng thân hình. Vào lúc đầu chưa chạm gối, hai chân vừa mới giờ lên khỏi mặt đất, và trong khoảng thời gian ấy tâm đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến đại hội với tư cách là vị A-la-hán.

[618] Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Upāli về Luật.

Đại đức Upāli đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Mahākassapa hỏi về Luật tôi sẽ trả lời.

Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli điều này:

- Này sư đệ Upāli, điều *pārājika* (bất cộng trụ) thứ nhất đã được quy định ở đâu?

- Thưa ngài, ở Vesālī.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến Sudinna con trai của Kalanda.

- Về sự việc gì?

- Về việc (thực hiện việc) đôi lừa.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ nhất.

- Này sư đệ Upāli, điều *pārājika* thứ hai đã được quy định ở đâu?

- Thưa ngài, ở Rājagaha.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến Dhaniya con trai người thợ đồ gốm.

- Về sự việc gì?

- Về việc lấy vật không được cho.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định

thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ hai.

- Nay sư đệ Upāli, điều *pārājika* thứ ba đã được quy định ở đâu?

- Thưa ngài, ở Vesālī.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

- Về sự việc gì?

- Về việc tước đoạt mạng người.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ ba.

- Nay sư đệ Upāli, điều *pārājika* thứ tư đã được quy định ở đâu?

- Thưa ngài, ở Vesālī.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến các tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā.

- Về sự việc gì?

- Về pháp thượng nhân.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ tư.

Bằng chính phương thức ấy, đại đức Mahākassapa đã hỏi về phần Luật của cả hai phái (tỳ khuru và tỳ khuru ni). Mỗi khi được hỏi, đại đức Upāli đã trả lời.

[619] Sau đó, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Ānanda về Pháp.

Đại đức Ānanda đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Mahākassapa hỏi về Pháp tôi sẽ trả lời.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda điều này:

- Nay sư đệ Ānanda, kinh *Brahmajāla* (Phạm Võng) đã được thuyết ở đâu?

- Thưa ngài, ở nhà nghỉ của vua tại Ambalaṭṭhikā, ở khoảng giữa Rājagaha và Nālanda.

- Liên quan đến ai?

- Đến du sĩ ngoại đạo Suppiya và thanh niên Brahmadata.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh *Brahmajāla*.

- Nay sư đệ Ānanda, kinh *Sāmaññaphala* (Sa-môn Quả) đã được thuyết ở đâu?

- Thưa ngài, ở Rājagaha nơi vườn xoài của Jīvaka.

- Với ai?

- Với Ajātasattu con trai của Videhi.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh *Sāmaññaphala*.

Bằng chính phương thức ấy, đại đức Mahākassapa đã hỏi về năm bộ kinh (nikāya). Mỗi khi được hỏi, đại đức Ānanda đã trả lời.

[620] Sau đó, đại đức Ānanda đã nói với các tỳ khưu trưởng lão điều này:

- Thưa các ngài, vào thời điểm Vô Dư Niết Bàn đức Thế Tôn đã nói với tôi như vậy: “Nay Ānanda, khi ta không còn, hội chúng nếu muốn có thể bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.”

- Nay sư đệ Ānanda, vậy người có hỏi đức Thế Tôn: “*Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?*” không?

- Thưa các ngài, tôi đã không hỏi đức Thế Tôn: “*Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?*”

Một số trưởng lão đã nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều *pārājika* (bất cộng trụ), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão đã nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều *pārājika* (bất cộng trụ), giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa* (tăng tàng), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão đã nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều *pārājika* (bất cộng trụ), giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa* (tăng tàng), giữ lại hai điều *aniyata* (bất định), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão đã nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều *pārājika* (bất cộng trụ), giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa* (tăng tàng), giữ lại hai điều *aniyata* (bất định), giữ lại ba mươi điều *nissaggiya pācittiya* (ung xả đối trị), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão đã nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều *pārājika* (bất cộng trụ), giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa* (tăng tàng), giữ lại hai điều *aniyata* (bất định), giữ lại ba mươi điều *nissaggiya pācittiya* (ung xả đối trị), giữ lại chín mươi hai điều *pācittiya* (ung đối trị), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão đã nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều *pārājika* (bất cộng trụ), giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa* (tăng tàng), giữ lại hai điều *anīyata* (bất định), giữ lại ba mươi điều *nissaggiya pācittiya* (ung xả đối trị), giữ lại chín mươi hai điều *pācittiya* (ung đối trị), giữ lại bốn điều *Pāṭidesanīya* (ung phát lộ), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

[621] Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: “*Điều này là được phép đối với các sa-môn Thích tử, điều này là không được phép.*” Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: “*Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo Sư của họ còn tồn tại khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo Sư của họ đã Vô Dư Niết Bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.*” Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng không nên quy định thêm điều chưa được quy định và không nên bỏ đi điều đã được quy định, hội chúng nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Đây là lời đề nghị.

Nay các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: “*Điều này là được phép đối với các sa-môn Thích tử, điều này là không được phép.*” Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: “*Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo Sư của họ còn tồn tại khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo Sư của họ đã Vô Dư Niết Bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.*” Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy định và không bỏ đi điều đã được quy định, hội chúng thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Đại đức nào đồng ý việc không quy định thêm điều chưa được quy định, việc không bỏ đi điều đã được quy định, việc thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy định và không bỏ đi điều đã được quy định, hội chúng thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[622] Khi ấy, các tỳ khuru trưởng lão đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Nay sư đệ Ānanda, đây là tội *dukkata* (tác ác) cho người về việc người đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: “*Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?*” Người hãy sám hối tội *dukkata*(tác ác) ấy.

- Thưa các ngài, vì không lưu ý nên tôi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: “*Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?*” Tôi không thấy được tội *dukkata* (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* (tác ác) cho người về việc người đã đập lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Người hãy sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

- Thưa các ngài, không phải vì không kính trọng mà tôi đã đập lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Tôi không thấy được tội *dukkata* (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội *dukkata*(tác ác) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* (tác ác) cho người về việc người đã cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên; trong khi họ khóc lóc nhục thân của đức Thế Tôn đã bị làm lem bởi nước mắt. Người hãy sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

- Thưa các ngài, (nghĩ rằng): “*Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm,*” nên tôi đã cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên. Tôi không thấy được tội *dukkata* (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* (tác ác) cho người về việc trong khi đức Thế Tôn ra dấu hiệu rõ ràng, làm biểu hiện rõ rệt, người đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: “*Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đáng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại.*” Người hãy sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

- Thưa các ngài, vì tâm đã bị Ác ma ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: “*Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đáng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại.*” Tôi không thấy được tội *dukkata* (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* (tác ác) cho người về việc người đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Người hãy sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

- Thưa các ngài, (nghĩ rằng): “*Bà Mahāpajāpati Gotamī* này là dì ruột của đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời” nên tôi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Tôi không thấy được tội *dukkata* (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội *dukkata* (tác ác) ấy.

[623] Vào lúc bấy giờ, đại đức Purāṇa đi du hành ở Dakkhiṇāgiri<sup>56</sup> cùng với đại chúng tỳ khưu có số lượng năm trăm vị tỳ khưu. Khi ấy, trong lúc Pháp và Luật đang được trùng tụng bởi các tỳ khưu trưởng lão, đại đức Purāṇa sau khi đã trú ở Dakkhiṇāgiri theo như ý thích đã đi đến thành Rājagaha, Veḷuvana (Trúc Lâm), nơi nuôi dưỡng các con sóc, chỗ các tỳ khưu trưởng lão, sau khi đến đã thân thiện chào hỏi các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống ở một bên. Các tỳ khưu trưởng lão đã nói với đại đức Purāṇa đang ngồi một bên điều này:

- Nay sư đệ Purāṇa, Pháp và Luật đã được trùng tụng bởi các vị trưởng lão. Người hãy hành theo sự trùng tụng ấy.

- Nay các đại đức, Pháp và Luật đã được các vị trưởng lão trùng tụng một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, tôi chỉ ghi nhận chính những gì tôi đã được nghe từ miệng và đã được thọ lãnh từ miệng của đức Thế Tôn thôi.

[624] Sau đó, đại đức Ānanda đã nói với các vị tỳ khưu trưởng lão điều này:

- Thưa các ngài, vào thời điểm Vô Du Niết Bàn đức Thế Tôn đã nói với tôi như vậy: “*Này Ānanda, như vậy thì khi ta không còn, hội chúng hãy áp đặt hình phạt Phạm Thiên*<sup>57</sup> *đối với tỳ khưu Channa.*”

- Nay sư đệ Ānanda, vậy người có hỏi đức Thế Tôn: “*Bạch ngài, vậy hình phạt Phạm Thiên là như thế nào?*” không?

- Thưa các ngài, thật sự tôi đã hỏi đức Thế Tôn rằng: “*Bạch ngài, vậy hình phạt Phạm Thiên là như thế nào?*” “*Này Ānanda, tỳ khưu Channa muốn điều gì thì có thể nói điều ấy, còn các tỳ khưu không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy tỳ khưu Channa.*”



- Nay sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy chính sư đệ hãy áp đặt hình phạt Phạm Thiên đối với tỳ khuru Channa.

- Thưa các ngài, làm thế nào tôi áp đặt hình phạt Phạm Thiên đối với tỳ khuru Channa được? Vị tỳ khuru ấy dữ tợn và thô lỗ.

- Nay sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy người hãy đi cùng với nhiều vị tỳ khuru.

- Thưa các ngài, xin vâng.

Rồi đại đức Ānanda nghe theo các tỳ khuru trưởng lão đã cùng với đại chúng tỳ khuru có số lượng năm trăm vị tỳ khuru đáp thuyền ngược dòng nước đi Kosambī. Sau khi rời thuyền, đại đức Ānanda đã ngồi xuống ở gốc cây nọ không xa vườn thượng uyển của đức vua Udena.

[625] Vào lúc bảy giờ, đức vua Udena ngự tại vườn thượng uyển cùng với đám hầu thiếp tùy tùng. Đám hầu thiếp của đức vua Udena đã nghe rằng: *“Nghe nói giáo thọ sư của chúng ta là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ không xa vườn thượng uyển lắm.”* Khi ấy, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã tâu với đức vua Udena điều này:

- Tâu chúa thượng, nghe nói giáo thọ sư của chúng tôi là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ không xa vườn thượng uyển lắm. Tâu chúa thượng, các thân thiếp muốn viếng thăm ngài Ānanda.

- Chính vì điều ấy, các người hãy thăm viếng Sa-môn Ānanda.

Sau đó, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, đại đức Ānanda đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đám hầu thiếp của đức vua Udena đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đại đức Ānanda chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã dâng lên đại đức Ānanda năm trăm thượng y. Sau khi đã được hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đại đức Ānanda, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đại đức Ānanda, hướng vai phải nhiều quanh, rồi trở về lại đức vua Udena.

[626] Đức vua Udena đã nhìn thấy đám hầu thiếp đang đi lại từ đằng xa, sau khi thấy đã nói với đám hầu thiếp điều này:

- Thế các ái khanh có viếng thăm Sa-môn Ānanda không vậy?
- Tâu chúa thượng, các thần thiếp đã viếng thăm ngài Ānanda.
- Thế các ái khanh đã dâng vật gì cho Sa-môn Ānanda vậy?
- Tâu chúa thượng, các thần thiếp đã dâng cho ngài Ānanda năm trăm thượng y.

Đức vua Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao Sa-môn Ānanda lại thọ lãnh quá nhiều y như vậy? Không lẽ Sa-môn Ānanda sẽ làm nhà buôn vải hay bày ra gian hàng tơ lụa đây?

Sau đó, đức vua Udena đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã bày tỏ sự thân thiện với đại đức Ānanda, sau khi trao đổi lời chào hỏi xã giao thân thiện đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Udena đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Thưa ngài Ānanda, có phải đám hậu thiếp của chúng tôi đã đến đây?
- Tâu đại vương, đám hậu thiếp của ngài đã đến đây.
- Vậy chớ họ đã dâng vật gì đến ngài Ānanda?
- Tâu đại vương, họ đã dâng đến tôi năm trăm thượng y.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với nhiều y đến thế?
- Tâu đại vương, tôi sẽ chia sẻ với các tỷ khưu có y bị tàn tạ.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những y cũ và tàn tạ?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm khăn trải.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những khăn trải bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm vải bọc nệm.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những vải bọc nệm bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm thảm lót sàn.

- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những thảm lót sàn bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm giẻ chùi chân.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những giẻ chùi chân bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm giẻ lau bụi.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những giẻ lau bụi bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ cắt chúng ra trộn với bùn đất rồi trét làm nền.

Khi ấy đức vua Udena (khởi ý rằng): “*Tất cả các sa-môn Thích tử này xử sự hợp lý, không phung phí kiểu trưởng giả*” rồi đã dâng lên đại đức Ānanda năm trăm xấp vải khác nữa. Như vậy, đây là lần đầu tiên vật dụng về y đã phát sanh đến đại đức Ānanda một ngàn y.

[627] Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến tu viện Ghosita, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đại đức Channa đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, đại đức Ānanda đã nói với đại đức Channa đang ngồi một bên điều này:

- Nay sư đệ Channa, hội chúng đã áp đặt hình phạt Phạm Thiên đối với sư đệ.
- Thưa sư huynh Ānanda, vậy hình phạt Phạm Thiên là như thế nào?
- Nay sư đệ Channa, sư đệ muốn điều gì với các tỳ khưu thì có thể nói điều ấy. Còn các tỳ khưu không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy sư đệ.
- Thưa sư huynh Ānanda, như vậy không phải sư đệ đã bị giết chết hay sao, bởi vì các tỳ khưu không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy sư đệ nữa?

Rồi đã ngát xiu té ngã ngay tại chỗ ấy.

Sau đó, bởi hình phạt Phạm Thiên đại đức Channa trở nên buồn rầu, xấu hổ, nhòm góm, rồi một mình tách riêng, sống không lười biếng, nỗ lực, quyết tâm nên chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, đã tự mình nhận

thức, chúng đạt, và an trú vào Thắng Trí, mục đích tối thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà. Vị ấy đã biết rằng: “*Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn (đưa đến) bản ngã nào khác (trọng to) như vậy nữa.*” Và thêm một vị nữa là đại đức Channa đã trở thành vị A-la-hán.

Sau đó, khi đã chứng đạt trạng thái A-la-hán đại đức Channa đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Thưa sư huynh Ānanda, hôm nay xin hãy thu hồi hình phạt Phạm Thiên cho đệ.

- Nay sư đệ Channa, kể từ khi sư đệ chứng đạt quả vị A-la-hán, kể từ thời điểm ấy hình phạt Phạm Thiên đã hết hiệu lực đối với sư đệ.

[628] Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện năm trăm vị tỳ khưu, không thiếu và không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là “*Liên quan năm trăm vị.*”

**Dứt Chương Liên Quan Năm Trăm Vị là chương thứ mười một.**

**Trong chương này gồm có hai mươi ba sự kiện.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[629]

*Bởi vì đáng Toàn Giác*

*chúng Vô Dư Niết Bàn,*

*và có vị trưởng lão*

*tên là Kassapa,*

*nói với nhóm tỳ khưu*

*việc bảo vệ chánh Pháp,*

trên đường từ Pāvā,  
điều đã được nói lên  
bởi vị Subhadda.  
Chúng ta hãy trùng tụng  
về Chánh Pháp trước khi  
Phi Pháp phát triển mạnh.  
Năm trăm còn thiếu một,  
đã chọn Ānanda,  
cuộc kết tập Pháp, Luật,  
cư trú hang hạng nhất.  
Vị ấy hỏi về Luật  
đến vị Upāli,  
vị ấy hỏi về Kinh  
bậc trí Ānanda,  
đệ tử bậc Chiến Thắng  
các vị đã tiến hành  
việc kết tập Tam Tạng.  
Các điều học nhỏ nhặt,  
ít quan trọng, nhiều loại,  
hành như đã quy định.  
Không hỏi, đập lên trên,

*cho đánh lễ, không xin,  
việc xuất gia người nữ,  
các tác ác của tôi  
vì niềm tin (nên nhận).*

*Rồi vị Purāṇa*

*và hình phạt Phạm Thiên,  
hầu thiếp Udena,  
quá nhiều, và hư hoại,  
khăn trải, và bọc nệm,  
thảm lót, giẻ chùi chân,  
lau bụi, nhồi với đất,  
vị ấy được phát sanh  
một ngàn y lần đầu  
tên gọi Ānanda.*

*Sợ hành phạt Phạm Thiên,*

*đạt được bốn Chân Lý.*

*Năm trăm được tuyển chọn,*

*nên gọi “Năm Trăm Vị.”*

---o0o---

## **XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ (SATTASATIKAKKHANDHAKAṀ)**

[630] Vào lúc bảy giờ, khi đức Thế Tôn Vô Dư Niết Bàn được một trăm năm, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: Được phép cất giữ muối trong ống sừng (kappati siṅgiloṇakappo), được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay (kappati dvaṅgulakappo), được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa (kappati gāmantarakappo), được phép hành lễ *Uposatha* riêng rẽ (kappati āvāsakappo), được phép hành sự không đủ tỳ khuru (kappati anumatikappo), được phép thực hành theo tập quán (kappati āciṇṇakappo), được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ (kappati amathitakappo), được phép uống nước trái cây lên men (kappati jaḷogim pātum), được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh (kappati adasakaṃ nisīdanam), được phép tích trữ vàng bạc (kappati jātarūparajataṃ).<sup>58</sup>

[631] Vào lúc bảy giờ, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka trong khi du hành ở xứ Vajji đã đến trú tại Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã trú tại Mahāvana (Đại Lâm) nơi giảng đường Kūṭāgāra.

[632] Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī vào ngày *Uposatha* (Bố Tát) đổ đầy nước vào cái chậu đồng rồi đặt ở giữa hội chúng tỳ khuru và nói với các cư sĩ ở Vesālī đang đi qua lại như vậy:

- Nay các đạo hữu, hãy bỏ thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa, một *pāda*, một đồng *māsaka*. Hội chúng sẽ có việc phải làm về vật dụng.

Khi được nói như vậy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này:

- Nay các đạo hữu, chớ có bỏ thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa, một *pāda*, một đồng *māsaka*. Vàng bạc không được cho phép đối với các sa-môn Thích tử; các sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc; các sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu vàng ròng và tránh xa vàng bạc.

Mặc dù được đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka nói như vậy, các cư sĩ ở Vesālī vẫn bỏ thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa, một *pāda*, một đồng *māsaka*.

Sau đó, vào cuối đêm ấy các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã xác định phần chia tùy theo số lượng tỳ khuru rồi phân chia của cải ấy. Khi ấy, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này:

- Nay đại đức Yasa, phần chia của cải này thuộc về đại đức.
- Nay các đại đức, phần chia của cải này không thuộc về tôi, tôi không thích thú của cải.

[633] Sau đó, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī (bàn bạc rằng): “*Này các đại đức, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka này quở trách, chê bai, làm hoại đức tin các cư sĩ có niềm tin đã được an trú, vậy chúng ta hãy thực thi hành sự hòa giải đến vị ấy.*” Họ đã thực thi hành sự hòa giải đến vị ấy. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī điều này:

- Nay các đại đức, đức Thế Tôn đã quy định rằng: “*Vị sứ giả cùng đi nên được ban đến vị tỳ khuru thực thi hành sự hòa giải.*” Nay các đại đức, hãy cho tôi vị tỳ khuru làm sứ giả cùng đi.

Khi ấy, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã chỉ định một vị tỳ khuru và cho làm sứ giả cùng đi với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka. Sau đó, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka cùng với vị tỳ khuru là sứ giả cùng đi đã vào thành Vesālī và đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này:

- Nghe nói tôi quở trách, chê bai, làm hoại đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú là việc tôi nói sai Pháp là: “*Sai Pháp,*” đúng Pháp là: “*Đúng Pháp,*” sai Luật là: “*Sai Luật,*” đúng Luật là: “*Đúng Luật.*”

[634] Nay các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Nay các đạo hữu, ở nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng:

- “*Này các tỳ khuru, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Bốn vật ấy là gì?*”



*Này các tỳ khuru, mây là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, sương mù là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, khói bụi là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, Rāhu chúa loài Asura (hiện tượng nguyệt và nhật thực) là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, cũng tương tự như vậy đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Bốn điều ấy là gì?*

*Này các tỳ khuru, có những sa-môn và Bà-la-môn uống rượu, uống men say, không chừa bỏ việc uống rượu và men say. Này các tỳ khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhất đối với sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, có những sa-môn và Bà-la-môn thực hiện việc đôi lứa, không chừa bỏ việc đôi lứa. Này các tỳ khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ hai đối với sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, có những sa-môn và Bà-la-môn thích thú vàng bạc, không chừa bỏ việc thọ lãnh vàng bạc. Này các tỳ khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ ba đối với sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm*

*bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, có những sa-môn và Bà-la-môn chấp nhận cuộc sống bằng sự nuôi mạng không chân chánh, không chừa bỏ sự nuôi mạng không chân chánh. Này các tỳ khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ tư đối với sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.*

*Này các tỳ khuru, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.”*

Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã nói điều ấy, đáng Thiện Thệ đã nói điều ấy, rồi bậc Đạo Sư còn nói thêm điều này nữa:

[635]

*Có những vị sa-môn*

*và những Bà-la-môn*

*ô nhiễm do dục sân,*

*còn có những nam nhân*

*bị vô minh che áng*

*thoả thích điều khoái lạc,*

*uống rượu và men say,*

*thực hành điều dâm dục,*

*thích thú bạc và vàng,*

*là những kẻ khờ si.*

*Có những vị sa-môn*

*và những Bà-la-môn*

*sinh sống bằng tà mạng,  
những điều ô nhiễm này  
được nói lên bởi Phật  
vị dòng dõi mặt trời.  
Có những vị sa-môn  
và những Bà-la-môn  
đã bị làm ô nhiễm  
bởi những ô nhiễm ấy,  
không sáng, không rực rỡ,  
không còn được thanh tịnh  
bởi tham ái dục tình.  
Chúng đã bị che lấp  
bởi màn đêm bóng tối,  
nô lệ của ái tình,  
bám víu cuộc đời này,  
chúng làm cho tăng trưởng  
tử thân thật ghê sợ,  
chết rồi chúng tái sanh.*

[636] Có lời nói như vậy: “Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm hoại đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú là việc tôi nói sai Pháp là: “Sai Pháp,” đúng Pháp là: “Đúng Pháp,” sai Luật là: “Sai Luật,” đúng Luật là: “Đúng Luật.”

[637] Nay các đạo hữu, vào một thuở nọ đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: *“Vàng bạc được cho phép đối với các sa-môn Thích tử; các sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các sa-môn Thích tử thọ lãnh vàng bạc.”*

Nay các đạo hữu, vào lúc bấy giờ vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đang ngồi trong nhóm người ấy. Nay các đạo hữu, khi ấy vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã nói với nhóm người ấy điều này: *“Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các sa-môn Thích tử; các sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc; các sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu vàng ròng và tránh xa vàng bạc.”* Nay các đạo hữu, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy.

Nay các đạo hữu, sau đó, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka khi đã thuyết phục được nhóm người ấy rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Nay các đạo hữu, khi đã ngồi xuống một bên vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, ở đây trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: *“Vàng bạc được cho phép đối với các sa-môn Thích tử; các sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các sa-môn Thích tử thọ lãnh vàng bạc.”* Bạch ngài, được nói như vậy, con đã nói với nhóm người ấy điều này: *“Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các sa-môn Thích tử; các sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc; các sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu vàng ròng và tránh xa vàng bạc.”* Bạch ngài, con đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. Bạch ngài, trong khi nói như thế, có phải con là người đã nói đúng lời của đức Thế Tôn và con không vu khống đức Thế Tôn một cách sai trái? Có phải con đã nói theo lý lẽ của Giáo Pháp? Và có phải người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo Giáo Pháp, không rơi vào vị thế bị chê trách?

- Nay Thôn trưởng, đúng vậy. Trong khi nói như thế, người là người đã nói đúng lời của ta và người không vu khống ta một cách sai trái. Người đã nói theo lý lẽ của Giáo Pháp và người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo Giáo Pháp, không rơi vào vị thế đáng bị chê trách. Nay Thôn trưởng, bởi vì vàng bạc không được cho phép đối với các sa-môn Thích tử, các sa-môn

Thích tử không thích thú vàng bạc, các sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc, các sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu vàng ròng và tránh xa vàng bạc. Nay Thôn trưởng, kẻ nào chấp nhận vàng bạc cũng sẽ chấp nhận luôn năm phần dục lạc. Nay Thôn trưởng, kẻ nào chấp nhận năm phần dục lạc, người có thể biết chắc chắn điều này: *“Đây không phải là pháp của sa-môn, đây không phải là pháp của Thích tử.”* Nay Thôn trưởng, và ta còn nói như vậy: *“Người mong muốn cỏ thì tầm cầu cỏ, người mong muốn củi thì tầm cầu củi, người mong muốn xe cộ thì tầm cầu xe cộ, người mong muốn đàn ông thì tầm cầu đàn ông.”* Nay Thôn trưởng, nhưng ta không có nói rằng: *“Bằng bất cứ phương tiện gì, vàng bạc nên được thích thú, nên được tầm cầu.”*

Có lời nói như vậy: *“Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm hoại đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú là việc tôi nói về sai Pháp là: “Sai Pháp,” đúng Pháp là: “Đúng Pháp,” sai Luật là: “Sai Luật,” đúng Luật là: “Đúng Luật.”*

[638] Nay các đạo hữu, vào một thưở nọ, ở ngay chính nơi ấy tại thành Rājagaha đức Thế Tôn đã từ chối vàng bạc và quy định điều học có liên quan đến đại đức Upananda dòng dõi Sākya.

Có lời nói như vậy: *“Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm hoại đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú là việc tôi nói về sai Pháp là: “Sai Pháp,” đúng Pháp là: “Đúng Pháp,” sai Luật là: “Sai Luật,” đúng Luật là: “Đúng Luật.”*

Khi được nói như thế, các cư sĩ ở Vesālī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này:

- Thưa ngài, chỉ có một mình ngài đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka là sa-môn Thích tử, tất cả các vị kia đều không phải là sa-môn, không phải là Thích tử. Thưa ngài, xin ngài đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka hãy ngụ tại Vesālī. Chúng tôi sẽ nỗ lực về vật dụng là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh đối với ngài đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.

Sau đó, khi đã giải thích cho các cư sĩ ở Vesālī xong, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka với vị tỳ khuru sứ giả cùng đi đã trở về lại tu viện .

[639] Sau đó, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã hỏi vị tỳ khuru sứ giả cùng đi rằng:

- Nay sư đệ, các cư sĩ ở Vesālī đã hòa giải với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka chưa vậy?

- Chúng ta gặp điều xúi quẩy với các cư sĩ rồi. Chỉ một mình Yasa con trai của Kākaṇḍaka được xem là sa-môn Thích tử. Còn tất cả chúng ta đã bị xem không phải là sa-môn, không phải là Thích tử.

Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī (đã bàn bạc rằng): “*Này các đại đức, Yasa con trai của Kākaṇḍaka này chưa được chúng ta đồng ý đã giải thích cho hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực thi hành sự án treo đối với vị ấy.*” Họ đã tụ họp lại với ý định thực thi hành sự án treo đối với vị ấy. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã bay lên không trung và xuất hiện ở Kosambī.

Sau đó, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khưu ở Pāvā (Pāṭheyyaka), Avanti, và khu vực phía nam (nói rằng): “*Xin các đại đức hãy đến, chúng ta cần giải quyết sự tranh tụng này trước khi điều Phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều Phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về Phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về Phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.*”

[640] Vào lúc bảy giờ, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đang ngụ tại núi Ahogaṅga. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến núi Ahogaṅga gặp đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sambhūta Sāṇavāsī rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

- Thưa ngài, các tỳ khưu dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: “*Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành lễ Uposatha riêng rẽ, được phép hành sự không đủ tỳ khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc.*” Thưa ngài, vậy chúng ta hãy giải quyết sự tranh tụng này trước khi điều Phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều Phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về Phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi,

trước khi những kẻ nói về Phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

- Nay đại đức, đúng vậy. Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã trả lời đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.

Sau đó, các tỳ khuru ở Pāvā có số lượng sáu mươi vị tất cả là những vị sống trong rừng, tất cả là những vị hành hạnh khát thực, tất cả là những vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, tất cả là những vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṅga. Các tỳ khuru ở Avanti và khu vực phía nam có số lượng tám mươi vị<sup>59</sup>, một số vị sống trong rừng, một số vị hành hạnh khát thực, một số vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, một số vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṅga.

[641] Khi ấy, trong lúc các tỳ khuru trưởng lão hội ý, điều này đã khởi lên: *“Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Làm thế nào chúng ta có thể có được nhóm, nhờ thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn?”*

Vào lúc bấy giờ, đại đức Revata ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập.

Khi ấy, các tỳ khuru trưởng lão đã khởi ý rằng: *“Chính vị đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có thể đạt được đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn.”* Trong khi các tỳ khuru trưởng lão đang hội ý, đại đức Revata đã nghe được nhờ vào thiên nhĩ thông thanh tịnh vượt trội loài người, sau khi nghe được vị ấy đã khởi ý điều này: *“Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Điều không đúng đắn cho ta là việc ta lại tránh né sự tranh tụng như thế này. Và rồi đây, các vị tỳ khuru ấy sẽ đi đến, ta đây bị lấn cản bởi các vị ấy sẽ cư trú không thoái mái. Hay là ta nên đi trước?”* Khi ấy, đại đức Revata Soreyya đã đi đến Saṅkassa.

Sau đó, các vị tỳ khuru trưởng lão đã đi đến Soreyya hỏi rằng:

- Đại đức Revata ở đâu?

Người ta đã nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Sankassa rồi.

Rồi đại đức Revata từ Sankassa đã đi Kaṇṇakujja. Sau đó, các tỳ khuru trưởng lão đã đi đến Sankassa hỏi rằng:

- Đại đức Revata ở đâu?

Người ta đã nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Kaṇṇakujja rồi.

Rồi đại đức Revata từ Kaṇṇakujja đã đi Udumbara. Sau đó, các tỳ khuru trưởng lão đã đi đến Kaṇṇakujja hỏi rằng:

- Đại đức Revata ở đâu?

Người ta đã nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Udumbara rồi.

Rồi đại đức Revata từ Udumbara đã đi thành phố Aggaḷa. Sau đó, các tỳ khuru trưởng lão đã đi đến Udumbara hỏi rằng:

- Đại đức Revata ở đâu?

Người ta đã nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi thành phố Aggaḷa rồi.

Rồi đại đức Revata từ thành phố Aggaḷa đã đi Sahajāti. Sau đó, các tỳ khuru trưởng lão đã đi đến thành phố Aggaḷa hỏi rằng:

- Đại đức Revata ở đâu?

Người ta đã nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Sahajāti rồi.

Rồi các tỳ khuru trưởng lão đã gặp được đại đức Revata ở Sahajāti.



[642] Khi ấy, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này:

- Nay sư đệ, đại đức Revata này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta hỏi đại đức Revata câu hỏi, đại đức Revata có khả năng trình bày trọn vẹn chỉ với một câu hỏi ấy. Và giờ đây, đại đức Revata sẽ gọi vị tỳ khuru đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Khi chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị tỳ khuru ấy, chính đệ nên đi đến gặp đại đức Revata và hỏi về mười sự việc ấy.

- Thưa ngài, xin vâng. Đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã trả lời đại đức Sambhūta Sāṇavāsī.

Sau đó, đại đức Revata đã gọi vị tỳ khuru đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Khi chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị tỳ khuru ấy, khi ấy đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Revata rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với đại đức Revata điều này:

- Thưa ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?

- Nay sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng ấy là như thế nào?

- Thưa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng (nghĩ rằng): “*Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp (thức ăn) thiếu muối,*” có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

- Nay sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là như thế nào?

- Thưa ngài, là thọ dụng vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời (chiếu ở trên đất) đã dài hai ngón tay, có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Thưa ngài, quy định trong làng là được phép?

- Nay sư đệ, quy định trong làng ấy là như thế nào?
- Thưa ngài, là vị đã ăn xong đã được thỏa mãn (nghĩ rằng): “*Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng*” rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa, có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?
- Nay sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là như thế nào?
- Thưa ngài, là nhiều trú xứ có chung ranh giới (sīmā) thực hiện lễ *Uposatha* (Bồ Tát) riêng biệt, có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?
- Nay sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là như thế nào?
- Thưa ngài là thực thi hành sự với hội chúng không đủ số lượng (nghĩ rằng): “*Chúng ta sẽ thuyết phục các tỳ khuru đi đến,*” có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?
- Nay sư đệ, quy định theo tập quán ấy là như thế nào?
- Thưa ngài là (vị nghĩ rằng): “*Điều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta*” rồi thực hành theo, có được phép không?
- Nay sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.
- Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?
- Nay sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là như thế nào?

- Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong đã được thỏa mãn uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?
- Nay sư đệ, quy định uống nước trái cây lên men ấy là như thế nào?
- Thưa ngài, là uống loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh.
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Thưa ngài, quy định tọa cụ không có viền quanh là được phép?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Thưa ngài, vàng bạc là được phép?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Thưa ngài, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ấy ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc này. Thưa ngài, chúng ta hãy giải quyết sự tranh tụng này trước khi điều Phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều Phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về Phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về Phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.
- Nay sư đệ, đúng vậy. Đại đức Revata đã trả lời đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.

### **Dứt tụng phẩm thứ nhất.**

[643] Các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nghe rằng: “*Nghe nói Yasa con trai của Kākaṇḍaka có ý định giải quyết sự tranh tụng này nên quy tụ thành nhóm, và nghe nói đã đạt được nhóm.*” Khi ấy, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: “*Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Làm thế nào chúng ta có thể có được nhóm, nhờ thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn?*” Rồi các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi

ý điều này: “*Chính vị đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có thể đạt được đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn.*”

Khi ấy, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết của sa-môn là bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước. Sau đó, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã đem theo vật dụng cần thiết ấy của sa-môn đáp thuyền ngược giòng đi Sahajāti. Sau khi rời thuyền, họ tiến hành việc phân chia thức ăn ở gốc cây nọ.

[644] Khi ấy, đại đức Sālha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng đã có tư tưởng suy tâm khởi lên như vậy: “*Những ai là người nói đúng Pháp, các tỳ khuru ở về hướng đông hay là các tỳ khuru ở Pāvā?*” Sau đó, đại đức Sālha trong khi quán xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: “*Các tỳ khuru ở về hướng đông là các vị nói Phi Pháp, các tỳ khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp.*”

Khi ấy, có vị trời nọ ở cõi Tịnh Cư dùng tâm biết được tư tưởng suy tâm của đại đức Sālha, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tự như thế, vị ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi Tịnh Cư và hiện ra trước mặt đại đức Sālha. Khi ấy, vị trời ấy đã nói với đại đức Sālha điều này:

- Thưa ngài Sālha, đúng vậy. Các tỳ khuru ở về hướng đông là các vị nói Phi Pháp, các tỳ khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp. Thưa ngài Sālha, chính vì điều ấy ngài hãy duy trì theo đúng Pháp.

- Nay vị trời, ngay cả trước đây và bây giờ ta luôn duy trì theo đúng Pháp; nhưng ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi nào ta được chỉ định trong sự tranh tụng này.

[645] Sau đó, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī sau khi cầm lấy số vật dụng cần thiết của sa-môn ấy đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã nói với đại đức Revata điều này:

- Thưa ngài, xin trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn là bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước.

- Nay các đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không chịu thọ nhận.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru được hai mươi năm tên Uttara là thị giả của đại đức Revata. Khi ấy, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp đại đức Uttara, sau khi đến đã nói với đại đức Uttara điều này:

- Xin đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn là bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước.

- Nay các đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không chịu thọ nhận.

- Nay đại đức Uttara, dân chúng thường dâng vật dụng cần thiết của sa-môn đến đức Thế Tôn. Nếu đức Thế Tôn thọ lãnh, chính vì điều ấy họ trở nên hoan hỷ. Nếu đức Thế Tôn không thọ lãnh, họ dâng đến đại đức Ānanda: *“Thưa ngài, xin trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn là bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước. Như thế sẽ xem như vật ấy đã được đức Thế Tôn thọ lãnh.”* Xin đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn; như thế sẽ xem như vật ấy đã được ngài trưởng lão thọ lãnh.

Khi ấy, đại đức Uttara bị ép buộc bởi các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nhận lấy một y (nói rằng):

- Nay các đại đức, hãy nói lý do về việc này.

- Xin đại đức Uttara hãy nói với ngài trưởng lão chỉ có một điều này: *“Thưa ngài, xin ngài trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: ‘Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các quốc độ ở hướng đông. Các tỳ khuru ở về hướng đông là các vị nói đúng Pháp, còn các tỳ khuru ở Pāvā là các vị nói Phi Pháp.’”*

- Nay các đại đức, được rồi.

Rồi đại đức Uttara nghe theo các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã nói với đại đức Revata điều này:

- Thưa ngài, xin ngài trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: *“Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các quốc độ ở hướng đông. Các tỳ khuru ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các tỳ khuru ở Pāvā là các vị nói Phi Pháp.”*

- Nay tỳ khuru, người đã xúi giục ta trong việc Phi Pháp.

Vị trưởng lão đã đuổi đại đức Uttara đi.

Khi ấy, các tỳ khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với đại đức Uttara điều này:

- Nay đại đức Uttara, ngài trưởng lão đã nói gì?

- Nay các đại đức, chúng ta đã làm điều tâm bậy. Ngài trưởng lão đã đuổi tôi đi (nói rằng): “*Này tỳ khuru, người đã xúi giục ta trong việc Phi Pháp.*”

- Nay đại đức Uttara, không phải đại đức đã thâm niên hai mươi năm rồi hay sao?

- Nay các đại đức, đúng vậy. Tuy nhiên, chúng ta hãy giữ sự nương tựa vào vị thầy.

[646] Sau đó, hội chúng có ý muốn dàn xếp sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Khi ấy, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu chúng ta giải quyết sự tranh tụng này ở nơi đây, các tỳ khuru là những vị khởi sự có thể nêu lại vấn đề một lần nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này ở ngay tại nơi mà sự tranh tụng này đã sanh khởi.

Sau đó, các tỳ khuru trưởng lão có ý muốn dàn xếp sự tranh tụng ấy đã đi đến Vesālī.

Vào lúc bấy giờ, vị trưởng lão của hội chúng trên trái đất có tên Sabbakāmī đã tu lên bậc trên được một trăm hai mươi năm, là đệ tử của đại đức Ānanda, đang trú ở Vesālī. Khi ấy, đại đức Revata đã nói với đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

- Nay sư đệ, tôi sẽ đi đến trú xá nơi trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ; vậy sư đệ nên đi đến gặp đại đức Sabbakāmī vào đúng lúc ấy để hỏi về mười sự việc ấy.

- Thưa ngài, xin vâng. Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đáp lại đại đức Revata.

Sau đó, đại đức Revata đã đi đến trú xá nơi trưởng lão Sabbakāmi đang trú ngụ. Chỗ nằm ngồi của đại đức Sabbakāmi được sếp đặt ở phòng trong, còn của đại đức Revata ở trước phòng. Khi ấy, đại đức Revata (nghĩ rằng): “*Vị trưởng lão cao niên này không nằm*” nên không nằm xuống. Đại đức Sabbakāmi (nghĩ rằng): “*Vị tỳ khuru khách này đang mệt vẫn không nằm*” nên đã không nằm xuống.

[647] Sau đó, trong đêm vào lúc gần sáng, đại đức Sabbakāmi đã trở ra và nói với đại đức Revata điều này:

- Nay sư đệ mến, hiện nay người thường xuyên an trú với sự an trú nào?
- Thưa ngài, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ.
- Nay sư đệ mến, nghe nói hiện nay người thường xuyên an trú với sự an trú tâm rộng lượng. Nay sư đệ mến, sự an trú tâm rộng lượng ấy tức là tâm từ.
- Thưa ngài, trước đây khi tôi còn là người tại gia, tâm từ đã được thực hành. Vì thế, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ, hơn nữa tôi đã chứng đạt quả vị A-la-hán lâu nay. Thưa ngài, hiện nay ngài trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú nào?
- Nay sư đệ mến, hiện nay ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không (suññatā)?
- Thưa ngài, nghe nói hiện nay ngài trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú của bậc đại nhân. Thưa ngài, sự an trú của bậc đại nhân ấy tức là trạng thái không.
- Nay sư đệ mến, trước đây khi ta còn là người tại gia, trạng thái không đã được thực hành. Vì thế, ngay cả bây giờ ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không, hơn nữa ta đã chứng đạt quả vị A-la-hán lâu nay.

[648] Trong khi cuộc nói chuyện trao đổi này của hai vị tỳ khuru trưởng lão chưa chấm dứt, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đến. Khi ấy, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đi đến gặp đại đức Sabbakāmi, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sabbakāmi rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với đại đức Sabbakāmi điều này:

- Thưa ngài, các tỳ khuru dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: “*Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép*

*ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành lễ Uposatha riêng rẽ, được phép hành sự không đủ tỳ khuru, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc.”* Thưa ngài, ngài trưởng lão đã học tập được nhiều Pháp và Luật từ nơi thầy tế độ; thưa ngài, khi ngài trưởng lão quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, các tỳ khuru ở về hướng đông hay là các tỳ khuru ở Pāvā?

- Này sư đệ, người cũng đã học tập được nhiều Pháp và Luật từ nơi thầy tế độ; này sư đệ, khi người quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, là các tỳ khuru ở về hướng đông hay là các tỳ khuru ở Pāvā?

- Thưa ngài, khi tôi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý như vậy: “*Các tỳ khuru ở về hướng đông là các vị nói Phi Pháp, các tỳ khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp;*” tuy nhiên tôi không bộc lộ quan điểm cho đến khi nào tôi được chỉ định trong sự tranh tụng này.

- Này đệ, ngay cả ta khi quán xét về Pháp và Luật cũng khởi ý như vậy: “*Các tỳ khuru ở về hướng đông là các vị nói Phi Pháp, các tỳ khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp;*” tuy nhiên ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi nào ta được chỉ định trong sự tranh tụng này.

[649] Sau đó, hội chúng có ý muốn dàn xếp sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Khi ấy, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng đã chọn bốn vị tỳ khuru ở hướng đông, bốn vị tỳ khuru ở Pāvā. Đại đức Sabbakāmī, đại đức Sālha, đại đức Ujjasobhita, đại đức Vāsabhagāmika là (đại biểu) của các tỳ khuru ở hướng đông, đại đức Revata, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka, và đại đức Sumana là (đại biểu) của các tỳ khuru ở Pāvā.

Sau đó, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:



- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định bốn vị tỳ khuru ở hướng đông, bốn vị tỳ khuru ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định bốn vị tỳ khuru ở hướng đông, bốn vị tỳ khuru ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận sự chỉ định bốn vị tỳ khuru ở hướng đông, bốn vị tỳ khuru ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bốn vị tỳ khuru ở hướng đông, bốn vị tỳ khuru ở Pāvā đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng thỏa thuận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[650] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru được mười năm tên Ajita là vị đọc tụng giới bốn Pātimokkha. Khi ấy, hội chúng cũng đã chỉ định đại đức Ajita là vị sắp xếp chỗ ngồi cho các tỳ khuru trưởng lão. Khi ấy, các tỳ khuru trưởng lão đã khởi ý điều này: “*Chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở đâu?*” Khi ấy, các tỳ khuru trưởng lão đã khởi ý điều này: “*Tu viện Vālika này xinh xắn ít tiếng động, ít ồn ào; hay là chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở tu viện Vālika?*”

Sau đó, các tỳ khuru trưởng lão có ý muốn dàn xếp cuộc sự tranh tụng ấy đã đi đến tu viện Vālika.

[651] Khi ấy, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi đại đức Sabbakāmi về Luật.

Đại đức Sabbakāmi đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Revata hỏi về Luật, tôi sẽ trả lời.

[652] Sau đó, đại đức Revata đã hỏi đại đức Sabbakāmi điều này:

- Thưa ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?
- Nay sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng ấy là như thế nào?
- Thưa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng (nghĩ rằng): “*Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp (thức ăn) thiếu muối,*” có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?
- Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga* (*Bộ Phân Tích Giới Bản*).
- (Làm việc ấy) phạm tội gì?
- Phạm tội *pācittiya* (ung đối trị) về vật thực đã được tích trữ.<sup>60</sup>
- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhất này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ nhất này.

[653] - Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

- Nay sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là như thế nào?
- Thưa ngài, là ăn vật thực sai giờ khi bóng nắng mặt trời (chiếu ở trên đất) đã dài hai ngón tay, có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?
- Ở thành Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.
- (Làm việc ấy) phạm tội gì?
- Phạm tội *pācittiya* (ung đối trị) về vật thực sai giờ.<sup>61</sup>
- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ hai này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ hai này.

[654] - Thưa ngài, quy định trong làng là được phép?

- Nay sư đệ, quy định trong làng ấy là như thế nào?

- Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã được thỏa mãn (nghĩ rằng): “*Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng*” rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa, có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?

- Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội *pācittiya* (ung đối trị) về vật thực không phải là còn thừa.<sup>62</sup>

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ ba này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ ba này.

[655] - Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?

- Nay sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là như thế nào?

- Thưa ngài là nhiều trú xứ có chung ranh giới (*sīmā*) thực hiện lễ *Uposatha* riêng biệt, có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?

- Ở Rājagaha, trong chương về *Uposatha*.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội *dukkata* (tác ác) về việc vi phạm Luật.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ tư này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ tư này.

[656] - Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?

- Nay sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là như thế nào?

- Thưa ngài là thực thi hành sự với hội chúng không đủ số lượng (nghĩ rằng): “*Chúng ta sẽ thuyết phục các tỳ khuru đi đến,*” có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?

- Ở trong câu chuyện về Luật của các vị ở Campā.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội *dukkata* (tác ác) về việc vi phạm Luật.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ năm này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ năm này.

[657] - Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?

- Nay sư đệ, quy định theo tập quán ấy là như thế nào?

- Thưa ngài là (vị nghĩ rằng): “*Điều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta*” rồi thực hành theo, có được phép không?

- Nay sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ sáu này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ sáu này.

[658] - Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?

- Nay sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là như thế nào?

- Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã được thỏa mãn, lại uống loại sữa ấy không phải còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?

- Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội *pācittiya* (ung đối trị) về vật thực không phải là còn thừa.<sup>63</sup>

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ bảy này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ bảy này.

[659] - Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?

- Nay sư đệ, quy định uống nước trái cây lên men ấy là như thế nào?

- Thưa ngài, là uống loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh.

- Nay sư đệ, không có được phép.

- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?

- Ở Kosambī, trong *Suttavibhaṅga*.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội *pācittiya* (ung đối trị) về việc uống rượu và chất say.<sup>64</sup>

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ tám này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ tám này.

[660] - Thưa ngài, quy định tọa cụ không có viền quanh là được phép?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?

- Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội *pācittiya* (ung đối trị) về vật cần được cắt bỏ.<sup>65</sup>

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ chín này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ chín này.

[661] - Thưa ngài, vàng bạc là được phép?

- Đây sư đệ, không có được phép.

- (Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?

- Ở Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội *pācittiya* (ung đối trị) về việc thọ lãnh vàng bạc.<sup>66</sup>

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ mười này đã được hội chúng xác định. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ mười này.

[662] Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, mười vấn đề này đã được hội chúng xác định. Như thế, mười sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư.

[663] - Đây sư đệ, sự tranh tụng này đã được kết thúc, đã được yên lặng, đã được ổn thỏa, đã khéo được ổn thỏa. Đây sư đệ, tuy nhiên sư đệ nên hỏi ta về mười sự việc này ở ngay giữa hội chúng để các tỳ khưu ấy cùng nhau hiểu rõ.

Sau đó, đại đức Revata đã hỏi đại đức Sabbakāmi về mười sự việc ấy ở ngay giữa hội chúng. Mỗi khi được hỏi, đại đức Sabbakāmi đã trả lời.

Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện bảy trăm vị tỳ khưu không thiếu và không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là “*Liên quan bảy trăm vị.*”

**Chương Liên Quan Bảy Trăm Vị là chương thứ mười hai.**

**Trong chương này có hai mươi lăm sự việc.**

\*\*\*\*\*

**Tóm lược chương này:**

[664]

*Mười sự việc, làm đây,*

*hành sự, cùng sứ giả,*

*đi vào, bốn điều nữa,*

*và vàng, Kosambī*

*và vị ở Pāvā,*

*đường đi Soreyya,*

*khu vực Saṅkassa,*

*vùng Kaṇṇakujja,*

*vùng Udumbara,*

*và Sahajāti,*

*rồi yêu cầu, đã nghe,*

*“Chúng ta nên làm gì?”*

*Thuyền ngược giòng, bình bát,*

*vị ở xa thanh vắng,*

đem cho, vị thầy dạy,  
hội chúng, *Vesālī*,  
tâm bác ái, hội chúng,  
các vị làm đại biểu.

### Tiểu Phẩm được đầy đủ.

---o0o---

*Chân thành cảm ơn Tỳ khưu Indacanda Nguyệt-Thiên đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 06-2005)*

---o0o---  
Hết

---

<sup>1</sup> Hai vị này là các vị đứng đầu trong nhóm Lục Sư. Thứ tự được ngài Buddhaghosa trình bày là hai vị Paṇḍuka và Lohitaka ở thành Sāvatti, hai vị Mettiya và Bhummajaka ở thành Rājagaha, hai vị Assaji và Punabbasuka ở vùng Kīṭāgiri.

<sup>2</sup> Chú giải giải thích: “Được thực hiện không có đủ sự hiện diện của hội chúng, của Pháp, của Luật, và vị bị khiển trách.” Xem phần giải thích ở chương IV, [672].

<sup>3</sup> Là tội *pārājika* (bất cộng trụ) hoặc *saṅghādisesa* (tăng tàng).

<sup>4</sup> *Adhisīla* (tăng thượng giới) gồm bốn tội *pārājika* và mười ba tội *saṅghādisesa*, *ajjhācāra* (tăng thượng hạnh) là tội thuộc năm nhóm tội còn lại của giới bốn *Pātimokkha*, *atiditṭhi* là không theo chánh kiến và chấp thủ tà kiến (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

<sup>5</sup> *Parivāsa* đã được các vị tiền bối dịch là: phép sống riêng, biệt trú, v.v... Theo thiện ý, chúng tôi muốn giữ nguyên vì đây là từ có tính cách chuyên môn, khó tìm được từ tương đương. Hơn nữa, nhớ được các từ chuyên môn này sẽ có ích lợi khi giao tiếp với các vị học giả học Phật người nước ngoài.

<sup>6</sup> Từ *mānatta* đã được dịch là: phép hoan hỷ, hoặc tự hối, v.v...

<sup>7</sup> Khi đề cập đến việc làm cho thoát tội *saṅghādisesa*, ba từ chuyên môn cần ghi nhớ: *parivāsa*, *mānatta*, *abbhāna* (đã được dịch là giải tội, hoặc phục vị, v.v... Chúng tôi tạm sử dụng từ giải tội để ghi nhận sự kết thúc việc làm cho thoát tội).



---

<sup>8</sup> Hai vị này là các vị đứng đầu trong nhóm Lục Sư. Xem thêm cước chú 1 ở trên.

<sup>9</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích là theo thứ tự thâm niên so với các tỳ khưu trong sạch.

<sup>10</sup> Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân hoặc là hội chúng hợp nhất ban án treo vị ấy trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác (*Đại Phẩm – Mahāvagga*, chương X, [240])

<sup>11</sup> Lời giải thích trong ngoặc đơn dựa vào Chú Giải *Samantapāsādikā* của ngài Buddhaghosa.

<sup>12</sup> Bản dịch Anh ngữ của Rhydavis và Oldenberg chú thích rằng: Buddhaghosa giải thích số lượng đêm thực hành *suddhantaparivāsa* nên tính từ lúc tu lên bậc trên đến ngày hôm ấy. Cách thức đang được áp dụng là xác định thời gian được trong sạch sau ngày tu lên bậc trên rồi thực hành *suddhantaparivāsa* cho thời gian còn lại. Lời giải thích này phù hợp với ý nghĩa của từ *suddhanta* = *suddha* + *anta* = thời điểm cuối khi được trong sạch

<sup>13</sup> Các tội *saṅghādisesa* 1, 5, 12, 13 là *vavatthitā*. Các nhóm tội (2, 3, 4), (6, 7, 8), (9, 10, 11) là *sambhinnā.Sabhāgā* và *visabhāgā* cũng tương tự tùy theo phương pháp phân loại.

<sup>14</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích rằng sau tội *saṅghādisesa* là nhóm các tội nhẹ (*lahukāpatti*).

<sup>15</sup> Hai vị này là các vị đứng đầu trong nhóm Lục Sư. Thứ tự được ngài Buddhaghosa trình bày là hai vị Paṇḍuka và Lohitaka ở thành Sāvatti, hai vị Mettiya và Bhummajaka ở thành Rājagaha, hai vị Assaji và Punabbasuka ở vùng núi Kīṭā.

<sup>16</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ này nên cho đến chính vị có các lậu hoặc đã được đoạn diệt, không cho đến vị khác ngay cả vị Bất Lai (*antamaso anāgāminopi*).

<sup>17</sup> *Na gatigataṃ hoti*: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng sự tranh tụng ấy chưa được đưa đến hai ba trú xứ, chưa được phán xét tại nơi ấy hoặc tại chính nơi kia.

<sup>18</sup> Trường hợp tỳ khưu phạm tội *pārājika* và *saṅghādisesa* (tức là bất cộng trú và tăng tàng).

<sup>19</sup> Năm nhóm tội là: *pārājika*, *saṅghādisesa*, *nissaggiyapācittiya*, *pācittiya*, và *dukkata* (tức là bất cộng trú, tăng tàng, ung xả đối trị, ung đối trị, và tác ác).

<sup>20</sup> Thêm vào *thullaccaya* và *dubbhāsita* là bảy (tức là trọng tội và ác khẩu)..

---

<sup>21</sup> Hành sự công bố hành xử năm trường hợp: Sự phục hồi, sự đuổi đi, hành sự cạo tóc (bhaṇḍukamma), hành phật *Brahma* (Phạm Đàn), và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm (xem *Tập Yếu - Parivāra*, chương XIX, [1354]).

<sup>22</sup> Sáu vị đứng đầu sáu nhóm ngoại đạo thời đó.

<sup>23</sup> Tức là chân bình bát dạng vòng tròn.

<sup>24</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích loại vòng đế bình thường chính là loại vòng đế có răng cá kiếm đã được cắt.

<sup>25</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Vương tử Bodhi đã trải ra tấm thảm bằng vải với ước nguyện rằng: “*Nếu ta sẽ có được đứa con trai thì đức Thế Tôn sẽ bước lên tấm thảm trải bằng vải của ta.*” Và vì vị ấy không thể có con trai nên đức Thế Tôn đã không bước lên. Nếu đức Thế Tôn bước lên, sau này vị vương tử không có con trai có thể sanh tà kiến rằng: “*Vị này không phải là Toàn Giác;*” đó là nguyên nhân trong việc đức Thế Tôn không bước lên tấm thảm trải bằng vải. Ngay cả các vị tỳ khuru trong khi không biết rồi bước lên có thể bị hàng tại gia chê bai, do đó đức Thế Tôn đã quy định điều học về việc này để tránh cho các vị tỳ khuru bị chê bai. Đây là nguyên nhân của việc quy định điều học.

<sup>26</sup> Liên quan đến tội *pācittiya* (ưng đôi trị) 37

<sup>27</sup> Ở phần giới của tỳ khuru ni, ngài Buddhaghosa giải thích *sambādhō* là hai nách và hạ bộ.

<sup>28</sup> Met, t, hakokutṭha được thấy ở Tam Tạng của Thái Lan, còn ở Tam Tạng của Miến Điện và Tích Lan là Yameḷu và Tekula

<sup>29</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “*Ở đây ‘saka nirutti’ nghĩa là sự giảng giải được nói ra bởi đấng Chánh Đẳng Giác tức là sự phát biểu bằng ngôn ngữ của xứ Magadha.*” Các nhà học giả trong thời hiện tại đã nêu ra tranh luận về vấn đề này biện luận rằng từ *sakāya* còn có liên quan đến từ *saka* (bản thân) ám chỉ ngôn ngữ địa phương của mỗi cá nhân, thay vì *Sakya* (dòng dõi Thích Ca) ý nói đến ngôn ngữ cổ thời bấy giờ theo như lời giải thích của ngài Buddhaghosa

<sup>30</sup> Theo chú giải của Kinh Trường Bộ, *senāsana* được phân làm bốn loại: loại thứ nhất *vihārasenāsana* gồm có năm loại chỗ trú ngụ (trong bản dịch sẽ dùng từ “*chỗ trú ngụ*” cho loại này, xem ở đoạn [200]); loại thứ nhì *mañcapīṭhasenāsana* là giường, ghế, nệm, gô (trong bản dịch sẽ giữ nguyên từ “*sàng tọa*” cho loại này); loại thứ ba *santhatasenāsana* là các loại thảm; loại thứ tư *okāsasenāsana* được giải thích là nơi mà vị tỳ khuru sẽ trở lại.

<sup>31</sup> *Āgatānāgata* = *āgata* + *anāgata*: đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai

---

<sup>32</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích vữa hồ được làm bằng đất sét trộn với tro và phân bò.

<sup>33</sup> *Dukkham, samudayam, nirodham, maggam* tức là Khổ, Nguyên nhân sanh khởi, Niết Bàn, Đạo Lộ.

<sup>34</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “*Nghe nói vị trưởng lão trong khi quan tâm các vị bị bệnh, trong giúp đỡ các vị già cả yếu đuối nên đi đến sau tất cả.*”

<sup>35</sup> Liên quan đến tội *pācittiya* (ung đối trị) 17.

<sup>36</sup> Tương đương ngày 16 tháng sáu âm lịch, tức là ngày đầu tiên của thời kỳ an cư mùa mưa đợt đầu.

<sup>37</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Bhaddiya vì thương mến bạn muốn nói rằng: “*Tôi với bạn sẽ xuất gia, bạn cứ việc xuất gia một cách thoải mái*” nhưng vì lòng ham muốn làm vua ngăn cản trái tim lại nên không thể nói hết câu được.

<sup>38</sup> Dịch sát nghĩa là “*cho trái, kết trái.*”

<sup>39</sup> Điều *pācittiya* (ung đối trị) 32.

<sup>40</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích là *āyukappam* nghĩa là khoảng thời gian của cuộc sống (*āyu*).

<sup>41</sup> Là lỗ rún và hai đầu gối Xin xem điều học *sekhiya* (ung học pháp) thứ nhất.

<sup>42</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “*Dầu là người nữ hay người nam, không nên nhìn vào mặt lúc họ đang bố thí vật thực.*”

<sup>43</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “*Nên trao bình bát của mình cho vị thầy và nhận lấy bình bát của vị ấy.*”

<sup>44</sup> Theo lời giải thích của ngài Mahāsamaṇa Chao, nếu gấp đôi y lại sẽ có đường gấp ở chính giữa, phần giữa này sẽ ở phần sau lưng khi trùm y vào và là phần thường bị hư hỏng trước nhất do sự cọ xát. Cách gấp y như vậy để hạn chế điều ấy (*Vinayamukha* 2, trang 75).

<sup>45</sup> Tức là nữ cư sĩ Visākhā.

<sup>46</sup> Là việc tiến hành lễ *Pavāraṇā* (Tự Tứ) sau khi an cư mùa mưa (Chú thích của người dịch).

<sup>47</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Nói đến 1000 năm là đề cập đến sự diệt tận các lậu hoặc với sự thành đạt về bốn Tuệ Phân Tích. Từ đó về sau là 1000 năm của sự diệt tận các lậu hoặc do thuần túy Minh Sát, 1000 năm của đạo quả Bất Lai, 1000 năm của đạo quả Nhất Lai, 1000 năm của đạo quả Nhập Lưu. Như vậy, Pháp Thành sẽ tồn tại 5000 năm

<sup>48</sup> Liên quan đến tám Trọng Pháp và tội *pācittiya* (ung đối trị) 58 của tỳ khuru ni.

---

<sup>49</sup> Không tìm thấy lời giải thích của ngài Buddhaghosa về hai màu nhuộm này và cũng không tìm thấy nghĩa dịch ở từ điển. Dịch giả I. B. Horner dịch là *brownish-yellow* (vàng nâu) và *reddish-yellow* (vàng cam). Chúng tôi tạm phỏng dịch theo từ và mạch văn.

<sup>50</sup> Tỳ khuru ni không được ngụ ở rừng nên không có điều nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây, trong khi tỳ khuru có bốn điều.

<sup>51</sup> Là tám điều *pārājika* (bất cộng trụ), trong khi tỳ khuru chỉ có bốn điều.

<sup>52</sup> Phần này và phần kế tiếp liên quan đến tám Trọng Pháp và tội *pācittiya* (ung đối trị) 57 của tỳ khuru ni.

<sup>53</sup> Liên quan đến tội *pācittiya* (ung đối trị) 85 của tỳ khuru ni.

<sup>54</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích là cho đến khi đứa bé có thể nhai, ăn, tắm, trang phục đúng cách

<sup>55</sup> Ngài Buddhaghosa giải thích rằng ngay cả việc xuất gia (làm sa di ni) cũng không được.

<sup>56</sup> *Dakkhiṇāgiri* nghĩa là “ngọn núi ở phía nam” là tên của ngọn núi ở phía nam thành Rājagaha.

<sup>57</sup> Hình phạt Phạm Thiên: *Brahmaḍaṇḍa* được âm là Phạm Đàn.

<sup>58</sup> Mười điều này được ghi lại theo ý nghĩa, được giải thích rõ hơn ở phần dưới.

<sup>59</sup> Tam Tạng Thái Lan ghi là 80 vị, còn Tam Tạng Miến Điện và Tích Lan ghi là 88.

<sup>60</sup> Điều *pācittiya* (ung đối trị) 38.

<sup>61</sup> Điều *pācittiya* (ung đối trị) 37.

<sup>62</sup> Điều *pācittiya* (ung đối trị) 35.

<sup>63</sup> Điều *pācittiya* (ung đối trị) 35.

<sup>64</sup> Điều *pācittiya* (ung đối trị) 51.

<sup>65</sup> Điều *pācittiya* (ung đối trị) 89.

<sup>66</sup> Điều *nissaggiya pācittiya* (ung xả đối trị) 18.